

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

TRẦN THỊ THU HẰNG

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH BƠI VỮ TRANG
CHO SINH VIÊN HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

BẮC NINH - 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

TRẦN THỊ THU HẰNG

**NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH BƠI VỮ TRANG
CHO SINH VIÊN HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN**

Ngành : Giáo dục học

Mã số : 9140101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS. NGUYỄN KIM XUÂN

2. PGS.TS. ĐỒNG VĂN TRIỆU

BẮC NINH - 2020

LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.
Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong luận án là trung thực và
chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào.*

Tác giả luận án

Trần Thị Thu Hằng

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANQG	:	An ninh quốc gia
ANTT	:	An ninh trật tự
ANCT	:	An ninh chính trị
BGD-ĐT	:	Bộ Giáo dục & Đào tạo
CNH-HĐH	:	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CĐR	:	Chuẩn đầu ra
CSND	:	Cảnh sát nhân dân
CSVТ	:	Cảnh sát vũ trang
CSVC	:	Cơ sở vật chất
CT	:	Chương trình
CTĐT	:	Chương trình đào tạo
GD&ĐT	:	Giáo dục và đào tạo
GDTC	:	Giáo dục thể chất
GS	:	Giáo sư
GV	:	Giảng viên
HV	:	Sinh viên
m _i	:	Tần suất lặp lại
PCTP	:	Phòng chống tội phạm
QĐ	:	Quyết định
QSVT - TĐTT	:	Quân sự võ thuật - Thể dục thể thao
TĐTT	:	Thể dục thể thao
TS	:	Tiến sĩ
TTATXH	:	Trật tự an toàn xã hội
VĐV	:	Vận động viên

DANH MỤC CÁC ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG

Bit/s	: bít/giây
cm	: Centimet
l	: lần
ph	: phút
m	: mét
ms	: miligiây

MỤC LỤC

Lời cam đoan

Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt

Danh mục các đơn vị đo lường

Mục lục

Danh mục các bảng, biểu đồ

PHẦN MỞ ĐẦU	1
Mục đích nghiên cứu	5
Nhiệm vụ nghiên cứu	5
Đối tượng nghiên cứu	6
Phạm vi nghiên cứu	6
Giả thuyết khoa học	8
Ý nghĩa khoa học của luận án	8
Ý nghĩa thực tiễn của luận án	9
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	10
1.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ công an về công tác đào tạo huấn luyện chiến sĩ công an nhân dân	10
1.1.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về công tác giáo dục đào tạo	10
1.1.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ công an về công tác đào tạo huấn luyện chiến sĩ công an nhân dân	11
1.1.3. Mục tiêu xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ công an	14
1.2. Chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	15
1.2.1. Khái niệm về chuẩn đầu ra	15
1.2.2. Vai trò, ý nghĩa của chuẩn đầu ra	16
1.2.3. Nội dung chuẩn đầu ra	18
1.2.4. Quy định nội dung chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân	20
1.2.5. Công tác tổ chức đào tạo các nội dung quy định chuẩn đầu ra tại Học viện Cảnh sát nhân dân	24
1.3. Khái niệm, đặc điểm, vai trò bơi vũ trang	26
1.3.1. Khái niệm về bơi vũ trang	26
1.3.2. Đặc điểm của bơi vũ trang trong lực lượng vũ trang nhân dân	29
1.3.3. Vai trò của bơi vũ trang trong lực lượng vũ trang nhân dân	30
1.4. Một số vấn đề cơ bản về xây dựng chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên Trường Học viện cảnh sát nhân dân	33
1.4.1. Một số vấn đề cơ bản về xây dựng chương trình môn học	33
1.4.2. Mục tiêu yêu cầu xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân	37
1.5. Thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước hiện nay	40
1.5.1. Công tác phòng chống tội phạm hoạt động trên môi trường sông nước hiện nay ..	40

1.5.2. Công tác ứng phó thiên tai lũ lụt sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn của lực lượng vũ trang nhân dân	43
1.6. Lịch sử các công trình nghiên cứu có liên quan	45
1.6.1. Các công trình nghiên cứu nước ngoài	45
1.6.2. Các công trình nghiên cứu trong nước	48
Kết luận chương 1	53
CHƯƠNG 2 PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU	55
2.1. Phương pháp nghiên cứu	55
2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu	55
2.1.2. Phương pháp phỏng vấn	56
2.1.3. Phương pháp chuyên gia	57
2.1.4. Phương pháp quan sát sự phạm	58
2.1.5. Phương pháp kiểm tra sự phạm	58
2.1.6. Phương pháp thực nghiệm sự phạm	62
2.1.7. Phương pháp toán học thống kê	63
2.2. Tổ chức nghiên cứu	65
2.2.1. Địa điểm nghiên cứu	65
2.2.2. Kế hoạch và thời gian nghiên cứu	65
CHƯƠNG 3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN	67
3.1. Đánh giá thực trạng các điều kiện thực hiện chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	67
3.1.1. Đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất đảm bảo cho giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	69
3.1.2. Thực trạng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	71
3.1.3. Đánh giá thực trạng môn học tiên quyết cho chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	73
3.1.4. Đánh giá thực trạng môn bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân	77
3.1.5. Bàn luận các điều kiện thực hiện chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	87
3.2. Xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội	93
3.2.1. Các nguyên tắc khi thiết kế, xây dựng chương trình môn Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân	94
3.2.2. Cơ sở xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân đáp ứng nhu cầu xã hội	97
3.2.3. Khảo sát công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang trong các Trường đào tạo Công an nhân dân	105
3.2.4. Khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, cán bộ quản lý về nhu cầu cần trang bị các kỹ năng bơi vũ trang và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	108
3.2.5. Tổ chức xây dựng nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân	113
3.2.6. Bàn luận xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân	121
3.3. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân	129

3.3.1. Tổ chức thực nghiệm chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân.....	129
3.3.2. Đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân.....	130
3.3.3. Đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân	136
3.3.4. Bàn luận về hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân	142
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	146
A. Kết luận.....	146
B. Kiến nghị.....	148
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ

Thể loại	Số TT	Nội dung	Trang
Bảng	3.1	Kết quả phỏng vấn lựa chọn các điều kiện thực hiện chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	68
	3.2	Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy môn bồi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	69
	3.3	Thực trạng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn bồi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.71
	3.4	Khung phân phối chương trình chi tiết môn bồi cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	73
	3.5	Tiêu chí kiểm tra học phần môn bồi ếch cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	75
	3.6	Khung phân phối chương trình môn bồi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân	78
	3.7	Tiêu chí kiểm tra đánh giá môn bồi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân	81
	3.8	Kết quả học tập môn bồi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân	82
	3.9	Kết quả phỏng vấn lựa chọn các tiêu chí đánh giá chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.84
	3.10	Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ giảng viên về chương trình bồi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.85
	3.11	Kết quả phỏng vấn lựa chọn các tiêu chí cần tuân thủ để xây dựng chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.103
	3.12	Kết quả phỏng vấn xác định độ đồng nhất của các tiêu chí cần tuân thủ để xây dựng chương trình bồi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	104
	3.13	Khảo sát thực trạng công tác xây dựng chương trình bồi vũ trang tại các cơ sở đào tạo chiến sĩ công an nhân dân	sau tr.105
	3.14	Tổng hợp ý kiến của sinh viên và cựu sinh viên về nhu cầu cần trang bị các kỹ năng bồi vũ trang và nội dung chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân	109

Thể loại	Số TT	Nội dung	Trang
	3.15	Tổng hợp ý kiến của cán bộ quản lý về nhu cầu cần trang bị các kỹ năng bơi vũ trang và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	111
	3.16	Kết quả phỏng vấn lựa chọn nội dung giảng dạy bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	114
	3.17	Kết quả phỏng vấn về phân phối thời lượng cho nội dung chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	115
	3.18	Kết quả phỏng vấn lựa chọn thang điểm kiểm tra điều kiện môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.116
	3.19	Kết quả phỏng vấn lựa chọn thang điểm thi kết thúc môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.116
	3.20	Khung phân phối chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	118
	3.21	Kết quả khảo sát tính khả thi về cấu trúc, nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.119
	3.22	Danh sách hội đồng nghiệm thu chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	120
	3.23	So sánh chương trình bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang với chương trình Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra dành cho tất cả sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.126
	3.24	So sánh trình độ thể lực của đối tượng thực nghiệm trước và sau thực nghiệm (n=131)	131
	3.25	Tiêu chuẩn rèn luyện thể lực đối với nam	132
	3.26	Tiêu chuẩn rèn luyện thể lực đối với nữ	132
	3.27	So sánh tỷ lệ đạt tiêu chuẩn thể lực chiến sĩ công an khỏe của đối tượng thực nghiệm trước và sau thực nghiệm	sau tr.132
	3.28	Bảng quy đổi điểm đánh giá theo thang điểm 10	135
	3.29	Kết quả đánh giá quá trình học tập môn bơi vũ trang của đối tượng nghiên cứu sau thực nghiệm	135
	3.30	Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ giảng viên về chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.136
	3.31	Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.139

Thể loại	Số TT	Nội dung	Trang
Biểu đồ	3.1	Thực trạng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	72
	3.2	Kết quả học tập học phần môn bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân	83
	3.3	Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ giảng viên về chương trình bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.85
	3.4	So sánh tỷ lệ đạt tiêu chuẩn thể lực chiến sĩ công an khỏe của Nam sinh viên trước và sau thực nghiệm	133
	3.5	So sánh tỷ lệ đạt tiêu chuẩn thể lực chiến sĩ công an khỏe của Nữ sinh viên trước và sau thực nghiệm	133
	3.6	Kết quả đánh giá quá trình học tập môn bơi vũ trang của đối tượng nghiên cứu sau thực nghiệm	135
	3.7	Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ giảng viên về chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.136
	3.8	Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	sau tr.139

PHẦN MỞ ĐẦU

Sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới sẽ tạo ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với sự nghiệp phát triển giáo dục, đào tạo của nước ta. Bối cảnh mới tạo cơ hội để giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) nước ta tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển GD&ĐT; tạo điều kiện để đổi mới căn bản, toàn diện nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đổi mới quản lý giáo dục, đào tạo, tiến tới một nền GD&ĐT tiên tiến, hiện đại đáp ứng nhu cầu của xã hội và từng cá nhân người học. Điều này đòi hỏi phải có định hướng phát triển, có tầm nhìn chiến lược, ổn định lâu dài cùng những phương pháp, hình thức, tổ chức, quản lý GD&ĐT cho phù hợp.

Học viện cảnh sát nhân dân (CSND) là cơ sở đào tạo đầu ngành của Bộ Công an, là một trong hai nhà trường được thành lập đầu tiên của lực lượng Công an nhân dân (CAND). Với bề dày lịch sử 52 năm xây dựng và trưởng thành, Học viện được Bộ công an xác định là trung tâm nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng của lực lượng CAND, giữ vai trò nòng cốt cho sự phát triển của các trường CAND. Được sự quan tâm của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ công an và các cơ quan chức năng của Bộ công an, Nhà trường đã xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có chất lượng với 05 Giáo sư, 38 Phó Giáo sư, 180 Tiến sĩ, 436 Thạc sĩ; về chức danh giảng dạy có 162 Giảng viên chính, 187 Giảng viên. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của Học viện được đánh giá là tốt nhất trong các Trường CAND. Trước xu thế phát triển xã hội cùng cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, tình hình tội phạm trong nước diễn biến hết sức phức tạp với nhiều phương thức, thủ đoạn mới, nhiều loại tội phạm mới như: Tội phạm phi truyền thống, tội phạm sử dụng công nghệ cao đã đặt ra yêu cầu cấp thiết trong công tác nghiên cứu lý luận, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ đủ sức chiến đấu, đáp ứng tình hình thực tế. Do đó, xây dựng phát triển Học viện CSND trở thành cơ sở giáo

dục đại học trọng điểm, đạt chuẩn quốc gia. Học viện luôn chú trọng công tác đổi mới phương pháp giáo dục, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương số 29/NQ-TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 17-NQ/ĐUCA, ngày 28-10-2014 của Đảng ủy Công an Trung ương và Chỉ thị số 13/CT-BCA, ngày 28-10-2014 của Bộ Công an về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân; ngoài ra, hằng năm đều ban hành chỉ thị về nhiệm vụ công tác trọng tâm năm học trong CAND. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn công tác để đổi mới nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp, phát huy tối đa năng lực của người học [10],[15],[16],[49].

Đào tạo phải gắn liền với nhu cầu và yêu cầu xã hội là một trong những đòi hỏi quan trọng để tận dụng tối đa nguồn tri thức nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được với sự phát triển của xã hội. Để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của lực lượng công an nhân dân phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, đòi hỏi các cơ sở đào tạo của lực lượng Công an nhân dân không ngừng đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình cũng như phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng đào tạo. Để đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo, trước khi tốt nghiệp ra trường sinh viên hệ đại học chính quy phải đạt được khối lượng chương trình từ 135 đến 140 tín chỉ tương ứng với khoảng 55 đơn vị học phần, ngoài ra sinh viên phải đạt được các tiêu chí về chuẩn đầu ra theo Quyết định số 2477/QĐ-T32-QLĐT ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Học viện CSND về việc Ban hành danh mục chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện CSND đó là: chuyên môn nghiệp vụ, chính trị, kỹ năng mềm (chuẩn về sỹ quan chỉ huy bao gồm các kỹ năng thực hành chỉ huy điều lệnh, kỹ năng về lãnh đạo, kỹ năng về tham mưu; chuẩn về kỹ năng bắn súng; chuẩn kỹ năng võ thuật đó là đạt chứng chỉ võ thuật Công an nhân dân chương trình nâng cao; chuẩn bơi vũ trang; chuẩn về lái xe có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 và giấy phép lái xe ô tô hạng B1 hoặc B2; chuẩn về tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng

cao; chuẩn về ngoại ngữ đó là đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ bậc 03 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 06 của Việt Nam học tương đương). Như vậy chương trình bơi vũ trang là tiêu chí chuẩn đầu ra bắt buộc sinh viên phải học tập trước khi ra trường [45].

Hiện nay, thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm (PCTP) trên môi trường sông nước đòi hỏi các chiến sĩ công an nhân dân luôn sẵn sàng chiến đấu ngoài các kỹ năng nghiệp vụ thì các chiến sĩ cần được trang bị những kỹ năng bơi bao gói quân tư trang vũ khí, bơi ứng dụng, kỹ năng cứu đuối, phục vụ cho thực tiễn công tác trong đấu tranh phòng chống tội phạm, cũng như phục vụ đặc lực cho nhân dân trong phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ.

Trên thực tế trong quá trình giảng dạy huấn luyện chương trình bơi cho sinh viên Học viện CSND có điểm mạnh và điểm yếu sau: Về điểm mạnh chương trình môn bơi (trong chương trình Giáo dục thể chất) được dành cho tất cả các chuyên ngành đại học hệ chính quy của Học viện CSND với tổng số là 60 tiết, khi kết thúc học phần bơi sinh viên được trang bị kỹ năng bơi ếch cơ bản. Về điểm yếu thì hầu hết sinh viên trong Học viện CSND chưa được trang bị những kỹ năng bơi thực dụng, bơi bao gói quân tư trang vũ khí, kỹ năng bơi thực dụng, kỹ năng cứu đuối, kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo phục vụ thực tiễn công tác trong đấu tranh phòng chống tội phạm, cũng như phục vụ giúp đỡ cho nhân dân trong phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ. Thực tiễn trong truy bắt tội phạm trên môi trường sông nước đã xảy ra những hậu quả rất nghiêm trọng có những chiến sĩ đã hy sinh do kỹ năng bơi lội, kỹ năng bơi ứng dụng và xử lý các tình huống dưới nước yếu kém.

Nhận thức được tầm quan trọng trong đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước trong thực tiễn là cần thiết, Đảng ủy và Ban giám đốc Học viện CSND đã ban hành danh mục những chương trình quy định chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện CSND, theo Quyết định đưa chương trình môn Bơi vũ trang (được hiểu là chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra) giảng dạy cho tất cả sinh viên hệ đại học chính quy nhằm trang bị những kỹ năng bơi, bơi mang vác, bơi tiếp cận mục tiêu, bơi ứng dụng,

kỹ năng cứu đuối, kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo phục vụ cho thực tiễn công tác trong đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới, cũng như phục vụ cho nhân dân trong phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ. Về mặt nghiên cứu khoa học chưa có công trình nghiên cứu nào sâu sắc toàn diện về vấn đề này. Việc nghiên cứu xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho toàn bộ sinh viên hệ đại học chính quy của Học viện CSND phù hợp với điều kiện thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, trong tình hình mới là việc làm cần thiết, mang tính thời sự [45].

Vấn đề nghiên cứu về đổi mới, xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, chương trình môn học luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban giám đốc, đã có một số công trình nghiên cứu đi đầu trong việc đổi mới nội dung huấn luyện võ thuật như Tác giả Đặng Xuân Khang và nhóm nghiên cứu (2017), đề tài khoa học cấp Bộ “Đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện võ thuật trong các Trường công an nhân dân” đã đưa vào huấn luyện một số nội dung võ thuật mới có tính ứng dụng thực tế cao, đáp ứng được yêu cầu công tác đấu tranh PCTP; Tác giả Lê Văn Long (2009), đề tài khoa học cấp cơ sở “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác Giáo dục thể chất cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân”; Tác giả Hà Mười Anh (2015), đề tài khoa học cấp cơ sở “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác huấn luyện bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành cảnh sát vũ trang Sinh viên cảnh sát nhân dân”, ngoài ra trong các Trường đại học và Cao đẳng đã có một số tác giả quan tâm nghiên cứu như: Tác giả Nguyễn Trọng Hải (2010), Luận án tiến sĩ “Xây dựng nội dung chương trình giáo dục thể chất cho học sinh các trường dạy nghề Việt Nam”; Tác giả Lê Trường Sơn Chân Hải (2012), Luận án tiến sĩ “Đổi mới chương trình giáo dục thể chất cho sinh viên các trường đại học sư phạm vùng trung bắc theo hướng bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức hoạt động thể dục thể thao trường học”; Tác giả Phạm Cao Cường (2018), Luận án tiến sĩ “Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp”; Tác giả Nguyễn Trường Giang (2019), Luận án tiến sĩ “Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông

cho sinh viên Đại học khối các trường kỹ thuật Thành phố Thái Nguyên”. Các công trình nghiên cứu trên của các tác giả đã đi sâu nghiên cứu những nội dung đổi mới trong chương trình giáo dục thể chất cho sinh viên... Còn đối với từng học phần cụ thể như xây dựng nội dung chương trình môn học thì hầu như chưa được các tác giả quan tâm, đặc biệt là xây dựng nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm và sẵn sàng chuẩn bị chiến đấu hiện cho lực lượng CAND trên cả nước hiện nay thì chưa có tác giả nào đề cập đến [1],[29],[33],[35],[36],[54],[59].

Xuất phát từ các lý do trên, cùng mới tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu. Với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện CSND tác giả lựa chọn đề tài: ***“Nghiên cứu xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân”***.

Mục đích nghiên cứu

Tiến hành xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới, phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ, bước đầu ứng dụng và đánh giá hiệu quả chương trình xây dựng. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ xây dựng được chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND đáp ứng nhu cầu xã hội, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại Học viện CSND.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Nhiệm vụ 1: Đánh giá thực trạng các điều kiện thực hiện chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân.

Nhiệm vụ 2: Xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Nhiệm vụ 3: Ứng dụng và đánh giá hiệu quả của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân.

Đối tượng nghiên cứu

Xây dựng chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân.

Phạm vi nghiên cứu

Đối tượng khảo sát:

Đội ngũ cán bộ giảng viên giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND.

Cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND.

Chương trình môn bơi Ếch (môn học tiên quyết) trong công tác GDTC cho sinh viên Học viện CSND.

Chương trình bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện CSND.

Công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang trong các Trường đào tạo Công an nhân dân.

Khảo sát sinh viên và cựu sinh viên, cán bộ quản lý về nhu cầu cần trang bị kỹ năng bơi vũ trang và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Phạm vi nghiên cứu:

Thực trạng các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Lý luận và thực tiễn về công tác xây dựng nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Xây dựng và ứng dụng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Đối tượng thực nghiệm: sinh viên khóa D41 Học viện CSND gồm 02 lớp với số lượng 131 sinh viên (Lớp quản lý trật tự an toàn xã hội trên đường thủy nội địa với tổng số 52 sinh viên nam; lớp Điều tra tội phạm về trật tự xã hội với tổng số 79 sinh viên trong đó có 11 sinh viên nữ và 68 sinh viên nam).

Đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Khách thể nghiên cứu của luận án gồm:

Đối tượng phỏng vấn:

Phỏng vấn: 36 cán bộ gồm 06 chuyên gia là cán bộ lãnh đạo Học viện CSND, 17 cán bộ quản lý các phòng, cấp khoa của Học viện và 13 cán bộ giảng viên trực tiếp giảng dạy tại khoa Cảnh sát vũ trang, Bộ môn Quân sự, Võ thuật và Thể dục thể thao, về những nội dung cần thiết để đánh giá thực trạng các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Khảo sát phỏng vấn: 62 cán bộ quản lý, giảng viên đang công tác tại các phòng đào tạo, khoa, tổ bộ môn của 03 cơ sở đào tạo Trường Trung cấp Cảnh sát vũ trang (T45), Học viện An ninh nhân dân (T31), Học viện Cảnh sát nhân dân (T32) về công tác xây dựng chương trình bồi vũ trang trong các Trường đào tạo Công an nhân dân.

Phỏng vấn: 192 sinh viên khóa D41 về nhu cầu cần trang bị kỹ năng bồi vũ trang và nội dung chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Phỏng vấn: 86 cựu sinh viên đang công tác tại các đơn vị cơ sở đơn vị chiến đấu về nhu cầu cần trang bị kỹ năng bồi vũ trang và nội dung chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Phỏng vấn: 32 cán bộ quản lý có kinh nghiệm tại các phòng, khoa, ban trong Học viện CSND và các cán bộ quản lý tại các phòng, các đơn vị chiến đấu cơ sở về nhu cầu cần trang bị kỹ năng bồi vũ trang và nội dung chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Phỏng vấn: 36 cán bộ gồm: 06 chuyên gia là cán bộ lãnh đạo Học viện CSND, cán bộ quản lý các phòng, ban, của Học viện và 30 cán bộ quản lý cấp khoa, giảng viên trực tiếp giảng dạy tại khoa Cảnh sát vũ trang, bộ môn Quân sự, Võ thuật và Thể dục thể thao về các tiêu chí đánh giá chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Phỏng vấn: 32 nhà quản lý, chuyên gia và giảng viên trong đó (12 người là các nhà quản lý, chuyên gia nghiên cứu về lĩnh vực GDTC và TDTT trường

học; về xây dựng chương trình môn học - 08 người và 12 Giảng viên giảng dạy Bơi và Bơi vũ trang) về lựa chọn các tiêu chí cần tuân thủ để xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Phỏng vấn: 15 cán bộ trong đó (03 chuyên gia về bơi vũ trang, 05 cán bộ quản lý đơn vị chiến đấu cơ sở, 07 giảng viên trực tiếp môn bơi và bơi vũ trang chuyên ngành) về nội dung chương trình bơi vũ trang, các tiêu chí kiểm tra đánh giá điều kiện và kết thúc học phần môn bơi vũ trang.

Khảo sát: 43 cán bộ trong đó (có 08 chuyên gia, 15 nhà quản lý và 20 giảng viên môn bơi và bơi vũ trang trong Học viện CSND và Đại học TĐTT Bắc Ninh) về khảo sát tính khả thi của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Giả thuyết khoa học

Xuất phát từ quan điểm và yêu cầu đổi mới giáo dục toàn diện của Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT, Bộ công an và Quyết định số 2477/QĐ-T32-QLĐT ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Học viện CSND về việc Ban hành danh mục quy định chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện CSND. Luận án cho rằng nếu xây dựng và ứng dụng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra một cách bài bản, nội dung chương trình phù hợp với thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước và sẵn sàng ứng phó trong công tác phòng chống thiên tai, lũ lụt, cứu nạn, cứu hộ, thì sẽ trang bị những kỹ năng cần thiết cho chiến sĩ công an nhân dân phục vụ cho nghiệp vụ nghề nghiệp tương lai, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện CSND trong bối cảnh hiện nay.

Ý nghĩa khoa học của luận án

Luận án đã hệ thống những cơ sở về lý luận và thực tiễn trong xây dựng chương trình môn học bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND. Kết quả nghiên cứu của đề tài, luận án sẽ góp phần phát triển hệ thống cơ sở lý luận về xây dựng nội dung đề cương chi tiết môn học trong hệ thống các môn học thực hành của chương trình đào tạo cho các ngành trong Học viện CSND.

Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học trong các Trường CAND.

Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Luận án đánh giá thực trạng các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND; Công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang trong các Trường đào tạo Công an nhân dân; Lựa chọn được 35 tiêu chí đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, trên cơ sở đó đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ quản lý và giảng viên về chương trình bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang Học viện CSND.

Từ kết quả phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội; luận án đã lựa chọn được 31 tiêu chí thuộc 07 tiêu chuẩn làm căn cứ xây dựng chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND. Trên cơ sở đó luận án tiến hành xây dựng được nội dung chương trình bơi vũ trang và tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Luận án tiến hành ứng dụng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND vào thực tiễn và đánh giá hiệu quả của chương trình trên các mặt: Trình độ thể lực chung của đối tượng thực nghiệm theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe; Kết quả kiểm tra kết thúc môn học theo tiêu chí chuẩn đầu ra và Đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND. Chương trình bơi vũ trang được ứng dụng đã bước đầu cho hiệu quả nhất định phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước trong tình hình mới và phòng chống thiên tai, lũ lụt, cứu nạn, cứu hộ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện CSND trong bối cảnh hiện nay.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ công an về công tác đào tạo huấn luyện chiến sĩ công an nhân dân

1.1.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về công tác giáo dục đào tạo

Đảng và Nhà nước ta luôn coi Giáo dục đào tạo là một vấn đề quan trọng trong đời sống xã hội của mỗi quốc gia, là biểu hiện trình độ phát triển của nước. Vì vậy, ngay từ khi mới giành được chính quyền, chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Đảng và Nhà nước ta xác định giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ quan trọng của cách mạng Việt Nam. Đại hội Đảng lần thứ VIII khẳng định một lần nữa vai trò quan trọng của khoa học công nghệ và GD&ĐT: Cùng với khoa học và công nghệ, GD&ĐT là quốc sách hàng đầu. Coi trọng cả 3 mặt của giáo dục: mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả để phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH. Đổi mới hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, tạo nguồn nhân lực có khả năng tiếp cận với công nghệ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới [5].

Đặc biệt là Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013, Hội nghị lần thứ VIII Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN) và hội nhập quốc tế với quan điểm chỉ đạo [10]. Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở GD&ĐT và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học. Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù

hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp. Phát triển GD&ĐT là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội [10].

Từ quan điểm chỉ đạo Đảng, Nhà nước về công tác phát triển GD&ĐT qua các kỳ Đại hội Đảng cho thấy GD&ĐT luôn coi trọng cả 3 mặt của giáo dục: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả để phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH; Đại hội Đảng IX tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục; thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá và đặc biệt quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước được nhấn mạnh tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế [10].

1.1.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ công an về công tác đào tạo huấn luyện chiến sĩ công an nhân dân

Trong mỗi giai đoạn cách mạng Đảng và Nhà nước đều có chủ trương nghị quyết chỉ đạo xây dựng lực lượng CAND phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, với đặc điểm công tác, chiến đấu của lực lượng CAND và tình hình, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của đất nước. Trong văn kiện Đại hội VIII, Đảng ta xác định rất rõ mục tiêu xây dựng lực lượng CAND với bốn nội dung cơ bản, xuyên suốt là: cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nghị quyết Đại hội 12 của Đảng tiếp tục khẳng định: Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vững mạnh là lực lượng nòng cốt của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại là lực lượng chính trị tuyệt đối trung

thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, có số lượng hợp lý, có sức chiến đấu cao. Trong tình hình mới hiện nay của đất nước kinh tế văn hóa đang trên đà phát triển, quan hệ, giao lưu, hợp tác quốc tế được tăng cường mở rộng, việc đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Đòi hỏi phải xây dựng lực lượng công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nguyện, từng bước hiện đại, thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân [5],[11].

Như vậy có thể thấy, Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm tới công tác xây dựng lực lượng CAND, trong đó nhấn mạnh việc xây dựng lực lượng CAND chính quy, tinh nhuệ. Hiện nay, trong tình hình mới của đất nước, kinh tế, văn hoá và xã hội đang trên đà phát triển, quan hệ, giao lưu, hợp tác quốc tế được tăng cường mở rộng, việc đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Đòi hỏi phải "Xây dựng lực lượng CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại", thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhằm làm tốt vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đó, đòi hỏi cán bộ, chiến sỹ công an phải không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt; giỏi pháp luật, nghiệp vụ, tinh thông võ thuật, kỹ chiến thuật quân sự, không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức theo 6 điều Bác Hồ dạy CAND. Trên cơ sở đó ngày 28/10/2014 Bộ trưởng Bộ Công an đã ra chỉ thị số 13/CT-BCA về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân. Trong đó, đã chỉ rõ một trong những công tác trọng tâm là: "Tập trung đổi mới nội dung, chương trình giáo dục theo hướng chuẩn hóa, chất lượng về nội dung... cải tiến phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực [16].

Nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh quốc phòng, đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới, Bộ Công an đã ra nhiều chỉ thị về tăng cường công tác huấn luyện quân sự, võ thuật, hoạt động vũ trang trong lực

lượng CAND. Trong đó, đã chỉ rõ: Các học viện, trường CAND... rà soát và nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện quân sự, võ thuật, hoạt động vũ trang phù hợp với yêu cầu đòi hỏi của cuộc đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ an ninh, trật tự, đưa nội dung huấn luyện điều lệnh, quân sự, võ thuật, hoạt động vũ trang vào chương trình chính khóa cho tất cả các sinh viên các hệ học, cấp học và thường xuyên tổ chức luyện tập nâng cao trình độ quân sự, võ thuật, hoạt động vũ trang cho sinh viên. Theo đó, cần trang bị cho cán bộ, chiến sỹ kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: để thuần thục các động tác kỹ thuật, chiến thuật của hoạt động vũ trang CAND; rèn luyện sức khỏe, ý chí, bản lĩnh, mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu... đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, đổi mới nội dung, chương trình huấn luyện quân sự, võ thuật, hoạt động vũ trang sát với tình hình thực tế, góp phần xây dựng lực lượng Công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Chiến sỹ công an nhân dân cần phải rèn luyện về thể lực thể chất, trang bị đầy đủ năng lực chiến đấu đáp ứng thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong Luật công an nhân dân số: 73/2014 do Quốc Hội ban hành ngày 27/11/2014 tại điều 30 quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ công an nhân dân đã nêu rõ, chiến sỹ công an nhân dân phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện phẩm chất cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và thể lực. Trên cơ sở quán triệt chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước, Bộ công an đã rất quan tâm chú trọng và ban hành được nhiều quy định liên quan đến việc rèn luyện, tăng cường sức chiến đấu cho các chiến sỹ công an nhân dân. Trong đó, Thông tư số: 24/2013/TT-BCA ngày 11/4/2013 của Bộ trưởng Bộ công an, quy định tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng công an nhân dân. Trong đó đã đưa ra các yêu cầu, quy định cụ thể về thể lực đối với từng đối tượng công an theo giới tính và lứa tuổi [14],[70].

Trong đó, yêu cầu đối với Nam, kiểm tra đủ 04 nội dung: chạy 100m; chạy 1500m; bật xa tại chỗ; nằm sấp chống đẩy hoặc co tay xà đơn được lựa

chọn một trong hai nội dung để kiểm tra. Đối với Nữ gồm 03 nội dung chạy 100m; chạy 800m; bật xa tại chỗ. Trong tất cả các nội dung kiểm tra trên đều phải đạt thì được công nhận chiến sĩ khỏe đảm bảo thể lực phục vụ công tác, nếu một nội dung không đạt có nghĩa là chiến sĩ đó chưa đạt thể lực theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe, cần phải rèn luyện thêm các nội dung chưa đạt.

1.1.3. Mục tiêu xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ công an

Mục tiêu xây dựng lực lượng công an nhân dân gắn liền với quá trình xây dựng và trưởng thành trong đấu tranh cách mạng hơn 60 năm qua; lực lượng công an luôn được chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng quan tâm dìu dắt. Trong giáo dục và rèn luyện tư cách người công an cách mạng từ năm 1948, Bác hồ đã chỉ rõ: Đối với tự mình phải cần, kiệm, liêm, chính; Đối với đồng sự phải thân ái giúp đỡ; Đối với chính phủ phải tuyệt đối trung thành; Đối với nhân dân phải kính trọng lễ phép; Đối với công việc phải tận tụy; Đối với kẻ địch phải kiên quyết khôn khéo. Các nghị quyết đại hội Đảng từ nghị quyết đại hội lần IV đến lần thứ XII đều xác định rõ mục tiêu xây dựng lực lượng công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. Gắn với mỗi mục tiêu của lực lượng là những mục tiêu về phẩm chất và năng lực cần có của người cán bộ công an [6],[7],[8],[9].

Để từng bước xây dựng lực lượng công an cách mạng thì người cán bộ công an phải tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân lao động Việt Nam, có giác ngộ sâu sắc về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phấn đấu suốt đời vì mục tiêu cao cả của Đảng, của dân tộc; Có phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, trung thực, kiên quyết đấu tranh chống cái sai bảo vệ cái đúng; bảo vệ pháp luật nghiêm minh. Con người trong tổ chức chính quy là con người làm việc được chuẩn hóa cao về nhiệm vụ, có lễ lối, tác phong, giao tiếp chuẩn mực; có phương pháp làm việc khoa học, quy trình làm việc được thống nhất đồng bộ trong cả bộ máy...

Để đảm bảo cho tổ chức tinh nhuệ, mỗi cán bộ công an phải có trình độ, tri thức, năng lực cần thiết và chuyên sâu về lĩnh vực công tác được giao, có năng khiếu và bản lĩnh nghề nghiệp, nắm vững pháp luật, tinh thông nghiệp vụ,

sử dụng thành thạo các biện pháp công tác và các phương tiện được trang bị. Có kiến thức khoa học cần thiết, sử dụng được ngoại ngữ và khả năng thích ứng cao với công nghệ hiện đại trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Có khả năng thích ứng với môi trường mới và tổ chức các hoạt động nghiệp vụ nhanh, nhạy, sắc bén, linh hoạt.

Yêu cầu hiện đại hóa lực lượng công an, đòi hỏi người cán bộ công an phải có năng lực tư duy và năng lực hành động phù hợp với một tổ chức hiện đại. Có kiến thức khoa học kỹ thuật, kiến thức sử dụng phương tiện hiện đại trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bắt nhip được với yêu cầu của đất nước trong tiến trình đổi mới và mở rộng quan hệ quốc tế; Đồng thời phải có kiến thức để đấu tranh phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và các phương tiện kỹ thuật hiện đại khác.

1.2. Chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

1.2.1. Khái niệm về chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra (CDR) có ý nghĩa rất quan trọng đối với sản phẩm đào tạo của mỗi Nhà trường, Học viện, nó là kết quả của một quy trình đào tạo bắt buộc để đảm bảo điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên.

Hiện nay có nhiều khái niệm liên quan đến CDR:

Chuẩn đầu ra là quy định về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo [20].

Chuẩn đầu ra là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo cam kết với người học, xã hội và công bố công khai với các điều kiện đảm bảo thực hiện [24].

Theo Jenkin and Unwin: Chuẩn đầu ra là sự khẳng định của những điều kỳ vọng, mong muốn một người tốt nghiệp có khả năng làm được nhờ kết quả của quá trình đạo tạo [96].

Theo Univ.New South Wales, Australia: Chuẩn đầu ra là lời khẳng định của những điều mà chúng ta muốn sinh viên của chúng ta có khả năng làm biết, hoặc hiểu nhờ hoàn thành một khóa đào tạo [96].

Tóm lại từ những khái niệm nêu trên có thể hiểu chuẩn đầu ra như lời cam kết của cơ sở đào tạo đối với người học và xã hội về những kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi qua đó khẳng định những năng lực lao động cụ thể mà sinh viên sẽ thực hiện được sau khi tốt nghiệp ra trường. Sinh viên sau khi ra trường có đủ kiến thức và sự tự tin, có thể làm chủ trong hoạt động nghề nghiệp mà mình theo đuổi từ khi còn ngồi trên ghế Nhà trường, nhất là trong môi trường làm việc hội nhập quốc tế với nhiều cơ hội và thách thức cùng sự cạnh tranh gay gắt.

Từ việc nghiên cứu khái niệm bơi vũ trang và khái niệm chuẩn đầu ra có thể hiểu khái niệm: Bơi vũ trang chuẩn đầu ra là kỹ thuật bơi vũ trang sinh viên cần đạt được để khi kết thúc chương trình đào tạo sinh viên có thể thực hành thành thạo và vận dụng kỹ thuật bơi vũ trang trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Để có cơ sở tiến hành nghiên cứu những vấn đề cơ bản về xây dựng chương trình bơi vũ trang đạt chuẩn đầu ra, đề tài tiến hành nghiên cứu vấn đề sau:

Chương trình môn học: Theo quan điểm của tác giả Trần Hữu Hoan: Chương trình môn học là văn bản xác định mục tiêu môn học, phân bố định tính và định lượng nội dung kiến thức môn học, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả tiếp thu môn học, đáp ứng cho mỗi mục tiêu chương trình và đối tượng đào tạo.[51]

Từ quan điểm trên có thể hiểu chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra là văn bản xác định mục tiêu, nội dung môn học, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết thúc môn học bơi vũ trang đạt chuẩn đầu ra do lãnh đạo Nhà trường ban hành để đánh giá sinh viên đã đạt được các kỹ năng mềm về bơi vũ trang trước khi tốt nghiệp.

1.2.2. Vai trò, ý nghĩa của chuẩn đầu ra

Đối với Nhà trường: Chuẩn đầu ra là cơ sở để Nhà trường xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn, đảm bảo sản phẩm đào tạo

đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội; Thông qua chuẩn đầu ra để giới thiệu với xã hội năng lực đào tạo của Nhà trường, tạo được niềm tin cho người học, phụ huynh, người sử dụng lao động; Tăng cường khả năng hợp tác giữa Nhà trường và xã hội [20].

Đối với giáo viên: Chuẩn đầu ra là cơ sở để thiết kế nội dung giảng dạy, lựa chọn phương pháp dạy học tích cực, lượng hóa rõ ràng về tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên nhằm thực hiện tính tích cực trong dạy học. Chuẩn đầu ra là cơ sở để đổi mới phương pháp dạy học, lấy người học làm trung tâm, khắc phục một số vấn đề tồn tại gắn với cách truyền thống coi trọng đầu vào trong phát triển chương trình đào tạo, giảng viên dạy những gì mà mình có, Nhà trường cung cấp dịch vụ đào tạo có đến đâu thì làm đến đó. Chuẩn đầu ra là cơ sở để nâng cao mối quan hệ giữa Dạy - Học - Đánh giá [20].

Đối với người học: Thông qua chuẩn đầu ra, sinh viên lượng hóa được mục đích học tập của mình, xác định cụ thể các yêu cầu đối với bản thân, từ đó không ngừng nỗ lực học tập và rèn luyện theo định hướng các CDR, nhằm đáp ứng yêu cầu của Nhà trường và xã hội, cũng nhờ vậy sinh viên sẽ được tăng cường cơ hội học tập, cơ hội việc làm [20].

Đối với tổ chức, cá nhân người sử dụng lao động: Chuẩn đầu ra của các Nhà trường là cơ sở để các tổ chức, cá nhân người sử dụng lao động đánh giá khả năng cung ứng nguồn nhân lực của các Nhà trường, xác định được nguồn cung cấp nhân lực phù hợp với yêu cầu lao động của xã hội. Bên cạnh đó các tổ chức, cá nhân người sử dụng lao động cũng có thể lựa chọn chính xác nguồn nhân lực tiềm năng cho mình, từ đó phối hợp với các Nhà trường thực hiện đào tạo theo đơn đặt hàng. Điều này vừa hỗ trợ hoạt động cho các Trường, vừa giảm được chi phí và thời gian đào tạo của nơi sử dụng nguồn nhân lực [20].

Đối với cơ quan quản lý: Chuẩn đầu ra là cơ sở để cơ quan quản lý giám sát hoạt động đào tạo của các Nhà trường và có quyền đòi hỏi các Trường Đại học và Cao đẳng điều chỉnh hoạt động đào tạo để thực hiện đúng CDR đã được xác định và công bố. Việc thực hiện đào tạo theo chuẩn đầu ra giúp xã hội có được nguồn nhân lực chất lượng cao [20].

Tóm lại, chuẩn đầu ra có vai trò hỗ trợ công tác đảm bảo chất lượng và hình thành khâu chuẩn đào tạo; gắn kết giáo dục nghề nghiệp với giáo dục Đại học tạo điều kiện học liên thông và học suốt đời.

1.2.3. Nội dung chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra về kiến thức: Chuẩn đầu ra về kiến thức bao gồm các khối kiến thức như sau: Khối kiến thức chung (về kiến thức nền tảng chung, kiến thức phương pháp luận, nhân sinh quan, thế giới quan); Khối kiến thức chung theo lĩnh vực (về kiến thức chung đặc trưng của lĩnh vực đào tạo, kiến thức liên ngành); Khối kiến thức chung của khối ngành (về kiến thức chung đặc trưng của khối ngành đào tạo); Khối kiến thức chung của nhóm ngành (về kiến thức khoa học cốt lõi đặc trưng của nhóm ngành); Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành và bổ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp (về kiến thức đặc thù cốt lõi trực tiếp của ngành, liên quan đến việc thực tập, thực tế, niên luận, khóa luận, đồ án...) [20].

Chuẩn đầu ra về kỹ năng:

Kỹ năng nghề nghiệp: Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề (các kỹ năng như lập kế hoạch, tổ chức sắp xếp công việc, đặt mục tiêu, tạo động lực, chăm sóc đối tác, nhận thức và bắt kịp với sự thay đổi của môi trường, lập và quản lý ngân sách, điều hành các cuộc họp hiệu quả, quản lý dự án, kiểm soát stress, xây dựng đội ngũ vững mạnh, quảng bá thương hiệu...); Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề (gồm phát hiện, hình thành, tổng quát hóa, đánh giá, giải quyết vấn đề và đưa ra giải pháp kiến nghị); Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức (gồm khả năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và phản biện kiến thức hiện tại, nghiên cứu để phát triển hay bổ sung kiến thức); Kỹ năng tư duy một cách hệ thống (là khả năng phân tích vấn đề theo logic có so sánh và phân tích với các vấn đề khác và nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ); Khả năng nhận biết và phân tích bối cảnh và ngoại cảnh tác động đến cơ sở làm việc, ngành nghề (gồm trách nhiệm của các cử nhân, hiểu tác động của ngành nghề đến xã hội và các yêu cầu của xã hội về ngành nghề, bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc, các vấn đề về giá trị thời đại, bối

cảnh toàn cầu); Kỹ năng nhận biết và phân tích tình hình trong và ngoài cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức (gồm các vấn đề như văn hóa, chiến lược phát triển đơn vị, mục tiêu, kế hoạch của đơn vị, quan hệ giữa đơn vị với ngành nghề đào tạo, làm việc thành công trong đơn vị...); Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn (khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng được đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp, khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động của nghề nghiệp, khả năng phát hiện và giải quyết hợp lý vấn đề trong nghề nghiệp); Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp (có khả năng nghiên cứu cải tiến hoạt phát minh sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp hoặc dẫn dắt các sự thay đổi đó, cập nhật và dự đoán xu thế phát triển ngành nghề và khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động mới và tiên tiến) [20].

Kỹ năng mềm: Kỹ năng tự chủ (các kỹ năng học và tự học suốt đời, quản lý thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết của văn hóa hiểu và phân tích kiến thức - kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời...); Kỹ năng làm việc nhóm (hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau); Kỹ năng quản lý lãnh đạo (điều kiện, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì với các đối tác, khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật); Kỹ năng giao tiếp (lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các tổ chức và cá nhân...); Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ; Các kỹ năng mềm khác [20].

Chuẩn đầu ra về thái độ (phẩm chất đạo đức): Phẩm chất đạo đức cá nhân (sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê, tự chủ, chính trực, phản biện, sáng tạo...); Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp (đạo đức nghề nghiệp thể hiện tính chuyên môn cao, hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, độc lập, chủ động...); Phẩm chất đạo đức xã hội (có trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, ủng hộ và bảo vệ cái đúng, sáng tạo và đổi mới) [20].

Từ những nội dung trên có thể thấy rằng sau khi tốt nghiệp một chương trình đào tạo sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng và thái độ, hành vi đó khẳng định bằng năng lực lao động cụ thể mà sinh viên sẽ thực hiện được sau khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên có đủ kiến thức và sự tự tin, có thể làm chủ trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

1.2.4. Quy định nội dung chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

Chuẩn đầu ra trong đào tạo cán bộ công an: Xuất phát từ yêu cầu thực tế, về đào tạo cán bộ cảnh sát nhân dân đáp ứng yêu cầu công việc, đáp ứng các tiêu chuẩn và khả năng bổ nhiệm các chức danh nghiệp vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Công an, lãnh đạo Bộ Công an đã chỉ đạo Tổng cục chính trị công an nhân dân hướng dẫn các Học viện, trường Đại học, trường Cao đẳng, trường Trung cấp công an nhân dân xây dựng và công bố chuẩn đầu ra tại công văn số: 3613/X11-X14 ngày 02/6/2010 trong đó đã khẳng định [13]:

Chuẩn đầu ra đối với các Trường công an nhân dân là sự khẳng định sinh viên làm được những gì về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, thái độ, hành vi, thể chất mà sinh viên phải đạt được khi tốt nghiệp ở một ngành đào tạo hoặc ở một chương trình đào tạo. Chuẩn đầu ra chính là các tiêu chí cần đạt được của sinh viên khi tốt nghiệp, được cụ thể hóa từ mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục của các ngành, chuyên ngành đào tạo.

Chuẩn đầu ra là một trong những tiêu chí góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của từng cơ sở đào tạo và toàn ngành; là cam kết của các Trường công an nhân dân về chất lượng đào tạo trình độ cán bộ cảnh sát nhân dân với xã hội về năng lực sinh viên công an sau khi tốt nghiệp.

Chuẩn đầu ra là cơ sở chính để xác định lại mục tiêu đào tạo; xây dựng và rà soát chương trình giáo dục, chương trình chi tiết; xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch nghiên cứu khoa học và những kế hoạch khác phục vụ cho việc dạy và học của nhà trường và sinh viên đồng thời làm căn cứ đổi mới nội dung, kết cấu chương trình, phương pháp dạy học, thi kiểm tra đánh giá và chuẩn bị các điều kiện đảm bảo chất lượng khác.

Chuẩn đầu ra là cơ sở để đơn vị tiếp nhận sinh viên sau khi tốt nghiệp đánh giá được sự phù hợp giữa kết quả đào tạo và mục tiêu đào tạo với yêu cầu thực tiễn; Có sự phản hồi với cơ sở đào tạo làm cơ sở hoàn thiện chuẩn đầu ra.

Các yêu cầu, các tiêu chí về chuẩn nghề nghiệp công an nhân dân:

Về phẩm chất chính trị: trước hết phải có phẩm chất của một công dân, lao động Việt Nam đó là lòng yêu nước, trung thành với tổ quốc với nhân dân, có mục đích phấn đấu cho lý tưởng cách mạng của Đảng đảm bảo cho xã hội công bằng, dân chủ và văn minh; có ý thức và hành vi tuân thủ theo pháp luật; có tính tổ chức, kỷ luật trong công tác, có trách nhiệm đối với công việc và có ý thức vươn lên, tận tụy đối với công việc được giao [13].

Đối với cán bộ công an, phải tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, mưu trí dũng cảm, cương quyết, khôn khéo trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; kiên quyết, mưu trí và đảm bảo công bằng trong điều tra, nghiên cứu, kết luận và xử lý các sự việc phát sinh trong công tác; có tinh thần, thái độ yêu thích công việc và thân ái, giúp đỡ đối với đồng nghiệp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân đồng thời hết lòng phục vụ nhân dân.

Về năng lực: lĩnh vực hoạt động của công tác công an đòi hỏi người cán bộ công an phải có năng lực thuộc khối từng lĩnh vực công tác chuyên môn. Năng lực này bao gồm cả năng lực chung và năng lực chuyên môn đó là điều kiện thành công bên trong của hoạt động tổ chức, lãnh đạo, hoạt động giáo dục, hoạt động học tập... và điều kiện thành công bên trong của hoạt động trên các mặt công tác chuyên biệt, thể hiện qua các nội dung sau:

Về kiến thức: nắm vững kiến thức chính trị, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có yếu tố tâm lý vững vàng, không giao động trước mọi biến động của tình hình chính trị [13].

Nắm vững kiến thức nghiệp vụ cơ sở, nghiệp vụ chuyên ngành và các phương tiện, kỹ thuật đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm.

Hiểu biết về đối tượng đấu tranh, quy trình điều tra, phương pháp và đối sách của ngành công an trong đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm.

Về kỹ năng và kỹ xảo thực hành: Có năng lực quan sát các tình huống, sự việc, hiện tượng, hiện trường dấu vết về tội phạm nơi xảy ra sự việc và ghi nhớ các thông tin, đặc điểm về dấu vết tội phạm và các hoạt động tội phạm.

Có năng lực phán đoán, dự báo các tình huống nghiệp vụ, tiếp nhận, xử lý thông tin, phân tích, điều tra, xác minh về tình hình tội phạm.

Có khả năng đề xuất các biện pháp phù hợp và xây dựng kế hoạch công tác, đồng thời phải có năng lực tư duy logic để liên kết các sự việc và các tình huống để đưa ra một giải pháp đảm bảo an toàn, hiệu quả về mặt nghiệp vụ [13].

Chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện cảnh sát nhân dân:

Chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ: Sinh viên đảm bảo cụ thể hóa mục tiêu về kiến thức chuyên ngành được đào tạo, vững về kiến thức chuyên môn, thực hành thành thạo những tình huống nghiệp vụ cơ bản của lực lượng Cảnh sát nhân dân. Kết quả học tập các môn học trong chương trình đào tạo đạt yêu cầu trở lên. Trong đó 2/3 số môn học nghiệp vụ chuyên ngành đạt từ 2.7 (theo thang điểm 4) [13].

Sinh viên các chuyên ngành phải học và thi đạt yêu cầu các chuẩn đầu ra cụ thể theo từng chuyên ngành: Quản lý hành chính về trật tự xã hội; chuyên ngành Trinh sát phòng, chống tội phạm trật tự xã hội; chuyên ngành Điều tra tội phạm trật tự xã hội; chuyên ngành Trinh sát phòng, chống tội phạm kinh tế; chuyên ngành Kỹ thuật hình sự; chuyên ngành Quản lý trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt; chuyên ngành Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân; chuyên ngành Trinh sát phòng, chống tội phạm ma túy; chuyên ngành Tham mưu, chỉ huy vũ trang bảo vệ an ninh trật tự; chuyên ngành Tiếng anh cảnh sát; chuyên ngành Trinh sát phòng, chống tội phạm môi trường; chuyên ngành Trinh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; chuyên ngành Luật tố tụng hình sự; chuyên ngành Quản lý trật tự an toàn xã hội trên đường thủy; chuyên ngành Tiếng Trung Quốc cảnh sát; chuyên ngành Tham mưu chỉ huy đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Chuẩn về chính trị: Có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, thực hiện nghiêm điều lệnh Công an nhân dân, pháp luật Nhà nước. Sinh viên khi tốt nghiệp là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc được cấp giấy chứng nhận đã học lớp Bồi dưỡng kiến thức về Đảng và có chứng chỉ tương đương trình độ trung cấp lý luận chính trị [13].

Chuẩn về kỹ năng mềm: Các kỹ năng mềm mà sinh viên trước khi ra trường được trang bị như: Chuẩn về sỹ quan chỉ huy bao gồm các kỹ năng thực hành chỉ huy điều lệnh, kỹ năng về lãnh đạo, kỹ năng về tham mưu; chuẩn về kỹ năng bắn súng; chuẩn kỹ năng võ thuật đó là đạt chứng chỉ võ thuật Công an nhân dân chương trình nâng cao; chuẩn bơi vũ trang; chuẩn về lái xe có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 và giấy phép lái xe ô tô hạng B1 hoặc B2; chuẩn về tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao; chuẩn về ngoại ngữ đó là đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 bậc của Việt Nam học tương đương [45].

Chuẩn đầu ra Bơi vũ trang đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện cảnh sát nhân dân:

Về mặt lý luận: Trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về bơi thể thao và bơi vũ trang, hiểu rõ về ý nghĩa, tác dụng, của bơi thể thao, bơi thực dụng, bơi vũ trang; đặc biệt giá trị ứng dụng của bơi vũ trang trong thực tiễn chiến đấu của lực lượng CAND nói chung và của lực lượng CSVT nói riêng; nắm bắt về phương pháp cứu đuối và cách thức hô hấp nhân tạo.

Về năng lực thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng xử lý trong môi trường nước, phòng chống bão lũ, cứu hộ, cứu nạn trên sông, biển khắc phục được trở ngại của môi trường nước, nắm được kỹ thuật bơi và cứu đuối sẽ có ý nghĩa to lớn đối với việc tự cứu và cứu vớt những người bị đuối nước nhằm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được lãnh đạo cấp trên giao cho; Trang bị những kỹ năng bơi thực dụng, tiếp cận mục tiêu đảm bảo yếu tố bí mật, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình áp sát, bất ngờ nâng cao hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ được giao; Trang bị những kỹ năng nghiệp vụ của ngành Công an để thực hiện nhiệm vụ đặc biệt đó là cứu người và bảo vệ an toàn tài sản cho nhà nước, cho nhân dân.

Tóm lại, chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân ra là sự khẳng định sinh viên làm được những gì và kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi mà sinh viên phải đạt được khi tốt nghiệp ở một ngành đào tạo hoặc ở một chương trình đào tạo. Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc công bố

chuẩn đầu ra là yêu cầu bắt buộc, là cam kết của các trường về năng lực và chất lượng đào tạo để xã hội giám sát. Tiếp tục thực hiện chủ trương “Nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội”, đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo đại học, nhiều cơ sở đào tạo đã rà soát lại mục tiêu đào tạo, xây dựng và công bố chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo hoặc chương trình đào tạo, trong đó Học viện Cảnh sát nhân dân là một trong những cơ sở đào tạo đầu tiên của ngành Công an, công bố và tổ chức thực hiện chuẩn đầu ra cho các ngành học và chuyên ngành đào tạo.

1.2.5. Công tác tổ chức đào tạo các nội dung quy định chuẩn đầu ra tại Học viện Cảnh sát nhân dân

Công bố chuẩn đầu ra là chủ trương quan trọng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, từng bước thực hiện việc kiểm định, đánh giá quá trình đào tạo đảm bảo sự cam kết về chất lượng của các cơ sở đào tạo trong Công an nhân dân với xã hội, với ngành Công an. Chủ trương này đã được Học viện CSND quán triệt và nghiêm túc triển khai tổ chức thực hiện từ năm học 2009-2010, đến năm học 2014-2015, qua 05 năm thực hiện có thể rút ra một số kinh nghiệm, bài học quan trọng để có định hướng tiếp theo thời gian tới [55].

Một là, quá trình xây dựng, thực hiện chuẩn đầu ra có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện cũng như trách nhiệm, hưởng ứng đồng thuận của các đơn vị quản lý giáo dục, các đơn vị giảng dạy. Sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc được thể hiện bằng việc xây dựng Đề án cụ thể của Học viện về chuẩn đầu ra các hệ học, khóa học; thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án gồm các nhà giáo, các nhà khoa học, các cán bộ thực tiễn tham gia xây dựng, góp ý cho Đề án. Hàng năm, Nghị quyết về Khoa học và Đào tạo của Học viện đều nhấn mạnh nội dung này. Quá trình tổ chức thực hiện, Học viện xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết về lộ trình, tiến độ thực hiện từng chuẩn đầu ra, có kế hoạch phân công nhiệm vụ cho các đơn vị giảng dạy cũng như các điều kiện đảm bảo cho tổ chức thực hiện. Để đảm bảo sự hưởng ứng, đồng thuận cao cần tiếp tục hoạt động tuyên truyền, phổ biến đến sinh viên về

các chuẩn đầu ra của Học viện, nhất là các khóa học, hệ học mới tuyển sinh thông qua nhiều hoạt động cụ thể như: sinh hoạt đầu khóa, tiếp xúc với sinh viên theo định kỳ, qua tổng kết kỳ học, năm học... để sinh viên có nhận thức đầy đủ, đúng đắn và xác định các tiêu chí phấn đấu từ đó xây dựng động cơ học tập đúng đắn, chủ động xây dựng kế hoạch học tập của cá nhân phấn đấu các chuẩn đầu ra theo quy định [55].

Hai là, các đơn vị được phân công tổ chức thực hiện chuẩn đầu ra như: Quản lý giáo dục, hậu cần và các đơn vị giảng dạy luôn có sự chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao và có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ, kịp thời để giải quyết các vấn đề phát sinh. Trong số các chuẩn đầu ra, có những chuẩn cần phải thực hiện trong cả quá trình tổ chức đào tạo của chuyên ngành, có những chuẩn đầu ra có thể sắp xếp kế hoạch, lịch thời khóa biểu để sinh viên hoàn thành trong khoảng thời gian nhất định. Mặt khác việc thực hiện các chuẩn đầu ra do nhiều đơn vị tổ chức thực hiện, quá trình này có liên quan đến các điều kiện đảm bảo như: Hội trường, sân tập, phương tiện, dụng cụ dạy học cũng như các quy định liên quan đến quản lý sinh viên các trường CAND... Vì vậy, nếu thiếu sự phối hợp giữa các đơn vị tổ chức thực hiện sẽ dẫn đến chông chéo, kém hiệu quả [55].

Ba là, để tổ chức thực hiện chuẩn đầu ra có hiệu quả theo đúng mục tiêu, yêu cầu của đề án cần có một kế hoạch tổ chức thực hiện chi tiết, khoa học trên cơ sở khảo sát, đánh giá và tính toán cho quá trình tổ chức thực hiện về thời gian, lộ trình, kinh phí, điều kiện hội trường, sân bãi, lịch trình học tập, điều kiện giảng viên, thậm chí có hoạt động tuyên truyền, phổ biến cho giảng viên, sinh viên trong toàn Học viện để nắm bắt chủ trương mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Bộ Công an. Có như vậy khi triển khai sẽ đem lại sự nhất trí, đồng thuận cao và tránh bị chông chéo, lúng túng, bị động giữa các đơn vị tổ chức thực hiện [55].

Để tiếp tục thực hiện chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân, thời gian tới cần tập trung làm tốt một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, qua sơ kết 05 năm thực hiện chuẩn đầu ra và hàng năm tổ chức thực hiện cần được kịp thời rút kinh nghiệm, bổ sung, điều chỉnh kịp thời các

tiêu chí cụ thể của các chuẩn đầu ra cho phù hợp với mục tiêu, chương trình đào tạo và yêu cầu thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Quá trình nghiên cứu, xây dựng, bổ sung, điều chỉnh các chuẩn đầu ra cần dựa trên các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, có ý kiến góp ý của các đơn vị, công an địa phương để kịp thời cập nhật với yêu cầu thực tiễn công tác của Ngành [55].

Thứ hai, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện, quản lý chuẩn đầu ra trong tất cả các khâu: Từ hoạt động lịch trình, thời khóa biểu, quản lý kết quả, công tác tài chính... Xét ở góc độ nội dung việc thực hiện chuẩn đầu ra có những đặc điểm giống như tổ chức CTĐT do vậy quá trình tổ chức thực hiện cũng cần được thực hiện theo quy trình quản lý đào tạo [55].

Thứ ba, Thường xuyên duy trì và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra quá trình thực hiện chuẩn đầu ra để đảm bảo các chuẩn theo quy định được thực hiện đúng đắn, nghiêm túc; đồng thời giúp cho quá trình xây dựng các tiêu chí kiểm định và mục tiêu phấn đấu trong tổ chức đào tạo các chuyên ngành đào tạo của Học viện. Chức năng này do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo phụ trách và phối hợp với các đơn vị quản lý giáo dục khác tiến hành [55].

1.3. Khái niệm, đặc điểm, vai trò bơi vũ trang

1.3.1. Khái niệm về bơi vũ trang

Bơi là môn thể thao rất phát triển trên thế giới, tập luyện bơi giúp con người nâng cao sức khỏe một cách toàn diện, bơi là kỹ năng quan trọng và phương tiện hữu hiệu giúp con người trong cuộc sống lao động sản xuất, chiến đấu bảo vệ tổ quốc, phòng chống thiên tai bão lũ, chống đuối nước, chữa một số bệnh và hồi phục sức khỏe ... Với nhiều ý nghĩa, tác dụng thiết thực và cần thiết cho cuộc sống nên hiện nay phong trào tập luyện bơi đã phát triển hơn, nhiều trường học ở các cấp đưa môn bơi thể thao vào chương trình giảng dạy chính khóa cho học sinh, sinh viên. Đặc biệt đối với các Trường trong lực lượng vũ trang môn bơi là môn học bắt buộc.

Về khái niệm: “Bơi”, “Bơi lội” hay “Bơi thể thao” qua tham khảo tài liệu và trao đổi với các chuyên gia thấy rằng có nhiều ý kiến chưa đồng nhất về khái niệm cũng như thuật ngữ, xin nêu một số quan điểm như sau:

Một số khái niệm về môn bơi: Bơi lội là môn thể thao dưới nước, do tác dụng của sự vận động toàn thân, đặc biệt là sự vận động của chân, tay mà người bơi có thể vượt qua được những quãng đường dưới nước với những tốc độ nhất định [91].

Bơi là môn thể thao hoạt động có chu kỳ (lặp đi lặp lại động tác, trừ xuất phát và quay vòng) ở dưới nước, thông qua sự vận động của tay, chân, thân người tạo ra lực đưa cơ thể tiến về phía trước [91].

Bơi là loại hình hoạt động của con người trong môi trường nước, nhờ tác dụng của sự vận động quạt, đập nước của tay, chân, toàn thân mà cơ thể người nổi và chuyển động được những khoảng cách và tốc độ khác nhau trên mặt nước [85].

Bơi cũng như các phương pháp di động khác, bao hàm sự dùng sức gián đoạn để dẫn đến sự chuyển động [91].

Một số khái niệm về bơi thể thao: Theo (tác giả Lê Văn Xem) Bơi thể thao là loại hình đua tranh tốc độ với các kỹ thuật, cự ly bơi khác nhau do Luật bơi quy định [91].

Theo (tác giả Đồng Văn Triệu) Bơi thể thao là tổ hợp các hành động vận động được sử dụng làm phương tiện để đua tài trong thi đấu theo quy định Luật bơi [85].

Một số ý kiến khác: Bơi thể thao là hoạt động vận động của con người trong môi trường nước sử dụng trong thi đấu theo Luật bơi quy định.

Bơi thể thao là những hoạt động vận động của chân, tay, toàn thân nhằm tạo ra tốc độ di chuyển dưới nước sử dụng trong thi đấu thể thao theo quy định của Luật bơi.

Có thể thấy rằng mặc dù chưa có sự thống nhất tuyệt đối xong có thể rút ra bơi thể thao có những đặc điểm sau:

Là hoạt động vận động của con người nhằm tạo tốc độ di chuyển trong môi trường nước.

Các hoạt động vận động phải tuân thủ các quy định của Luật bơi.

Mục đích của tất cả quá trình đều nhằm hướng tới việc nâng cao thành tích trong thi đấu thể thao.

Từ đó có thể đưa ra khái niệm: Bơi thể thao là những hoạt động vận động của các bộ phận cơ thể con người nhằm tạo ra tốc độ di chuyển trên mặt nước sử dụng trong thi đấu thể thao theo quy định của Luật bơi.

Bơi vũ trang: Đối với các Trường trong lực lượng CAND và một số Trường đào tạo lực lượng vũ trang thì bơi vũ trang được đưa vào huấn luyện và áp dụng trong thực tiễn công tác chiến đấu. Trong chiến đấu bơi vũ trang hoặc bơi ứng dụng là bơi có mang theo vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị trong quá trình đấu tranh và phòng, chống tội phạm.

Bơi ứng dụng là sử dụng kỹ thuật bơi ếch vận dụng, trong mang vác quân tư trang, vũ khí trang bị di chuyển chủ yếu bằng lực đạp của chân. Trong chiến đấu bơi ứng dụng được áp dụng khi vận động vây bắt đối tượng trên sông, trên biển, khi tiếp cận tàu thuyền của đối tượng hoặc khi vượt sông tấp công, chiếm lĩnh mục tiêu [77].

Đối với lực lượng CAND, việc huấn luyện kỹ năng bơi vũ trang giúp cán bộ, chiến sĩ lợi dụng địa hình, địa vật, vận dụng các kiểu bơi để vượt sông, suối... mang theo vũ khí, trang bị công cụ trong tình huống khẩn trương trên đường hành quân đấu tranh phòng, chống tội phạm góp phần bảo vệ An ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội (TTATXH), tham gia cứu nạn, cứu hộ khi cần thiết.

Bơi vũ trang gồm nhiều nội dung như: Bơi mang theo súng sau lưng và trang bị nhẹ; Bơi bao gói; Bơi bí mật; Bơi vượt sông bằng dây; Bơi tiếp cận mục tiêu bằng phao bơi sáu múi... Do phải mang kéo đồ vật trong khi bơi nên hoạt động của tay chân bị hạn chế, sức cản gia tăng, độ nổi giảm. Tùy theo mục đích, yêu cầu và các tình huống vượt suối, ao hồ... mà các cán bộ chiến sĩ CAND phải ứng dụng các kiểu bơi khác nhau, thông dụng nhất vẫn là kiểu bơi sử dụng kỹ thuật đạp chân ếch vì kiểu bơi này có lực đạp chân lớn, ít tạo ra tiếng động rất phù hợp với hoạt động mang vác vật dụng trong môi trường nước trong quá trình chiến đấu. Bơi vũ trang là một nội dung cần được tổ chức tập luyện theo quy tắc riêng biệt, phù hợp với lực lượng CAND. Đảm bảo tính bí mật khi bơi để tiếp cận mục tiêu, đảm bảo yêu cầu an toàn về người và phương tiện phục vụ chiến đấu là yêu cầu quan trọng của bơi vũ trang.

Trên cơ sở phân tích khái niệm bơi vũ trang được xác định như sau: Bơi vũ trang là kỹ thuật bơi của lực lượng vũ trang giúp người bơi có thể mang theo vũ khí, công cụ, phương tiện thiết bị phục vụ đấu tranh phòng chống tội phạm, ứng cứu trong phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ khi cần thiết góp phần bảo vệ An ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

1.3.2. Đặc điểm của bơi vũ trang trong lực lượng vũ trang nhân dân

Bơi vũ trang là loại hình hoạt động của cán bộ chiến sĩ CAND trong môi trường nước, quá trình bơi cán bộ chiến sĩ mang theo những đồ vật, sử dụng vũ khí phục vụ công tác chiến đấu, là hình thức bơi đặc biệt sử dụng trong đấu tranh phòng chống các loại tội phạm. Bơi vũ trang gồm có 5 kỹ thuật: Bơi với súng và trang bị nhẹ, bơi bao gói, bơi bí mật, bơi vượt sông bằng dây, bơi tiếp cận mục tiêu bằng phao bơi sáu múi [77].

Đặc điểm bơi vũ trang là kỹ thuật khó: Trong thực tế công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm trên các vùng sông nước, cán bộ chiến sĩ CAND phải bơi vượt qua sông, ngòi, ao, hồ... không kể điều kiện thời tiết giá rét hay nắng nóng, sự nguy hiểm của môi trường sông nước thì cán bộ chiến sĩ CAND vẫn hoàn thành nhiệm vụ. Trong quá trình bơi cán bộ chiến sĩ CAND phải mang theo súng và công cụ hỗ trợ vừa bơi, vừa quan sát và vừa sẵn sàng chiến đấu. Do vậy khi bơi người bơi cần giảm bớt lực cản của nước bằng tư thế thân người ở trạng thái lướt nước tốt nhất, đồng thời giảm bớt động tác tạo ra sóng phía trước mặt. Khi xuất phát nên lướt nước ở độ sâu khoảng 30cm nhằm hạn chế sóng khuếch tán trên mặt nước gây ảnh hưởng và làm chậm quá trình lướt nước. Đối với động tác quạt nước, bàn tay khi quạt nước phải cách thân người 30cm để giảm bớt hợp lực của các dòng chảy tác dụng lên thân người khi bơi [77].

Đặc điểm bơi vũ trang là đảm bảo bí mật: Trong trường hợp phải đảm bảo yếu tố bí mật cao, áp sát mục tiêu, nắm chắc thời cơ tiến hành trấn áp tội phạm như tội phạm sử dụng tàu thuyền tổ chức đánh bạc, vận chuyển buôn bán hàng cấm, mua bán vận chuyển trái phép chất ma túy hoặc chống khủng bố... trong điều kiện địa hình sông nước, hồ và biển đảo. Do vậy đòi hỏi mỗi cán bộ, chiến

sĩ CAND cần triệt để lợi dụng địa hình, địa vật, đảm bảo quá trình vượt sông giữ được yếu tố bí mật, đảm bảo đội hình chiến đấu không để đối tượng quan sát, phát hiện ra hoạt động của lực lượng tiếp cận [77].

Đặc điểm của bơi vũ trang là nguy hiểm: Với môi trường hoạt động là sông nước, hồ, biển đảo, các cán bộ chiến sĩ CAND khi làm nhiệm vụ luôn gặp phải nhiều môi nguy hiểm như vùng nước xoáy, nước chảy mạnh, hồ sâu đòi hỏi cán bộ chiến sĩ CAND phải có kỹ năng bơi vũ trang thật tốt để có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao. Ngoài ra trong quá trình chiến đấu bơi mang theo súng để vượt sông các cán bộ chiến sĩ CAND thường không bơi được xa, chóng mỏi mệt nên cần đánh giá đúng khả năng bơi và trình độ thể lực của cán bộ chiến sĩ CAND để đảm bảo an toàn [77].

1.3.3. Vai trò của bơi vũ trang trong lực lượng vũ trang nhân dân

Vai trò, ý nghĩa của bơi thể thao với phòng tránh tai nạn sông nước: Việt Nam là nước nhiệt đới, nhiều sông ngòi ao hồ cùng với bờ biển dài, đặc biệt với sự tác động ngày càng nặng nề của biến đổi khí hậu hàng năm thiên tai mưa, bão, lũ lụt thường xảy ra. Việt Nam là một trong những nước bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi những yếu tố bất lợi của thiên nhiên, lại là nước nhiệt đới gió mùa có nhiều sông, suối, ao, hồ nên nguy cơ bởi các tai nạn sông nước rất cao. Hàng năm có trên 3500 người bị đuối nước trong đó chủ yếu là trẻ em, bình quân mỗi ngày có từ 9 đến 10 người chết đuối mà nguyên nhân chính là do không biết bơi, Việt Nam hiện đang là quốc gia có tỷ lệ số người chết do đuối nước cao nhất khu vực Đông nam Á nên bơi thể thao càng có ý nghĩa quan trọng trong phòng chống thiên tai và tai nạn dưới nước. Nếu số lượng người tập bơi và biết bơi thể thao tăng thì tai nạn sông nước sẽ giảm, người biết bơi sẽ hạn chế nguy cơ bị chết đuối và còn có thể cứu người đuối nước. Tỷ lệ người biết bơi cao sẽ góp phần hạn chế các tai nạn, rủi ro sông nước, hạn chế thiệt hại do biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt [99].

Từ thực trạng trên cho thấy cần phải trang bị những kỹ năng chuyên biệt cho cán bộ chiến sĩ công an trong quá trình tổ chức đào tạo, tạo tiền đề công tác sẵn sàng phục vụ quá trình đấu tranh và phòng chống tội phạm cũng như bảo vệ,

trợ giúp người dân gặp các tai nạn rủi ro sông nước, thiên tai lũ lụt. Việc trang bị những kỹ năng bơi thực dụng, bơi cứu đuối, sơ cấp cứu người bị nạn là cần thiết.

Vai trò, ý nghĩa của bơi thể thao đối với hoạt động sản xuất và chiến đấu:
Bơi thể thao có vai trò ý nghĩa rất lớn đối với đời sống sản xuất và chiến đấu. Từ khi khai sinh con người đã rất cần các kỹ năng vận động để có thể đi qua sông, suối, ao, hồ, biển để phục vụ nhu cầu hái lượm mưu sinh. Đó là những đòi hỏi hết sức tự nhiên để con người có thể tồn tại và phát triển. Nhiều ngành sản xuất đòi hỏi công nhân phải biết bơi như: Hàng hải; lực lượng vũ trang; thủy sản, giao thông vận tải, dầu khí, thông tin liên lạc, điện lực, nông nghiệp... Nhiều công việc đòi hỏi phải có kỹ năng bơi, lặn như: Lắp đặt đường ống dầu khí, lắp đặt đường dây điện và thông tin, xây dựng các công trình thủy (cầu, cống, đập nước...); đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản...[91].

Bơi thể thao là kỹ năng quan trọng trong chiến đấu của bộ đội, công an, của các lực lượng phòng chống thiên tai bão lũ, cứu nạn cứu hộ... Với yêu cầu, nhiệm vụ chiến đấu và công tác bơi là kỹ năng quan trọng giúp các chiến sỹ bộ đội và công an hoàn thành nhiệm vụ đặc biệt trong các tình huống như: Đánh địch trên sông nước; hành quân mang vác phương tiện, vũ khí, khí tài qua sông, suối, ao, hồ; tiếp cận mục tiêu, truy kích, đánh phá phương tiện thủy, phòng chống thiên tai và cứu nạn, cứu hộ... Trong thời đại ngày nay khi nguồn tài nguyên trên cạn đã không đáp ứng đủ nhu cầu của con người thì việc hòng ra biển, khai thác tài nguyên từ biển đang là xu thế toàn cầu, kỹ năng bơi ngày càng có ý nghĩa với sản xuất và chiến đấu [91].

Vai trò, ý nghĩa của bơi vũ trang trong lực lượng Công an nhân dân: Do tính chất hoạt động đặc thù của lực lượng CAND trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trên mọi địa bàn, trên cạn, sông suối, ao hồ thậm chí cả trên biển vì vậy bơi vũ trang là môn học bắt buộc và thật sự cần thiết đối với lực lượng CAND nói chung và đặc biệt là chuyên ngành tham mưu chỉ huy vũ trang bảo vệ ANTT. Thông qua môn bơi vũ trang, lực lượng CAND được trang bị những kỹ năng vận động, mang vác vũ khí, thiết bị trong môi trường nước khí tiếp cận mục tiêu và hoàn thành nhiệm vụ một cách hiệu quả nhất. Bơi vũ trang rèn luyện và trang bị cho cán bộ chiến sỹ những kỹ năng sau đây:

Thứ nhất, bơi vũ trang rèn luyện sức khỏe cho cán bộ, chiến sĩ: Tập luyện bơi có lợi cho việc củng cố và nâng cao sức khỏe, phát triển toàn diện con người. Vận động trong môi trường nước có ảnh hưởng tốt tới việc nâng cao chức năng một số bộ phận của cơ thể như hệ tuần hoàn, hô hấp, tăng quá trình trao đổi chất. Nước có khả năng hấp thụ nhiệt gấp 4 lần không khí, nước lại có áp suất lớn (gấp 1.000 lần không khí) tác động đến bề mặt cơ thể, khi bơi con người phải chịu một lực cản rất lớn của nước đặc biệt khi bơi nhanh. Những vận động viên bơi cấp cao có tim co bóp mạnh hơn người thường, lưu lượng tim tăng, do vậy tần số đập của tim lúc yên tĩnh thấp hơn bình thường (chỉ ở mức từ 50 đến 60 lần/phút, trong khi đó người không tập luyện bơi tim đập từ 70-75 lần trong một phút). Lưu lượng máu có thể tăng từ 4,5 lít/phút lúc bình thường lên 3,5 - 4,0 lít/phút lúc vận động. Do lực cản của nước nên người tập khi bơi phải thở phải mạnh và sâu nên có lợi cho việc phát triển lực cơ hô hấp, tăng khả năng hoạt động của hệ hô hấp. Khi bơi mức tiêu hao năng lượng lớn hơn các hoạt động trên cạn, vì vậy nhu cầu về Oxy rất lớn. Mặt khác do áp suất của nước ép vào lồng ngực, nên khi hít vào phải mạnh, tích cực vì thế các cơ hô hấp của vận động viên rất phát triển, dung tích sống lớn (từ 5-6 lít), trong khi đó dung tích sống (dung tích sống là thể tích lớn nhất của lượng không khí mà một cơ thể hít vào và thở ra) của người không luyện tập bơi là 3,4 lít (của nam) và 2,4 lít (của nữ). Do vậy trong quá trình tập luyện bơi, con người sẽ dần thích ứng, các chức năng vận động từng bước được hoàn thiện và nâng cao. Khi bơi, các nhóm cơ của toàn thân đều tham gia hoạt động, do đó người bơi có cơ bắp phát triển cân đối, toàn diện. Với môn bơi vũ trang, ngoài ứng dụng kiểu bơi cơ bản thì bản thân người bơi còn phải mặc trang phục chiến đấu, mang theo súng và các trang bị cần thiết khác khi làm nhiệm vụ do đó bơi vũ trang người bơi phải khắc phục lực cản rất lớn, độ nổi giảm và bơi vũ trang là môn học cơ bản trong nội dung huấn luyện thể lực nhằm phát triển các tố chất thể lực như: Sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng linh hoạt và khả năng phối hợp vận động [82].

Thứ hai, bơi vũ trang giúp chiến sĩ rèn luyện ý chí, lòng dũng cảm, ý thức tổ chức kỷ luật, bản lĩnh nghề nghiệp để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao: Bơi vũ trang là môn học mà người học được tập trong môi trường nước, để đảm bảo

an toàn tuyệt đối đòi hỏi mỗi sinh viên phải có ý thức tổ chức kỷ luật phải tốt, tuân thủ tuyệt đối mệnh lệnh của giáo viên hướng dẫn. Đặc điểm của môn học là tập luyện ngoài trời dù khí hậu thời tiết có nắng, nóng, oi bức thì sinh viên vẫn miệt mài tập luyện với những kỹ thuật khó. Bơi vũ trang là trong quá trình bơi sinh viên còn mang theo súng, vũ khí với lực cản lớn phải khắc phục khó khăn thực hiện những động tác khó để bơi vượt qua cự ly bắt buộc. Ngoài ra đối với sinh viên phải khắc phục khó khăn, mệt mỏi không ngại khó, ngại khổ phải thường xuyên tập luyện thì mới đạt được chuẩn đầu ra, đặc biệt là với các sinh viên có tâm lý sợ nước, sợ độ sâu. Trong lực lượng CAND bơi vũ trang là một nội dung huấn luyện để rèn luyện ý chí, tăng cường tính tổ chức kỷ luật, bồi dưỡng tinh thần anh dũng kiên cường và sức chịu đựng gian khổ, góp phần giữ gìn ANCT & TTATXH đảm bảo an sinh xã hội [82].

Thứ ba, bơi vũ trang trang bị cho cán bộ chiến sĩ những kỹ năng chuyên biệt khắc phục được hậu quả của thiên tai, cứu hộ, cứu nạn: Do vậy các trường trong lực lượng vũ trang, đều ứng dụng giảng dạy bơi vũ trang, bơi cứu hộ, cứu nạn nhằm sẵn sàng ứng phó phòng chống thiên tai lũ lụt, cứu hộ, cứu nạn góp phần bảo vệ an ninh chính trị và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Việt Nam là nước nhiệt đới, nhiều sông ngòi ao hồ cùng với bờ biển dài, đặc biệt với sự tác động ngày càng nặng nề của biến đổi khí hậu hàng năm thiên tai mưa, bão, lũ lụt thường xảy ra. Để khắc phục hậu quả đó thì lực lượng vũ trang là lực lượng tiên phong đi đầu trong công tác hỗ trợ và khắc phục thiên tai bão lũ, đòi hỏi mỗi cán bộ cần được trang bị và ứng dụng những kỹ năng bơi cứu hộ, cứu nạn trong thực tiễn công tác [82].

1.4. Một số vấn đề cơ bản về xây dựng chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên Trường Học viện cảnh sát nhân dân

1.4.1. Một số vấn đề cơ bản về xây dựng chương trình môn học

Để có cơ sở nghiên cứu những vấn đề cơ bản về xây dựng chương trình môn học bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND tác giả tiến hành nghiên cứu các vấn đề:

Khái niệm chương trình môn học:

Chương trình môn học: là tên gọi thường sử dụng cho “nội dung chương trình” là danh sách nội dung các học phần mà nhà trường đưa vào trong quá

trình giảng dạy và người học cần tích lũy trong CTMH phù hợp với từng ngành/chuyên ngành đào tạo. Ngoài các môn học do Bộ GD&ĐT xác định thì chương trình của từng môn học được hội đồng nhà trường thống nhất thiết kế phục vụ mục tiêu đào tạo của nhà trường qua đó khẳng định tính riêng và khác biệt, tính chủ động của nhà trường trong việc “Đào tạo theo nhu cầu xã hội” và hấp dẫn SV [87].

Tính linh hoạt chương trình môn học theo từng khóa và từng trường: Tính linh hoạt còn thể hiện ở chỗ, để đáp ứng theo nhu cầu ở thị trường lao động, CTMH cũng có thể được xem lại cho từng khóa. Tất nhiên, việc xem lại CTMH cũng thường chỉ nên thực hiện khi có đánh giá khảo sát cụ thể về ưu và nhược điểm và mức độ cần thiết của môn học với thị trường lao động, điều này càng thể hiện tính “định hướng thị trường”, đào tạo theo nhu cầu xã hội của GDDH [87].

Theo quan điểm của tác giả Lê Đức Ngọc: *chương trình môn học* là văn bản xác định mục tiêu môn học, phân bố định tính và định lượng nội dung kiến thức môn học, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả tiếp thu học, đáp ứng cho mỗi mục tiêu chương trình và đối tượng đào tạo [63].

Theo đại từ điển tiếng Việt, môn học là bộ phận gồm những trí thức về một môn khoa học, trong chương trình học tập nào đó [87].

Môn học là khối kiến thức và kỹ năng của một phần chương trình bộ môn cần dạy học trong một học kỳ ở bậc đại học [87].

Mục tiêu: Những lời khẳng định bao quát về những chủ định và mong muốn [52], [67], [88].

Mục tiêu chung (aims): Những lời khẳng định rộng khái quát về điều dự định đạt được [52], [67], [88], [101].

Nội dung: Những phần kiến thức trong một môn học, khoá học [52], [67].

Nội dung giảng dạy: được thể hiện cụ thể trong chương trình các môn học trong chương trình đào tạo. Ở một góc độ nhất định, có thể hiểu nội dung giảng dạy là kiến thức cụ thể nhằm trang bị cho người học và phù hợp với mục tiêu đào tạo, là nền tảng và cội nguồn tri thức của một quốc gia, một cộng đồng trong một lĩnh vực hoạt động, đảm bảo cho sự phát triển của xã hội [63]. Theo cách tiếp cận

nội dung thì giáo dục là quá trình truyền thụ nội dung kiến thức. Chương trình giáo dục là bản phác thảo về nội dung giáo dục, qua đó người dạy biết mình cần phải dạy những gì và người học biết mình phải học những gì. Theo cách tiếp cận này thì chương trình giáo dục cũng chính là nội dung giáo dục.

Đề cương học phần môn học: là giới thiệu khái quát về học phần, liệt kê các chủ đề, nội dung học tập được cung cấp trong học phần môn học và sắp xếp theo trình tự logic để việc giảng dạy và học tập đạt hiệu quả cao nhất. Qua đó, cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan nhất về học phần: Mục tiêu, phương pháp và yêu cầu của học phần để người học có thể chọn lựa và tìm ra cách tiếp cận tốt nhất với học phần cũng như chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho việc nghiên cứu và tích lũy học phần [87], [65].

Khái niệm dạy học: Dạy học là con đường cơ bản nhất để đạt tới mục đích giáo dục tổng thể. Thông qua hoạt động dạy học cung cấp cho học sinh, sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, bồi dưỡng phương pháp tư duy sáng tạo và kỹ năng thực tiễn, nhằm nâng cao trình độ học vấn, hình thành lối sống văn hóa [54].

Dạy học bao gồm hai hoạt động thống nhất biện chứng với nhau, đó là hoạt động dạy học của giáo viên và hoạt động học tập, nghiên cứu của học sinh, sinh viên. Trong đó dưới sự điều khiển của giáo viên, người học tự giác tích cực tự tổ chức điều khiển hoạt động học tập của mình nhằm thực hiện những hoạt động dạy học. Trong hoạt động dạy học, người học có vai trò tự giác, chủ động, tích cực, tự tổ chức, điều khiển hoạt động học tập của bản thân. Để hoạt động học tập của người học đạt được hiệu quả và tránh những sai lầm thì hoạt động dạy học phải có sự hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo của người Thầy. Hoạt động của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh, sinh viên có liên hệ tác động lẫn nhau. Nếu thiếu một trong hai hoạt động đó, việc dạy học sẽ không diễn ra.

Hoạt động dạy học là hoạt động trung tâm chi phối tất cả các hoạt động giáo dục khác trong Nhà trường. Đó là con đường trực tiếp và thuận lợi nhất để giúp cho người học lĩnh hội được tri thức của xã hội loài người. Mục tiêu dạy học là hình thành nhân cách người học tương thích với yêu cầu của xã hội. Dạy học là một hệ thống toàn vẹn bao gồm các thành tố cơ bản như: mục đích, nội

dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức, người dạy người học và diễn ra trong điều kiện xác định.

Tất cả các thành tố trên tồn tại tác động qua lại lẫn nhau trong một môi liên hệ hữu cơ chặt chẽ và toàn bộ quá trình thay hệ thống dạy học lại được đặt trong một môi trường kinh tế xã hội ở cả bình diện vĩ mô luật vi mô.

Nói tóm lại, dạy học là quá trình mà trong đó dưới sự tổ chức, điều khiển, lãnh đạo của giáo viên làm cho người học tự giác, tích cực, chủ động tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức học tập của mình nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học. Hoạt động dạy học làm cho sinh viên nắm vững tri thức khoa học một cách có hệ thống, cơ bản, có những kỹ năng, kỹ xảo cần thiết trong học tập, lao động và trong đời sống. Hoạt động này làm phát triển tư duy độc lập, sáng tạo, hình thành những năng lực cơ bản về nhận thức và hành động của sinh viên, hình thành ở sinh viên thế giới quan khoa học, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

Đánh giá: Tập hợp và phân tích của các dữ liệu được đo đạc một cách khách quan và sử dụng chúng để đạt được một kết luận về thực tế giáo dục hoặc kinh nghiệm [3], [4], [26].

Quan điểm 1, Tiêu chí: là các tiêu chuẩn dùng để kiểm định hay để đánh giá một đối tượng mà bao gồm các yêu cầu về chất lượng, mức độ hiệu quả, khả năng, tuân thủ các quy tắc và quy định, kết quả cuối cùng là tính bền vững của các kết quả đó [67].

Quan điểm 2, Tiêu chí: còn được xem như những điểm kiểm soát và là chuẩn mực để đánh giá chất lượng của đầu vào và quá trình đào tạo (Johnes & Taylor, 1990). Trong thực tế chưa có sự khác biệt rõ ràng giữa chuẩn mực và tiêu chí, nhưng đôi khi tiêu chí được sử dụng như những yêu cầu cụ thể hơn so với chuẩn mực. Vì vậy, nhiều người vẫn quan niệm rằng tiêu chí nằm trong chuẩn mực hay mỗi chuẩn mực có một hay nhiều tiêu chí. Trong tiếng Việt, thuật ngữ standard thường được dùng là chuẩn mực, nhưng trong từ điển Anh - Việt thì standard là (1.) Tiêu chuẩn, chuẩn, mẫu; (2.) Mức độ phẩm chất đòi hỏi, mức độ phẩm chất mong đợi, mức độ phẩm chất được chấp nhận; (3.) Trình độ, mức; (4.) Mức độ trung bình; (5.) Mức cụ thể của chuyên môn...

Trong các văn bản quy phạm pháp luật, thuật ngữ “tiêu chuẩn” được dùng thay cho các thuật ngữ “chuẩn mực”. Vì vậy, tác giả cho rằng, chúng ta có thể dùng thuật ngữ “chuẩn mực” nhưng trong các văn bản quy phạm pháp luật nên dùng thuật ngữ “tiêu chuẩn” [67].

Quan điểm 3, Tiêu chí: là sự cụ thể hóa của chuẩn mực, chỉ ra những căn cứ để đánh giá chất lượng, (Tiêu chí có thể đo được) [67].

Tiêu chuẩn: là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại đánh giá đối tượng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của đối tượng này [52], [67].

Vì vậy, tiêu chuẩn đôi khi bao trùm tiêu chí (trong tiêu chuẩn có nhiều tiêu chí (gọi là tiêu chuẩn cấp I, tiêu chí cấp I), dưới các tiêu chuẩn và tiêu chí cấp I, chúng ta có thể có bộ tiêu chí nhỏ hơn cấp II và tiêu chí cấp II, gọi là “Chí bảo”, hay gọi là các tiêu chuẩn và tiêu chí minh chứng cho bộ nguồn [67], [88], [101].

Nguồn dạy học: Tài liệu, phương tiện cơ sở vật chất mà giảng viên sử dụng trong lớp học [34].

Như vậy có thể thấy quá trình tìm hiểu các thông tin liên qua đến khái niệm những vấn đề nghiên cứu là nền tảng để luận án làm cơ sở cho các bước nghiên cứu tiếp theo.

1.4.2. Mục tiêu yêu cầu xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

Mục tiêu: Chương trình môn học bơi vũ trang cần đạt được mục tiêu về kiến thức, về kỹ năng và về thái độ:

Về kiến thức: Kết thúc quá trình học tập bơi vũ trang, sinh viên sẽ hiểu về những kiến thức về môn bơi, nhận thức chung về bơi và nguyên lý kỹ thuật bơi, những điều kiện đảm bảo, tình huống thường gặp, nguyên nhân và cách xử lý trong quá trình bơi, kiến thức chuyên môn, những kiến thức về khái niệm, ý nghĩa tác dụng, nguyên lý kỹ thuật của môn bơi đạt tốc độ nhanh nhất, bơi ứng dụng của lực lượng vũ trang, kỹ năng bơi cứu đuối, và các trường hợp vận dụng trong thực tiễn.

Về kỹ năng: Kỹ năng tự chủ, các sinh viên có những kỹ năng xử lý trong môi trường nước, thực hiện thành thạo các kỹ năng bơi, kỹ năng lặn, kỹ năng bơi diu người... các kỹ năng tự bảo vệ tính mạng của bản thân mình trong môi trường nước. Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn (khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng được đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp, khả năng phát hiện và giải quyết hợp lý vấn đề trong nghề nghiệp); Kỹ năng đánh giá tình huống và xử lý tình huống khi có người bị đuối nước. Trang bị những kỹ năng bơi vận dụng tiếp cận mục tiêu đảm bảo yếu tố bí mật, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình áp sát, bất ngờ nâng cao hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Về thái độ (phẩm chất đạo đức): Phẩm chất đạo đức cá nhân (sẵn sàng đương đầu với khó khăn, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê, tự chủ, chính trực, phản biện, sáng tạo...); Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp (đạo đức nghề nghiệp thể hiện tính chuyên môn cao, hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, độc lập, chủ động...); Phẩm chất đạo đức xã hội (có trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, ủng hộ và bảo vệ cái đúng, sáng tạo và đổi mới).

Chương trình môn học bơi vũ trang nhằm mục tiêu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên Học viện CSND.

Xây dựng chương trình môn học bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, chiến thuật cơ bản về bơi vũ trang áp dụng chiến đấu trong môi trường nước, rèn luyện cho sinh viên có thể lực cường tráng, sức khỏe dẻo dai, bền bỉ; tinh thần kiên quyết, dũng cảm, bản lĩnh chiến đấu; thực hành thành thạo các nội dung, kỹ thuật bơi tốc độ, kỹ năng bơi mang bao gói quân tư trang vũ khí, kỹ năng bơi ứng dụng, kỹ năng cứu đuối, kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo phục vụ cho thực tiễn công tác trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như phục vụ đặc lực cho nhân dân trong phòng, chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ. Vì vậy, quá trình nghiên cứu xây dựng chương trình môn học bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND cần xây dựng những nội dung huấn luyện bơi dựa trên nền tảng các kỹ thuật bơi thể thao (bơi ếch và bơi trườn sấp). Bên cạnh đó chú trọng xây dựng những nội dung trang bị những kỹ năng bơi mang bao gói quân tư trang vũ khí, kỹ năng bơi ứng dụng, kỹ

năng cứu đuối, kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo phục vụ cho thực tiễn công tác trong đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới cũng như giúp nhân dân trong phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ.

Yêu cầu: Chương trình môn học bơi vũ trang đảm bảo kế thừa hợp lý và tiếp thu có chọn lọc những nội dung môn học bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang.

Khảo sát và đánh giá thực tiễn công tác giảng dạy các nội dung môn học bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang; Khảo sát được nhu cầu thực tiễn trong công tác của cán bộ chiến sĩ Công an nhân dân liên quan đến môi trường sông nước... Trên cơ sở đó, xây dựng thiết kế chương trình môn học bơi vũ trang cần giữ lại, những nội dung phát huy hiệu quả khi áp dụng trong thực tế, loại bỏ những nội dung hạn chế và bổ sung xây dựng các nội dung mới phù hợp với tình hình thực tế công tác trong đấu tranh phòng chống tội phạm, cũng như phục vụ đắc lực cho nhân dân trong phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ.

Chương trình môn học bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND cần xuất phát từ thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, công tác cứu hộ, cứu nạn.

Trong những năm gần đây, tình trạng tội phạm có sử dụng vũ lực để thực hiện hành vi phạm tội, tấn công chống lại cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân diễn biến phức tạp, ngày càng liều lĩnh. Số vụ các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội trên môi trường sông nước ngày càng nhiều và thực tiễn trong truy bắt tội phạm trên môi trường sông nước đã xảy ra những hậu quả rất nghiêm trọng, có những cán bộ chiến sĩ CAND đã hy sinh do kỹ năng bơi lội, kỹ năng bơi ứng dụng và xử lý các tình huống dưới nước không đáp ứng yêu cầu thực tế. Bên cạnh việc áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp khác nhau nhằm đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này, lực lượng Công an nhân dân cũng luôn sẵn sàng giúp đỡ nhân dân đồng bào trong các cuộc giải cứu phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ. Việc sử dụng các kỹ năng bơi phải đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đó là truy đuổi tiếp cận, khống chế đối tượng, kỹ năng diu nạn nhân, kỹ năng cứu đuối... đòi hỏi mọi cán bộ chiến sĩ

Công an nhân dân phải có nền tảng thể lực sung mãn và các kỹ năng chuyên ngành thuần thực.

1.5. Thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước hiện nay

1.5.1. Công tác phòng chống tội phạm hoạt động trên môi trường sông nước hiện nay

Trong những năm qua, tình hình tội phạm diễn ra trên các tuyến giao thông có nhiều diễn biến phức tạp. Theo báo cáo thống kê của Cục Cảnh sát giao thông, trong hai năm 2018 và 2019, lực lượng Cảnh sát giao thông đã trực tiếp phối hợp với các lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện 12.259 vụ, bắt giữ 9.404 đối tượng dấu hiệu của tội phạm hoạt động trên các tuyến giao thông (năm 2018, lực lượng Cảnh sát giao thông đã trực tiếp và phối hợp với các lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện 4.962 vụ, bắt giữ 3.286 đối tượng có dấu hiệu của tội phạm hoạt động trên các tuyến giao thông thu giữ nhiều tang vật, hàng hóa; năm 2019, lực lượng Cảnh sát giao thông đã trực tiếp và phối hợp với các lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện 7.297 vụ bắt giữ 6.117 đối tượng có dấu hiệu phạm tội trên các tuyến giao thông; thu giữ nhiều tang vật, hàng hóa chuyển các cơ quan chức năng xử lý theo quy định) [48].

Việt Nam là quốc gia có hệ thống sông ngòi rộng lớn và dày đặc, phong phú về tài nguyên. Nước ta có tới 2.360 con sông, kênh, rạch lớn nhỏ với tổng chiều dài khoảng 41.900 km, nhưng mới quản lý và khai thác được 8.036 km. Lợi dụng những vấn đề đó và những điều kiện về mặt địa hình các đối tượng có điều kiện để hoạt động phạm tội và trốn tránh sự truy bắt của cơ quan chức năng khi bị truy nã hoặc bị các lực lượng chức năng trấn áp trên đất liền. Theo số liệu của Cục cảnh sát giao thông (CSGT), từ năm 2012 đến 2016 trên đường thủy xảy ra 1.772 vụ phạm tội về hình sự; 2.095 vụ phạm tội về kinh tế; 406 vụ phạm tội về ma túy và 113 vụ phạm tội về môi trường [47].

Các loại tội phạm hoạt động trên sông nước đa dạng về thành phần, lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn. Các đối tượng thường cấu kết với nhau thành băng nhóm hoạt động phạm tội; sử dụng các phương thức, thủ đoạn khác

nhau. Đặc biệt, nhiều đối tượng lợi dụng đặc điểm địa hình sông nước để hoạt động. Tội phạm trên sông nước đa dạng bao gồm các loại tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường. Trong đó, tội phạm hình sự trên đường thủy xảy ra với số lượng lớn. Các đối tượng chủ yếu phạm tội như trộm cắp tài sản, cướp tài sản, cưỡng đoạt tài sản, chống người thi hành công vụ... Theo số liệu thống kê, từ năm 2012 đến năm 2016, trong 411 vụ trộm cắp tài sản thì có 203 vụ phạm tội xảy ra ở các tuyến ven biển (chiếm 49%) và 116 vụ xảy ra trên tuyến sông các tỉnh Nam Bộ (chiếm 25%); tài sản mà các đối tượng thường chiếm đoạt là phương tiện thủy, máy thủy; hàng hóa trên tàu, thuyền trên hành trình vận chuyển. Đối tượng phạm tội thường hành động vào ban đêm và nguy trang kín đáo. Quá trình phạm tội, các đối tượng sử dụng những ám tín hiệu hoặc trao đổi nhanh qua điện thoại gây khó khăn cho quá trình trinh sát của lực lượng Cảnh sát đường thủy. Mặc dù tội phạm giết người, chống người thi hành công vụ, cố ý gây thương tích trên đường thủy... xảy ra không nhiều nhưng có nguy cơ gia tăng gây hoang mang, lo lắng cho quần chúng [47].

Tội phạm kinh tế hoạt động phạm tội trên đường thủy chiếm tỷ lệ lớn nhất và có nhiều diễn biến khá phức tạp. Tập trung ở một số tội danh như: tội buôn lậu; tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hàng cấm; tội trốn thuế... Đối tượng hoạt động trên hầu hết các địa bàn đường thủy, chủ yếu tập trung ở các tuyến ven biển từ Trung Quốc về Quảng Ninh, Hải Phòng, trên tuyến này đối tượng phạm tội chủ yếu buôn lậu các mặt hàng như than, quặng, vật liệu xây dựng, hàng điện tử, vận chuyển hàng cấm như pháo, thuốc nổ; các tuyến ven biển từ các nước Nam Á về Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, An Giang, trên tuyến này các đối tượng tập trung buôn lậu xăng dầu, hàng tiêu dùng; các tuyến sông từ Campuchia về các tỉnh miền Tây Nam Bộ, trên tuyến này mặt hàng buôn lậu chủ yếu là thuốc lá [80].

Tội phạm ma túy, chủ yếu là các loại tội phạm buôn bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép các chất ma túy trên đường thủy. Các đối tượng chủ yếu sử dụng tuyến đường thủy Việt Nam làm con đường trung chuyển đi các quốc gia khác. Vì vậy, việc vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma túy từ nước ngoài vào Việt Nam hay từ Việt Nam đi các nước xảy ra hàng năm luôn là thách thức đối

với các cơ quan quản lý Nhà nước trên đường thủy, trong đó có lực lượng Cảnh sát đường thủy. Các tuyến đường thủy chủ yếu mà bọn tội phạm thường lợi dụng để vận chuyển ma túy vào Việt Nam là từ Bắc Lào vào Việt Nam rồi theo tuyến sông Đà về Sơn La, Hoà Bình và các tỉnh phía Bắc; hay tuyến từ Trung Lào vào Việt Nam rồi theo các tuyến sông Nậm Non, Nậm Mộ, sông Lam về Vinh (Nghệ An); từ Campuchia vào Việt Nam rồi theo các tuyến sông, kênh về Thành phố Hồ Chí Minh [80].

Trước diễn biến phức tạp của các loại tội phạm trên sông nước, lực lượng Cảnh sát luôn chú trọng đến công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hoạt động trên địa bàn sông nước bên cạnh những kết quả đã đạt được còn bộc lộ nhiều hạn chế, thiếu sót. Trong đó đã xảy ra tình trạng không phát hiện, bắt giữ được các đối tượng tội phạm, để các đối tượng chạy trốn, chống trả lại cán bộ, chiến sĩ. Rất nhiều trường hợp cán bộ chiến sĩ hy sinh khi làm nhiệm vụ trên môi trường sông nước điển hình như: ngày 03/8/2006 thượng sỹ Nguyễn Mạnh Hùng là Công an trinh sát hình sự trạm cảnh sát Trung Giã đã hy sinh khi đuổi bắt đối tượng Ngô Đức Thúc (đối tượng trộm cắp tài sản) bỏ trốn khi bơi qua hồ thả cá trên địa bàn Sóc Sơn - Hà Nội. Ngày 05/10/2015 thiếu úy Vũ Văn Nam là Công an đội Cảnh sát điều tra tội phạm hình sự - kinh tế - ma túy, công an huyện Đắc Song tỉnh Đắc Nông, đã hy sinh khi đuổi theo nghi can mua bán ma túy Vũ Văn Tiến bỏ trốn trên hồ thủy lợi ở xã Trường Xuân. Hay vụ 03 cán bộ chiến sĩ công an huyện Vũ Quang xã Đức Liên, tỉnh Hà Tĩnh bị chìm thuyền qua sông Ngàn Sâu khi đi điều tra vụ mất trộm, làm 03 chiến sĩ bị hy sinh [98].

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tai nạn nghề nghiệp trên tuy nhiên kỹ năng bơi lội, kỹ năng bơi ứng dụng và xử lý các tình huống dưới nước của cán bộ, chiến sĩ yếu kém cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến hậu quả tổn thương nghiêm trọng cho lực lượng CSND. Do đó để đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đòi hỏi các cán bộ, chiến sĩ ngoài việc được trang bị kỹ năng pháp luật nghiêm vụ, cần được trang bị những kỹ năng, kỹ xảo

về bơi, bơi tiếp cận mục tiêu, kỹ năng bơi ứng dụng và kỹ năng bơi cứu đuối và kỹ năng chiến đấu dưới nước.

1.5.2. Công tác ứng phó thiên tai lũ lụt sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn của lực lượng vũ trang nhân dân

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu nhiều thiên tai nhất trên thế giới, với khoảng 70% dân số sẽ phải đối mặt với những rủi ro vì bão, mưa lớn và lũ lụt. Bờ biển dài, địa hình rừng núi có độ dốc cao, nhiều sông suối và khí hậu nhiệt đới gây ra nhiều bão, mưa lớn, dẫn đến các hiện tượng lũ ống, lũ quét khiến Việt Nam sẽ phải chịu thiên tai và thời tiết khắc nghiệt với tần suất ngày càng gia tăng. Hậu quả để lại là thiên tai gây thiệt hại về người, phá hủy nhà cửa, ruộng đồng khiến người dân mất phương tiện sinh sống và đẩy họ trở lại cảnh nghèo đói. Theo thống kê của Tổng cục phòng chống thiên tai, năm 2019 ở Việt Nam, thiên tai không diễn ra dồn dập và khốc liệt nhưng vẫn mang nhiều yếu tố cực đoan, dị thường trên khắp các vùng miền của cả nước với 16/21 loại hình thiên tai, trong đó có 12 trận rủi ro thiên tai cấp độ 3 với 08 cơn bão và 04 trận áp thấp nhiệt đới, gây thiệt hại lớn về kinh tế, ước tính khoảng 7000 tỉ đồng, là 133 người chết và mất tích [97].

Vai trò của lực lượng vũ trang nhân dân trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị, của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, các tổ chức, mọi người dân và cần được tiến hành với sự đồng thuận và quyết tâm cao, từ phạm vi địa phương, vùng, quốc gia đến toàn cầu. Để làm tốt công tác này đòi hỏi phải có sự nỗ lực và phối hợp chặt chẽ của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành, các tổ chức và mọi người dân, trong đó có lực lượng CAND. Vai trò của lực lượng CAND trong ứng phó với biến đổi khí hậu được thể hiện qua nhiều nội dung trong đó có nội dung: Tham mưu và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu tại các địa phương. Đảm bảo được an toàn về tính mạng, tài sản cho người dân và đảm bảo phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật lợi dụng điều kiện thiên tai, rủi ro để phát sinh phát triển đảm bảo giữ gìn trật tự xã hội khi có tác động, ảnh hưởng

biến đổi khí hậu xảy ra trên địa bàn cả nước. Ủy ban ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn của Bộ Công an thường tổ chức chương trình huấn luyện, diễn tập phương án phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn; công tác ra soát, thống kê, đánh giá thực lực phương tiện, vật tư; phân loại, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, thiết bị để phục vụ công tác phòng, chống lụt bão.

Các trường CAND: Với chức năng nhiệm vụ được giao là đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng, trình độ của đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trong CAND. Thực hiện các nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu của lực lượng CAND, các trường trong CAND cần quán triệt thực hiện một số nội dung sau: Tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, thực hiện nội dung giảng dạy góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, sinh viên, sinh viên trong CAND. Xây dựng lực lượng dự bị thuộc các trường CAND theo sự chỉ đạo của Bộ Công an, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ ứng phó với thiên tai khi có yêu cầu.

Trong thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn cán bộ, chiến sĩ luôn thể hiện rõ phẩm chất của người chiến sĩ Công an, không ngại hy sinh, gian khổ, quên mình cứu giúp nhân dân, được Đảng và nhân dân ghi nhận, tin yêu. Hình ảnh người chiến sĩ CAND trong phòng chống thiên tai, lụt bão, cứu hộ, cứu nạn, đảm bảo an ninh, trật tự, tham gia di dời sơ tán dân giúp dân khắc phục hậu quả thiên tai ngày càng được ghi nhận nhiều và đậm nét. Cấp ủy, Chính quyền địa phương và nhân dân các địa phương chịu ảnh hưởng của thiên tai lụt, bão luôn đánh giá cao phẩm chất “Vì nước quên thân, vì dân phục vụ” của cán bộ, chiến sĩ CAND trong phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

Không chỉ trong công tác phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn, mà ngay trong cuộc sống hàng ngày các chiến sĩ lực lượng CAND không ngại hiểm nguy để cứu giúp người gặp nạn. Hàng năm có nhiều chiến sĩ điển hình, tiêu biểu, nêu gương sáng trong hành động cứu người đuối nước được người dân ghi nhận, tôn vinh tinh thần dũng cảm, sẵn sàng xả thân hy sinh vì bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Như những chiến sĩ tiêu biểu gần đây nhất là: 31/3/2020 Trung tá Trương Thụy Hải phó trưởng Công an huyện Văn Bàn tỉnh Lào Cai, đang trên

đường đi làm nhiệm vụ thấy 2 cháu đứng trên bờ hồ có người chèo thuyền, không ngần ngại đồng chí Hải đã nhảy xuống hồ và cứu sống cháu 3 tuổi ở Hồ công viên thị trấn; Đầu tháng 1/2020 Đại úy Nguyễn Phát Đạt Công an đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy xã Trảng Bàn tỉnh Tây Ninh, trên đường đi điều tra đối tượng phạm tội ma túy thấy 01 người có hiện tượng đuối nước, ngay lập tức đồng chí Đạt đã bơi ra và cứu 01 e học sinh cấp 02 bị đuối nước trên sông. Hay 30/10/2019 Tổ công tác trạm An Dương phòng Cảnh sát đường thủy thuộc Công an Thành phố Hải Phòng do đồng chí Vũ Mạnh Hùng làm tổ trưởng đã cứu 02 người bị chìm thuyền đuối nước trên sông ở huyện Lê Chân trong khi đang đi tuần tra trên sông...[98].

Từ những thống kê thực tiễn trên cho thấy vai trò tiên phong của lực lượng vũ trang nhân dân nói chung và lực lượng CAND luôn là lực lượng đầu tiên có mặt tại các điểm nóng về thiên tai, thảm họa, sự cố, lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị thực sự coi nhiệm vụ phòng, chống lụt, bão như nhiệm vụ chiến đấu, kịp thời có mặt tại hiện trường cùng lãnh đạo địa phương chỉ huy điều hành, xử lý các tình huống; kịp thời tổ chức sơ tán nhân dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, tiếp tế, cấp cứu nhân dân vùng ngập lụt... hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Do vậy việc trang bị kỹ năng phòng chống đuối nước, kỹ năng nghề khi còn ngồi trên ghế nhà trường là điều cần thiết đối với các chiến sĩ CAND.

1.6. Lịch sử các công trình nghiên cứu có liên quan

1.6.1. Các công trình nghiên cứu nước ngoài

Trên thế giới xây dựng phát triển chương trình đào tạo và quản trị đào tạo theo chuẩn đầu ra đã được các Trường Đại học trên thế giới khởi động vào những năm 60 của thế kỷ trước. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, hầu hết các chuẩn đầu ra đều nhấn mạnh vào mặt định lượng và rất phức tạp. Nhấn mạnh định lượng thể hiện ở việc đề ra rất nhiều chỉ tiêu về chương trình, về giảng dạy, học tập và đánh giá. Phức tạp thể hiện ở một hệ thống đánh giá qua nhiều cấp, trong đó giảng viên giữ vai trò quyết định trong việc đánh giá kết quả thi kết thúc một chương trình đào tạo. Phương pháp đào tạo và quản trị đào tạo theo

chuẩn đầu ra của những năm 60 đã sớm bộc lộ những vấn đề: Nhiều sinh viên cho rằng họ có thể đạt được chuẩn đầu ra khi kết thúc chương trình mà không cần cố gắng trong quá trình đào tạo; Có sự tách rời giữa dự định học tập của người học và kết quả học tập. Giảng viên đóng vai trò trung tâm trong chu kỳ đào tạo theo chuẩn đầu ra đẩy người học vào thế bị động, ít quyền lựa chọn sáng tạo; chuẩn đầu ra chỉ tập trung vào trang bị kiến thức chuyên môn thông qua xây dựng chương trình về các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành của các Trường Đại học bên cung cấp dịch vụ đào tạo [31].

Vào cuối những năm 70 và đầu những năm 80 của thế kỷ trước, xây dựng chương trình chuẩn đầu ra của hầu hết các Trường Đại học ở Hoa Kỳ và Châu Âu đều xác định rõ do hệ quả của thay đổi khoa học kỹ thuật và công nghệ, thay đổi môi trường xã hội và văn hóa nên đào tạo và quản trị đào tạo phải đặt trên nền tảng khoa học gắn với rèn luyện kỹ năng. Những người sử dụng lao động trong giai đoạn này đã nhận thấy sự thay đổi về kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên tốt nghiệp và họ đã có những phản hồi tích cực hơn. Chuẩn đầu ra của một chương trình đào tạo phải dựa trên quan điểm của tất cả các chủ thể liên quan đến chương trình đào tạo, đó là sinh viên, tổ chức (doanh nghiệp), giảng viên đại học và xã hội. Sinh viên là khách hàng trực tiếp, họ là những người nhận giá trị của các chương trình đào tạo do Trường Đại học cung cấp. Sinh viên là người trả tiền cho dịch vụ đào tạo nên sự lựa chọn của sinh viên sẽ là tiêu chuẩn trực tiếp để đánh giá một chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra được thiết kế. Sinh viên còn là những nhà đầu tư khi họ lựa chọn một chương trình đào tạo với những chuẩn nhất định. Các tổ chức sẽ là người sử dụng sinh viên do Trường Đại học đào tạo, đồng thời thẩm định các sản phẩm của Trường Đại học. Các tổ chức còn bao gồm cả cựu sinh viên đang làm việc sẽ có tiếng nói quan trọng và chuẩn xác nhất về giá trị mà Trường Đại học mang lại cho họ trong dài hạn [64].

Đến cuối những năm 90 các Trường Đại học tập trung vào nghiên cứu quy trình xây dựng chương trình chuẩn đầu ra và thang đo để đánh giá năng lực thực hiện chuẩn đầu ra đối với người học. Giai đoạn này, chuẩn đầu ra được

xem là cơ sở để đánh giá năng lực của người học thông qua kiến thức, kỹ năng và thái độ mà sinh viên thu nhận sau quá trình trải nghiệm học tập. Phương pháp đánh giá bao gồm kiểm tra viết, kiểm tra vấn đáp (đối thoại với sinh viên), và kỹ năng thực hành, thực tập, quan sát thái độ học tập và nghiên cứu, đánh giá thông qua thuyết trình và các hoạt động khác của sinh viên. Cách thức đánh giá cũng được đổi mới. Có thể đánh giá ngang (peer evaluation) do giáo viên tiến hành, có thể khuyến khích tự đánh giá hoặc lập hồ sơ đánh giá cho từng sinh viên (student portfolio) và đưa ra kết quả sau mỗi học sinh và chương trình đào tạo. Việc đánh giá như vậy dựa trên cơ sở chuẩn đầu ra đã được công bố và người học phải phấn đấu đạt được. Nó khuyến khích việc học tập trong môi trường mang tính hỗ trợ và hợp tác cao, góp phần thực hiện phương châm đào tạo hiện đại. Thầy và trò cùng học và cùng nghiên cứu.

Đào tạo và quản trị đào tạo theo chuẩn đầu ra của những năm 90 được ứng dụng cho những năm đầu thế kỷ XXI với những điểm nhấn quan trọng. Trước hết, thang đo đánh giá đã được phát triển trên cơ sở quan điểm của B.J. Bloom với 06 cấp độ (ghi nhớ, hiểu, ứng dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Sử dụng thang đánh giá của B.J. Bloom, nhiều giảng viên và nhà quản trị đào tạo thấy rằng khó có thể ứng dụng thang đánh giá với 06 cấp độ và đã đơn giản hóa bằng cách gộp thang đánh giá thành 03 cấp độ cấp độ, thứ nhất là tiếp thu và ghi nhớ; cấp độ thứ hai là kết hợp hiểu và ứng dụng; cấp độ thứ ba là khả năng giải quyết vấn đề. Nghĩa là chuyên tải được kiến thức và kỹ năng đã có vào những hoàn cảnh mới [100].

Cùng với thay đổi thang đo, chuẩn đầu ra được xác định là một quá trình liên tục xây dựng và đổi mới với các bước thực hiện chặt chẽ. Nhiều Trường Đại học đã thực hiện một số bước sau đây: *Bước một*, tổ chức các cuộc thảo luận giữa giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và đại diện các tổ chức về những yêu cầu đối với sinh viên tốt nghiệp gồm ghi nhớ, hiểu và có khả năng thực hiện những công việc gì; *Bước hai*, tập hợp các ý kiến và xây dựng chuẩn đầu ra sơ bộ. Xem xét và thảo luận chuẩn đầu ra cho phù hợp trước khi cần biết lần cuối. Các tiêu chuẩn của chuẩn đầu ra sẽ thay đổi theo thời gian phù hợp với sự thay

đổi của từng lĩnh vực mà Đại học phục vụ, nhu cầu và đặc điểm của sinh viên; *Bước ba*, chuyển tải chuẩn đầu ra vào các chương trình đào tạo phù hợp với cấp đào tạo. Mục tiêu và các tiêu chuẩn của chuẩn đầu ra cũng phải được chuyển tải vào nội dung đề cương của từng học phần, đặc biệt là những học phần cốt lõi và bắt buộc; *Bước bốn*, thu thập các ý kiến phản hồi từ sinh viên về chuẩn đầu ra đối với từng học sinh và đối với toàn bộ chương trình đào tạo; *Bước năm*, hiện thực hóa các yêu cầu của chuẩn đầu ra đến người học thông qua xây dựng hệ thống câu hỏi thi, đề thi, bài tập cho từng học phần theo các chương trình đào tạo để đánh giá kết quả học tập của sinh viên; *Bước sáu*, thu thập các dữ liệu đào tạo, thảo luận với các giảng viên và sinh viên vào cuối mỗi học kỳ hoặc cuối năm học để sửa đổi chuẩn đầu ra, điều chỉnh phương pháp giảng dạy, chương trình học phần hoặc chương trình đào tạo; *Bước bảy*, thực hiện lại các bước trên khi cần hoàn thiện chuẩn đầu ra và nâng cao chất lượng đào tạo của các chương trình đào tạo của Trường Đại học [50].

Như vậy, có thể thấy qua chiều dài lịch sử phát triển xây dựng chương trình đào tạo và quản trị đào tạo theo chuẩn đầu ra trên thế giới đã và đang thực hiện theo quy trình một cách chặt chẽ và thống nhất giữa các trường đại học trên thế giới.

1.6.2. Các công nghiên cứu trong nước

Chuẩn đầu ra là một bộ phận quan trọng đảm bảo và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo mà các tổ chức thẩm định chương trình đào tạo trong nước, luôn đòi hỏi các tổ chức đào tạo phải cung cấp đầy đủ các tiêu chí nhằm thực hiện chuẩn đầu ra của các chương trình để kiểm định và đánh giá. Tại Việt Nam, đào tạo và quản trị đào tạo theo chuẩn đầu ra được tiến hành vào giữa những năm 2000. Bộ Giáo dục đào tạo yêu cầu các Trường Đại học phải công bố chuẩn đầu ra chậm nhất vào 12/2008. Tuy nhiên, cho đến tháng 3/2011 chỉ có 215 (chiếm 53,7%) Trường Đại học và Cao đẳng công bố chuẩn đầu ra. Nhiều Trường Đại học và Cao đẳng đang tiếp tục xây dựng và công bố chuẩn đầu ra theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo.

Qua nghiên cứu thực tế xây dựng chuẩn đầu ra và thực hiện quản trị đào tạo theo chuẩn đầu ra ở một số Trường Đại học Việt Nam cho thấy: Nhiều quan điểm vẫn cho rằng, chuẩn đầu ra tương ứng với mục tiêu đào tạo nên chỉ cần lấy mục tiêu đào tạo của các ngành, các chương trình đào tạo đã được duyệt tổng hợp thành chuẩn đầu ra và quá trình triển khai thực hiện như thực hiện chương trình đào tạo; Tầm quan trọng của chuẩn đầu ra và đào tạo theo chuẩn đầu ra chưa được nhận thức đầy đủ bởi giảng viên, sinh viên và cán bộ quản trị đào tạo có liên quan nên khả năng triển khai thực hiện sẽ gặp nhiều khó khăn; Thang đo còn mang nặng tính truyền thống. Nhiều Trường Đại học và Cao đẳng chỉ chú ý đến tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm) mà không xây dựng thang đo nên việc xây dựng các công cụ đánh giá như câu hỏi thi, đề thi, bài tập, v v... chưa đánh giá được các mức độ năng lực của sinh viên; Nhiều chuẩn đầu ra công bố chỉ dựa trên mong muốn chủ quan của các Trường Đại học và Cao đẳng mà không xét đến nhu cầu của người sử dụng lao động, nhu cầu của xã hội và nhu cầu của sinh viên nên mức độ năng lực của sinh viên rất khác nhau; Nhận thức về đào tạo và quản trị đào tạo theo chuẩn đầu ra là một cam kết của Trường Đại học với xã hội về chất lượng đào tạo và thể hiện trách nhiệm xã hội của Trường đại học chưa đầy đủ. Nhận thức này cũng chưa thực sự là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Trường Đại học.

Về vấn đề quản lý xây dựng, đánh giá chương trình môn học trình độ đại học và phương pháp thiết kế chuẩn đầu ra môn học đã có một số công trình nghiên cứu đề cập đến như các tác giả, Trần Hữu Hoan năm 2011, luận án tiến sĩ “Quản lý xây dựng và đánh giá chương trình môn học trình độ đại học trong học chế tín chỉ”, tác giả đã nghiên cứu, các mô hình phát triển chương trình trên thế giới và Việt Nam để từ đó lựa chọn mô hình để xây dựng và đánh giá trình độ đại học trong học chế tín chỉ, luận án trên tác giả mới chỉ đề cập đến xây dựng và đánh giá chương trình một môn học trong học chế tín chỉ, còn cả hệ thống các môn học trong chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ thì chưa được đề cập đến [51].

Năm 2012, Nguyễn Cẩm Ninh, luận án tiến sĩ “Nghiên cứu xây dựng nội

dung giảng dạy cử nhân ngành quản lý thể dục thể thao” tác giả đã nêu lên những quan điểm hệ thống và những cơ sở lý luận khi thiết kế nội dung đào tạo ngành quản lý Thể dục thể thao (TDTT), cũng như những yếu tố và những điều kiện đảm bảo khi xây dựng nội dung, chương trình đào tạo cử nhân ngành quản lý TDTT và các nội dung kiểm tra, đánh giá, để từ đó xây dựng nội dung giảng dạy cử nhân ngành quản lý TDTT và tiêu chí đánh giá năng lực chuyên môn cử nhân ngành quản lý TDTT [60].

Bài báo khoa học (2015), “Phương pháp thiết kế chuẩn đầu ra môn học theo định hướng phát triển năng lực”, tạp chí Khoa học Giáo dục, số 118 của tác giả Nguyễn Thị Hạnh đã xây dựng quy trình thiết kế chuẩn đầu ra môn học gồm các bước: Bước 1, khái niệm về năng lực; Bước 2, xác định thành phần của năng lực; Bước 3, xác định chỉ số hành vi (các chỉ báo); Bước 4, xác định các mức chất lượng; Bước 5, thực nghiệm đo lường năng lực [38].

Năm 2016, Nguyễn Thị Hồng Lê, luận văn Thạc sĩ “Quản lý dạy học môn tiếng Anh đáp ứng chuẩn đầu ra cho sinh viên ngành Hàng hải ở trường Cao đẳng nghề VMU” tác giả tiếp cận theo hướng nghiên cứu về quản lý dạy học môn tiếng Anh đáp ứng chuẩn đầu ra cho sinh viên đã đề xuất được 06 biện pháp tăng cường quản lý dạy học môn tiếng Anh đáp ứng chuẩn đầu ra cho sinh viên đó là: Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc dạy môn tiếng Anh cho sinh viên ngành hàng hải, đội ngũ cán bộ và giáo viên; Đổi mới phương pháp dạy tiếng Anh cho phù hợp với trình độ của sinh viên; Bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh cho giáo viên; Tổ chức các hoạt động ngoại khóa sử dụng tiếng Anh cho sinh viên; Bồi dưỡng các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên tiếng Anh; Đổi mới công tác kiểm tra đánh giá [56].

Năm 2016, Nguyễn Thành Nam luận văn Thạc sĩ “Quản lý dạy nghề theo tiếp cận chuẩn đầu ra ở Trung tâm dạy nghề và đào tạo lái xe Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1”, đề tài nghiên cứu với mục đích đánh giá thực trạng công tác quản lý dạy nghề, từ đó đề xuất một số biện pháp quản lý dạy nghề theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề ở Trung tâm đào tạo lái xe Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1[61].

Liên quan đến công tác nghiên cứu chuyên ngành gần đây nhất tác giả Hà Mười Anh, (2015) với đề tài khoa học cấp cơ sở “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác huấn luyện bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành cảnh sát vũ trang Sinh viên cảnh sát nhân dân” thông qua phân tích thực trạng công tác đào tạo, huấn luyện bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành cảnh sát vũ trang Sinh viên CSND tác giả đã làm rõ một số tồn tại, hạn chế nhất định do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan như nội dung chương trình giảng dạy, cơ sở vật chất đảm bảo, kế hoạch nhằm triển khai các công việc liên quan, cơ chế phối hợp giữa các đơn vị chức năng liên quan, chỉ tiêu biên chế cán bộ làm công tác huấn luyện bơi vũ trang tại khoa Nghiệp vụ CSVT Học viện CSND. Đó là những cơ sở khoa học để tác giả dự báo và đề xuất 07 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác huấn luyện bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang tại Học viện CSND. Trong đó có 04 giải pháp trước mắt 03 giải pháp lâu dài: Với các nội dung giải pháp liên quan đến nội dung, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất mang tính chất chiến lược của Học viện cần phải có thời gian để đề xuất với lãnh đạo Học viện CSND, lãnh đạo Bộ Công an phê duyệt [1].

Năm 2016, Đỗ Ngọc Cương luận án tiến sĩ “Nghiên cứu xây dựng chương trình Thể thao nâng cao cho sinh viên Đại học Thái Nguyên” tác giả đã đánh giá được thực trạng công tác GDTC của các trường thuộc Đại học Thái Nguyên từ góc nhìn phân hóa trong giáo dục. Kết quả này góp phần đánh giá, toàn diện hơn về công tác GDTC cho sinh viên tại Đại học Thái Nguyên; thứ hai xác định được nhu cầu bồi dưỡng nâng cao cho những sinh viên yêu thích và có năng khiếu thể thao. Đây là một trong những cơ sở thực tiễn để xác định mục tiêu và nội dung bồi dưỡng của chương trình Thể thao nâng cao cho sinh viên; thứ ba xây dựng được chương trình Thể thao nâng cao cho sinh viên. Đây là một lựa chọn bổ ích cho những sinh viên yêu thích và có năng khiếu thể thao. Góp phần đáp ứng nhu cầu tập luyện phong phú của sinh viên trong hoạt động thể thao [28].

Năm 2017, Mai Bích Ngọc luận án tiến sĩ “Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do cho học sinh Trung học cơ sở thành

phố Hà Nội” tác giả đã tiến hành xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do theo hướng đáp ứng mục tiêu TDTT trường học và nhu cầu xã hội. Luận án đánh giá được thực trạng hoạt động TDTT NK và hoạt động ngoại khóa môn Karate-do của học sinh THCS Tp. Hà Nội; Lựa chọn được 18 tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do thuộc 5 tiêu chuẩn, trên cơ sở đó, đánh giá thực trạng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do theo đại đẳng; Từ kết quả phân tích cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do cho học sinh THCS, luận án đã lựa chọn được 32 tiêu chí thuộc 7 tiêu chuẩn làm căn cứ xây dựng chương trình. Trên cơ sở đó, tiến hành xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do cho học sinh THCS thành phố Hà Nội [62].

Năm 2019, Nguyễn Trường Giang luận án tiến sĩ “Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông cho sinh viên Đại học khối các Trường kỹ thuật Thành phố Thái Nguyên”, tác giả đã đánh giá được thực trạng hoạt động TDTT năng khiếu và hoạt động ngoại khóa môn Cầu lông của sinh viên Đại học khối các trường kỹ thuật Thành phố Thái Nguyên; Lựa chọn được 17 tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu người tập của chương trình tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông thuộc 05 tiêu chuẩn, trên cơ sở đó, đánh giá thực trạng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông; Lựa chọn được 35 tiêu chí thuộc 07 tiêu chuẩn làm căn cứ xây dựng chương trình. Trên cơ sở đó, tiến hành xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông cho sinh viên Đại học khối các trường kỹ thuật Thành phố Thái Nguyên để đưa vào thực nghiệm qua đó đánh giá được mức độ đáp ứng mục tiêu thể thao trường học (gồm đánh giá mức độ phát triển thể lực, hiệu quả giáo dục đạo đức, mục tiêu phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao và mục tiêu phát triển phong trào TDTT NK) và đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu người tập (gồm mức độ đáp ứng nhu cầu sinh lý căn bản; nhu cầu an toàn; nhu cầu được giao lưu tình cảm và hoạt động tập thể; nhu cầu được quý trọng, kính mến và nhu cầu tự thể hiện bản thân) [33].

Các công trình nghiên cứu trên giúp tác giả hệ thống cơ sở lý luận từ đó làm tiền đề cho việc tiếp cận hướng nghiên cứu nghiên cứu xây dựng chương trình môn học chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND, tuy nhiên chương trình Bơi vũ trang là một nội dung đặc thù, khác biệt với các nội dung chương trình môn học khác, bởi bơi vũ trang phải đảm bảo phù hợp với tính chất hoạt động đặc thù của các chiến sĩ Công an trong quá trình phá án hay truy bắt tội phạm... phục vụ cho thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới, cũng như phục vụ cho nhân dân trong phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ. Do vậy xây dựng nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND cũng như phương pháp huấn luyện cũng có những đặc điểm riêng, khác biệt. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có tác giả hay công trình khoa học nào nghiên cứu xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Kết luận chương 1

Trên cơ sở phân tích các tài liệu tham khảo trong và ngoài nước về xây dựng chương trình nói chung và xây dựng chương trình môn học bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND nói riêng. Luận án đã hệ thống hóa và tập trung làm rõ quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ công an về công tác đào tạo huấn luyện chiến sĩ công an nhân dân; một số khái niệm cơ bản về bơi lội, bơi vũ trang, chương trình môn học, chuẩn đầu ra; nội dung chuẩn đầu ra bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND; một số vấn đề cơ bản về xây dựng chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND; thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước hiện nay và lịch sử các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án.

Đồng thời tại chương 1, luận án cũng đã phân tích làm rõ các yếu tố về mục đích, yêu cầu xây dựng nội dung chương trình bơi vũ trang cho sinh viên đảm bảo tính kế thừa hợp lý những nội dung huấn luyện của sinh viên chuyên ngành bơi vũ trang Khoa Cảnh sát vũ trang đồng thời phát huy nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những nội dung, những kỹ thuật, những kỹ năng cần thiết của các chuyên ngành đặc thù. Bên cạnh đó chú trọng xây dựng những nội dung trang bị những

kỹ năng bơi mang vác bao gói quân tư trang vũ khí, kỹ năng bơi ứng dụng, kỹ năng cứu đuối, kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo phục vụ cho thực tiễn công tác trong đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới cũng như giúp nhân dân trong phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ.

Luận án phân tích thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước hiện nay làm cơ sở thực tiễn nhằm đánh giá công tác phòng chống tội phạm hoạt động trên môi trường sông nước hiện nay và công tác ứng phó thiên tai lũ lụt sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn của lực lượng vũ trang nhân dân để thấy được vai trò tiên phong của lực lượng vũ trang nhân dân nói chung và lực lượng CAND luôn là lực lượng đầu tiên có mặt tại các điểm nóng về thiên tai, thảm họa, sự cố, lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị thực sự coi nhiệm vụ phòng, chống lụt, bão như nhiệm vụ chiến đấu, kịp thời có mặt tại hiện trường cùng lãnh đạo địa phương chỉ huy điều hành, xử lý các tình huống; kịp thời tổ chức sơ tán nhân dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, tiếp tế, cấp cứu nhân dân vùng ngập lụt... hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Do vậy việc trang bị kỹ năng phòng chống đuối nước, kỹ năng nghề khi còn ngồi trên ghế nhà trường là điều cần thiết đối với các chiến sĩ CAND.

Tổng quan những vấn đề lý luận được tác giả đề cập trong chương một với các nội dung như quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ công an về công tác đào tạo huấn luyện chiến sĩ công an nhân dân; một số khái niệm cơ bản về bơi lội, bơi vũ trang, chương trình môn học, chuẩn đầu ra; nội dung chuẩn đầu ra bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND; thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước hiện nay và lịch sử các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án là cơ sở, là tiền đề để luận án tiến hành nghiên cứu các nhiệm vụ của đề tài luận án đó là đánh giá thực trạng các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình bơi vũ trang cho sinh viên, từ đó làm căn cứ cho việc xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND đáp ứng nhu cầu xã hội.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được nhiệm vụ nghiên cứu trên luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

Phương pháp này được sử dụng trong quá trình nghiên cứu nhằm mục đích thu thập thông tin từ các nguồn tài liệu khác nhau như: các quan điểm của Đảng, Nhà nước về công tác GD&ĐT phát triển nguồn nhân lực, các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị, thông tư, quyết định của Đảng và Nhà nước Bộ GD&ĐT và Bộ Công an về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Rà soát, điều chỉnh chương trình giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu về chất lượng đào tạo và nhân lực của từng ngành, nghề, địa phương, toàn xã hội theo hướng tăng cường năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội; Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân; Ban hành danh mục chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện CSND, trong đó quy định rõ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, nhằm cung cấp thông tin cho quá trình xây dựng chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND. Mục tiêu chính là phân tích, đánh giá, tổng hợp và tiếp thu một cách có chọn lọc các nguồn thông tin khoa học hiện có, phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu tổng quan về xây dựng chương trình môn học Bơi vũ trang. Nghiên cứu tài liệu cung cấp cho đề tài luận án những cơ sở lý luận cần thiết xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND [8],[9],[10],[11],[13],[14],[15],[17],[18],[19],[20],[73].

Luận án sẽ thu thập và phân tích các tài liệu có liên quan về xây dựng chương trình GDĐH, khái niệm về chương trình đào tạo, chương trình môn học, chất lượng chương trình, các yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình của các tác giả, các trường Đại học trong và ngoài nước; các quyết định, thông tư,

luật giáo dục của Bộ GD&ĐT. Nghiên cứu về lịch sử các vấn đề nghiên cứu, đề tài thu thập các tài liệu, sách, luận án và các bài báo khoa học liên quan về xây dựng chương trình môn học của các tác giả trong và ngoài nước, đề tài phân tích các điểm, sự khác biệt trong các công trình nghiên cứu về xây dựng chương trình GDDH để từ đó tìm ra được “khoảng trống” trong xây dựng chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND và giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài luận án cũng như các yêu cầu khác trong suốt quá trình nghiên cứu [23],[24],[25],[26],[32],[71].

2.1.2. Phương pháp phỏng vấn

Đề tài sử dụng phương pháp phỏng vấn trong quá trình khảo sát, thu thập các số liệu trong quá trình nghiên cứu. Cách thức phỏng vấn trực tiếp, gián tiếp và bằng phiếu hỏi. Đối tượng phỏng vấn là: sinh viên đang học tập tại Học viện CSND, cựu sinh viên (cán bộ đang công tác tại các đơn vị địa phương); cán bộ quản lý, giảng viên của các Trường trong khối Trường đào tạo Công an nhân dân; cán bộ quản lý tại các đơn vị chiến đấu địa phương và cán bộ quản lý, giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy.

Thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp nhằm:

Xác định thực trạng công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang trong khối các Trường đào tạo Công an nhân dân.

Khảo sát nhu cầu cần trang bị kỹ năng và nội dung chương trình bơi vũ trang đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước.

Lựa chọn tiêu chí cần căn cứ nhằm xây dựng chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND.

Khảo sát tính khả thi và thực tiễn về cấu trúc, nội dung chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND.

Lựa chọn tiêu chí đánh giá hiệu quả chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND.

Phương pháp sử dụng trong phỏng vấn: Sử dụng thang đo Likert, theo 5 mức lựa chọn trong bảng khảo sát.

Các nội dung phỏng vấn trên là cơ sở giúp tác giả giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu của luận án cũng như các yêu cầu khác trong suốt quá trình nghiên cứu [32],[71],[73].

2.1.3. Phương pháp chuyên gia

Là phương pháp được sử dụng trong quá trình nghiên cứu nhằm lấy ý kiến của các chuyên gia về nội dung chương trình liên quan trực tiếp đến môn bơi vũ Trang, các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng chương trình đào tạo, chương trình môn học; xác định mức độ phù hợp của nội dung, chương trình đào tạo đã xây dựng thông qua những ý kiến của các chuyên gia, bổ xung nội dung chương trình và lựa chọn các tiêu chí đánh giá thi kết thúc học phần môn học cũng như các tiêu chí cụ thể nhằm đánh giá hiệu quả của chương trình đổi mới và áp dụng trong suốt quá trình nghiên cứu. Phương pháp này được tiến hành thông qua hình thức phỏng vấn trao đổi trực tiếp đối với các chuyên gia và qua các buổi tổ chức hội thảo về nội dung, chương trình cũng như các tiêu chí mà đề tài nghiên cứu.

Đối tượng mà luận án sẽ tiến hành lấy ý kiến khi sử dụng phương pháp này là các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành trong của 3 lĩnh vực TĐTT, Bơi vũ trang và tổ chức xây dựng chương trình và quản lý đào tạo. Luận án tổ chức Hội thảo, tọa đàm về xây dựng nội dung, chương trình bơi vũ trang tác giả đã phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp các nội dung:

Phỏng vấn: 06 chuyên gia trong lĩnh vực Thể dục thể thao cụ thể: 04 chuyên gia đang trực tiếp giảng dạy tại Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh, 02 chuyên gia đang trực tiếp công tác và làm việc Học viện CSND.

Phỏng vấn: 05 chuyên gia trong lĩnh vực Bơi vũ trang: 02 chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo VĐV thành tích cao, 03 chuyên gia đang trực tiếp giảng tại các trường có tổ chức đạo tạo môn bơi vũ trang.

Phỏng vấn: 08 chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng chương trình và quản lý đào tạo cụ thể: 02 cán bộ trực tiếp quản lý đào tạo Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh, 06 chuyên gia cán bộ tổ chức xây dựng và quản lý đạo tạo ở các Trường đạo tạo bơi vũ trang.

Kết quả thu được thông qua việc sử dụng phương pháp này chính là việc xây dựng được chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND và các tiêu chí đánh giá nội dung chương trình, đánh giá hiệu quả chương trình môn học [32],[71],[72],[73].

2.1.4. Phương pháp quan sát sự phạm

Luận án sử dụng phương pháp quan sát sự phạm nhằm theo dõi nhận thức, thông qua đối tượng nghiên cứu trong quá trình Giáo dục - Giáo dưỡng mà không làm ảnh hưởng đến quá trình đó, hay nói một cách khác đó là phương pháp trực giác có mục đích, một hiện tượng giáo dục nào đó để thu lượm những số liệu, tài liệu, sự kiện cụ thể đặc trưng cho quá trình diễn biến của hiện tượng đó.

Luận án sử dụng phương pháp quan sát sự phạm nhằm thu thập thông tin về các mặt:

Thực trạng công tác tổ chức đào tạo huấn luyện môn bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện CSND.

Quan sát hoạt động thực nghiệm triển khai chương trình môn bơi vũ trang trong thực tiễn giảng dạy tại Học viện CSND.

Quan sát quá trình kiểm tra đánh giá kết thúc học phần môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND.

Phương pháp quan sát sự phạm được sử dụng đồng thời với các phương pháp khác như phương pháp phỏng vấn, phương pháp kiểm tra sự phạm, phương pháp thực nghiệm sự phạm... và là phương pháp hỗ trợ đắc lực cho các phương pháp nghiên cứu trên [32],[71],[72],[73].

2.1.5. Phương pháp kiểm tra sự phạm

Để đánh giá được hiệu quả chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND luận án sử dụng các test đánh giá trình độ thể lực và Test kiểm tra kết thúc học phần môn bơi vũ trang:

- Đánh giá trình độ thể lực của đối tượng nghiên cứu trước và sau thực nghiệm, luận án sử dụng bộ tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe áp dụng mới nhất trong lực lượng công an nhân dân. Nội dung kiểm tra căn cứ vào quy định về

việc đánh giá, xếp loại thể lực hiện nay do Bộ công an quy định (Thông tư số: 24/2013/TT-BCA ngày 11/4/2013 của Bộ trưởng Bộ công an, quy định tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng công an nhân dân) gồm các Test sau:

Kết quả sinh viên được đánh giá ở nhóm 01 (18-24 tuổi) với cả sinh viên nam và nữ. Nội dung kiểm tra:

Trong đó, yêu cầu đối với Nam, kiểm tra đủ 04 nội dung: chạy 100m; chạy 1500m; bật xa tại chỗ; nằm sấp chống đẩy hoặc co tay xà đơn được lựa chọn một trong hai nội dung để kiểm tra. Đối với Nữ gồm 03 nội dung chạy 100m; chạy 800m; bật xa tại chỗ.

Cách thực hiện cụ thể từng test:

Test 1. Chạy 100m (s)

Mục đích: Đánh giá sức nhanh.

Chuẩn bị: Đường chạy thẳng dài ít nhất 120m, rộng ít nhất 3m, có vạch giới hạn xuất phát và vạch đích. Đồng hồ bấm giờ, giấy bút ghi chép.

Cách thực hiện: Người thực hiện khởi động kỹ trước khi chạy. Người thực hiện ở tư thế xuất phát thấp trước vạch xuất phát. Khi có tín hiệu bắt đầu, chạy với tốc độ tối đa vượt qua vạch đích. Thực hiện 01 lần.

Yêu cầu: Thực hiện với tốc độ tối đa.

Cách tính thành tích: Thành tích được tính là khoảng thời gian từ khi có tín hiệu bắt đầu tới khi người thực hiện hoàn thành kỹ thuật đánh đích và chạm đích.

Test 2. Chạy 1500m (phút) với nam và Chạy 800m (phút) với nữ

Mục đích: Đánh giá sức bền tốc độ.

Chuẩn bị: Đường pitch sân vận động của Học viện, 01 vòng sân 400m. Thiết bị đo gồm có đồng hồ bấm dây, số đeo và tích - kê ghi số ứng với mỗi số đeo.

Cách thực hiện: Người thực hiện đứng chuẩn bị ở tư thế xuất phát cao. Khi có tín hiệu bắt đầu, phân phối sức và chạy với thành tích tốt nhất hoàn thành cự ly. Nam chạy 03 vòng 3/4, nữ chạy 02 vòng đường pitch. Nếu kiểm tra đông người, mỗi lượt cần có số đeo để phân biệt thành tích của những người thực hiện. Thực hiện một lần.

Yêu cầu: Thực hiện với thành tích tốt nhất

Cách tính thành tích: là khoảng thời gian từ khi có tín hiệu bắt đầu cho tới khi người thực hiện hoàn thành cự ly chạy.

Test 3. Bật xa tại chỗ (cm)

Mục đích: Đánh giá sức mạnh tốc độ.

Chuẩn bị: Thảm cao su giảm chấn, kích thước 01 x 03 m (nếu không có thảm có thể thực hiện trên nền đất, cát mềm). Đặt một thước dây đo dài vuông góc với vạch đích, tránh xô dịch trong quá trình kiểm tra. Giấy bút ghi chép.

Cách thực hiện: Người được kiểm tra đứng hai chân mở rộng tự nhiên, ngón chân đặt sát mép vạch giới hạn; khi bật nhảy và khi tiếp đất, hai chân tiến hành cùng lúc. Thực hiện hai lần nhảy.

Yêu cầu: Thực hiện với thành tích tốt nhất, không phạm quy.

Cách tính thành tích: Kết quả đo được tính bằng độ dài từ vạch xuất phát đến vết cuối cùng của gót bàn chân (vạch dấu chân trên thảm). Lấy kết quả lần cao nhất. Đơn vị tính là centimet.

Test 4. Nằm sấp chống đẩy (lần)

Mục đích: Đánh giá sức bền mạnh.

Chuẩn bị: Sân tập bằng phẳng, giấy bút ghi chép.

Cách thực hiện: Người thực hiện nằm sấp, chống thẳng 02 tay sao cho gót chân, hông và vai cùng nằm trên một mặt phẳng. Khi có tín hiệu bắt đầu, thực hiện hạ thấp trọng tâm bằng cách trùng khuỷu tay xuống sao cho ngực cách đất 5-10cm, sau đó đưa trọng tâm cơ thể về tư thế chuẩn bị, hoàn thành 01 lượt chống đẩy. Thực hiện liên tục cho tới tối đa sức. Thực hiện 01 lần.

Yêu cầu: Trong suốt quá trình chống đẩy, gót chân, hông và vai cùng nằm trên một mặt phẳng. Khi hạ thấp trọng tâm cơ thể, ngực cách đất 5-10cm và khi nâng cao trọng tâm cơ thể về tư thế chuẩn bị.

Cách tính thành tích: Là tổng số lần thực hiện đúng yêu cầu.

Test 5. Co tay xà đơn (lần)

Mục đích: Đánh giá sức bền mạnh.

Chuẩn bị: Xà đơn, giấy bút ghi chép.

Cách thực hiện: Người thực hiện treo người trên xà, yêu cầu 2 tay duỗi thẳng khớp khuỷu (tư thế chuẩn bị). Khi có tín hiệu bắt đầu, người thực hiện dùng nhiều cơ bắp tay và cơ cẳng tay kết hợp với cơ bụng để kéo cằm vượt qua xà, sau đó đưa trọng tâm cơ thể về tư thế chuẩn bị, hoàn thành 01 lượt co tay xà đơn. Thực hiện liên tục cho tới tối đa sức, thực hiện 01 lần.

Yêu cầu: Trong suốt quá trình co tay xà đơn được tính khi lên cằm vượt qua xà và khi xuống tay duỗi thẳng khớp khuỷu.

Cách tính thành tích: Là tổng số lần thực hiện đúng yêu cầu.

- Test kiểm tra kết thúc học phần môn bơi vũ trang bao gồm: Bơi tự do (giây) (cự ly 50m đối với Nam, cự ly 35m đối với Nữ); Bơi bao gói (giây) (cự ly 50m đối với Nam, cự ly 35m đối với Nữ); Phương pháp cứu đuối (chấm điểm kỹ thuật):

Test 1. Bơi tự do (giây)

Cự ly 50m (giây) đối với Nam.

Cự ly 35m (giây) đối với Nữ.

Mục đích: Đánh giá sức nhanh, sức mạnh tốc độ nhằm bơi nhanh nhất tiếp cận mục tiêu.

Chuẩn bị: Bể bơi có đường bơi thẳng dài 50m, làn bơi rộng 2.5m, có đường phao giới hạn, bục xuất phát và vạch báo đích. Đồng hồ bấm giờ, giấy bút ghi chép.

Cách thực hiện: Người thực hiện khởi động kỹ trước khi bơi. Người thực hiện ở tư thế xuất phát trước bục xuất phát. Khi có tín hiệu bắt đầu, bơi với tốc độ tối đa vượt qua vạch báo đích. Thực hiện 01 lần.

Yêu cầu: Thực hiện bơi với tốc độ tối đa.

Cách tính thành tích: Thành tích bơi được tính là khoảng thời gian bơi từ khi có tín hiệu bắt đầu tới khi người thực hiện hoàn thành cự ly chạm đích.

Test 2. Bơi bao gói (giây)

Cự ly 50m (giây) đối với Nam.

Cự ly 35m (giây) đối với Nữ.

Mục đích: Đánh giá sức mạnh, sức nhanh và sức bền chuyên môn, sự khéo của sinh viên.

Chuẩn bị: Bể bơi có đường bơi thẳng dài 50m, làn bơi rộng 2.5m, có đường phao giới hạn, bục xuất phát, đích. Đồng hồ bấm giờ, giấy bút ghi chép, vải mưa, quân tư trang, dây chun, súng AK54.

Cách thực hiện: Người thực hiện khởi động kỹ trước khi bơi. Người thực hiện xuống nước ở vị trí xuất phát. Khi có tín hiệu bắt đầu, bơi với tốc độ tối đa vượt để về đích. Thực hiện 01 lần.

Yêu cầu: Thực hiện bơi với tốc độ tối đa.

Cách tính thành tích: Thành tích bơi được tính là khoảng thời gian bơi từ khi có tín hiệu bắt đầu tới khi người thực hiện hoàn thành cự ly chạm đích.

Test 3. Phương pháp cứu đuối (chấm điểm kỹ thuật)

Mục đích: Đánh giá các kỹ năng tháo khóa, diu người và hô hấp nhân tạo.

Chuẩn bị: Bể bơi, người phục vụ.

Cách thực hiện: Người phục vụ đóng giả nạn nhân ở dưới nước, người thực hiện theo trình tự từ kỹ thuật tháo khóa, diu người và hô hấp nhân tạo. Thực hiện 01 lần.

Yêu cầu: Thực hiện các kỹ thuật theo trình tự và chính xác [14],[71],[72],[73],[77],[82],[86],[91].

2.1.6. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Phương pháp thực nghiệm sư phạm được sử dụng trong quá trình nghiên cứu của đề tài luận án, nhằm đánh giá hiệu quả của việc xây dựng chương trình môn bơi vũ trang mang lại cho sinh viên Học viện CSND, đồng thời qua đó khẳng định việc lựa chọn, sắp xếp chính xác bố cục khoa học nội dung chương trình môn học Bơi vũ trang đã được xây dựng đạt hiệu quả trong quá trình ứng dụng thực tiễn. Loại hình thực nghiệm được sử dụng là thực nghiệm so sánh tự đối chứng.

Thời gian thực nghiệm trong 02 tháng; Tháng 4/2018 đến tháng 5/2018.

Địa điểm thực nghiệm: Học viện CSND.

Đối tượng thực nghiệm: Là sinh viên hệ đại học chính quy của khóa D41 Học viện CSND gồm 02 lớp với số lượng 131 sinh viên (Lớp quản lý trật tự an toàn xã hội trên đường thủy nội địa với tổng số 52 sinh viên nam; lớp Điều tra tội phạm về trật tự xã hội với tổng số 79 sinh viên trong đó có 11 sinh viên nữ và 68 sinh viên nam).

Nội dung thực nghiệm: Ứng dụng chương trình dạy bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND đã xây dựng của luận án trong thực tế và đánh giá hiệu quả.

Công tác kiểm tra, đánh giá: Được tiến hành khi kết thúc giảng dạy mỗi nội dung và sau khi kết thúc chương trình (tổng kiểm tra), bằng các tiêu chí đánh giá thể lực chung theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe và các tiêu chí thi kết thúc học phần môn bơi vũ trang [32],[71],[72],[73].

2.1.7. Phương pháp toán học thống kê

Sau khi thu thập được số liệu nghiên cứu, đề tài dự kiến sử dụng phương pháp toán học thống kê để xử lý số liệu một cách chính xác, nhằm đánh giá khách quan kết quả nghiên cứu. Trong quá trình xử lý các số liệu của luận án, các tham số đặc trưng và các công thức toán học thống kê truyền thống được sử dụng từ các tài liệu chuyên môn phục vụ công tác nghiên cứu khoa học TĐTT như: Tài liệu “Đo lường thể thao”, “Những cơ sở của toán học thống kê”, “Phương pháp thống kê trong TĐTT”. Các tham số đặc trưng mà luận án quan tâm là: \bar{x} , δ , χ^2 , Cv.

Các đại lượng và tham số đặc trưng có thể được sử dụng cụ thể gồm:

1. Số trung bình cộng:

$$\bar{x} = \frac{\sum x_i}{n}$$

2. Phương sai:

$$\delta^2 = \frac{\sum (x_i - \bar{x})^2}{n} \quad (n > 30)$$

3. Độ lệch chuẩn:

$$\delta = \sqrt{\delta^2} \quad (n > 30)$$

$$\delta = \sqrt{\delta^2} = \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^n (X_i - \bar{X})^2}{n-1}} \quad (\text{Với } n < 30)$$

4. Hệ số biến sai:

$$C_v = \frac{\delta_x}{\bar{x}} \times 100\%$$

5. Tính khi bình phương (χ^2):

$$\chi^2 = \frac{\sum (Q_i - L_i)^2}{L_i}$$

Trong đó: Q_i : Tần số quan sát.
 L_i : Tần số lý thuyết.

6. Công thức so sánh 2 số trung bình quan sát:

$$t = \frac{\bar{x}_A - \bar{x}_B}{\sqrt{\frac{\delta_A^2}{n_A} + \frac{\delta_B^2}{n_B}}}$$

Để đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND, luận án sử dụng thang đo Likert xác định chất lượng ý kiến đánh giá, do nhà tâm lý học người Mỹ Likert xây dựng, các mức độ đánh giá được tiến hành trên thang điểm 05.

5. Rất tốt (5 điểm)
4. Tốt (4 điểm)
3. Khá (3 điểm)
2. Trung bình (2 điểm)
1. Yếu (1 điểm)

Trong phân tích giá trị trung bình trong thang đo Likert, giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n=(5-1)/5=0,8.

Dựa trên giá trị khoảng cách là 0,8 giá trị trung bình được đánh giá theo các mức độ như sau:

1,00 - 1,80: Yếu

1,81 - 2,60: Trung bình

2,61 - 3,40: Khá

3,41 - 4,20: Tốt

4,21 - 5,00: Rất tốt

Việc phân tích và xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của luận án cũng được chúng tôi dự kiến xử lý bằng một số phần mềm StataPro 1.0, SPSS 7.5, Microsoft Excel đã được xây dựng trên máy vi tính [27], [32],[71],[73],[76],[90].

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Địa điểm nghiên cứu

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, Khoa Cảnh sát vũ trang, Bộ môn Quân sự, Võ thuật, Thể dục thể thao Học viện CSND.

2.2.2. Kế hoạch và thời gian nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: Luận án tiến hành nghiên cứu trong 04 năm từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 12 năm 2020. Được chia thành 03 giai đoạn:

Giai đoạn chuẩn bị: Từ tháng 8/2016 tới tháng 4/2017.

Lựa chọn hướng nghiên cứu, tham khảo ý kiến các nhà quản lý chuyên gia, mời giáo viên hướng dẫn, xây dựng đề cương nghiên cứu, bảo vệ đề cương nghiên cứu trước hội đồng khoa học, chỉnh sửa và hoàn thiện đề cương nghiên cứu.

Giai đoạn cơ bản: Từ tháng 5/2017 tới tháng 8/2019

Thu thập các tài liệu tham khảo có liên quan, viết tổng quan các vấn đề nghiên cứu làm cơ sở lý luận để giải quyết các nhiệm vụ của luận án.

Nghiên cứu thực trạng các điều kiện thực hiện chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND.

Khảo sát thực trạng công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang trong các Trường đào tạo Công an nhân dân.

Khảo sát nhu cầu cần trang bị những kỹ năng bơi vũ trang và nội dung chương trình bơi vũ trang theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Ứng dụng và đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Hoàn thành báo cáo khoa học tổng quan các vấn đề nghiên cứu của đề tài luận án.

Giai đoạn kết thúc: Từ tháng 9/2019 tới tháng 12/2020.

Đăng tải các bài báo khoa học công bố từng phần kết quả nghiên cứu luận án trên các tạp chí có uy tín của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và của Ngành Thể dục thể thao.

Thu thập, xử lý số liệu và viết từng phần kết quả nghiên cứu luận án.

Viết, chỉnh sửa và hoàn thiện luận án.

Hoàn thiện thủ tục bảo vệ và bảo vệ luận án cấp cơ sở.

Chỉnh sửa luận án theo ý kiến của các thành viên và quyết nghị của hội đồng chấm luận án cấp cơ sở.

Hoàn thiện thủ tục và bảo vệ luận án cấp trường.

Chỉnh sửa luận án theo ý kiến của các thành viên và quyết nghị của hội đồng chấm luận án cấp trường.

Hoàn thiện các thủ tục sau bảo vệ và nộp lưu chiểu theo quy định.

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng các điều kiện thực hiện chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Để triển khai ứng dụng được chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, luận án cần phải khảo sát đánh giá thực trạng các điều kiện thực hiện chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND. Qua tổng hợp tài liệu tham khảo, các công trình nghiên cứu của các tác giả đi trước liên quan đến đề tài luận án và khảo sát thực tiễn cơ sở đào tạo Học viện CSND, luận án đề xuất những điều kiện thực hiện chương trình bơi vũ trang gồm những nội dung như: Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND; Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND; Trình độ thể lực của sinh viên Học viện CSND; Môn học tiên quyết cho chương trình bơi vũ trang (môn bơi ếch); Môn bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang liên quan đến Học viện CSND.

Nhằm đảm bảo tính khoa học, cũng lựa chọn được những nội dung phù hợp, luận án đã tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi tới 36 cán bộ gồm: (06 chuyên gia là cán bộ lãnh đạo Học viện CSND, 17 cán bộ quản lý các phòng, cấp khoa của Học viện và 13 cán bộ giảng viên trực tiếp giảng dạy tại Khoa Cảnh sát vũ trang, Bộ môn Quân sự, Võ thuật, Thể dục thể thao), về những nội dung cần thiết để thực hiện chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND. Khảo sát được tiến hành theo thang đo Likert 05 mức, giá trị khoảng cách $n = (5-1)/5 = 0,8$; 1.00 - 1.80: Rất không đồng ý/ Rất không cần thiết; 1.81 - 2.60: Không đồng ý/ Không cần thiết; 2.61 - 3.40: Trung bình; 3.41 - 4.20: Đồng ý/ Cần thiết; 4.21 - 5.00: Rất đồng ý/ Rất cần thiết.

Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 3.1.

Bảng 3.1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các điều kiện thực hiện chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân (n = 36)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả (n = 36)					%	\bar{X}	Đánh giá
		Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết	Rất Không cần thiết			
		mi	mi	mi	mi	mi			
1.	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	25	11	00	00	00	93,89	4,69	Rất tốt
2.	Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	24	12	00	00	00	93,33	4,67	Rất tốt
3.	Trình độ thể lực của sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân	02	03	06	15	10	44,44	2,22	Trung bình
4.	Môn học tiên quyết cho chương trình bơi vũ trang (môn bơi ếch)	22	14	00	00	00	92,22	4,61	Rất tốt
5.	Môn bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang liên quan đến Học viện cảnh sát nhân dân	18	18	00	00	00	90,00	4,50	Rất tốt

Kết quả bảng 3.1, cho thấy thông qua ý kiến của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên đều lựa chọn các nội dung ở mức cần thiết và rất cần thiết, có tỷ lệ đạt 90% và có điểm trung bình đạt từ 4.50 trở lên ở mức tốt, luận án đã lựa chọn được 04 nội dung, cụ thể: Nội dung, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND có điểm trung bình đạt 4.69; nội dung, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND có điểm trung bình đạt 4.67; nội dung, Môn học tiên quyết cho chương trình bơi vũ trang (môn bơi ếch) có điểm trung bình đạt 4.61 và nội dung, môn bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang liên quan đến Học viện CSND có điểm trung bình đạt 4.50. Còn riêng nội dung, trình độ thể lực của sinh viên Học viện CSND có điểm trung bình chỉ đạt 2.22, ở mức trung bình chỉ chiếm tỷ lệ 44.44%, nên luận án không lựa chọn. Như vậy ý kiến của cán bộ quản lý và giảng viên đều có sự đồng nhất chọn mức cần thiết và rất cần thiết cho 04 nội dung phỏng vấn trên.

3.1.1. Đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất đảm bảo cho giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy bơi vũ trang có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện. Cơ sở vật chất đầy đủ, trang thiết bị hiện đại sẽ giúp sinh viên và giảng viên phát huy tối đa quá trình truyền thụ tri thức, kỹ năng, đặc biệt đối với môn thực hành thì điều kiện đảm bảo cơ sở vật chất sẽ giúp sinh viên phát huy tối đa được tính tích cực hóa trong quá trình tập luyện nhằm nâng cao kỹ năng, kỹ xảo trong các hoạt động chuyên biệt. Ngược lại cơ sở vật chất không đảm sẽ có ảnh hưởng lớn đến quá trình học tập, dẫn đến hiệu quả đào tạo không đáp ứng được kỳ vọng của người học.

Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo môn bơi vũ trang cần có những điều kiện như: Bể bơi đảm bảo tiêu chuẩn, phao bơi tập luyện, súng AK, áo mưa, dây chun, người nộm, quần áo tập chuyên biệt... qua khảo sát, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy môn bơi vũ trang của Học viện CSND được tác giả thống kê qua bảng 3.2.

Bảng 3.2. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

TT	Cơ sở vật chất, dụng cụ	Thống kê từ năm 2015 đến nay				
		m ₁	Chất lượng			Mức độ đáp ứng
			Tốt	Khá	Trung bình	
1.	Bể bơi (25mX50m)	01	-	01	-	Khá
2.	Giáo trình huấn luyện	02	-	-	02	Trung bình
3.	Súng AK	20	-	-	20	Trung bình
4.	Tập tài liệu huấn luyện	06	-	-	06	Trung bình
5.	Phao bơi (tập luyện)	12	-	-	12	Trung bình
6.	Áo mưa (gói quân tư trang)	-	-	-	-	HV tự trang bị
7.	Dây dù	-	-	-	-	HV tự trang bị
8.	Dây chun	-	-	-	-	HV tự trang bị
9.	Balô	-	-	-	-	HV tự trang bị
10.	Ống thở	-	-	-	-	HV tự trang bị
11.	Máy chiếu (Projectors)	01	01	-	-	Tốt
12.	Máy quay phim	-	-	-	-	Chưa có
13.	Giáo trình	01	-	01	-	Khá

Thông kê về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo môn bơi vũ trang tại bảng 3.2. cho thấy, còn tồn tại và thiếu thốn trang thiết bị, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác giảng dạy đề ra, cụ thể như:

Bể bơi: Có 01 bể bơi dùng để giảng dạy bơi vũ trang cho sinh viên hệ đại học chính quy, có diện tích là 500m, chiều dài bể bơi là 50m; chiều rộng 25m; có 08 làn bơi; độ sâu của bể là 1,2m đến 1,8m, bể bơi đạt tiêu chuẩn trong giảng dạy, huấn luyện môn bơi. Đối với môn bơi vũ trang thì độ sâu này chỉ phù hợp với nội dung bơi bao gói và bơi mang theo súng sau lưng, trang bị nhẹ, với nội dung bơi bí mật thì độ sâu của bể bơi trong Học viện không đảm bảo để huấn luyện nội dung này. Mặt khác không có các địa điểm khác để tập bơi phù hợp với tình hình thực tế như sông, suối, ao, hồ đây cũng là một trong những hạn chế và là hạn chế rất lớn trong công tác huấn luyện bơi vũ trang.

Phao bơi: có 12 cái với chất lượng khá. Tuy nhiên trong 1 buổi học bơi thông thường một lớp từ 50 -70 sinh viên, Do vậy không đủ phao bơi để sinh viên thực hành kỹ thuật bơi là khó khăn trong công tác huấn luyện, sinh viên phải thay nhau bơi chia theo từng tổ, mất nhiều thời gian chờ đợi. Với số lượng sinh viên đông nên quá trình tổ chức huấn luyện gặp nhiều khó khăn, để sinh viên có thể biết bơi ngoài nỗ lực bản thân các em phải tập thêm ngoài giờ rất nhiều. Do vậy để đáp ứng chương trình môn học bơi vũ trang đạt chuẩn đầu ra cần được trang bị thêm khoảng 20 cái phao bơi.

Súng tiểu liên AK: được trang bị 20 khẩu với chất lượng trung bình, với đặc thù của công tác huấn luyện bơi vũ trang là trong quá trình huấn luyện quãng nghỉ lớn, cần luân phiên nhau tập luyện, do vậy số lượng súng tiểu liên AK cũng đáp ứng được yêu cầu môn học.

Các điều kiện khác như áo mưa, dây dù, dây chun phục vụ học kỹ thuật bơi mang bao gói không được trang bị. Sinh viên tự trang bị khi học, dẫn đến trang thiết bị không đồng nhất, dụng cụ tập luyện thô sơ không đảm bảo an toàn trong giảng dạy bơi vũ trang, cần đề xuất được trang bị 30 - 40 bộ áo mưa, dây dù, dây chun để phục vụ cho việc thực hiện chương trình môn học bơi vũ trang.

Các phương tiện, thiết bị khác phục vụ công tác giảng dạy. Qua khảo sát tại Bộ môn Quân sự, võ thuật, TDTT và Khoa Cảnh sát vũ trang, mỗi đơn vị

được trang bị các loại phương tiện, thiết bị như sau: Máy chiếu đa năng: 01 chiếc (dùng chung cho cả đơn vị); Phong chiếu: 01 chiếc (dùng chung cho cả đơn vị); Máy tính xách tay: 01 chiếc (dùng chung cho cả đơn vị); Máy quay phim: Chưa được trang bị; Máy chụp ảnh: Chưa được trang bị.

Hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo giảng dạy môn bơi và môn bơi vũ trang ngày càng được hoàn thiện. Tính đến thời điểm hiện tại (năm học 2018 - 2019), giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy bơi vũ trang của Học viện CSND gồm có: 02 giáo trình (01 giáo trình giáo dục thể chất; 01 giáo trình bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang), trong giáo trình giáo dục thể chất đã phân tích đầy đủ các nội dung bơi ếch, bơi trườn sấp, bơi cứu đuối...; Trong giáo trình bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang cũng có đầy đủ các nội dung như: Bơi mang theo súng sau lưng và trang bị nhẹ; bơi bao gói; bơi bí mật; bơi cứu nạn cứu hộ... và 03 tài liệu tham khảo và các tập bài giảng. Về cơ bản hệ thống giáo trình và tài liệu tham khảo đã đáp ứng được yêu cầu chương trình môn học bơi và bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND.

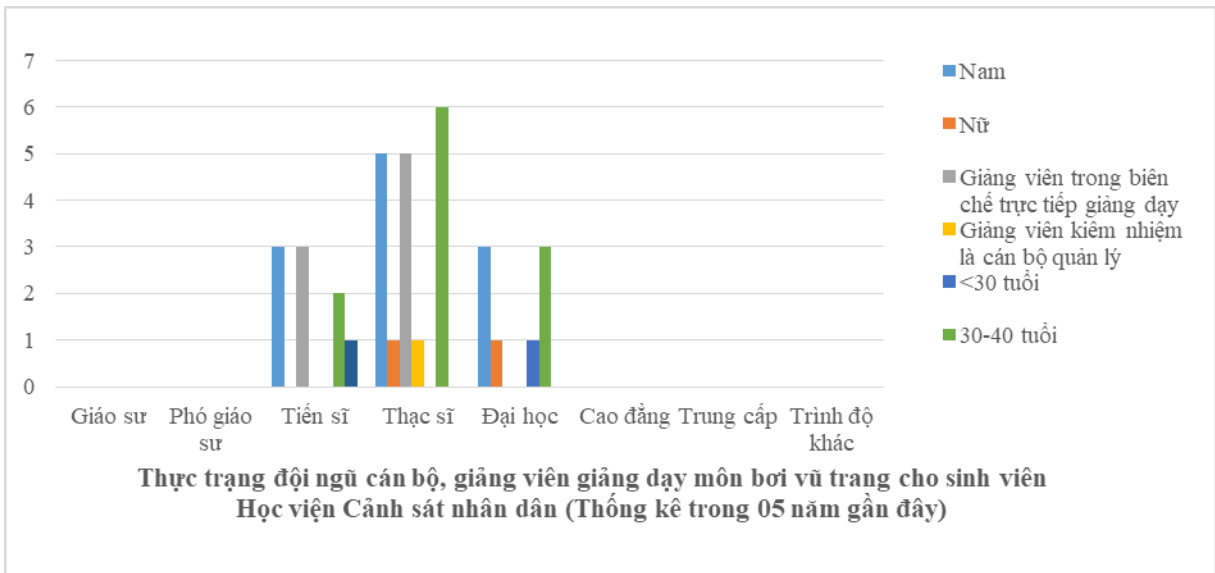
Như vậy, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy môn bơi vũ trang quy định cho sinh viên Học viện CSND về cơ bản đáp ứng được công tác giảng dạy môn bơi vũ trang, tuy nhiên về chất lượng cơ sở vật chất chưa cao vẫn còn thiếu thốn nhiều trang thiết bị phục vụ cho môn học. Vì vậy để nâng cao chất lượng hiệu quả công tác giảng dạy bơi vũ trang thì trong những năm học tiếp theo Học viện cần trang bị bổ sung, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất như: lắp thêm mái che trong bể bơi, trang bị phao bơi, súng AK, áo mưa, dây dù, máy quay phim, máy chụp ảnh... vì đây là những loại cơ sở vật chất phục vụ tốt nhất cho công tác giảng dạy.

3.1.2. Thực trạng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Thông kê thực trạng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND thông qua phân tích hồ sơ cán bộ và phỏng vấn trực tiếp giảng viên tại Bộ môn và Khoa. Kết quả được trình bày tại bảng 3.3.

**Bảng 3.3. Thực trạng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên
Học viện Cảnh sát nhân dân**

TT	Trình độ, học hàm, học vị	Tổng số lượng giảng viên	Giới tính		Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế	Phân loại theo tuổi			
			Nam	Nữ	Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			<30	30-40	41-50	51-60
1.	Giáo sư	00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.	Phó giáo sư	00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.	Tiến sĩ	03	03	-	03	-	-	-	-	-	02	01	-
4.	Thạc sĩ	06	05	01	05	-	01	-	-	-	06	-	-
5.	Đại học	04	03	01	04	-	-	-	-	01	03	-	-
6.	Cao đẳng	00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.	Trung cấp	00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8.	Trình độ khác	00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng số		13	11	02	12	00	01	00	00	01	11	01	00



Biểu đồ 3.1. Thực trạng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Kết quả thống kê tại bảng 3.3. cho thấy tổng số cán bộ giảng viên môn bơi vũ trang là 13 cán bộ thuộc các đơn vị: Bộ môn Quân sự, võ thuật, Thể dục thể thao có 08 đồng chí, Khoa Cảnh sát vũ trang 04 và 01 đồng chí là cán bộ quản lý; Về giới tính có 11 Nam và 02 Nữ; Về trình độ chuyên môn, học hàm học vị thì tất cả các cán bộ giảng viên đều có trình độ cử nhân trở lên cụ thể: 03 giảng viên học vị Tiến sĩ, 06 giảng viên học vị Thạc sĩ, 04 giảng viên trình độ cử nhân; Toàn bộ 13 cán bộ đều là giảng viên cơ hữu, không có giảng viên thỉnh giảng; Về thâm niên công tác có đến hơn 80% giảng viên có thâm niên công tác từ 10 năm đến 20 năm; Về tuổi đời của giảng viên chủ yếu trong độ tuổi từ 30 đến 40.

Qua khảo sát về nơi đào tạo đội ngũ cán bộ giảng viên cho thấy, 09 giảng viên giảng dạy môn Bơi đã tốt nghiệp các Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, Giảng viên giảng dạy, huấn luyện bơi vũ trang có 01 đồng chí được đào tạo tại Trường Trung cấp Cảnh sát vũ trang, 03 đồng chí được đào tạo căn bản về nghiệp vụ kỹ năng chuyên môn về bơi vũ trang từ trường Sĩ quan lục quân. Đối với những cán bộ giảng viên được duyệt tuyển từ ngành ngoài vào giảng dạy tại Học viện CNSD sẽ được bồi dưỡng nghiệp vụ Công an thời gian 06 tháng hoặc đào tạo lớp văn bằng 02 ngành CAND.

Đội ngũ giảng viên giảng dạy môn bơi và bơi vũ trang tại trường Học viện CSND hầu hết có chất lượng và trình độ chuyên môn tốt. Đội ngũ cán bộ trẻ, có

sức khỏe tốt, nhanh nhẹn, linh hoạt, có kỹ năng về bơi đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy thực hành về công tác Giáo dục thể chất, huấn luyện Bơi vũ trang với tính chất công việc nặng nhọc, vất vả. Đa số giảng viên có thể hình đảm bảo các chỉ số về chiều cao, cân nặng, phần lớn giảng viên giảng dạy và huấn luyện bơi và bơi vũ trang đều có chiều cao từ 1m70 đến 1m80, cân nặng từ 65kg đến 75kg đối với nam và có chiều cao từ 1m60 đến 1m65, cân nặng từ 55kg đến 60kg đối với nữ.

Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên giảng dạy môn bơi và bơi vũ trang thường xuyên được tập huấn nâng cao trình độ về phương pháp giảng dạy do Bộ công an hoặc trường Sĩ quan lục quân tổ chức. Trong những năm gần đây, công tác nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên giảng dạy môn bơi và bơi vũ trang đã được lãnh đạo đơn vị và Học viện CSND quan tâm do đó đã đạt được những kết quả nhất định. Đã biên soạn và chỉnh sửa được 02 giáo trình, 02 tài liệu tham khảo, và nhiều bài báo đăng trên tạp chí và hội thảo khoa học. Hệ thống giáo án, hồ sơ bài giảng môn học được bổ sung hoàn thiện, giảng viên áp dụng các trang thiết bị hiện đại như máy vi tính, máy quay phim, chụp ảnh, máy chiếu, bên cạnh đó nhiều phương pháp giảng dạy tích cực đã được giảng viên đưa vào giảng dạy thường ngày. Từ phân tích thực trạng trên cho thấy, cơ bản đội ngũ giảng viên đảm bảo chất lượng để giảng dạy chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

3.1.3. Đánh giá thực trạng môn học tiên quyết cho chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Nội dung chương trình môn bơi (bơi ếch) nằm trong chương trình giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc cho sinh viên tất cả các chuyên ngành, thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình khung giáo dục Đại học nhóm ngành khoa học an ninh, có quan hệ chặt chẽ với môn học Giáo dục quốc phòng, Võ thuật CAND và các môn học cơ bản, cơ sở khác. Môn học trang bị cho sinh viên nắm được khái niệm, vị trí, vai trò, nguyên tắc, phương pháp GDTC, các nội dung về kỹ thuật môn Điền kinh và kỹ thuật môn Bơi [86].

Về thời gian giảng dạy môn bơi Ếch:

Qua thực tiễn công tác giảng dạy môn bơi ếch cho thấy, thời gian học tập là 60 tiết được chia ra làm 03 bài, thời gian học được thực hiện theo thời khóa

biểu của Phòng Quản lý đào tạo phân bổ: 04 tiết/01 buổi học; 01 tuần học 02 buổi. Với đặc thù là môn thể thao dưới nước, nên ngoài những giờ học chính khóa ra các em cần có thêm thời gian tập luyện ngoại khóa để hoàn thiện kỹ thuật động tác. Kỹ thuật bơi ếch rất quan trọng là tiền đề để học tập các kỹ thuật bơi khác, có tính ứng dụng cao trong bơi vũ trang và bơi cứu đuối. Do vậy với thời gian học tập bơi ếch là 60 tiết đảm bảo cho sinh viên nắm chắc về mặt lý thuyết, thực hành thành thạo kỹ thuật bơi ếch và ứng dụng được kỹ thuật bơi ếch trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến môi trường sông nước [81].

Nội dung chương trình huấn luyện môn bơi

Trong bơi thể thao có 04 kỹ thuật bơi cơ bản là bơi ếch, bơi trườn sấp, bơi trườn ngửa và bơi bướm. Trong đó kỹ thuật bơi ếch là kỹ thuật dễ học, dễ tiếp thu là nền tảng để học các kỹ thuật bơi khác do vậy trong các trường đại học thường đưa môn bơi ếch vào giảng dạy. Với thời gian 60 tiết được chia ra làm 03 bài tại bảng 3.4.

Bảng 3.4. Khung phân phối chương trình chi tiết môn bơi cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

TT	Nội dung giảng dạy	Thời gian và hình thức giảng dạy				
		Tổng số giờ	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Phương pháp
1.	Kỹ thuật động tác chân trong bơi ếch	20	01	18	01	Giảng dạy tại bể bơi
2.	Kỹ thuật động tác tay, tay phối hợp thở trong bơi ếch	20	01	19	-	Giảng dạy tại bể bơi
3.	Kỹ thuật phối hợp hoàn chỉnh trong bơi ếch	20	01	18	01	Giảng dạy tại bể bơi
Tổng số tiết		60	03	55	02	

Bài 01: Kỹ thuật động tác chân trong bơi ếch (20 tiết). Trong bài này sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết khái niệm, sơ lược lịch sử phát triển, sân bãi, dụng cụ, cự ly thi đấu, luật thi đấu môn bơi ếch và nguyên lý kỹ thuật động tác chân trong bơi ếch. Sinh viên sẽ được phân chia động tác

đơn lẻ theo từng giai đoạn của kỹ thuật động tác chân trong bơi ếch, sau đó sẽ thực hành thành thạo toàn bộ kỹ thuật động tác chân trong bơi ếch. Về kỹ năng thực hiện thành thạo kỹ thuật bơi chân ếch 50m [86].

Bài 02: Kỹ thuật động tác tay, tay phối hợp thở trong bơi ếch (20 tiết). Trong bài học này sinh viên sẽ được trang bị về mặt lý thuyết và thực hành từng giai đoạn của kỹ thuật động tác tay trong bơi ếch, biết cách thở và phối hợp tay với thở, là điều kiện quan trọng để học bài phối hợp hoàn chỉnh. Về kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật bơi tay kết hợp với thở [86].

Bài 03: Kỹ thuật phối hợp hoàn chỉnh trong bơi ếch (20 tiết). Trước tiên sinh viên sẽ được học về mặt lý thuyết và thực hành kỹ thuật tay phối hợp với chân trong bơi ếch. Khi thực hiện thành thạo kỹ thuật này sẽ chuyển sang kỹ thuật phối hợp hoàn chỉnh toàn bộ kỹ thuật động tác bơi ếch. Về kỹ năng sinh viên thực hành tốt các kỹ năng vận động trong môi trường nước, về kỹ thuật bơi ếch với các cự ly tăng dần từ 50m, 100m đến 200m [86].

Tiêu chí kiểm tra đánh giá (Bảng 3.5)

Khi kết thúc môn học bơi ếch sinh viên có 02 bài kiểm tra điều kiện.

Bài điều kiện 1: Bơi kỹ thuật động tác chân trong bơi ếch với cự ly

Nam: 25m; Nữ: 20m

Bài điều kiện 2: Bơi kỹ thuật phối hợp hoàn chỉnh bơi ếch với cự ly

Nam: 50m; Nữ: 35m

Thi kết thúc học phần: Thực hiện kỹ thuật bơi ếch với cự ly

Nam: 100m; Nữ: 50m

Bảng 3.5. Tiêu chí kiểm tra học phần môn bơi ếch cho sinh viên

Học viện Cảnh sát nhân dân

Chấm kỹ thuật: 07 điểm					
TT	Kỹ thuật	Đánh giá			
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1.	Kỹ thuật động tác chân	02 điểm	1,5 điểm	01 điểm	0,5 điểm
2.	Kỹ thuật động tác tay	02 điểm	1,5 điểm	01 điểm	0,5 điểm
3.	Kỹ thuật phối hợp	03 điểm	2,25 điểm	1,5 điểm	0,75 điểm
Chấm bơi cự ly: 03 điểm					

Thang điểm kiểm tra điều kiện:		
1.	Hoàn thành cự ly bơi (45m ≤ đối với Nam ≤ 50m); (20m ≤ đối với Nữ ≤ 25m)	03 điểm
2.	Hoàn thành cự ly bơi (35m < đối với Nam ≤ 45m); (15m < đối với Nữ ≤ 20m)	02 điểm
3.	Hoàn thành cự ly bơi (25m < đối với Nam; 10m < đối với Nữ)	01 điểm
Thang điểm kiểm tra học phần:		
1.	Hoàn thành cự ly bơi (85m ≤ đối với Nam ≤ 100m); (45m ≤ đối với Nữ ≤ 50m)	03 điểm
2.	Hoàn thành cự ly bơi (50m < đối với Nam ≤ 85m); (25m < đối với Nữ ≤ 45m)	02 điểm
3.	Hoàn thành cự ly bơi (40m < đối với Nam; 20m < đối với Nữ)	01 điểm

Tuy nhiên trong tiêu chí kiểm tra đánh giá môn bơi ếch lại mang tính chất định tính nhiều hơn, điểm cự ly hoàn thành tối đa 03 điểm còn 07 điểm chấm kỹ thuật (kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, kỹ thuật phối hợp hoàn chỉnh và hiệu lực động tác). Do đó việc kiểm tra đánh giá phụ thuộc phần lớn vào cảm quan của người đánh giá. Điều này dẫn tới sự mất công bằng trong kiểm tra, đánh giá làm ảnh hưởng tới ý thức và thái độ tập luyện của sinh viên.

Kết thúc học phần môn bơi ếch 100% sinh viên đạt được các tiêu chí đánh giá của nội dung chương trình, được trang bị kỹ năng bơi ếch cơ bản, thể lực của các em cũng được cải thiện tuy nhiên thì hầu hết sinh viên trong Học viện CSND chưa được trang bị những kỹ năng bơi thực dụng, bơi bao gói quân tư trang vũ khí, kỹ năng cứu đuối, kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo phục vụ thực tiễn công tác trong đấu tranh phòng chống tội phạm, cũng như phục vụ giúp đỡ cho nhân dân trong phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ. Thực tiễn trong truy bắt tội phạm trên môi trường sông nước đã xảy ra những hậu quả rất nghiêm trọng có những chiến sĩ đã hy sinh do kỹ năng bơi lội, kỹ năng bơi ứng dụng và xử lý các tình huống dưới nước yếu kém.

3.1.4. Đánh giá thực trạng môn bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân

3.1.4.1. Thực trạng phân phối nội dung chương trình môn bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân

Môn bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành hiện tại chỉ dành riêng cho 01 lớp của sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang Khoa cảnh sát vũ trang, còn các chuyên ngành khác không được học. Nội dung chương trình mang tính đặc trưng chuyên sâu, đặc thù chiến đấu, khó thực hiện trong môi trường thực tế, nằm trong chương trình huấn luyện của Khoa Cảnh sát vũ trang. Đây là môn học bắt buộc trong Học viện CSND đối với sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang. Mục tiêu của môn học là tăng cường thể lực cho sinh viên, trang bị những kiến thức, kỹ năng mang tính thực tiễn, kỹ năng sử dụng các phương tiện hỗ trợ nghiệp vụ Công an nhân dân, phục vụ công tác đấu tranh, trấn áp tội phạm, bảo vệ ANQG, TTATXH sau khi ra trường.

Để đánh giá thực trạng nội dung chương trình bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang Học viện CSND luận án tiến hành khảo sát: Nội dung chương trình huấn luyện bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang; phân bổ về thời gian giảng dạy và huấn luyện; tiêu chí kiểm tra đánh giá môn bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang và kết quả học tập môn bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang.

Về thời gian giảng dạy:

Thời gian môn học bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang là 60 tiết tương đương 02 tín chỉ, phân bổ thời gian gồm 04 tiết nghe giảng lý thuyết; 52 tiết thực hành; 04 tiết kiểm tra. Lịch học là 02 buổi/01 tuần và 03 tiết/01 buổi/ 01 ngày. Với lịch học như vậy đảm bảo được cho sinh viên có thời gian nghỉ ngơi để hồi phục và tiếp thu kỹ thuật tốt nhất. Ngoài ra sinh viên chuyên ngành còn có 60 tiết tự học, sẽ đảm bảo cho các em có đủ

thời gian để hoàn thiện tốt nhất những kỹ năng mà bản thân đã được trang bị [82].

Phân phối nội dung chương trình bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang

Trong hoạt động tổ chức giảng dạy bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang, nội dung chương trình giảng dạy là yếu tố cốt lõi, giữ vai trò quyết định chất lượng của mặt giáo dục này. Nội dung phong phú sẽ dẫn sinh viên, lôi cuốn các em tham gia hoạt động tập luyện một cách hứng khởi. Đồng thời phải đảm bảo cả thời gian tập luyện thì mới phát triển được thể chất cho người tập, củng cố và hoàn thiện kỹ năng vận động, chiến đấu và mang vác trong môi trường nước. Đó là cái đích cần đến của công tác huấn luyện bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang trong Học viện CSND. Môn học bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang bao gồm 2 bài: Bài 1. Bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang; Bài 2. Bơi cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát vũ trang, thời gian phân bổ cụ thể được trình bày thông qua bảng 3.6 [82].

Bảng 3.6. Khung phân phối chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân

TT	Nội dung giảng dạy	Phân phối thời gian				
		Tổng số giờ	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Địa điểm
1.	Bài 1, Bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang Bơi mang theo súng sau lưng và trang bị nhẹ Bơi bao gói Bơi bí mật Vượt sông bằng dây Bơi tiếp cận mục tiêu bằng phao bơi sáu múi	38	02	34	02	Giảng dạy tại bể bơi
2.	Bài 2, Bơi cứu nạn, cứu hộ của lực lượng vũ trang	22	02	18	02	Giảng dạy tại bể bơi
Tổng số tiết		60	04	52	04	

Bài 01, Bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang (lý thuyết 02 tiết; thực hành: 34 tiết; kiểm tra điều kiện: 02 tiết) trong đó bao gồm các kỹ thuật: Bơi mang theo súng sau lưng và trang bị nhẹ; bơi bao gói; bơi bí mật; vượt sông bằng dây; bơi tiếp cận mục tiêu bằng phao bơi sáu múi [82].

Bơi mang theo súng sau lưng và trang bị nhẹ (10 tiết): Là kỹ thuật bơi mang theo súng sau lưng và trang bị nhẹ. Với kỹ thuật này sinh viên được trang bị những kỹ thuật bơi có súng trong tình huống hành quân, rèn luyện hoặc trong tình huống chiến đấu khẩn cấp trên môi trường sông nước. Kỹ thuật này được vận dụng trong tình huống chiến đấu khẩn cấp, vượt sông suối, ao hồ trong thời gian ngắn nhất để tiếp cận trấn áp đối tượng tội phạm. Kỹ thuật này không bơi được xa, chóng mệt mỏi, nên khi thực hiện cần đánh giá đúng khả năng bơi và trình độ thể lực để có thể vượt sông suối ao hồ cho phù hợp và đảm bảo an toàn. Kỹ thuật bơi mang súng sau lưng và trang bị nhẹ có thể sử dụng kỹ thuật bơi ếch và kỹ thuật bơi sải.

Kỹ thuật bơi bao gói (06 tiết): Là sử dụng kỹ thuật bơi ếch vận dụng, trong đó cán bộ chiến sĩ dùng dây buộc vào thắt lưng để kéo theo bao gói có khối lượng lớn, có thể nổi hoặc chìm trong nước tùy từng trường hợp cụ thể. Trong quá trình học các em sinh viên được trang bị những kỹ năng cách thức bao gói đồ đạc vừa di chuyển vừa quan sát địa hình, quan sát mục tiêu, sẵn sàng nổ súng trấn áp tội phạm, khi có tình huống hoặc mệnh lệnh của cấp trên. Để thực hiện kỹ thuật bơi bao gói yêu cầu vận dụng động tác bơi ếch thuần thục, kết hợp chân tay nhịp nhàng không để phát ra tiếng động, không để nổi gợn sóng làm lộ hành động bí mật.

Bơi bí mật của lực lượng Cảnh sát cơ động (08 tiết): Kỹ thuật bơi bí mật là một trong những kỹ thuật khó, vận dụng trong trường hợp trấn áp đối tượng tội phạm trên địa bàn sông nước, đòi hỏi người thực hiện cần đảm bảo yếu tố bí mật cao, áp sát mục tiêu, nắm chắc thời cơ thực hành trấn áp tội phạm. Trong quá trình học tập sinh viên được trang bị 02 kỹ thuật: kỹ thuật bơi ngửa ngằm, miệng ngằm ống thở và kỹ thuật đi ngửa ngằm miệng ngằm ống thở. Thực tế vận dụng 02 kỹ thuật này khi tác chiến đánh bắt đối tượng cố thủ trên địa bàn sông nước, khi đến gần và tiếp cận gần đối tượng. khi thực hiện thành thực động tác sẽ giúp cho cán bộ chiến sĩ CAND khi làm nhiệm vụ tiếp cận mục tiêu trên

môi trường sông nước một cách bí mật, đảm bảo được an toàn và tăng hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước.

Vượt sông bằng dây (04 tiết): Trường hợp vận dụng khi gặp sông, suối hẹp, nước chảy mạnh thì có thể tổ chức vượt qua bằng dây. Dùng dây thật bền buộc ngang suối, theo hướng hơi chệch về phía đầu dòng chảy. Ở từng điểm trên dây cách nhau 05m, buộc một vật nổi để làm phao nâng dây lên mặt nước. Tùy theo chiều rộng của sông suối, tốc độ nước chảy để quy định khoảng cách từng người. Thông thường mỗi người cách nhau từ 04-05m. Trường hợp này cán bộ chiến sĩ áp dụng nhiều khi hỗ trợ người dân trong thiên tai lũ lụt.

Bơi tiếp cận mục tiêu bằng phao sáu mũi (6 tiết): Vận dụng trong trường hợp tác chiến địa hình vùng sông lớn, đòi hỏi cán bộ, chiến sĩ lực lượng Cảnh sát vũ trang cần nhanh chóng tiếp cận mục tiêu, mang đeo trang bị và sẵn sàng nổ súng trấn áp đối tượng tội phạm khi có mệnh lệnh của người chỉ huy.

Trong thực tế 02 nội dung: Vượt sông bằng dây và Bơi tiếp cận mục tiêu bằng phao sáu mũi chỉ được giới thiệu và thị phạm bằng động tác tại chỗ mà sinh viên không được thực hành vì điều kiện cơ sở vật chất không có sông để tập luyện.

Bài 02, Bơi cứu đuối (lý thuyết 02 tiết; thực hành: 18 tiết; kiểm tra điều kiện: 02 tiết) trong đó sinh viên được trang bị về mặt lý thuyết và thực hành kỹ thuật bơi cứu hộ, cứu nạn; phương pháp cứu nạn, cứu hộ trong một số tình huống cụ thể và phương pháp cứu đuối trên một số địa hình. Đây là kỹ năng rất thiết thực và cần thiết trong quá trình công tác cũng như trong cuộc sống hàng ngày của cán bộ chiến sĩ CAND [82].

Tuy nhiên thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm ngày một manh động và liêu lĩnh, diễn biến phức tạp, chúng lợi dụng mọi địa hình để hoạt động. Khi bị phát hiện, truy đuổi, bắt giữ các đối tượng phạm tội sẵn sàng tấn công, chống trả quyết liệt đối với cán bộ chiến sĩ công an, đặc biệt trên môi trường sông nước. Do vậy ngoài việc trang bị cho sinh viên những kỹ năng vận động dưới nước cần trang bị thêm cho sinh viên những kỹ thuật bơi nhanh và bơi được cự ly dài. Mặt khác trong cuộc sống hàng ngày hoặc trong quá trình đi công tác cán bộ chiến sĩ có thể gặp phải tình trạng thiên tai bão lũ, thì việc trang

bị cho sinh viên những kỹ năng bơi cứu đuối và sơ cấp cứu người khi bị đuối nước là rất quan trọng trong tình hình hiện nay.

Tiêu chí kiểm tra đánh giá:

Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Bơi vũ trang chuyên ngành Cảnh sát vũ trang trong những năm qua đã đánh giá tương đối chính xác năng lực học tập của sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang trong Học viện CSND. Nội dung kiểm tra cho các học phần đối với sinh viên được quy định tại bảng 3.7 như sau:

Bảng 3.7. Tiêu chí kiểm tra đánh giá môn bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân

1) Bơi cự ly 50m (mang súng AK, kỹ thuật bơi ếch) theo thang điểm 10							
		Điểm	05	04	03	02	01
Nội dung đánh giá			điểm	điểm	điểm	điểm	điểm
a. Đánh giá kỹ thuật động tác bơi (05 điểm)							
1.	Kỹ thuật tay		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
2.	Kỹ thuật chân		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
3.	Đảm bảo tính bí mật khi tiếp cận mục tiêu		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
4.	Lướt nước		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
b. Đánh giá hoàn thành cự ly bơi 50m theo thời gian (05 điểm)							
Thời gian bơi			<1'15"	<1'30"	<1'45"	<2'00"	<2'15"
c. Bơi không đủ cự ly 50m: không đạt yêu cầu							
2) Bơi cự ly 100m (bơi bao gói) theo thang điểm 10							
		Điểm	04	03	02	01	0
Nội dung đánh giá			điểm	điểm	điểm	điểm	điểm
a. Đánh giá kỹ thuật động tác bơi (04 điểm)							
1.	Kỹ thuật tay, chân		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
2.	Giữ súng ổn định		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
3.	Đảm bảo tính bí mật khi tiếp cận mục tiêu		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém

4.	Lướt nước	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
b. Đánh giá hoàn thành cự ly bơi 100m theo thời gian (04 điểm)						
Thời gian bơi		<3'05"	<3'20"	<3'35"	<3'50"	<3'05"
c. Chuẩn bị bao gói chắc chắn, độ nổi phù hợp: 02 điểm						
d. Bơi không đủ cự ly 100m: không đạt yêu cầu						

Nội dung kiểm tra kết thúc môn học bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang Học viện CSND đã phần nào phản ánh tương đối rõ nét các mặt cơ bản của công tác huấn luyện bơi vũ trang chuyên ngành. Tuy nhiên, các nội dung kiểm tra đánh giá chưa được kiểm định độ tin cậy trong công tác nghiên cứu. Tiêu chí điểm đưa ra lại mang nặng tính chủ quan của người đánh giá. Chỉ có tiêu chí đánh giá chung mà không có tiêu chí cụ thể ở từng nội dung kiểm tra. Các nội dung kiểm tra chỉ có điều kiện bắt buộc là bơi hết cự ly còn thang điểm lại tính là điểm kỹ thuật tay, kỹ thuật chân, kỹ thuật phối hợp... mà không tính thời gian bơi. Các kỹ thuật khác như tay, chân, phối hợp... đều mang tính chủ quan của giảng viên trong đánh giá. Điều này dẫn tới sự mất công bằng trong kiểm tra, đánh giá làm ảnh hưởng tới ý thức và thái độ tập luyện của sinh viên.

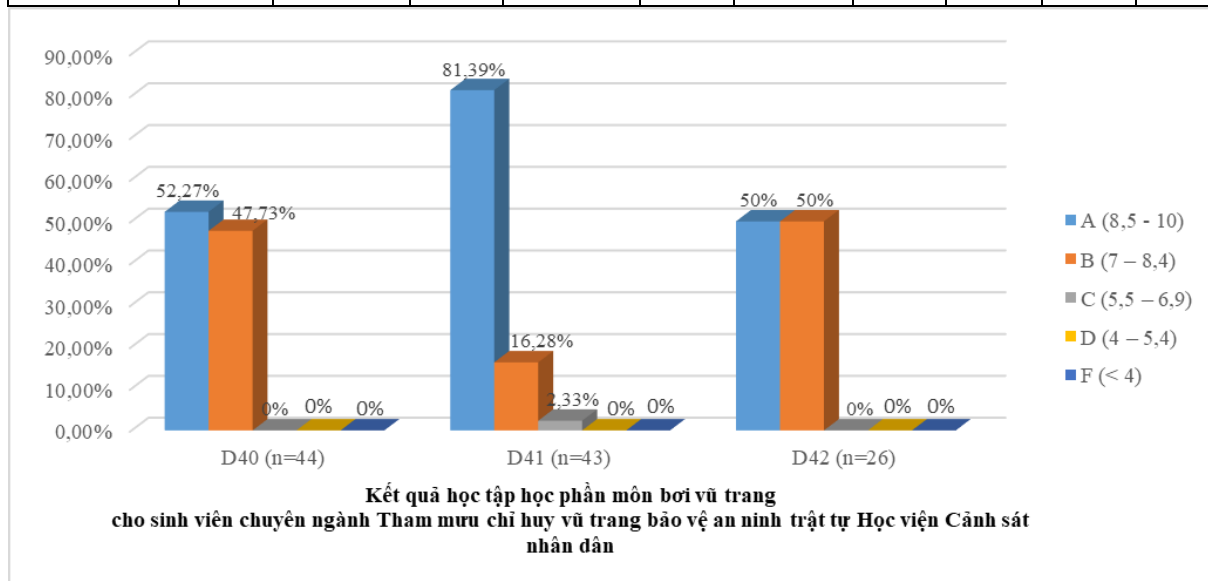
Kết quả học tập môn bơi vũ trang:

Luận án thống kê kết quả học tập của sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang tại Học viện CSND tính từ năm 2014 - 2019 đã giảng dạy cho 03 lượt lớp đối với hệ đào tạo chính quy. Kết quả được trình bày tại bảng 3.8.

Bảng 3.8. Kết quả học tập môn bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân

Khóa học	Xếp loại									
	A (8,5 - 10)		B (7 - 8,4)		C (5,5 - 6,9)		D (4 - 5,4)		F (< 4)	
	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%
D40 (n=44)	23	52.27	21	47.73	00	0.0	00	0.0	00	0.0
D41 (n=43)	35	81.39	07	16.28	01	2.33	00	0.0	00	0.0

D42 (n=26)	13	50.00	13	50.00	00	0.0	00	0.0	00	0.0
----------------------	----	-------	----	-------	----	-----	----	-----	----	-----



Biểu đồ 3.2. Kết quả học tập học phần môn bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân

Qua bảng 3.8, cho thấy khóa D40 có 44 sinh viên chuyên ngành trong đó tỷ lệ sinh viên đạt loại giỏi là 52,27%; tỷ lệ sinh viên đạt loại khá là 47,73% và không có sinh viên loại trung bình và yếu. Khóa D41 có tổng số 43 sinh viên trong đó có 35 sinh viên chiếm tỷ lệ 81,39% đạt loại giỏi; có 07 sinh viên chiếm tỷ lệ 16,28% đạt loại khá; chỉ có 01 sinh viên đạt loại trung bình chiếm tỷ lệ 2,33% và không có sinh viên yếu. Khóa D42 có tổng số 26 sinh viên trong đó có 13 sinh viên đạt loại giỏi chiếm tỷ lệ 50% và 13 sinh viên đạt loại khá chiếm tỷ lệ 50%; không có sinh viên đạt loại trung bình và yếu. Trong 03 khóa thống kê cho thấy chất lượng đào tạo nội dung bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành tốt, học tập đạt kết quả cao đều ở mức khá và giỏi. Kết quả đào tạo trên được tác giả phân tích qua các nội dung sau:

Về số lượng sinh viên: Mỗi 01 khóa học có 01 lớp chuyên ngành, mỗi lớp có số lượng sinh viên ít từ 26 đến 44 sinh viên. Với số lượng sinh viên ít thì trong quá trình giảng dạy, giáo viên hướng dẫn cụ thể được từng sinh viên các kỹ thuật động tác, mỗi sinh viên được tập luyện các kỹ thuật nhiều lần trong 1 buổi tập sẽ giúp sinh viên học tập tốt, nắm vững được yếu lĩnh động tác, phát triển được các tổ chức thể lực.

Về đặc điểm sinh viên lớp chuyên ngành: Sinh viên lớp chuyên ngành thường là những em sinh viên đã tham gia đi lính nghĩa vụ có thời gian từ 2,5 - 3 năm rèn luyện và thích nghi, do vậy mà sức khỏe đảm bảo, có thể lực tốt. Ngoài ra

sinh viên đã được học và biết bơi thành thạo kỹ thuật bơi ếch cơ bản, là tiền đề để học tập tốt môn bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang.

Về mặt nhược điểm trong quá trình tổ chức môn bơi vũ trang chuyên ngành, do hạn chế về cơ sở vật chất mà hai nội dung quan trọng là vượt sông bằng dây và bơi tiếp cận mục tiêu bằng phao bơi sáu múi chỉ được giới thiệu cho sinh viên chứ không được thực hành đây cũng là điều thiệt thòi cho sinh viên chuyên ngành cảnh sát vũ trang. Để áp dụng nội dung bơi vũ trang chuyên ngành trên giảng dạy cho tất cả sinh viên hệ đại học chính quy thì chưa phù hợp, do vậy cần được lựa chọn các nội dung để phù hợp với đối tượng và thời gian nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

Từ kết quả phân tích trên cho thấy, với số lượng sinh viên ít, đặc điểm sinh viên có thể lực tốt, nội dung học đi sâu vào chuyên ngành nên kết quả học tập của sinh viên đạt kết quả rất tốt. Theo Quyết định số 2477/QĐ-T32-QLĐT ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Học viện CSND thì những sinh viên chuyên ngành Khóa cảnh sát vũ trang đạt kết quả cao trong môn học bơi vũ trang chuyên ngành sẽ được miễn môn học bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra [45].

3.1.4.2. Lựa chọn tiêu chí đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Mục đích của việc lựa chọn bộ tiêu chí nhằm đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND mà luận án xây dựng trong nhiệm vụ 02. Qua nghiên cứu tài liệu, căn cứ vào thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Để lựa chọn các tiêu chí đánh giá chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND đảm bảo được tính khoa học và tính khách quan, luận án đã tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi tới 36 cán bộ gồm: 06 chuyên gia là cán bộ lãnh đạo Học viện CSND, cán bộ quản lý các phòng, ban, của Học viện và 30 cán bộ quản lý cấp khoa, giảng viên trực tiếp giảng dạy tại Khoa Cảnh sát vũ trang, Bộ môn Quân sự, Võ thuật - TĐTT. Thang điểm đánh giá với 05 mức độ ưu tiên. Kết quả thu được sau khi xử lý số liệu thể hiện tại bảng 3.9 [26].

**Bảng 3.9: Kết quả phỏng vấn lựa chọn các tiêu chí đánh chương trình
bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân**

TT	Nội dung tiêu chí	Kết quả trả lời (n = 36)					Tổng		Đánh giá
		Ưu tiên 1	Ưu tiên 2	Ưu tiên 3	Ưu tiên 4	Ưu tiên 5	%	Điểm TB	
		mi	mi	mi	mi	mi			
1.	Mục tiêu của chương trình môn học								
1.	Mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được xây dựng rõ ràng và đảm bảo tính khả thi	30	03	02	01	00	94,44	4,72	Rất tốt
2.	Bản mô tả chương trình đào tạo								
2.	Bản mô tả chương trình môn học đầy đủ thông tin	25	04	05	02	00	88,89	4,44	Rất tốt
3.	Đề cương chi tiết môn học đầy đủ thông tin	24	07	04	01	00	90,00	4,50	Rất tốt
4.	Bản mô tả chương trình môn học và đề cương các môn học được công bố công khai	29	04	02	01	00	93,89	4,69	Rất tốt
3.	Cấu trúc và nội dung chương trình môn học								
5.	Nội dung chương trình môn bơi vũ trang phù hợp với mục tiêu đã đề ra của môn học	33	03	00	00	00	98,33	4,92	Rất tốt
6.	Nội dung kiến thức, kỹ năng môn bơi vũ trang phù hợp với bậc đào tạo đại học	27	06	03	00	00	93,33	4,67	Rất tốt
7.	Các phần nội dung bơi vũ trang được sắp xếp theo trình tự hợp lý và đảm bảo tính logic	25	07	04	00	00	91,67	4,58	Rất tốt
8.	Các phần nội dung bơi vũ trang được sắp xếp đảm bảo tính gắn kết và cân đối	12	07	07	07	03	70,00	3,50	Khá
9.	Phân bố các nội dung giảng dạy phù hợp với thời gian cho phép	30	04	02	00	00	95,56	4,78	Rất tốt
10.	Nội dung chương trình môn bơi vũ trang đảm bảo tính thực tiễn và khả năng ứng dụng cao	32	02	02	00	00	96,67	4,83	Rất tốt
11.	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức kỹ năng mới giúp sinh viên rèn luyện nâng cao kỹ năng nghề nghiệp	26	08	02	00	00	93,33	4,67	Rất tốt
4.	Phương pháp tiếp cận trong dạy và học								
12.	Thầy (cô) đã dành giờ học đầu tiên để giới thiệu về bơi vũ trang, mục tiêu, nội dung, yêu cầu của môn học - hình thức dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học	28	04	04	00	00	93,33	4,67	Rất tốt

TT	Nội dung tiêu chí	Kết quả trả lời (n = 36)					Tổng		Đánh giá
		Ưu tiên 1	Ưu tiên 2	Ưu tiên 3	Ưu tiên 4	Ưu tiên 5	%	Điểm TB	
		mi	mi	mi	mi	mi			
13.	Việc tổ chức giảng dạy Thầy (cô) có bám sát nội dung đã ghi trong chương trình môn bơi vũ trang	11	07	06	09	03	67,78	3,39	Khá
14.	Thầy (cô) đã sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp và tổ chức các hoạt động khác nhau để truyền tải nội dung môn học	27	04	03	02	00	91,11	4,56	Rất tốt
15.	Thầy (cô) tổ chức môn học theo đúng quy định của chương trình môn bơi vũ trang	25	08	03	00	00	92,22	4,61	Rất tốt
16.	Phương pháp giảng của Thầy (cô) rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tập luyện nhóm, tự tin trong thực hiện kỹ thuật mới	24	08	04	00	00	91,11	4,56	Rất tốt
17.	Thầy (cô) đã tạo môi trường thuận lợi để sinh viên ôn luyện kỹ năng cũ tiếp thu kỹ thuật mới	30	03	03	00	00	95,00	4,75	Rất tốt
18.	Đánh giá chung chất lượng các giờ học, thực hành	28	05	03	00	00	93,89	4,69	Rất tốt
5.	Đánh giá kết quả học tập của người học								
19.	Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập là phù hợp với mục tiêu môn học, mục tiêu của từng nội dung trong môn bơi vũ trang	33	03	00	00	00	98,33	4,92	Rất tốt
20.	Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập khuyến khích sinh viên học tập, rèn luyện hiệu quả hơn	27	04	03	02	00	91,11	4,56	Rất tốt
21.	Số lượng, nội dung, các test kiểm tra của môn học là phù hợp với năng lực trình độ kỹ năng của sinh viên	29	03	02	02	00	92,78	4,64	Rất tốt
22.	Các bài tập, kiểm tra được Thầy (cô) nhận xét góp ý rõ ràng	10	10	07	05	04	69,44	3,47	Khá
23.	Các nội dung, tiêu chí kiểm tra đánh giá được thông báo rõ ràng	24	08	04	00	00	91,11	4,56	Rất tốt
24.	Các bài kiểm tra, test tiêu biểu cho từng phần nội dung và nội dung môn bơi vũ trang	26	08	02	00	00	93,33	4,67	Rất tốt
25.	Sinh viên hài lòng về việc đánh giá kết quả học tập của môn bơi vũ trang	23	07	06	00	00	89,44	4,47	Rất tốt
26.	Thầy (cô) hài lòng về kết quả học tập môn học của sinh viên	25	07	04	00	00	91,67	4,58	Rất tốt
6.	Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy								
27.	Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn	30	03	03	00	00	95,00	4,75	Rất tốt

TT	Nội dung tiêu chí	Kết quả trả lời (n = 36)					Tổng		Đánh giá
		Ưu tiên 1	Ưu tiên 2	Ưu tiên 3	Ưu tiên 4	Ưu tiên 5	%	Điểm TB	
		mi	mi	mi	mi	mi			
28.	Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định	28	05	03	00	00	93,89	4,69	Rất tốt
29.	Giảng viên nhiệt tình trong việc giảng dạy truyền tải nội dung môn học	32	04	00	00	00	97,78	4,89	Rất tốt
30.	Giảng viên luôn giao tiếp với thái độ lịch sự, tôn trọng và đảm bảo tính sư phạm	22	09	05	00	00	89,44	4,47	Rất tốt
31.	Thầy (cô) đã chuẩn bị bài rất kỹ trước khi lên lớp	09	09	08	06	04	67,22	3,36	Khá
32.	Thầy (cô) luôn đáp ứng nhu cầu trong học tập của sinh viên, biết lắng nghe ý kiến của sinh viên	25	09	02	00	00	92,78	4,64	Rất tốt
33.	Thầy (cô) đã tạo mọi điều kiện cho sinh viên có cơ hội chủ động tiếp thu những kỹ năng mới trên lớp	12	07	06	08	03	69,44	3,47	Khá
7.	<i>Cơ sở vật chất và tài liệu học tập</i>								
34.	Cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo phục vụ triển khai môn học là phù hợp đáp ứng yêu cầu môn bơi vũ trang	24	07	05	00	00	90,56	4,53	Rất tốt
35.	Tài liệu học tập môn bơi vũ trang được giới thiệu đầy đủ trước khi bắt đầu môn học	25	04	05	02	00	88,89	4,44	Rất tốt
36.	Tài liệu học tập môn bơi vũ trang đầy đủ được cập nhật thông tin mới, phù hợp với nội dung dạy học	28	05	03	00	00	93,89	4,69	Rất tốt
8.	<i>Kết quả đầu ra</i>								
37.	Sinh viên tỏ ra hài lòng về phương pháp dạy học và hình thức tổ chức giờ lên lớp của Thầy (cô)	18	08	08	02	00	83,33	4,17	Tốt
38.	Sinh viên tỏ ra hài lòng về kiến thức, kỹ năng được trang bị về môn bơi vũ trang của Thầy (cô)	22	07	06	01	00	87,78	4,39	Rất tốt
39.	Sinh viên tỏ ra hứng thú với môn học và trang bị được nhiều kỹ năng nghề nghiệp	27	06	03	00	00	93,33	4,67	Rất tốt
40.	Thầy (cô) nhận thấy sinh viên gia tăng đáng kể kiến thức, kỹ năng sau khi học môn bơi vũ trang	25	05	05	01	00	90,00	4,50	Rất tốt
41.	Thầy (cô) nhận thấy sinh viên gia tăng đáng kể trong hiểu biết nghề nghiệp tương lai	11	08	09	04	04	70,00	3,50	Khá

Để đảm bảo những tiêu chí được lựa chọn là những tiêu chí tiêu biểu nhất dùng đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học CSND, luận án sử dụng thang đo Likert xác định chất lượng ý kiến phỏng vấn, các mức độ đánh giá được tiến hành trên thang điểm 05 tại (mục 2.1.7), kết quả thống kê đã lựa chọn các tiêu chí có tổng số điểm trung bình 4.17 đạt từ loại Tốt trở lên ở mức 83.33% cũng như loại bỏ các tiêu chí không được các chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên, đánh giá cao đạt từ 70.00% trở xuống. Kết quả xử lý số liệu tại Bảng 3.9, luận án đã lựa chọn được 35 tiêu chí có điểm đạt trên 83.33% để đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học CSND; còn 06 tiêu chí không được lựa chọn có điểm trung bình đạt 3.50 tương ứng 70.00 % trở xuống, không được các chuyên gia nhà quản lý, giảng viên đánh giá cao nên chúng tôi loại bỏ các tiêu chí này.

Như vậy kết quả phỏng vấn các chuyên gia, nhà quản lý, các giảng viên chúng tôi đã lựa chọn được 35 tiêu chí nhằm đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học CSND với nội dung như sau: Về Mục tiêu của chương trình môn học gồm (01 tiêu chí); Nội dung Bản mô tả chương trình đào tạo gồm (03 tiêu chí); Nội dung: Cấu trúc và nội dung chương trình môn học gồm (06 tiêu chí); Nội dung: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học gồm (06 tiêu chí); Nội dung: Về Đánh giá kết quả học tập của người học gồm (07 tiêu chí); Nội dung: Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy gồm (05 tiêu chí); Nội dung: Cơ sở vật chất và tài liệu học tập gồm (03 tiêu chí); Nội dung: Kết quả đầu ra gồm (04 tiêu chí).

3.1.4.3. Đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ quản lý, giảng viên về chương trình bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân

Để có cái nhìn tổng quát, luận án tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ quản lý và giảng viên về chương trình môn bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang. Mục đích khảo sát trong quá trình tổ chức đào tạo chương trình bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang về mức độ hài lòng và chưa hài lòng, trên cơ sở đó luận án lựa chọn những nội dung cần thiết để xây dựng chương trình bơi vũ trang mới phù hợp với điều kiện thực tiễn đáp ứng nhu cầu xã hội. Sau khi lựa chọn được bộ tiêu chí đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND, luận án tiến hành sử dụng bộ tiêu chí trên nhằm đánh giá mức độ hài lòng của giảng viên và nhà quản lý về chương trình bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện CSND. Đánh giá được tiến hành theo thang đo Likert 05 mức, giá trị khoảng cách $n = (5-1)/5=0,8$; 1.00 - 1.80: Rất không đồng ý/ Rất không hài lòng; 1.81 - 2.60: Không đồng ý/ Không hài lòng; 2.61 - 3.40: Trung bình; 3.41 - 4.20: Đồng ý/ Hài lòng; 4.21 - 5.00: Rất đồng ý/ Rất hài lòng.

Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.10.

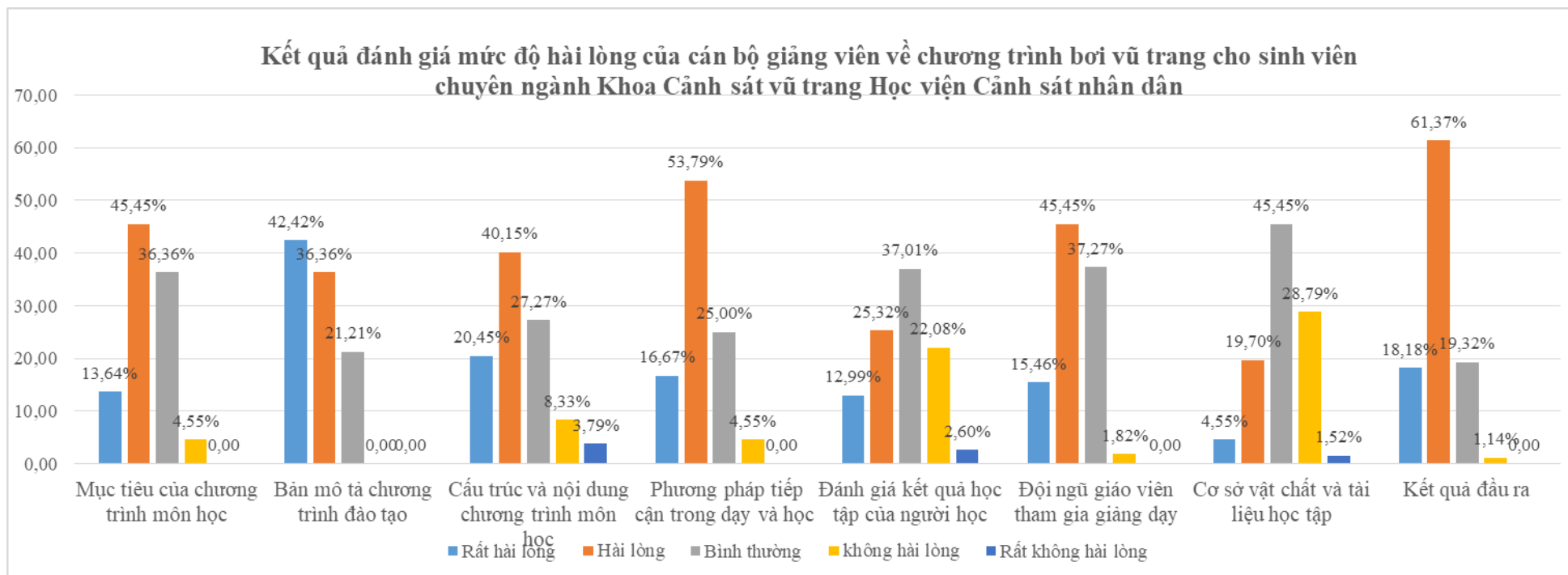
Bảng 3.10: Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ giảng viên về chương trình bồi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 22)												Đánh giá
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB		
		mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	\bar{X}		
1. Mục tiêu của chương trình môn học														
1.	Mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được xây dựng rõ ràng và đảm bảo tính khả thi	03	13,64	10	45,45	08	36,36	01	4,55	00	0,00	3,68	Tốt	
2. Bản mô tả chương trình đào tạo														
2.	Bản mô tả chương trình môn học đầy đủ thông tin	15	68,18	05	22,73	02	9,09	00	0,00	00	0,00	4,59	Rất tốt	
3.	Đề cương chi tiết môn học đầy đủ thông tin	06	27,27	10	45,45	06	27,27	00	0,00	00	0,00	4,00	Tốt	
4.	Bản mô tả chương trình môn học và đề cương các môn học được công bố công khai	07	31,82	09	40,91	06	27,27	00	0,00	00	0,00	4,05	Tốt	
3. Cấu trúc và nội dung chương trình môn học														
5.	Nội dung chương trình môn bồi vũ trang phù hợp với mục tiêu đã đề ra của môn học	8	36,36	10	45,45	2	9,09	2	9,09	0	0,00	4,09	Tốt	
6.	Nội dung kiến thức, kỹ năng môn bồi vũ trang phù hợp với bậc đào tạo đại học	4	18,18	8	36,36	10	45,45	0	0,00	0	0,00	3,73	Tốt	
7.	Các phần nội dung bồi vũ trang được sắp xếp theo trình tự hợp lý và đảm bảo tính logic	5	22,73	15	68,18	2	9,09	0	0,00	0	0,00	4,14	Tốt	
8.	Phân bố các nội dung giảng dạy phù hợp với thời gian cho phép	10	45,45	12	54,55	0	0,00	0	0,00	0	0,00	4,45	Rất tốt	
9.	Nội dung chương trình môn bồi vũ trang đảm bảo tính thực tiễn và khả năng ứng dụng cao	00	0,00	03	13,64	08	36,36	07	31,82	04	18,18	2,45	Trung bình	

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 22)												Đánh giá
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB		
		mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	\bar{X}		
10.	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức kỹ năng mới giúp sinh viên rèn luyện nâng cao kỹ năng nghề nghiệp	00	0,00	05	22,73	14	63,64	02	9,09	01	4,55	3,05	Khá	
4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học														
11.	Thầy (cô) đã dành giờ học đầu tiên để giới thiệu về bơi vũ trang, mục tiêu, nội dung, yêu cầu của môn học - hình thức dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học	04	18,18	15	68,18	02	9,09	01	4,55	00	0,00	4,00	Tốt	
12.	Thầy (cô) đã sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp và tổ chức các hoạt động khác nhau để truyền tải nội dung môn học	00	0,00	07	31,82	10	45,45	05	22,73	00	0,00	3,09	Khá	
13.	Thầy (cô) tổ chức môn học theo đúng quy định của chương trình môn bơi vũ trang	03	13,64	09	40,91	10	45,45	00	0,00	00	0,00	3,68	Tốt	
14.	Phương pháp giảng của Thầy (cô) rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tập luyện nhóm, tự tin trong thực hiện kỹ thuật mới	07	31,82	10	45,45	05	22,73	00	0,00	00	0,00	4,09	Tốt	
15.	Thầy (cô) đã tạo môi trường thuận lợi để sinh viên ôn luyện kỹ năng cũ tiếp thu kỹ thuật mới	05	22,73	15	68,18	02	9,09	00	0,00	00	0,00	4,14	Tốt	
16.	Đánh giá chung chất lượng các giờ học, thực hành	03	13,64	15	68,18	04	18,18	00	0,00	00	0,00	3,95	Tốt	

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 22)												Đánh giá
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB		
		mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	\bar{X}		
5. Đánh giá kết quả học tập của người học														
17.	Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập là phù hợp với mục tiêu môn học, mục tiêu của từng nội dung trong môn bơi vũ trang	00	0,00	10	45,45	08	36,36	04	18,18	00	0,00	3,27	Khá	
18.	Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập khuyến khích sinh viên học tập, rèn luyện hiệu quả hơn	00	0,00	02	9,09	06	27,27	13	59,09	01	4,55	2,41	Trung bình	
19.	Số lượng, nội dung, các test kiểm tra của môn học là phù hợp với năng lực trình độ kỹ năng của sinh viên	02	9,09	7	31,82	09	40,91	04	18,18	00	0,00	3,32	Khá	
20.	Các nội dung, tiêu chí kiểm tra đánh giá được thông báo rõ ràng	15	68,18	7	31,82	00	0,00	00	0,00	00	0,00	4,68	Rất tốt	
21.	Các bài kiểm tra, test tiêu biểu cho từng phần nội dung và nội dung môn bơi vũ trang	00	0,00	00	0,00	11	50,00	08	36,36	03	13,64	2,36	Trung bình	
22.	Sinh viên hài lòng về việc đánh giá kết quả học tập của môn bơi vũ trang	02	9,09	10	45,45	08	36,36	02	9,09	00	0,00	3,55	Tốt	
23.	Thầy (cô) hài lòng về kết quả học tập môn học của sinh viên	01	4,55	03	13,64	15	68,18	03	13,64	00	0,00	3,09	Khá	
6. Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy														
24.	Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn	05	22,73	15	68,18	02	9,09	00	0,00	00	0,00	4,14	Tốt	
25.	Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định	03	13,64	10	45,45	09	40,91	00	0,00	00	0,00	3,73	Tốt	

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 22)											Đánh giá
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB	
		mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	\bar{X}	
26.	Giảng viên nhiệt tình trong việc giảng dạy truyền tải nội dung môn học	02	9,09	04	18,18	15	68,18	01	4,55	00	0,00	3,32	Khá
27.	Giảng viên luôn giao tiếp với thái độ lịch sự, tôn trọng và đảm bảo tính sư phạm	05	22,73	15	68,18	02	9,09	00	0,00	00	0,00	4,14	Tốt
28.	Thầy (cô) luôn đáp ứng nhu cầu trong học tập của sinh viên, biết lắng nghe ý kiến của sinh viên	02	9,09	06	27,27	13	59,09	01	4,55	00	0,00	3,41	Khá
7. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập													
29.	Cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo phục vụ triển khai môn học là phù hợp đáp ứng yêu cầu môn bơi vũ trang	00	0,00	02	9,09	06	27,27	13	59,09	01	4,55	2,41	Trung bình
30.	Tài liệu học tập môn bơi vũ trang được giới thiệu đầy đủ trước khi bắt đầu môn học	02	9,09	04	18,18	15	68,18	01	4,55	00	0,00	3,32	Khá
31.	Tài liệu học tập môn bơi vũ trang đầy đủ được cập nhật thông tin mới, phù hợp với nội dung dạy học	01	4,55	07	31,82	09	40,91	05	22,73	00	0,00	3,18	Khá
8. Kết quả đầu ra													
32.	Sinh viên tỏ ra hài lòng về phương pháp dạy học và hình thức tổ chức giờ lên lớp của Thầy (cô)	02	9,09	06	27,27	13	59,09	01	4,55	00	0,00	3,41	Khá
33.	Sinh viên tỏ ra hài lòng về kiến thức, kỹ năng được trang bị về môn bơi vũ trang của Thầy (cô)	05	22,73	16	72,73	01	4,55	00	0,00	00	0,00	4,18	Tốt
34.	Sinh viên tỏ ra hứng thú với môn học và trang bị được nhiều kỹ năng nghề nghiệp	04	18,18	16	72,73	02	9,09	00	0,00	00	0,00	4,09	Tốt
35.	Thầy (cô) nhận thấy sinh viên gia tăng đáng kể kiến thức, kỹ năng sau khi học môn bơi vũ trang	05	22,73	16	72,73	01	4,55	00	0,00	00	0,00	4,18	Tốt



Biểu đồ 3.3: Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ giảng viên về chương trình bồi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện Cảnh sát nhân dân

Kết quả khảo sát tại bảng 3.10 về 08 nội dung của 35 tiêu chí trên cho thấy: Tại nội dung, Mục tiêu của chương trình môn học và Bản mô tả chương trình đào tạo có 04 tiêu chí đều được các cán bộ quản lý và giảng viên đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng với điểm trung bình đạt từ 3.68 trở lên.

Nội dung, Cấu trúc và nội dung chương trình môn học có 06 tiêu chí thì trong đó có hai tiêu chí không được cán bộ giảng viên và quản lý hài lòng đó là Nội dung chương trình môn bơi vũ trang đảm bảo tính thực tiễn và khả năng ứng dụng cao và Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức kỹ năng mới giúp sinh viên rèn luyện nâng cao kỹ năng nghề nghiệp chỉ có điểm trung bình đạt từ 2.45 đến 3.05 điểm.

Nội dung, Phương pháp tiếp cận trong dạy và học có 06 tiêu chí đều được các cán bộ giảng viên đánh giá cao ở mức độ hài lòng và rất hài lòng có điểm trung bình đạt từ 3.68 trở lên, duy chỉ có một tiêu chí được đánh giá ở mức độ bình thường đó là Thầy (cô) đã sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp và tổ chức các hoạt động khác nhau để truyền tải nội dung môn học.

Nội dung, Đánh giá kết quả học tập của người học có 07 tiêu chí thì có 03 tiêu chí chỉ được đánh giá ở mức bình thường đó là Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập là phù hợp với mục tiêu môn học, mục tiêu của từng nội dung trong môn bơi vũ trang, Số lượng, nội dung, các test kiểm tra của môn học là phù hợp với năng lực trình độ kỹ năng của sinh viên và Thầy (cô) hài lòng về kết quả học tập môn học của sinh viên có số điểm đạt từ 2.41 đến 3.27. Đặc biệt có hai tiêu chí bị đánh giá ở mức không phù hợp đó là Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập khuyến khích sinh viên học tập, rèn luyện hiệu quả hơn và Các bài kiểm tra, test tiêu biểu cho từng phần nội dung và nội dung môn bơi vũ trang chỉ có điểm trung bình đạt 2.36 đến 2.41.

Nội dung, Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy có 05 tiêu chí có 03 tiêu chí được cán bộ giảng viên và nhà quản lý đánh giá hài lòng đó là Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn, Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định và Giảng viên luôn giao tiếp với thái độ lịch sự, tôn trọng và đảm bảo tính sư phạm. Còn 02 tiêu chí không được đánh giá cao đó là

Giảng viên nhiệt tình trong việc giảng dạy truyền tải nội dung môn học và Thầy (cô) luôn đáp ứng nhu cầu trong học tập của sinh viên, biết lắng nghe ý kiến của sinh viên chỉ có điểm trung bình đạt từ 3.32 đến 3.41.

Nội dung, Cơ sở vật chất và tài liệu học tập có 03 tiêu chí đó là Cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo phục vụ triển khai môn học là phù hợp đáp ứng yêu cầu môn bơi vũ trang, Tài liệu học tập môn bơi vũ trang được giới thiệu đầy đủ trước khi bắt đầu môn học và Tài liệu học tập môn bơi vũ trang đầy đủ được cập nhật thông tin mới, phù hợp với nội dung dạy học thì cả 03 tiêu chí này đều không được giảng viên đánh giá cao chỉ đạt ở mức bình thường và không hài lòng có điểm trung bình rất thấp từ 2.41 đến 3.12.

Cuối cùng là nội dung, Kết quả đầu ra có 04 tiêu chí thì có 03 tiêu chí được đánh giá ở mức hài lòng nhưng chỉ có 01 tiêu chí chỉ đánh ở mức độ bình thường đó là Sinh viên tỏ ra hài lòng về phương pháp dạy học và hình thức tổ chức giờ lên lớp của Thầy (cô) có điểm trung bình đạt 3.41.

Như vậy có thể thấy nội dung chương trình bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang, về cơ bản nội dung chương trình phù hợp với đối tượng là sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang, tuy nhiên vẫn còn nhiều nội dung cần cải thiện để phù hợp với thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay đặc biệt là nội dung chương trình chưa phù hợp với cơ sở vật chất và đối tượng là sinh viên đại học hệ chính quy của Học viện CSND.

3.1.5. Bàn luận các điều kiện thực hiện chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

3.1.5.1. Bàn luận về thực trạng cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân.

Qua đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất; đội ngũ cán bộ giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND, luận án đánh giá trên các mặt:

Về điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên: Được sự quan tâm theo dõi và chỉ đạo chặt chẽ, sát sao, thường xuyên của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện cũng như lãnh đạo các phòng, khoa, ban, bộ môn đã tuyển dụng bồi dưỡng đội ngũ giảng viên giảng

dạy môn bơi và bơi vũ trang tốt nghiệp từ các cơ sở đào tạo chính quy tại các Trường đại học TĐTT, Cao đẳng Cảnh sát nhân dân (T09) và các Trường thuộc Quân đội uy tín. Đây là đội ngũ giảng viên trẻ có năng lực chuyên môn tốt, nhiệt tình, tâm huyết với nghề đã mạnh dạn và đi đầu trong công tác đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc điểm cá nhân để đạt kết quả tốt nhất.

Người học (đối tượng hưởng thụ chương trình): Sinh viên khi vào Học viện CSND đều phải qua sơ tuyển khám sức khỏe, đủ về chiều cao, cân nặng mới được tuyển vào trường để học tập. Chính vì vậy, tại Học viện CSND không có những sinh viên thuộc nhóm đặc biệt như: sinh viên khuyết tật, sinh viên có sức khỏe yếu. Quá trình truyền đạt và tiếp thu kỹ năng vận động của sinh viên tương đối đồng đều. Sinh viên ở tập trung vì vậy công tác luyện tập theo lớp và luyện tập ngoại khóa được thực hiện một cách thuận lợi nhất. Bên cạnh đó sinh viên rất tích cực học tập cũng như chấp hành nghiêm nội quy, quy định của Học viện CSND đề ra.

Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy và huấn luyện môn bơi và bơi vũ trang: Để công tác đào tạo môn bơi và bơi vũ trang đạt hiệu quả thì Bể bơi đạt tiêu chuẩn sẽ quyết định chất lượng đào tạo. Về bể bơi Học viện CSND có 01 bể bơi, 25m X 50m, độ sâu 1.2m đến 1.8m. Hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo đã được biên soạn và chỉnh sửa đầy đủ đảm bảo cho giáo viên chủ động trong quá trình biên soạn tập bài giảng và sinh viên thuận tiện trong việc tra cứu tài liệu, tìm hiểu thêm về mặt lý thuyết các kỹ thuật động tác giúp cho việc tư duy và định hình kỹ thuật động tác bơi và bơi vũ trang tốt hơn. Như vậy có thể thấy về mặt cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ cho công tác giảng dạy môn bơi và bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND.

Về điểm yếu: Trong quá trình đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ giảng dạy môn bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang Học viện CSND, ngoài những điểm mạnh mà luận án phân tích trên thì vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế ảnh hưởng trực tiếp đến công tác giảng dạy môn bơi và bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND dưới đây:

Thứ nhất: Nội dung chương trình huấn luyện hai bài trong đó 01 nội dung chỉ giới thiệu để sinh viên nắm được như kỹ thuật bơi bí mật, do điều kiện bể

bơi, khu vực luyện tập chưa đáp ứng được các nội dung học trên. Trong điều kiện thực tế khi truy đuổi đối tượng dưới nước thì bơi nhanh là yếu tố quan trọng do vậy mà nội dung bơi nhanh nhất chưa được đề cập đến và trong tình hình lũ lụt nhiều như hiện nay hay với hệ thống bờ biển dài và nhiều sông ngòi, ao hồ như hiện nay thì việc trang bị cho sinh viên kỹ năng bơi cứu đuối và sơ cấp cứu người bị đuối nước là rất cần thiết và thiết thực.

Thứ hai: Lịch học chồng chéo giữa các sinh viên chuyên ngành vũ trang với các sinh viên chuyên ngành khác trong cùng học kỳ. Trong một giờ học bơi có những thời điểm phải chia làm hai khu vực luyện tập, một nửa dành cho sinh viên chuyên ngành bơi vũ trang, một nửa dành cho sinh viên học kỹ thuật bơi cơ bản như bơi Éch, bơi sải.

Thứ ba: Các tiêu chí kiểm tra đánh giá chưa được kiểm định độ tin cậy trong nghiên cứu. Tiêu chuẩn điểm đưa ra lại mang nặng tính chủ quan của người thầy. Chỉ có tiêu chí đánh giá chung mà không có tiêu chí cụ thể ở từng nội dung kiểm tra. Điều này dẫn tới việc đánh giá, kiểm tra đối với sinh viên chưa thực sự chính xác, làm ảnh hưởng tới ý thức và thái độ tập luyện của sinh viên.

Thứ tư: Môi quan hệ phối hợp giữa các đơn vị chức năng trong Học viện CSND chưa thực sự đồng nhất, có sự chồng chéo giữa các môn học dẫn tới số lượng sinh viên học tập trong cùng một thời gian trong một bể lớn, ảnh hưởng đến sự tập trung của sinh viên cũng như khả năng tiếp thu và hoàn thiện kỹ thuật động tác còn bị hạn chế.

Thứ năm: Các điều kiện về cơ sở vật chất, sân bãi, địa điểm tập bơi, dụng cụ phục vụ cho công tác huấn luyện và học tập của sinh viên còn thiếu, thậm chí còn không được trang bị như: súng, hình nộm, phao bơi, áo mưa, dây dù, dây chun, ống thở phục vụ học kỹ thuật bơi mang bao gói và bơi đặc nhiệm thì không có trang thiết bị. Sinh viên tự trang bị khi học dẫn đến trang thiết bị không đồng nhất, dụng cụ tập luyện thô sơ không đảm bảo an toàn trong huấn luyện bơi vũ trang.

3.1.5.2. Bàn luận thực trạng công tác tổ chức đào tạo môn bơi éch và bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang.

Công tác tổ chức đào tạo các môn học liên quan đến môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra đó là hai môn thứ nhất là, Bơi Éch được giảng dạy cho toàn bộ sinh viên của Học viện và thứ hai là, Bơi vũ trang được tổ chức giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang Học viện CSND.

Chương trình môn bơi éch cho sinh viên hệ chính quy có thời gian 60 tiết, đây là kỹ thuật bơi cơ bản và là nền tảng cho những kỹ thuật bơi khác. Với sinh viên là những người mới học thì 60 tiết chỉ đủ để trang bị và thực hiện thành thạo kỹ thuật bơi éch. Tuy nhiên đặc điểm của kỹ thuật bơi éch là dễ học và bơi được xa, trong khi công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như công tác cứu đuối ở môi trường nước thì tốc độ bơi nhanh là yếu tố quyết định, do vậy kỹ thuật bơi éch chưa đáp ứng được yêu cầu tiếp cận đối tượng nhanh, nên cần trang bị thêm kỹ thuật bơi bơi tự do (trườn sấp).

Mục tiêu của môn học bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Tham mưu chỉ huy vũ trang bảo vệ ANTT khoa Cảnh sát vũ trang là tăng cường thể lực cho sinh viên, trang bị những kiến thức, kỹ năng hoạt động dưới nước, kỹ năng mang vác, kỹ năng sử dụng các phương tiện hỗ trợ nghiệp vụ Công an nhân dân, phục vụ công tác đấu tranh, trấn áp tội phạm, bảo vệ ANQG, TTATXH. Bơi vũ trang là môn học bắt buộc trong chương trình huấn luyện của Khoa Cảnh sát vũ trang, với khối lượng là 60 tiết tương đương 2 tín chỉ, phân bổ thời gian gồm 04 tiết lý thuyết; 52 tiết thực hành; 04 tiết kiểm tra; tập trung vào 02 nội dung chính một là Bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang, hai là 2 Bơi cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát vũ trang, (thời gian phân bổ cụ thể được trình bày tại bảng 3.6). *Bài 1*: Bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang (lý thuyết 02 tiết; thực hành: 34 tiết; kiểm tra điều kiện: 02 tiết) trong đó bao gồm các kỹ thuật: Bơi mang theo súng sau lưng và trang bị nhẹ; bơi bao gói; bơi bí mật; vượt sông bằng dây; bơi tiếp cận mục tiêu bằng phao bơi sáu múi. *Bài 2*: Bơi cứu đuối (lý thuyết 02 tiết; thực hành: 18 tiết; kiểm tra điều kiện: 02 tiết) trong đó sinh viên được trang bị về mặt lý thuyết và thực hành kỹ thuật bơi cứu hộ, cứu nạn; phương pháp cứu nạn, cứu hộ trong một số tình huống cụ thể và phương pháp cứu đuối trên một số địa hình. Đây là kỹ năng rất thiết thực và

cần thiết trong quá trình công tác cũng như trong cuộc sống hàng ngày của cán bộ chiến sĩ CAND.

Với yêu cầu nội dung chương trình bơi vũ trang và thời gian biểu như trình bày tại mục 3.1.6, để sinh viên lĩnh hội được những kỹ năng, kỹ xảo như trên đòi hỏi sinh viên ngoài việc nỗ lực cố gắng tiếp thu kiến thức trên lớp các em cần phải dành nhiều thời gian cho việc tập luyện ngoại khóa, điều đó được phản ánh qua kết quả thi kết thúc học phần tại bảng 3.8. Luận án thống kê 03 khóa đào tạo D41, D42 và D43 của sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang cho thấy chất lượng đào tạo nội dung bơi vũ trang của sinh viên chuyên ngành đạt kết quả rất cao đều ở mức giỏi và khá. Có thể thấy rằng với nội dung chương trình như môn bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang với số lượng sinh viên ít, đặc điểm sinh viên có thể lực tốt, nội dung học đi sâu vào chuyên ngành nên kết quả học tập cho sinh viên đạt kết quả rất tốt. Nhưng để áp dụng cho số lượng lớn sinh viên, cho tất cả các sinh viên Học viện CSND thì nội dung học tập bơi vũ trang chưa phù hợp và chưa cập nhật những kỹ năng bơi thực dụng, do vậy cần được chọn lọc để phù hợp với đối tượng học tập và đáp ứng yêu cầu thực tế trong xã hội hiện nay.

Một điểm đáng được quan tâm khác là bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước ta theo *Nghị quyết của Ban chấp hành TW Đảng số 29-NQ/TW khóa XI ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*. Điều kiện đảm bảo thực hiện đổi mới, chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tiễn. Từ đó ta có thể thấy rằng nội dung chương trình cần phù hợp với đối tượng và đáp ứng nhu cầu bức thiết của thực tiễn nhằm thực hiện chủ trương đổi mới căn bản hoàn thiện giáo dục đào tạo của Đảng và Nhà nước ta đó là xây dựng chương trình mới bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND [10].

3.1.5.3. Bàn luận lựa chọn tiêu chí đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân.

Để đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học CSND, luận án căn cứ vào các tài liệu tham khảo chuyên ngành và các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, luận án đề tổng hợp thành bộ tiêu chí nhằm đánh giá thẩm định chương trình thông qua ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên trực tiếp giảng dạy và sinh viên (đối tượng thụ hưởng chương trình). Để lựa chọn các tiêu chí đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học CSND, đảm bảo được tính khoa học và tính khách quan, luận án đã tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi tới 36 cán bộ gồm: 06 chuyên gia là cán bộ lãnh đạo Học viện CSND, cán bộ quản lý các phòng, ban, của Học viện và 30 cán bộ quản lý cấp khoa, giảng viên trực tiếp giảng dạy tại khoa. Kết quả phỏng vấn các chuyên gia, nhà quản lý, các giảng viên chúng tôi đã lựa chọn được với 35 tiêu chí nhằm đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học CSND cho các nội dung: Mục tiêu của chương trình môn học (01 tiêu chí); Nội dung, Bản mô tả chương trình đào tạo (03 tiêu chí); Nội dung, Cấu trúc và nội dung chương trình môn học (06 tiêu chí); Nội dung, Phương pháp tiếp cận trong dạy và học (06 tiêu chí); Nội dung, Đánh giá kết quả học tập của người học (07 tiêu chí); Nội dung, Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy (05 tiêu chí); Nội dung, Cơ sở vật chất và tài liệu học tập (03 tiêu chí) và Nội dung, Kết quả đầu ra (04 tiêu chí).

Trên cơ sở bộ tiêu chí đã lựa chọn trên, luận án tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ quản lý và giảng viên về chương trình môn bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang. Kết quả đánh giá trên cho thấy trong 35 tiêu chí thì có 21 tiêu chí được các giảng viên và cán bộ quản lý đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng, tuy nhiên vẫn còn 14 tiêu chí nữa chỉ được đánh giá ở mức bình thường và chưa hài lòng chủ yếu thuộc các nội dung: Cấu trúc và nội dung chương trình môn học ở tiêu chí (*Nội dung chương trình môn bơi vũ trang đảm bảo tính thực tiễn và khả năng ứng dụng cao*) có điểm trung bình đạt 2.45; Đánh giá kết quả học tập của người học ở tiêu chí (*Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập khuyến khích sinh viên*

học tập, rèn luyện hiệu quả hơn và Các bài kiểm tra, test tiêu biểu cho từng phần nội dung và nội dung môn bơi vũ trang) có điểm trung bình chỉ đạt từ 2.36 đến 2.41; Cơ sở vật chất và tài liệu học tập ở tiêu chí (*Cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo phục vụ triển khai môn học là phù hợp đáp ứng yêu cầu môn bơi vũ trang*) có điểm trung bình chỉ đạt 2.41.

Từ kết luận trên cho thấy cán bộ quản lý và giảng viên trực tiếp giảng dạy hài lòng với nội dung chương trình bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang, về cơ bản nội dung chương trình phù hợp với đối tượng là sinh viên chuyên ngành khoa vũ trang, tuy nhiên vẫn còn nhiều nội dung, nhiều tiêu chí chưa làm hài lòng cán bộ quản lý, giảng viên. Do đó, các nhà quản lý, người xây dựng chương trình cần có những nghiên cứu, cải thiện để phù hợp với thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay đặc biệt là nội dung chương trình chưa phù hợp với cơ sở vật chất và đối tượng là sinh viên đại học hệ chính quy của Học viện CSND. Để xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, luận án căn cứ vào thực trạng những điểm mạnh để lựa chọn những nội dung phù hợp với đối tượng nghiên cứu.

3.2. Xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội

Giải quyết nhiệm vụ này luận án tiến hành nghiên cứu các nội dung sau:

Một là, Nguyên tắc khi thiết kế, xây dựng chương trình môn Bơi vũ trang.

Hai là, Cơ sở xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Ba là, Khảo sát công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang trong các Trường công an nhân dân.

Bốn là, Khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, cán bộ quản lý về nhu cầu cần trang bị các kỹ năng bơi vũ trang và nội dung chương trình bơi vũ trang theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Năm là, Tổ chức xây dựng nội dung chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Sáu là, Bàn luận về xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

3.2.1. Các nguyên tắc khi thiết kế, xây dựng chương trình môn Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

Xây dựng chương trình Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND cần đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau đây:

Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu đào tạo: Mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ được đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng với yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khi xây dựng chương trình môn Bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND phải đảm bảo quán triệt mục tiêu đào tạo. Cụ thể: Mục tiêu đào tạo môn Bơi vũ trang phải là bộ phận hữu cơ của mục tiêu đào tạo chung, có nghĩa là phải thể hiện mức độ, định hướng yêu cầu của nghề nghiệp, phải chịu chi phối của đặc điểm, tính chất công việc, tính chất của quá trình đào tạo. Mục tiêu môn Bơi vũ trang thể hiện mức độ, định hướng yêu cầu trên hai mặt giáo dục và giáo dưỡng là: đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, giáo dục nhân cách và phẩm chất cho sinh viên. Mục tiêu của nội dung quy định những giá trị đạt được cho sinh viên sau quá trình học tập, do vậy mục tiêu chi phối trực tiếp và toàn diện quá trình đào tạo cũng xuất phát từ mục tiêu nội dung đào tạo, giải quyết tốt hai nhiệm vụ cơ bản giáo dục và giáo dưỡng nêu trên.

Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học: Theo tác giả thì tính khoa học của việc thiết kế xây dựng nội dung môn Bơi vũ trang phải được thể hiện ở hai mặt:

Lựa chọn nội dung giảng dạy môn Bơi vũ trang: nội dung giảng dạy được lựa chọn cần cập nhật những tiến bộ của xã hội, phù hợp với những điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục, nội dung phải phù hợp với đối tượng, tính chất công việc và đặc điểm của ngành đào tạo, phải giải quyết được hai vấn đề cơ bản của giáo dục đào tạo là trang bị cho sinh viên tri thức cần thiết và đáp ứng được yêu cầu xã hội.

Sắp xếp nội dung chương trình môn Bơi vũ trang: nội dung chương trình được sắp xếp, đảm bảo tính kế thừa, nội dung sau, kế thừa nội dung trước. Đối

với những môn cơ bản thì giảm thời lượng để dành cho những môn cốt lõi của chương trình. Lựa chọn nội dung giảng dạy phù hợp, đảm bảo những kiến thức theo yêu cầu chuyên môn nghề nghiệp, nhằm trang bị những kỹ năng cơ bản đáp ứng yêu cầu thực tiễn của ngành công an [12].

Nguyên tắc đảm bảo tính thống nhất: Tính thống nhất được thể hiện mục tiêu, nội dung và chương trình môn bồi vũ trang, sự thống nhất giữa nội dung giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu đào tạo được thể hiện ở sự giải quyết hợp lý giữa yêu cầu về nội dung giảng dạy với kiến thức và năng lực được trang bị của người học. Nội dung giảng dạy, phù hợp với những điều kiện thực tiễn của cơ sở của Học viện CSND, phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, xu thế phát triển của khoa học công nghệ hiện đại của ngành công an.

Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn: Khi xác định nội dung giảng dạy của một môn Bồi vũ trang trong chương trình đào tạo chung cần phải căn cứ vào thực tiễn hoàn cảnh cụ thể của Học viện CSND, nhu cầu xã hội với Ngành công an... Tuy nhiên, tính thực tiễn của nội dung giảng dạy cũng cần đặt trong mối tương quan giữa trình độ giáo dục của Sinh viên Học viện CSND với các cơ sở đào tạo khác, với khu vực và thế giới với những điều kiện đảm bảo như giáo viên, cơ sở vật chất... cho việc thực thi nội dung giảng dạy. Tính thực tiễn của nội dung còn thể hiện yêu cầu người học khi kết thúc chương trình, có đủ khả năng phân tích được những vấn đề đặt ra trong thực tiễn, giải quyết nó bằng những kỹ năng, kỹ xảo đã được trang bị.

Nguyên tắc đảm bảo chất lượng đào tạo: Để đảm bảo chất lượng đào tạo cho sinh viên Học viện CSND, thì ngay từ khi xây dựng chương trình Bồi vũ trang cần phải chọn lọc những nội dung, kiến thức và kỹ năng có thể dạy và học các kiến thức kỹ năng đó ở bậc năng lực cao cho đặc thù môn học. Điều quan trọng là nội dung chương trình Bồi vũ trang cần đảm bảo tính khoa học, tính cập nhật và tính khả thi. Song, theo cách tiếp cận quá trình giáo dục trong trường đại học chỉ là giáo dục ban đầu, sinh viên còn phải học thường xuyên và học suốt đời. Chính vì vậy, Học viện CSND cần dạy cho sinh viên phương pháp tiếp thu kiến thức, tức là cần đào tạo năng lực nhận thức, kỹ năng thực hành cơ bản và năng lực tư duy.

Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả và hiệu suất đào tạo: Để đảm bảo hiệu quả đào tạo, xây dựng chương trình Bồi vũ trang cần được thiết kế đáp ứng các

yêu cầu sau: (1) Chương trình Bơi vũ trang được xây dựng phải có tính kế thừa cao, kế thừa chương trình môn học đã được đào tạo trước đó và đồng thời đảm bảo cho sự kế thừa, làm cơ sở cho môn học sau ở cùng bậc học hoặc cho bậc học cao hơn tiếp theo, làm được điều này chương trình có tính liên thông cao và tránh trùng lặp hoặc phải dạy lại; (2) Cấu trúc môn Bơi vũ trang hàm chứa lượng kiến thức, kỹ năng rộng, có độ nén và độ tích hợp lớn; (3) Các nội dung, kỹ năng khó tự học đối với sinh viên cần đưa vào chương trình Bơi vũ trang hoặc tăng thời lượng, còn ngược lại những nội dung, kiến thức, kỹ năng mà sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu được thì có thể bỏ qua hoặc giảm thời lượng nội dung đó; (4) Để mềm hóa chương trình Bơi vũ trang tăng hiệu quả đào tạo đáp ứng thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới cần tăng những nội dung kỹ năng mềm, kỹ năng ứng dụng trọng thực tiễn hỗ trợ cứu giúp nhân dân tránh phòng chống thiên tai, lũ lụt, kỹ năng diu người, sơ cứu và giải thoát trong các tình huống cụ thể. Có như vậy sinh viên mới có điều kiện ứng dụng trong thực tiễn công tác sau này.

Nguyên tắc đảm bảo tính sư phạm: Tính sư phạm của chương trình Bơi vũ trang được thể hiện qua các yêu cầu sau đây:

Thứ nhất, nội dung giảng dạy, nội dung lựa chọn để xây dựng chương trình chi tiết cho môn Bơi vũ trang, được xác định ở ba loại hình kiến thức: kiến thức nền tảng (cốt lõi); Kiến thức chuyên ngành (nghề nghiệp); Kiến thức về phương pháp. Như vậy có thể thấy rằng, nội dung chương trình phải quy nạp tổng thể kiến thức toàn diện, phù hợp với yêu cầu của mục tiêu đào tạo Ngành công an, ngoài ra chương trình còn phải có tính thực tiễn và hiện đại.

Thứ hai, cấu trúc nội dung chương trình, nội dung giảng dạy môn Bơi vũ trang được sắp xếp đảm bảo tính kế thừa và phát triển, đảm bảo tính liên tục của quá trình nhận thức, nội dung sau kế thừa của nội dung trước. Nội dung cũng phải đảm bảo tính tuần tự, sắp xếp từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức nền tảng đến kiến thức chuyên ngành.

Thứ ba, phương pháp giảng dạy môn Bơi vũ trang, phương pháp lựa chọn để nội dung là sự kết nối mang tính sư phạm truyền thụ và khả năng tiếp thu lĩnh hội của người học, đảm bảo cho quá trình nhận thức tư duy của người học, cần

trang bị cho người học nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau đặc biệt là áp dụng các phương pháp dạy học tích cực để người phát huy nội lực bản thân.

Thứ tư, kiểm tra đánh giá môn Bơi vũ trang, quá trình đánh giá kết quả học tập luôn được gắn liền với thực tiễn dạy và học, coi việc kiểm tra đánh giá luôn là động lực thúc đẩy quá trình đào tạo, phải coi việc đánh giá là một phương pháp hữu hiệu mang tính sư phạm cao trong quá trình đào tạo. Tuy vậy những tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá phải được xây dựng trên nền tảng những nội dung chính thức đã được thiết kế trong nội dung giảng dạy, phải phù hợp với yêu cầu về năng lực và tri thức cần trang bị cho người học, phải coi việc kiểm tra đánh giá là động lực thúc đẩy quá trình học tập, chứ không phải là áp lực lớn đối với người học. Học được chủ động, sáng tạo, phát huy năng lực tự học, tự chiếm lĩnh tri thức, tích lũy kỹ năng, kỹ xảo vận động [35].

3.2.2. Cơ sở xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân đáp ứng nhu cầu xã hội

3.2.2.1. Cơ sở pháp lý xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Để xây dựng nội dung chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND, luận án dựa trên các văn bản pháp lý sau:

Luật công an nhân dân năm 2015 [70].

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, về việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Với mục tiêu tổng quát: Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả. Mục tiêu cụ thể đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp

với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề. Đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn [10].

Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương khóa XI, với nội dung trọng tâm rà soát, điều chỉnh chương trình giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu về chất lượng đào tạo và nhân lực của từng ngành, nghề, địa phương, toàn xã hội theo hướng tăng cường năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội. Triển khai cơ chế phối hợp giữa các trường bảo đảm chất lượng, thống nhất chương trình, giáo trình theo từng ngành, nhóm ngành, nhóm nghề đào tạo [79].

Nghị quyết số 17-NQ/ĐUCA, ngày 28/10/2014 của Đảng ủy Công an Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân. Thượng tướng Đặng Văn Hiếu - Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an giao nhiệm vụ: Nhiệm kỳ 2016 - 2020: Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng về GD-ĐT, trọng tâm là quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XI) về "Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế", Nghị quyết số 17-NQ/ĐUCA ngày 28/10/2014 của Đảng ủy Công an Trung ương, Chỉ thị số 13/CT-BCA ngày 28/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT trong CAND [15],[16].

Chỉ thị số 13/CT-BCA, ngày 28/10/2014 của Bộ Công an về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân [16].

Quyết định số 2477/QĐ-T32-QLĐT ngày 18 tháng 10 năm 2016 của giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân về việc ban hành danh mục chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện CSND, trong đó quy định rõ chuẩn về *chuyên môn nghiệp vụ*: Sinh viên các chuyên ngành phải học

và thi đạt yêu cầu các chuẩn đầu ra cụ thể theo từng chuyên ngành: Quản lý hành chính về trật tự xã hội; chuyên ngành Trinh sát phòng, chống tội phạm trật tự xã hội; chuyên ngành Điều tra tội phạm trật tự xã hội; chuyên ngành Trinh sát phòng, chống tội phạm kinh tế; chuyên ngành Kỹ thuật hình sự; chuyên ngành Quản lý trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt; chuyên ngành Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân; chuyên ngành Trinh sát phòng, chống tội phạm ma túy; chuyên ngành Tham mưu, chỉ huy vũ trang bảo vệ an ninh trật tự; chuyên ngành Tiếng anh cảnh sát; chuyên ngành Trinh sát phòng, chống tội phạm môi trường; chuyên ngành Trinh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; chuyên ngành Luật Tố tụng hình sự; chuyên ngành Quản lý trật tự an toàn xã hội trên đường thủy; chuyên ngành Tiếng Trung Quốc cảnh sát; chuyên ngành Tham mưu chỉ huy đảm bảo trật tự an toàn xã hội [43].

Chuẩn về chính trị: Có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, thực hiện nghiêm điều lệnh Công an nhân dân, pháp luật Nhà nước. Sinh viên khi tốt nghiệp là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc được cấp giấy chứng nhận đã học lớp Bồi dưỡng kiến thức về Đảng và có chứng chỉ tương đương trình độ trung cấp lý luận chính trị [45].

Chuẩn về kỹ năng mềm: Các kỹ năng mềm mà sinh viên trước khi ra trường được trang bị như: Chuẩn về sỹ quan chỉ huy bao gồm các kỹ năng thực hành chỉ huy điều lệnh, kỹ năng về lãnh đạo, kỹ năng về tham mưu; chuẩn về kỹ năng bắn súng; chuẩn kỹ năng võ thuật đó là đạt chứng chỉ võ thuật Công an nhân dân chương trình nâng cao; chuẩn bơi vũ trang; chuẩn về lái xe có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 và giấy phép lái xe ô tô hạng B1 hoặc B2; chuẩn về tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao; chuẩn về ngoại ngữ đó là đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương [45].

Quyết định số 2478/QĐ-T32-QLĐT ngày 18 tháng 10 năm 2016 của giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân ban hành quy định tổ chức thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện CSND, quy định nêu rõ: Thời gian học tập chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo đại học chính quy [46].

Năm thứ nhất sinh viên hoàn thành kỹ năng thực hành chỉ huy điều lệnh thuộc chuẩn đầu ra về sỹ quan chỉ huy, Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 triển khai học ngoại ngữ bổ sung.

Năm thứ hai sinh viên học bồi dưỡng nhận thức về Đảng, triển khai học lái xe ô tô hạng B1 trở lên, tổ chức các lớp học chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, triển khai học, thi chuẩn tin học, bắn súng, võ thuật CAND và bơi vũ trang.

Năm thứ ba kết nạp Đảng cho những sinh viên đủ điều kiện, tiếp tục mở lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, hoàn thành chuẩn tương đương trình độ trung cấp lý luận chính trị, hoàn thành chuẩn lái xe ô tô hạng B2 trở lên, hoàn thành chuẩn về sỹ quan chỉ huy, Bơi vũ trang, hoàn thành một số chuẩn về nghiệp vụ theo kế hoạch học tập.

Năm thứ tư sinh viên hoàn thành tất cả các chuẩn trước khi sinh viên đi thực tập tốt nghiệp.

Đặc biệt chuẩn bơi vũ trang được áp dụng đối với hệ đào tạo chính quy từ khóa tuyển sinh năm học 2016-2017, với số lượng thời gian học tập là 40 tiết, tiêu chí đánh giá theo thang điểm 10, sinh viên phải đạt từ 5/10 điểm trở lên. Đối với sinh viên chuyên ngành Tham mưu chỉ huy vũ trang bảo vệ ANTT được chuyển kết quả thi môn bơi vũ trang làm kết quả chuẩn đầu ra bơi vũ trang [46].

Để xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND đảm bảo tính cập nhật và khoa học, luận án đã tuân thủ chặt chẽ các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT và Bộ Công an về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Rà soát, điều chỉnh chương trình giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu về chất lượng đào tạo và nhân lực của từng ngành, nghề, địa phương, toàn xã hội theo hướng tăng cường năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội; Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân; Ban hành danh mục chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện CSND, trong đó quy định rõ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ.

3.2.2.2. Cơ sở thực tiễn xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân.

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay trong công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm của cán bộ chiến sỹ Công an nhân dân. Mục đích của công tác huấn

luyện bơi vũ trang nhằm rèn luyện sức khỏe, trang bị những kỹ năng vận động dưới nước, thực hành bơi và bơi tốt các kỹ thuật bơi ếch, bơi trườn sấp, bơi mang vác vũ khí, bơi cứu hộ và sơ cấp cứu người bị đuối nước để phục vụ trực tiếp trong việc bảo vệ mình trong quá trình làm nhiệm vụ như vây bắt tội phạm tổ chức đánh bạc trên thuyền, tội phạm buôn bán và vận chuyển chất ma túy bằng đường thủy, hoặc truy đuổi tội phạm bỏ trốn trên sông nước... cũng như hỗ trợ và giúp đỡ người dân phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ. Vì vậy, để xây dựng nội dung chương trình bơi vũ trang đáp ứng được yêu cầu thực tế hiện nay thì cần căn cứ vào thực trạng công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước, thường lợi dụng địa hình sông nước, cần bơi bí mật để tiếp cận mục tiêu, khi bị truy đuổi tội phạm tấn công và chống trả quyết liệt, và thực trạng trong đời sống hay xảy ra các vụ đuối nước, thiên tai lũ lụt cần sự hỗ trợ và giúp đỡ của các cán bộ chiến sĩ CAND.

Căn cứ vào mục tiêu huấn luyện bơi vũ trang. Mục tiêu của công tác giảng dạy và huấn luyện bơi vũ trang là trang bị, huấn luyện cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật bơi trườn sấp; kỹ thuật bơi bao gói; kỹ thuật bơi cứu đuối và kỹ năng sơ cấp cứu người khi bị đuối nước, các phương pháp tập luyện nâng cao nhằm nâng cao thể lực, phát triển các tố chất như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khéo léo và khả năng phối hợp vận động. Về kỹ năng rèn luyện sinh viên về thể chất, sức khỏe, tính kỷ luật, có bản lĩnh chiến đấu dũng cảm, mưu trí, tác phong nhanh nhẹn, linh hoạt trong thực tiễn công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm. Về thái độ, môn bơi vũ trang là hoạt động thực hành, cần được tổ chức chặt chẽ và đảm bảo các chế độ tập luyện, sinh viên phải được làm quen với những hoạt động vận động cao, khả năng gắng sức tối đa; Giáo dục cho sinh viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, say mê học tập, chấp hành kỷ luật, khắc phục đau, mệt, đảm bảo an toàn trong tập luyện.

Căn cứ vào nội dung huấn luyện. Trong bơi vũ trang có nhiều kỹ thuật khác nhau, cần lựa chọn kỹ thuật cần thiết và phù hợp với điều kiện trong công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm cũng như trong điều kiện thực tiễn hiện nay. Trong đó mỗi một kỹ thuật khác nhau cần xây dựng, lựa chọn các phương pháp giảng dạy, huấn luyện cho phù hợp.

Căn cứ vào thời gian, thời lượng huấn luyện. Trên thực tế, thời gian giảng dạy môn bơi vũ trang là 40 tiết, căn cứ vào đó để lựa chọn nội dung bơi vũ trang cho phù hợp. Đảm bảo với đối tượng sinh viên có thể tiếp thu và thực hành thành thạo các kỹ thuật và đạt được chuẩn đầu ra.

Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất. Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy bơi vũ trang cần có những điều kiện như: Bể bơi đảm bảo tiêu chuẩn, phao bơi tập luyện, súng AK, áo mưa, dây chun, người nộm, quần áo tập chuyên biệt và các thiết bị khác như máy tính, máy quay camera, phông chiếu... Tuy nhiên thực tế hiện nay cơ sở vật chất còn thiếu, cũ, chất lượng không đảm bảo, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế. Trong điều kiện cơ sở vật chất như vậy cần lựa chọn nội dung giảng dạy cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Căn cứ vào năng lực, trình độ giáo viên. Thực tế cho thấy đội ngũ giáo viên giảng dạy môn bơi và bơi vũ trang Học viện CSND hầu hết có chất lượng và trình độ chuyên môn tốt, Đội ngũ này trẻ, có sức khỏe tốt, nhanh nhẹn, linh hoạt, có kỹ năng về bơi đảm bảo để hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy với tính chất công việc nặng nhọc, vất vả. Thực tế về đội ngũ giáo viên Học viện CSND có thể là cơ sở để lựa chọn và xây dựng nội dung chương trình giảng dạy phong phú và đa dạng để đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Căn cứ vào thực trạng chương trình giảng dạy môn bơi và bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND. Thực tế cho thấy hiện nay sinh viên hệ chính quy trường Học viện CSND khi ra trường được trang bị kỹ thuật bơi ếch, và sinh viên chuyên ngành Cảnh sát vũ trang được trang bị thêm các kỹ thuật bơi vũ trang. Trong đó chủ yếu là kỹ thuật bơi bao gói, bơi có trang bị trong chiến đấu và bơi bí mật. Tuy nhiên thực tế hiện nay tội phạm ngày một manh động và liều lĩnh, diễn biến phức tạp, chúng lợi dụng mọi địa hình để hoạt động. Khi bị phát hiện, truy đuổi, bắt giữ các đối tượng phạm tội sẵn sàng tấn công, chống trả quyết liệt đối với cán bộ chiến sĩ Công an nhân dân, đặc biệt trên môi trường sông nước. Do vậy ngoài việc trang bị cho sinh viên những kỹ năng vận động dưới nước cần trang bị thêm cho sinh viên những kỹ thuật bơi nhanh và bơi được cự ly dài. Mặt khác trong cuộc sống hàng ngày thì việc trang bị cho sinh viên những kỹ năng bơi cứu đuối và sơ cấp cứu người khi bị đuối nước là rất quan trọng trong tình hình hiện nay. Căn cứ vào thực trạng chương trình hiện nay để xây

dựng chương trình mới bơi vũ trang chuẩn đầu ra áp dụng cho tất cả sinh viên hệ đại học chính quy Học viện CSND.

Căn cứ và thực trạng hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo. Hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo gồm có: 02 giáo trình (01 giáo trình giáo dục thể chất; 01 giáo trình bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang), 03 tài liệu tham khảo và các tập bài giảng. Về cơ bản hệ thống giáo trình và tài liệu tham khảo đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy môn bơi và bơi vũ trang. Đây là điều kiện thuận lợi để xây dựng nội dung chương trình môn học mới bơi vũ trang chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

3.2.2.3. Lựa chọn tiêu chí làm căn cứ cần tuân thủ để xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

Để xây dựng chương xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND đảm bảo tính khách quan và khoa học ngoài việc căn cứ vào cơ sở lý luận và thực tiễn thì luận án còn dựa trên các tiêu chuẩn và tiêu chí cần tuân thủ để xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND được lựa chọn dưới đây:

Trên cơ sở tham khảo hệ thống tài liệu và các đề tài, luận án có liên quan, thông qua phân tích thực tiễn và xin ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý trong và ngoài Học viện CSND, luận án xác định được 07 tiêu chuẩn với 39 tiêu chí cần tuân thủ khi xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND. Cụ thể: Tiêu chuẩn đảm bảo tính phù hợp: 07 tiêu chí; Tiêu chuẩn đảm bảo tính trình tự: 05 tiêu chí; Tiêu chuẩn đảm bảo tính tích hợp: 07 tiêu chí; Tiêu chuẩn đảm bảo tính cân bằng, cân đối: 04 tiêu chí; Tiêu chuẩn đảm bảo tính gắn kết: 06 tiêu chí; Tiêu chuẩn đảm bảo tính cập nhật: 04 tiêu chí; Tiêu chuẩn đảm bảo tính hiệu quả: 06 tiêu chí.

Để lựa chọn được các tiêu chuẩn và tiêu chí phù hợp nhất nhằm xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND, luận án tiến hành phỏng vấn 32 nhà quản lý, chuyên gia và giảng viên (12 người là các nhà quản lý, chuyên gia nghiên cứu về lĩnh vực GDTC và TDTT trường học, về xây dựng chương trình môn học - 08 người và 12 Giảng viên giảng dạy Bơi và Bơi vũ trang bằng phiếu hỏi.

Cách trả lời cụ thể theo thang điểm đánh giá với 04 mức độ: Rất phù hợp = 3 điểm; Phù hợp = 2 điểm; Bình thường = 1 điểm; Không phù hợp = 0 điểm. Luận án sẽ lựa chọn những tiêu chí đạt từ 80% tổng điểm tối đa trở lên làm căn cứ xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND. Kết quả phỏng vấn được trình bày cụ thể tại bảng 3.11.

Bảng 3.11. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các tiêu chí cần tuân thủ để xây dựng chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

TT	Nội dung tiêu chí	Kết quả (n=32)				Tổng	
		Rất phù hợp	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp	Điểm	%
		n	n	n	n		
1.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính phù hợp						
1.	Chương trình phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và đặc thù Bộ công an	27	04	01	00	90	93,8
2.	Chương trình phù hợp với công tác nghiệp vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân	26	03	03	00	87	90,6
3.	Chương trình phù hợp với sinh viên trình độ đại học trong các Trường CSND	20	08	02	02	78	81,3
4.	Chương trình phù hợp với chuẩn đầu ra trong công tác đào tạo của Học viện CSND	21	06	04	01	79	82,3
5.	Nội dung chương trình phù hợp với điều kiện về thời gian, nguồn lực triển khai giảng dạy tại các Trường CSND	15	06	07	04	64	66,7
6.	Sự phù hợp giữa nội dung môn bồi vũ trang với các hình thức tổ chức triển khai thực hiện chương trình	24	05	02	01	84	87,5
7.	Sự phù hợp giữa nội dung, hình thức tổ chức giảng dạy với phương pháp kiểm tra đánh giá môn bồi vũ trang	22	07	02	01	82	85,4
2.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính trình tự						
8.	Trình tự các phần nội dung chương trình chi tiết môn bồi vũ trang đảm bảo theo cấu trúc nhất quán và phù hợp với đặc điểm công tác huấn luyện sinh viên	25	05	02	00	87	90,6
9.	Nội dung chương trình môn học bồi vũ trang theo trình tự logic từ đơn giản đến nâng cao	27	03	02	00	89	92,7
10.	Tiến trình nội dung môn học bồi vũ trang theo trình tự đơn giản đến phức tạp, từ cụ thể đến khái quát	16	08	06	02	70	72,9
11.	Nội dung chương trình môn học bồi vũ trang tích hợp các kỹ năng thực hành cần được đào tạo theo yêu cầu của nghiệp vụ đặc thù của lực lượng vũ trang	19	09	02	02	77	80,2
12.	Các hình thức tổ chức triển khai môn học bồi vũ trang (kỹ thuật căn bản, kỹ năng bồi thực dụng, kỹ năng hô hấp nhân tạo ...) phù hợp với sự bố trí các phần nội dung cần trang bị	23	05	03	01	82	85,4

TT	Nội dung tiêu chí	Kết quả (n=32)				Tổng	
		Rất phù hợp	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp	Điểm	%
		n	n	n	n		
3.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính cân bằng, cân đối						
13.	Cân bằng về nội dung môn bơi vũ trang với các môn chuẩn đầu ra khác về kỹ năng ứng dụng thực tiễn	22	05	03	02	79	82,3
14.	Cân bằng về thời lượng thời gian với môn giáo dục thể chất khóa khác về kỹ năng vận động	16	10	04	02	72	75,0
15.	Cân bằng về cấu trúc nội dung các kỹ năng bơi cơ bản, kỹ năng bơi thực dụng, kỹ năng phòng chống đuối nước trong môn bơi vũ trang	25	03	03	01	84	87,5
16.	Cân đối về tỷ lệ giữa nội dung lý thuyết và thực hành của môn bơi vũ trang	17	06	06	05	69	71,9
17.	Cân đối về bố trí thời lượng, thời gian cho các phần nội dung của môn bơi vũ trang	20	07	04	01	78	81,3
18.	Cân đối về hình thức tổ chức các hoạt động giảng dạy và tập luyện môn bơi vũ trang	24	03	03	02	81	84,4
19.	Cân bằng về mức độ hoàn thiện kỹ năng thực dụng và thể lực trong tập luyện môn bơi vũ trang	25	04	03	00	86	89,6
4.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính gắn kết						
20.	Sự gắn kết giữa môn bơi vũ trang với môn thực hành đã tập luyện trong chương trình đào tạo tại Học viện CSND	19	08	05	00	78	81,3
21.	Sự gắn kết, kế thừa giữa các học phần thực hành trước là cơ sở để dạy học nội dung môn bơi vũ trang	23	06	02	01	83	86,5
22.	Sự gắn kết giữa nội dung chương trình và hình thức tổ chức, phương pháp truyền tải chương trình	15	07	07	03	66	68,8
23.	Sự gắn kết giữa hình thức tổ chức, phương pháp thực thi chương trình và phương pháp kiểm tra - đánh giá	22	05	04	01	80	83,3
5.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính cập nhật						
24.	Cập nhật về mục tiêu của môn bơi vũ trang đáp ứng sự thay đổi của thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm	24	04	03	01	83	86,5
25.	Cập nhật về nội dung phù hợp với nhu cầu xã hội	16	08	05	03	69	71,9
26.	Cập nhật về hình thức tổ chức và phương pháp huấn luyện môn bơi vũ trang	21	05	05	01	78	81,3

TT	Nội dung tiêu chí	Kết quả (n=32)				Tổng	
		Rất phù hợp	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp	Điểm	%
		n	n	n	n		
27.	Cập nhật về hình thức tổ chức, phương pháp kiểm tra - đánh giá thể lực và kỹ năng nghiệp vụ trong môn bơi vũ trang	23	06	03	00	84	87,5
28.	Cập nhật về nội dung môn học để phù hợp với mục tiêu, thực tiễn công tác đào tạo trong lực lượng vũ trang nhân dân	24	03	04	01	82	85,4
29.	Cập nhật về nguồn học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu tham khảo	22	04	05	01	79	82,3
6.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính tích hợp						
30.	Tích hợp các kỹ năng vận động dưới nước với những kỹ năng nghiệp vụ đặc thù trong chương trình môn học bơi vũ trang	24	04	04	00	84	87,5
31.	Tích hợp các nội dung chuẩn đầu ra phù hợp với môn bơi vũ trang trong thực hiện chương trình đào tạo tại Học viện CSND	22	05	04	01	80	83,3
32.	Tích hợp đào tạo kỹ năng vận động và các kỹ năng mềm, giáo dục kỹ năng sống	25	03	03	01	84	87,5
6.4	Kết hợp hình thức tổ chức, phương pháp, kỹ thuật dạy học trong triển khai các nội dung môn học	15	07	08	02	67	69,8
7.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính hiệu quả						
33.	Nội dung môn bơi vũ trang đảm bảo được tính truyền thống, đặc trưng nghiệp vụ của lực lượng vũ trang nhân dân	20	06	06	00	78	81,3
34.	Nội dung, tính chất môn học đáp ứng được kỳ vọng của xã hội và của ngành lực lượng vũ trang nhân dân	24	03	03	02	81	84,4
35.	Nội dung môn học, các hoạt động triển khai môn học làm thoả mãn mong đợi của sinh viên Học viện CSND	21	06	04	01	79	82,3
36.	Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và rèn luyện trong môn bơi vũ trang dễ chuyển đổi, ứng dụng trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm	25	03	04	00	85	88,5
37.	Nội dung môn học bao hàm lượng kỹ năng đa dạng, có độ nén cao và mang tính tích hợp	14	11	05	02	69	71,9
38.	Chương trình môn bơi vũ trang được định kỳ tích hợp, cập nhật thông tin mới	21	05	06	00	79	82,3

Qua bảng 3.11 cho thấy: Theo nguyên tắc phỏng vấn đặt ra, luận án lựa chọn được 31 tiêu chí thuộc 07 tiêu chuẩn làm căn cứ xây dựng chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Xác định độ đồng nhất của các tiêu chí cần tuân thủ để xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Để xác định độ đồng nhất (phù hợp) của các tiêu chí cần tuân thủ để xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, luận án tiến hành phỏng vấn lần 2 trên cơ sở đánh giá của 32 nhà quản lý, chuyên gia và giảng viên. Phỏng vấn lần 2 được thực hiện sau phỏng vấn lần 1 hai tháng.

Kết quả xác định độ đồng nhất giữa hai lần phỏng vấn của các tiêu chí cần tuân thủ để xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội được trình bày ở Bảng 3.12.

Bảng 3.12. Kết quả phỏng vấn xác định độ đồng nhất của các tiêu chí cần tuân thủ để xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

TT	Nội dung tiêu chuẩn, tiêu chí	LẦN 1		LẦN 2		χ^2	P
		Điểm	%	Điểm	%		
1.	<i>Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính phù hợp</i>						
1.	Chương trình phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và đặc thù Bộ công an	90	93,8	88	91,6	0.006	>0,05
2.	Chương trình phù hợp với công tác nghiệp vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân	87	90,6	84	87,5	0.431	>0,05
3.	Chương trình phù hợp với sinh viên trình độ đại học trong các Trường CSND	78	81,3	82	85,4	0.346	>0,05
4.	Chương trình phù hợp với chuẩn đầu ra trong công tác đào tạo của Học viện CSND	79	82,3	80	83,3	0.630	>0,05
5.	Sự phù hợp giữa nội dung môn bơi vũ trang với các hình thức tổ chức triển khai thực hiện chương trình	84	87,5	87	90,6	0.763	>0,05
6.	Sự phù hợp giữa nội dung, hình thức tổ chức giảng dạy với phương pháp kiểm tra đánh giá môn bơi vũ trang	82	85,4	85	88,5	0.762	>0,05

2.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính trình tự						
7.	Trình tự các phần nội dung chương trình chi tiết môn bơi vũ trang đảm bảo theo cấu trúc nhất quán và phù hợp với đặc điểm công tác huấn luyện sinh viên	87	90,6	89	92,7	0.706	>0,05
8.	Nội dung chương trình môn học bơi vũ trang theo trình tự lôgic từ đơn giản đến nâng cao	89	92,7	87	90,6	0.486	>0,05
9.	Nội dung chương trình môn học bơi vũ trang tích hợp các kỹ năng thực hành cần được đào tạo theo yêu cầu của nghiệp vụ đặc thù của lực lượng vũ trang	77	80,2	81	84,3	0.827	>0,05
10.	Các hình thức tổ chức triển khai môn học bơi vũ trang (kỹ thuật căn bản, kỹ năng bơi thực dụng, kỹ năng hô hấp nhân tạo ...) phù hợp với sự bố trí các phần nội dung cần trang bị	82	85,4	85	88,5	0.762	>0,05
3.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính cân bằng, cân đối						
11.	Cân bằng về nội dung môn bơi vũ trang với các môn chuẩn đầu ra khác về kỹ năng ứng dụng thực tiễn	79	82,3	82	85,4	0.761	>0,05
12.	Cân bằng về cấu trúc nội dung các kỹ năng bơi cơ bản, kỹ năng bơi thực dụng, kỹ năng phòng chống đuối nước trong môn bơi vũ trang	84	87,5	87	90,6	0.763	>0,05
13.	Cân đối về bố trí thời lượng, thời gian cho các phần nội dung của môn bơi vũ trang	78	81,3	79	82,2	0.622	>0,05
14.	Cân đối về hình thức tổ chức các hoạt động giảng dạy và tập luyện môn bơi vũ trang	81	84,4	81	84,3	0.002	>0,05
15.	Cân bằng về mức độ hoàn thiện kỹ năng thực dụng và thể lực trong tập luyện môn bơi vũ trang	86	89,6	84	87,5	0.477	>0,05
4.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính gắn kết						
16.	Sự gắn kết giữa môn bơi vũ trang với môn thực hành đã tập luyện trong chương trình đào tạo tại Học viện CSND	78	81,3	82	85,4	0.827	>0,05
17.	Sự gắn kết, kế thừa giữa các học phần thực hành trước là cơ sở để dạy học nội dung môn bơi vũ trang	83	86,5	85	88,5	0.702	>0,05
18.	Sự gắn kết giữa hình thức tổ chức, phương pháp thực thi chương trình và phương pháp kiểm tra - đánh giá	80	83,3	84	87,5	0.411	>0,05

5.	<i>Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính cập nhật</i>						
19.	Cập nhật về mục tiêu của môn bơi vũ trang đáp ứng sự thay đổi của thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm	83	86,5	79	82,2	0.365	>0,05
20.	Cập nhật về hình thức tổ chức và phương pháp huấn luyện môn bơi vũ trang	78	81,3	84	87,5	1.027	>0,05
21.	Cập nhật về hình thức tổ chức, phương pháp kiểm tra - đánh giá thể lực và kỹ năng nghiệp vụ trong môn bơi vũ trang	84	87,5	80	83,3	1.067	>0,05
22.	Cập nhật về nội dung môn học để phù hợp với mục tiêu, thực tiễn công tác đào tạo trong lực lượng vũ trang nhân dân	82	85,4	86	89,5	0.826	>0,05
23.	Cập nhật về nguồn học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu tham khảo	79	82,3	79	82,2	0.001	>0,05
6.	<i>Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính tích hợp</i>						
24.	Tích hợp các kỹ năng vận động dưới nước với những kỹ năng nghiệp vụ đặc thù trong chương trình môn học bơi vũ trang	84	87,5	78	81,2	1.064	>0,05
25.	Tích hợp các nội dung chuẩn đầu ra phù hợp với môn bơi vũ trang trong thực hiện chương trình đào tạo tại Học viện CSND	80	83,3	84	87,5	0.833	>0,05
26.	Tích hợp đào tạo kỹ năng vận động và các kỹ năng mềm, giáo dục kỹ năng sống	84	87,5	79	82,2	1.002	>0,05
7.	<i>Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính hiệu quả</i>						
27.	Nội dung môn bơi vũ trang đảm bảo được tính truyền thống, đặc trưng nghiệp vụ của lực lượng vũ trang nhân dân	78	81,3	80	83,3	0.034	>0,05
28.	Nội dung, tính chất môn học đáp ứng được kỳ vọng của xã hội và của ngành lực lượng vũ trang nhân dân	81	84,4	82	85,4	0.004	>0,05
29.	Nội dung môn học, các hoạt động triển khai môn học làm thoả mãn mong đợi của sinh viên Học viện CSND	79	82,3	85	88,5	1,084	>0,05
30.	Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và rèn luyện trong môn bơi vũ trang dễ chuyển đổi, ứng dụng trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm	85	88,5	78	81,2	1.528	>0,05
31.	Chương trình môn bơi vũ trang được định kỳ tích hợp, cập nhật thông tin mới	79	82,3	86	89,5	1.578	>0,05

Kết quả ở Bảng 3.12 cho thấy χ^2 tính $< \chi^2$ bảng (3.84) sự khác biệt không có ý nghĩa ở ngưỡng $P > 0,05$, có thể thấy giữa hai lần phỏng vấn các nhà quản lý, chuyên gia và giảng viên đều ít có sự thay đổi ý kiến trong các lần phỏng vấn, hay cho rằng những tiêu chí mà luận án lựa chọn đều đảm bảo độ tin cậy cần tuân thủ để xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội. Như vậy luận án đã lựa chọn được 31 tiêu chí thuộc 07 tiêu chuẩn làm căn cứ xây dựng chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

3.2.3. Khảo sát công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang trong các Trường đào tạo Công an nhân dân

Để khảo sát công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang trong các trường công an nhân dân hiện nay, luận án tiến hành khảo sát thực trạng việc xây dựng chương trình môn bơi vũ trang tại 03 cơ sở đào tạo cán bộ chiến sĩ công an nhân dân: Trường Trung cấp Cảnh sát vũ trang (T45), Học viện An ninh nhân dân (T31), Học viện Cảnh sát nhân dân (T32), thông qua trao đổi phỏng vấn và sử dụng bảng phiếu hỏi. Đối tượng khảo sát là 62 cán bộ quản lý, giảng viên đang công tác tại các phòng đào tạo, khoa, tổ bộ môn của 03 cơ sở đào tạo trên. Nội dung khảo sát tập trung vào các vấn đề xây dựng, thực hiện và thẩm định chương trình môn học bơi vũ trang ở các cơ sở đào tạo của đối tượng khảo sát.

Các vấn đề khảo sát cụ thể: Cơ sở của việc xây dựng chương trình môn bơi vũ trang; khảo sát về nhu cầu của môn học; đánh giá thẩm định dựa trên tiêu chí hay chưa; việc thực hiện giảng dạy có tuân thủ, bám sát chương trình môn bơi vũ trang và giám sát chặt chẽ hay chưa; việc cập nhật, chỉnh sửa và đánh giá định kỳ có được thực hiện hay không... nội dung khảo sát được trình bày cụ thể tại bảng 3.13.

Bảng 3.13. Khảo sát thực trạng công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang tại các cơ sở đào tạo chiến sĩ công an nhân dân (n=62)

TT	Nội dung khảo sát	Có		Không		Không biết	
		n	%	n	%	n	%
1.	Trường có xây dựng (chuẩn đầu ra) cho từng ngành đào tạo của Nhà trường không?	60	96,77	00	0,00	02	3,23
2.	Nhà trường đã xây dựng chương trình môn bơi vũ trang chưa?	58	93,55	01	1,61	03	4,84
3.	Trường có ra quyết định thành lập ban xây dựng chương trình môn bơi vũ trang trên cơ sở đề xuất của Khoa/Bộ môn?	57	91,94	01	1,61	04	6,45
4.	Trước khi xây dựng chương trình môn bơi vũ trang Nhà trường có triển khai khảo sát nhu cầu xã hội?	19	30,65	21	33,87	22	35,48
5.	Trước khi xây dựng chương trình môn bơi vũ trang Nhà trường có triển khai khảo sát nhu cầu cựu sinh viên đã ra Trường công tác?	22	35,48	15	24,19	25	40,32
6.	Trước khi xây dựng chương trình môn bơi vũ trang Nhà trường có triển khai khảo sát nhu cầu sinh viên?	27	43,55	16	25,81	19	30,65
7.	Cán bộ tham gia xây dựng chương trình môn bơi vũ trang có được tập huấn về chuyên môn trước khi xây dựng?	15	24,19	25	40,32	22	35,48
8.	Để xây dựng chương trình môn bơi vũ trang, nhóm biên soạn có tham khảo ý kiến của các giảng viên trực tiếp giảng dạy?	57	91,94	02	3,23	03	4,84
9.	Trong quá trình xây dựng chương trình môn bơi vũ trang, nhóm soạn thảo có tổ chức hội thảo lấy ý kiến về nội dung môn học, hình thức kiểm tra đánh giá, các vấn đề khác có liên qua đến môn bơi vũ trang?	52	83,87	04	6,45	06	9,68
10.	Cấu trúc nội, dung chương trình môn học môn bơi vũ trang có thực hiện theo mẫu quy định của Nhà trường?	57	91,94	01	1,61	04	6,45
11.	Chương trình môn bơi vũ trang có được thẩm định ở cấp Nhà trường?	51	82,26	03	4,84	08	12,90
12.	Chương trình môn bơi vũ trang có được thẩm định ở cấp Khoa/Bộ môn trực thuộc?	59	95,16	01	1,61	02	3,23
13.	Việc thẩm định, đánh giá chương trình môn bơi vũ trang có được dựa trên các tiêu chí đánh giá do Nhà trường xây dựng?	54	87,10	03	4,84	05	8,06
14.	Thầy, cô giảng dạy môn bơi vũ trang có tuân thủ theo các nội dung chương trình?	60	96,77	01	1,61	01	1,61
15.	Việc sửa chữa, cập nhật, hoàn thiện chương trình môn bơi vũ trang có được thực hiện thường xuyên, định kỳ?	33	53,23	11	17,74	18	29,03

Kết quả khảo sát bằng phiếu hỏi về thực trạng công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang tại các cơ sở đào tạo cho thấy: Có 96,77% ý kiến của các nhà quản lý và giảng viên cho rằng Nhà trường đã xây dựng chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo của Nhà trường để làm cơ sở cho việc xây dựng chương trình đào tạo nói chung, chương trình môn bơi vũ trang nói riêng; Vấn đề Trường ra quyết định thành lập ban xây dựng chương trình môn bơi vũ trang trên cơ sở đề xuất của Khoa/Bộ môn có 91,94%.

Khi được hỏi về trước khi xây dựng chương trình môn bơi vũ trang các nhà chuyên môn có triển khai: Khảo sát sát nhu cầu xã hội thì có tới 33,87% câu trả lời là không, 35,48% không biết và chỉ có 30,65% là có khảo sát; Khảo sát nhu cầu cựu sinh viên thì có tới 40,32% không biết, 24,19% trả lời không và chỉ có 35,48% trả lời có; Khảo sát nhu cầu của sinh viên thì có 43,55% có, 30,65% không biết và 25,81% trả lời không. Cán bộ tham gia xây dựng chương trình môn bơi vũ trang có được tập huấn về chuyên môn trước khi xây dựng chương trình môn học thì có tới 40,32% trả lời không, 35,48% không biết và chỉ có 24,19% trả lời có.

Các vấn đề về xây dựng chương trình môn bơi vũ trang, nhóm biên soạn có tham khảo ý kiến của các giảng viên giảng dạy; Trong quá trình xây dựng chương trình môn bơi vũ trang, nhóm soạn thảo có tổ chức hội thảo lấy ý kiến về nội dung môn học, hình thức kiểm tra đánh giá, các vấn đề khác có liên qua đến môn bơi vũ trang; Việc thẩm định, đánh giá chương trình môn bơi vũ trang có được dựa trên các tiêu chí đánh giá do Nhà trường xây dựng; Thầy, cô trực tiếp giảng dạy môn bơi vũ trang có tuân thủ theo các nội dung chương trình thì có từ 82,26% đến 96,77% các ý kiến trả lời cơ sở đào tạo có triển khai các nội dung trên, tuy nhiên được hỏi về việc sửa chữa, cập nhật, hoàn thiện chương trình môn bơi vũ trang có được thực hiện thường xuyên, định kỳ thì có 53,23% có, 29,03% không biết và 17,74% không.

Trên cơ sở khảo sát thực trạng công tác xây dựng môn bơi vũ trang tại các cơ sở đào tạo nói trên và tham khảo chương trình môn học của một số trường đã ban hành công bố trên Websize, thông qua việc trao đổi với các cán bộ quản lý, giảng viên tác giả đi đến nhận xét như sau:

Nhận thức của người tham gia xây dựng chương trình môn bơi vũ trang:
Chương trình môn học và kế hoạch giảng dạy chính là công cụ nhằm đảm bảo

nâng cao chất lượng đào tạo. Thực tiễn tại các cơ sở đào tạo trên cho thấy đã có những cố gắng cập nhật, bổ sung chương trình môn học, tuy nhiên kết quả đạt được chưa được đáng kể do: Thứ nhất, công tác xây dựng chương trình môn học được biên soạn do yêu cầu của tổ bộ môn, khoa chuyên ngành, Nhà trường, Học viện, song nhiều cán bộ giảng viên chỉ cho đây là công việc mang tính hình thức, có để hoàn thành công việc được giao, nên dẫn đến chương trình được sao chép, tính cập nhật thực tiễn chưa cao; Thứ hai, đội ngũ cán bộ giảng viên chưa được bồi dưỡng tập huấn những kiến thức về xây dựng chương trình môn học, cũng như thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay.

Cấu trúc, nội dung chương trình môn học bơi vũ trang: Một trong những điều kiện thẩm định ban hành chương trình đào tạo là có đầy đủ chương trình các môn học nói chung và chương trình bơi vũ trang nói riêng. Do vậy, việc xây dựng chương trình môn bơi vũ trang đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Trường và đã tổ chức theo Mẫu 02 do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành, theo đó chương trình bơi vũ trang gồm các thông tin và nội dung sau: (1) Tên học phần (bơi vũ trang); (2) Số tín chỉ; (3) Trình độ; (4) Phân bổ thời gian (lên lớp, thực hành, thực tập); (5) Điều kiện tiên quyết; (6) Tóm tắt nội dung môn học; (7) Nhiệm vụ của sinh viên; (8) Tài liệu học tập; (9) Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên; (10) Thang điểm; (11) Mục tiêu môn học; (12) Nội dung chi tiết môn học. Tuy nhiên trong thực tiễn xây dựng chương trình môn bơi vũ trang mới chỉ đảm bảo theo mẫu quy định, còn về chất lượng chương trình, tính cập nhật thực tiễn vẫn còn là vấn đề cần xem xét nghiêm túc.

Về tổ chức thực hiện xây dựng chương trình môn Bơi vũ trang: Công tác tổ chức xây dựng chương trình môn bơi vũ trang ở các cơ sở đào tạo trên đã được triển khai nghiêm túc theo hướng dẫn về cấu trúc, nội dung thông tin cụ thể và quy trình chặt chẽ như Học viện an ninh nhân dân, Học viện cảnh sát nhân dân. Tuy nhiên việc khảo sát các đơn vị nơi các chiến sĩ công an nhân dân về công tác; Khảo sát nhu cầu cựu sinh viên đã ra Trường công tác về môn bơi vũ trang; Khảo sát nhu cầu của sinh viên về môn bơi vũ trang trước khi xây dựng thì chưa được triển khai hơn nữa trong quá trình tổ chức thực hiện Việc sửa chữa, cập nhật, hoàn thiện chương trình môn bơi vũ trang chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ.

Như vậy có thể nhận thấy những cán bộ tham gia xây dựng chương trình bơi vũ trang tại các cơ sở đào tạo được khảo sát chưa được bồi dưỡng về chuyên môn, công tác xây dựng chương trình môn học vẫn còn mang tính hình thức, dẫn đến chương trình được sao chép, tính cập nhật thực tiễn chưa cao; đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo và giảng viên chưa được trang bị những kiến thức về phương pháp luận xây dựng chương trình môn học, cũng như thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay. Việc tổ chức thực hiện xây dựng chương trình môn bơi vũ trang chưa khảo sát nhu cầu người học, cựu sinh viên và nhu cầu xã hội.

3.2.4. Khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, cán bộ quản lý về nhu cầu cần trang bị các kỹ năng bơi vũ trang và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Trong quá trình tổ chức nghiên cứu để có thêm cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước và công tác sẵn sàng ứng cứu nhân dân trong phòng chống thiên tai lũ lụt, cứu hộ cứu nạn, tác giả tiến hành khảo sát nhu cầu cần trang bị kỹ năng bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra. Nhóm đối tượng khảo sát thứ nhất là 192 sinh viên khóa D41 năm thứ 3 đang học tập tại Học viện. Nhóm thứ hai 86 cựu sinh viên là cán bộ đang công tác tại các đơn vị địa phương như: Cảnh sát giao thông đường thủy, đội điều tra phòng chống tội phạm đã tốt nghiệp từ năm 2010 đến 2019. Nhóm thứ ba là 32 cán bộ quản lý trong các đơn vị chỉ huy, chiến đấu cấp cơ sở gồm: Trưởng phó các đơn vị cấp xã, phường, quận Các Trưởng, Phó Bộ môn (Khoa) quân sự, võ thuật, TĐTT trong các trường đào tạo Chiến sĩ công an nhân dân.

Nhu cầu, ý kiến của sinh viên về kỹ năng cần trang bị bơi vũ trang và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra

Để xác định nhu cầu cần tích lũy trang bị những kỹ năng nghề nghiệp phục vụ cho hoạt động công việc tương lai của sinh viên, tác giả phỏng vấn các em sinh viên năm thứ ba về mức độ cần thiết của các nội dung như: Mức độ cần thiết của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra; Mức độ cần thiết của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra; Nhu cầu trang bị kỹ năng

chiến đấu thực dụng trong môi trường sông nước; Cần trang bị những kỹ năng sơ, cấp cứu nạn nhân bị tai nạn trong môi trường sông nước; Mức độ cần thiết trang bị kỹ năng sẵn sàng chiến đấu trong phòng chống thiên tai, lũ lụt và mức độ phù hợp của các nội dung chương bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra. Các nội dung khảo sát được tiến hành theo thang đo Liket với 5 mức độ. Kết quả phỏng vấn được tổng hợp tại bảng 3.14.

Bảng 3.14. Tổng hợp ý kiến của sinh viên và cựu sinh viên về nhu cầu cần trang bị các kỹ năng bồi vũ trang và nội dung chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

T T	Nội dung phỏng vấn nhu cầu cần trang bị các kỹ năng	Sinh viên n = 192		Cựu SV n = 86		χ^2	P
		%	\bar{x}	%	\bar{x}		
1.	Mục đích, vai trò của chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra.	97,60	4,88	93,72	4,69	1,011	>0,05
2.	Chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra có cần thiết đào tạo cho tất cả các hệ đào tạo của Học viện CSND	90,94	4,55	91,63	4,58	0,006	>0,05
3.	Chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị kỹ năng bơi mang vác quân tư trang phục vụ chiến đấu.	91,88	4,59	89,77	4,49	0,072	>0,05
4.	Chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị kỹ năng chiến đấu thực dụng trong môi trường sông nước.	95,83	4,79	95,58	4,78	0,059	>0,05
5.	Chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị những kỹ năng sơ, cấp cứu nạn nhân bị tai nạn trong môi trường sông nước.	93,02	4,65	92,79	4,64	0,037	>0,05
6.	Mức độ cần thiết trang bị kỹ năng sẵn sàng chiến đấu trong phòng chống thiên tai, lũ lụt.	88,02	4,40	90,23	4,51	0,074	>0,05
T T	Nội dung chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra	Sinh viên n = 192		Cựu SV n = 86		χ^2	P
		%	\bar{x}	%	\bar{x}		
1.	Kỹ thuật bơi đạt tốc độ nhanh nhất	92,50	4,63	88,84	4,44	0,430	>0,05
2.	Bơi ứng dụng của lực lượng vũ trang	93,44	4,67	88,14	4,41	0,694	>0,05
3.	Kỹ năng tháo khóa dưới nước	94,38	4,72	93,02	4,65	0,014	>0,05
4.	Kỹ năng diu nạn nhân	95,10	4,76	93,49	4,67	0,045	>0,05
5.	Kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo	96,77	4,84	94,19	4,71	0,292	>0,05
6.	Kỹ năng tiếp cận cứu hộ lũ lụt	89,58	4,48	90,00	4,50	0,014	>0,05
7.	Kỹ năng phối hợp trong chiến đấu	86,98	4,35	85,81	4,29	0,070	>0,05

Kết quả tổng hợp tại bảng 3.14 cho thấy, các nội dung được phỏng vấn về nhu cầu cần trang bị những kỹ năng cho hoạt động nghề nghiệp tương lai hầu hết các em sinh viên đều đánh giá ở mức rất cần thiết với tỉ lệ đạt từ 88.02% đến 97.60% tương đương với số điểm trung bình đạt từ 4.40 trở lên. Tương ứng với những kỹ năng trên thì những nội dung đưa vào chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra như: Bơi trườn sấp (bơi sải); Bơi mang vác quân tư trang; Kỹ năng tháo khóa dưới nước; Kỹ năng diu nạn nhân; Kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo; Kỹ năng tiếp cận cứu hộ lũ lụt và Kỹ năng phối hợp trong chiến đấu đều đạt ở mức 86.98% rất phù hợp với số điểm trung bình đạt từ 4.35 trở lên. Đây là những thông tin cần thiết giúp tác giả tổng hợp những nội dung phù hợp với điều kiện thực tiễn để đưa vào chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra.

Nhu cầu, ý kiến của cựu sinh viên về kỹ năng cần trang bị và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra

Để có cái nhìn tổng quát hơn về thực tiễn công tác trong đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước cũng như khả năng kịp thời ứng cứu những tình huống bất ngờ về thiên tai lũ lụt, tác giả tiến hành phỏng vấn cựu sinh viên đã ra trường đang công tác tại các đơn vị địa phương như: Cảnh sát giao thông đường thủy, đội điều tra phòng chống tội phạm đã tốt nghiệp từ năm 2010 đến 2019. Nội dung phỏng vấn về mức độ cần thiết của những kỹ năng cần trang bị và chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra. Luận án sử dụng thang đo Likert với 5 mức độ để khảo sát kết quả được trình bày tại bảng 3.14.

Kết quả phỏng vấn cựu sinh viên tại bảng 3.14 về nhu cầu cần trang bị các kỹ năng và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho thấy hầu hết các nội dung được hỏi đều được các cựu sinh viên đánh giá ở mức rất cao từ 88.14% tương ứng với điểm trung bình từ 4.41 trở lên. Như vậy có thể thấy trong thực tiễn công tác các đồng chí đang công tác tại các đơn vị địa phương rất coi trọng cần trang bị những kỹ năng nghề nghiệp.

Kết quả khảo sát ở bảng 3.14 cũng cho thấy χ^2 tính < χ^2 bảng (3.84) sự khác biệt không có ý nghĩa ở ngưỡng $P > 0,05$. Như vậy ý kiến của sinh viên và cựu sinh đều có sự đồng nhất về những nội dung mà luận án khảo sát. Đây cũng là cơ sở để tác giả định hướng xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định

chuẩn đầu ra phù hợp điều kiện về cơ sở vật chất của Học viện, phù hợp với trình độ đào tạo và đặc biệt là phù hợp với thực tiễn công tác trong đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước cũng như khả năng kịp thời ứng cứu những tình huống bất ngờ về thiên tai lũ lụt, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện CSND.

Ý kiến của cán bộ quản lý về kỹ năng bơi vũ trang cần trang bị cho sinh viên và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra

Để nắm bắt được nhu cầu cần trang bị những kỹ năng cho sinh viên và chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND, tác giả đã tham khảo ý kiến của 32 cán bộ quản lý có kinh nghiệm tại các phòng, khoa, ban trong Sinh viên CSND và các cán bộ quản lý tại các phòng, các đơn vị chiến đấu cơ sở. Nội dung phỏng vấn mức độ cần thiết về nhu cầu cần trang bị kỹ năng và mức độ phù hợp về nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra. Luận án sử dụng thang đo Likert với 05 mức độ để khảo sát kết quả được trình bày tại bảng 3.15.

Bảng 3.15. Tổng hợp ý kiến của cán bộ quản lý về nhu cầu cần trang bị các kỹ năng bơi vũ trang và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

TT	Nội dung phỏng vấn nhu cầu cần trang bị các kỹ năng	Kết quả (n = 32)					%	Điểm TB
		Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết	Rất Không cần thiết		\bar{x}
		mi	mi	mi	mi	mi		
1.	Mục đích, vai trò của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra.	22	05	04	01	00	90,00	4,50
2.	Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra có cần thiết đào tạo cho tất cả các hệ đào tạo của Học viện CSND	24	03	03	02	00	90,63	4,53
3.	Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị kỹ năng bơi mang vác quân tư trang phục vụ chiến đấu.	17	08	05	02	00	85,00	4,25
4.	Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị kỹ năng chiến đấu thực dụng trong môi trường sông nước.	25	04	03	00	00	93,75	4,69

TT	Nội dung phỏng vấn nhu cầu cần trang bị các kỹ năng	Kết quả (n = 32)					%	Điểm TB
		Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết	Rất Không cần thiết		\bar{x}
		mi	mi	mi	mi	mi		
5.	Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị những kỹ năng sơ, cấp cứu nạn nhân bị tai nạn trong môi trường sông nước.	26	05	01	00	00	95,63	4,78
6.	Mức độ cần thiết trang bị kỹ năng sẵn sàng chiến đấu trong phòng chống thiên tai, lũ lụt.	28	02	02	00	00	96,25	4,81
TT	Nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra	Rất phù hợp	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp	Rất Không phù hợp	%	Điểm TB
		mi	mi	mi	mi	mi		\bar{x}
1.	Kỹ thuật bơi đạt tốc độ nhanh nhất	21	05	05	01	00	88,75	4,44
2.	Bơi ứng dụng của lực lượng vũ trang	24	02	04	02	00	90,00	4,50
3.	Kỹ năng tháo khóa dưới nước	27	02	01	02	00	93,75	4,69
4.	Kỹ năng diu nạn nhân	19	10	02	01	00	89,38	4,47
5.	Kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo	28	02	02	00	00	96,25	4,81
6.	Kỹ năng tiếp cận cứu hộ lũ lụt	22	04	05	01	00	89,38	4,47
7.	Kỹ năng phối hợp trong chiến đấu	16	10	04	02	00	85,00	4,25

Kết quả phỏng vấn đội ngũ cán bộ quản lý về nội dung các kỹ năng cần trang bị cho sinh viên nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp trong tương lai đều được cán bộ quản lý đánh giá cao từ 85.00% trở lên ở mức độ rất cần thiết có điểm trung bình đạt 4.25. Đặc biệt ở hai nội dung Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị những kỹ năng sơ cứu, cấp cứu nạn nhân bị tai nạn trong môi trường sông nước đạt tới 95.63% tương đương với 4.78 điểm và nội dung, Mức độ cần thiết trang bị kỹ năng sẵn sàng chiến đấu trong phòng chống thiên tai, lũ lụt đạt tỉ lệ là 96.25% có số điểm trung bình đạt 4.81 rất cần thiết để trang bị cho sinh viên.

Tại nội dung phỏng vấn cán bộ quản lý nhằm đưa những kỹ năng phù hợp vào nội dung chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra để giảng dạy cho sinh viên Học viện CSDN đó là: Bơi trườn sấp (bơi sải); Bơi mang vác quân

tu trang; Kỹ năng tháo khóa dưới nước; Kỹ năng diu nạn nhân dưới nước; Kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo; Kỹ năng tiếp cận cứu hộ lũ lụt; Kỹ năng phối hợp trong chiến đấu đều cho thấy sự đánh giá cao của các cán bộ quản lý với tỉ lệ từ 85.00% đến 96.25% ở mức rất phù hợp với số điểm trung bình đạt từ 4.25 trở lên, đây là cơ sở để luận án xây dựng chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Như vậy thông qua nội dung phỏng vấn sinh viên đang học năm thứ 3 tại Học viện, cựu sinh viên đã ra trường là cán bộ chiến tại các đơn vị cơ sở và đặc biệt là các cán bộ quản lý trong và ngoài Học viện CSND về nhu cầu cần trang bị các kỹ năng và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho thấy các ý kiến đều thống nhất cao với những nội dung câu hỏi mà luận án xây dựng. Đây là cơ sở khoa học giúp tác giả định hướng xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho toàn bộ sinh viên Học viện CSND.

3.2.5. Tổ chức xây dựng nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân.

3.2.5.1. Xây dựng chương trình bơi vũ trang theo quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân.

Căn cứ vào Quyết định số 2478/QĐ-T32-QLĐT ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Học viện CSND, ban hành quy định tổ chức thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện CSND, quy định nêu rõ: Thời gian học bơi vũ trang theo quy định chuẩn đầu ra, với số lượng thời gian học tập là 40 tiết tập đối với sinh viên đào tạo đại học chính quy [46].

Trên cơ sở nghiên cứu ở mục 3.2.4 khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, giáo viên, nhà quản lý về nhu cầu cần trang bị những kỹ năng bơi vũ trang và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra, luận án tiến hành phân bổ nội dung chương trình môn học, kỹ thuật động tác và số tiết học thông qua phỏng vấn 15 cán bộ trong đó (03 chuyên gia về bơi vũ trang, 05 cán bộ quản lý đơn vị chiến đấu cơ sở, 07 giảng viên trực tiếp môn bơi và bơi vũ trang chuyên ngành). Phỏng vấn được hỏi theo 02 hình thức (với bảng hỏi kỹ thuật sử dụng trong từng giáo án, luận án tiến hành hỏi theo 05 mức độ ưu tiên: cách tính điểm dựa trên thang đo Liket). Kết quả từng vấn đề cụ thể được luận án trình bày tại bảng 3.16.

Bảng 3.16: Kết quả phỏng vấn lựa chọn nội dung giảng dạy bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

TT	Nội dung phỏng vấn		Kết quả đánh giá (n=15)					\bar{x}	Đánh giá
			Ưu tiên 1	Ưu tiên 2	Ưu tiên 3	Ưu tiên 4	Ưu tiên 5		
			mi	mi	mi	mi	mi		
1.	Kỹ thuật bơi đạt tốc độ nhanh nhất	Bơi trườn sấp	13	02	00	00	00	4,87	Rất tốt
2.		Bơi trườn ngửa	00	00	04	06	05	1,93	TB
3.		Bơi bướm	00	00	06	07	02	2,27	TB
4.	Bơi vũ trang	Bơi mang theo súng sau lưng và trang bị nhẹ	02	03	05	05	00	3,13	Khá
5.		Bơi bao gói	08	07	00	00	00	4,53	Rất tốt
6.		Bơi bí mật	00	02	03	05	05	2,13	TB
7.		Bơi vượt sông bằng dây	00	00	02	06	07	1,67	Yếu
8.		Bơi tiếp cận mục tiêu bằng phao sáu múi	00	00	02	01	13	1,40	Yếu
9.	Phương pháp cứu đuối	Kỹ năng diu nạn nhân dưới nước	09	05	01	00	00	4,53	Rất tốt
10.		Kỹ năng tháo khóa dưới nước	05	07	03	00	00	4,13	Tốt
11.		Kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo	10	05	00	00	00	4,67	Rất tốt
12.		Phương pháp cứu đuối trong một số tình huống cụ thể	02	02	02	09	00	2,80	Khá
13.		Hoạt động tìm người bị chết đuối	00	01	02	03	09	1,67	Yếu

Tại bảng 3.16 cho thấy: trong 13 kỹ thuật (nội dung học) thuộc 03 nội dung chính đưa ra phỏng vấn, luận án đã lựa chọn được 05/13 kỹ thuật có sự tán đồng cao, với số điểm trung bình đạt từ 4.13 trở lên đến 4.82 ở mức tốt đến rất tốt. Vì vậy luận án sẽ đưa ra 5/13 kỹ thuật thuộc 03 nhóm nội dung chính có mức độ ưu tiên cao để đưa vào sử dụng xây dựng nội dung chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND. Qua tham khảo tài liệu, nội dung giáo trình bơi thể thao, bơi ứng dụng của lực lượng vũ trang, qua khảo sát thực tế chương trình môn bơi vũ trang Trường Kỹ thuật quân sự, trường Học viện An ninh nhân dân. Luận án tiến hành phỏng vấn 15 cán bộ trong đó (03 chuyên gia về bơi vũ

trang, 05 cán bộ quản lý đơn vị chiến đấu cơ sở, 07 giảng viên trực tiếp môn bơi và bơi vũ trang chuyên ngành), luận án sử dụng câu hỏi khẳng định và phủ định về phân phối thời lượng các nội dung chương trình môn bơi vũ trang, được thể hiện qua bảng 3.17.

Bảng 3.17. Kết quả phỏng vấn về phân phối thời lượng cho nội dung chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

TT	Nội dung	Số tiết	Đặc điểm	Kết quả (n = 15)					
				Đồng ý	Không đồng ý	χ^2	P		
				mi	mi				
Chương trình Lý thuyết (3 tiết):									
I.	Phân tích kỹ thuật bơi trườn sấp	01	100p /2 tiết/1 buổi	15	00	13.1	<0.001		
	Phân tích kỹ thuật bơi bao gói	01		15	00	13.1	<0.001		
	Phương pháp cứu đuối	01		15	00	13.1	<0.001		
II. Thực hành (34 tiết):									
1.	Kỹ thuật bơi trườn sấp	Kỹ thuật động tác chân trong bơi trườn sấp	18	100p /2 tiết/1 buổi	15	00	13.1	<0.001	
2.				Kỹ thuật động tác tay, tay phối hợp thở trong bơi trườn sấp	100p /2 tiết/1 buổi	15	00	13.1	<0.001
3.				Kỹ thuật phối hợp hoàn chỉnh động tác	100p /2 tiết/1 buổi	15	00	13.1	<0.001
1.	Kỹ thuật bơi bao gói	Cách bao gói phao ni lông	06	100p /2 tiết/1 buổi	13	02	6.7	<0.01	
2.		Cách bơi có phao ni lông		100p /2 tiết/1 buổi	14	01	9.6	<0.005	
1.	Phương pháp bơi cứu đuối	Kỹ năng diu nạn nhân dưới nước	10	100p /2 tiết/1 buổi	15	00	13.1	<0.001	
2.		Kỹ năng tháo khóa dưới nước		100p /2 tiết/1 buổi	14	01	9.6	<0.005	
3.		Kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo		100p /2 tiết/1 buổi	15	00	13.1	<0.001	
III. Nội dung thi và kiểm tra (3 tiết):									
1.	Kiểm tra điều kiện: Điều kiện 1. Bơi tự do Điều kiện 2: Bơi bao gói Điều kiện 3: Phương pháp cứu đuối		03	01 nội dung 1 tiết	15	00	13.1	<0.001	
2.	Thi kết thúc học phần: Nội dung bắt buộc: Bơi tự do Nội dung tự chọn: Chọn 1 trong 2 nội dung bơi bao gói hoặc phương pháp cứu đuối		Theo lịch của phòng Đào tạo		15	00	13.1	<0.001	

Qua kết quả trình bày tại bảng 3.17 cho thấy: Có 80% đến 100% các chuyên gia được hỏi, đều đồng ý đối với sự phân phối thời lượng cho các nội dung chương trình ứng với số tiết của môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND, trong đó ý kiến “đồng ý” hoàn toàn hơn hẳn ý kiến “không đồng ý” với χ^2 tính từ 6.7 đến 13.1 với $P < 0.01$ đến $P < 0.001$. Như vậy luận án đã lựa chọn được: Kỹ thuật bơi trườn sấp gồm 20 tiết: trong đó lý thuyết 01 tiết; 18 tiết thực hành và 01 tiết kiểm tra điều kiện. Kỹ thuật bơi bao gói gồm 08 tiết trong lý thuyết 01 tiết; 06 tiết thực hành và 01 tiết kiểm tra điều kiện. Phương pháp bơi cứu đuối gồm 12 tiết trong lý thuyết 01 tiết; 10 tiết thực hành và 01 tiết kiểm tra điều kiện.

Xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Để lựa chọn các tiêu chuẩn và tiêu chí thi và kiểm tra đảm bảo tính khách quan, khoa học, luận án căn cứ vào phương pháp đánh giá điểm kỹ thuật trong giáo trình lý luận và phương pháp TĐTT; căn cứ vào bảng tính điểm thành tích môn bơi trườn sấp cho sinh viên Trường Học viện kỹ thuật quân sự và căn cứ vào bảng tính điểm thành tích nội dung bơi bao gói Trường Học viện An ninh nhân dân. Luận án đã xây dựng được bảng tiêu chí kiểm tra thi kết thúc học phần cho môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND nhằm tiến hành phỏng vấn 15 cán bộ trong đó (03 chuyên gia về bơi vũ trang, 05 cán bộ quản lý đơn vị chiến đấu cơ sở, 07 giảng viên trực tiếp môn bơi và bơi vũ trang chuyên ngành), luận án sử dụng câu hỏi khẳng định và phủ định về thang điểm kiểm tra điều kiện và tiêu chí kiểm tra thi kết thúc học phần cho môn bơi vũ trang được trình bày tại bảng 3.18 và bảng 3.19.

Bảng 3.18. Kết quả phỏng vấn lựa chọn thang điểm kiểm tra điều kiện môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả (n = 15)				
		Đồng ý	Không đồng ý	χ^2	P	
		mi	mi			
I.	Nội dung 1: Bơi tự do (tính thành tích)					
	Nam: Bơi tự do 35m	Thành tích bơi < 24'': 10 điểm;	13	02	6.7	<0.001
1.		Từ 24'' - 27'': 9 điểm	14	01	9.6	<0.005
2.		Từ 28'' - 31'': 8 điểm	15	00	13.1	<0.001
3.		Từ 32'' - 35'': 7 điểm	14	01	9.6	<0.005
4.		Từ 36'' - 39'': 6 điểm	13	02	6.7	<0.001
5.		Từ 40'' - 43'': 5 điểm	13	03	6.7	<0.001
6.		Từ 44'' - 47'': 4 điểm	14	01	9.6	<0.005
7.		Từ 48'' - 51'': 3 điểm	15	00	13.1	<0.001
8.		Từ 52'' - 55'': 2 điểm	13	02	6.7	<0.001
9.		Từ 56'' - 59'': 1 điểm	14	01	9.6	<0.005
10.		Thành tích bơi > 59'': 0 điểm	15	00	13.1	<0.001
11.	Nữ: Bơi tự do 25m	Thành tích bơi < 25'': 10 điểm;	14	01	9.6	<0.005
1.		Từ 25'' - 28'': 9 điểm	13	02	6.7	<0.001
2.		Từ 29'' - 32'': 8 điểm	13	03	6.7	<0.001
3.		Từ 33'' - 36'': 7 điểm	14	01	9.6	<0.005
4.		Từ 37'' - 40'': 6 điểm	13	02	6.7	<0.001
5.		Từ 41'' - 44'': 5 điểm	14	01	9.6	<0.005
6.		Từ 45'' - 48'': 4 điểm	15	00	13.1	<0.001
7.		Từ 49'' - 52'': 3 điểm	14	01	9.6	<0.005
8.		Từ 53'' - 56'': 2 điểm	13	02	6.7	<0.001
9.		Từ 57'' - 60'': 1 điểm	13	02	6.7	<0.001
10.		Thành tích bơi > 60'': 0 điểm	14	01	9.6	<0.005
11.						

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả (n = 15)				
		Đồng ý	Không đồng ý	χ^2	P	
		mi	mi			
II.	Nội dung 2: bơi bao gói					
1.	Điểm kỹ thuật (tính cho cả nam và nữ): 06 điểm	Kỹ thuật bao gói (2 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 2 điểm; khá: 1,5 điểm; trung bình: 1 điểm; yếu: 0,5 điểm; sai: 0 điểm).	13	02	6.7	<0.001
2.		Kỹ thuật bơi động tác tay, chân (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	14	01	9.6	<0.005
3.		Giữ súng ổn định (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	15	00	13.1	<0.001
4.		Đảm bảo tính bí mật khi tiếp cận mục tiêu (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	14	01	9.6	<0.005
5.		Lướt nước (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	13	02	6.7	<0.001
		Đối với Nam bơi cự ly: 35m				
1.		Cự ly bơi > 35m: 4 điểm	13	02	6.7	<0.001
2.		35m - 26m: 3 điểm	14	01	9.6	<0.005
3.		26m - 15m: 2 điểm	15	00	13.1	<0.001
4.		Cự ly bơi < 15m: 1 điểm	14	01	9.6	<0.005
		Đối với Nữ bơi cự ly: 25m				
1.		Cự ly bơi > 25m: 4 điểm	13	02	6.7	<0.001
2.		25m - 21m: 3 điểm	14	01	9.6	<0.005
3.		20 m - 15m: 2 điểm	13	02	6.7	<0.001
4.		Cự ly bơi < 15m: 1 điểm	14	01	9.6	<0.005

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả (n = 15)				
		Đồng ý	Không đồng ý	χ^2	P	
		mi	mi			
Nội dung 3: Phương pháp cứu đuối						
1.	Điểm kỹ thuật (tính cho cả nam và nữ): 06 điểm	Kỹ thuật tiếp cận nạn nhân (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	13	02	6.7	<0.001
2.		Kỹ thuật bơi dùi (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	14	01	9.6	<0.005
3.		Lướt nước (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	15	00	13.1	<0.001
4.		Kỹ thuật khai thông đường thở (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	14	01	9.6	<0.005
5.		Kỹ thuật hà hơi thổi ngạt, ép tim ngoài lồng ngực (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	13	02	6.7	<0.001
6.		Hiệu quả chung động tác (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	13	02	6.7	<0.001
Đối với Nam bơi cự ly: 20m						
1.	Điểm cự ly bơi: 04 điểm	Cự ly bơi > 20m: 4 điểm	15	00	13.1	<0.001
2.		20m - 15m: 3 điểm	14	01	9.6	<0.005
3.		14m - 10m: 2 điểm	13	02	6.7	<0.001
4.		Cự ly bơi < 10m: 1 điểm	14	01	9.6	<0.005
Đối với Nữ bơi cự ly: 15m						
1.		Cự ly bơi > 15m: 4 điểm	14	01	9.6	<0.005
2.		15m - 10m: 3 điểm	15	00	13.1	<0.001
3.		09m - 5m: 2 điểm	14	01	9.6	<0.005
4.	Cự ly bơi < 5m: 1 điểm	13	02	6.7	<0.001	

Bảng 3.19. Kết quả phỏng vấn lựa chọn thang điểm thi kết thúc môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả (n = 15)				
		Đồng ý	Không đồng ý	χ^2	P	
		mi	mi			
I.	Nội dung 1: Bơi tự do (tính thành tích)					
1.	Nam: Bơi tự do 50m	Thành tích bơi < 32'': 10 điểm;	15	00	13.1	<0.001
2.		Từ 33'' - 41'': 9 điểm	15	00	13.1	<0.001
3.		Từ 42'' - 46'': 8 điểm	15	00	13.1	<0.001
4.		Từ 47'' - 51'': 7 điểm	13	02	6.7	<0.001
5.		Từ 52'' - 56'': 6 điểm	14	01	9.6	<0.005
6.		Từ 57'' - 1'01'': 5 điểm	15	00	13.1	<0.001
7.		Từ 1'02'' - 1'06'': 4 điểm	14	01	9.6	<0.005
8.		Từ 1'07'' - 1'11'': 3 điểm	15	00	13.1	<0.001
9.		Từ 1'12'' - 1'16'': 2 điểm	15	00	13.1	<0.001
10.		Từ 1'17'' - 1'21'': 1 điểm	15	00	13.1	<0.001
11.		Thành tích bơi > 1'21'': 0 điểm	15	00	13.1	<0.001
1.	Nữ: Bơi tự do 35m	Thành tích bơi < 35'': 10 điểm;	15	00	13.1	<0.001
2.		Từ 35'' - 38'': 9 điểm	15	00	13.1	<0.001
3.		Từ 39'' - 42'': 8 điểm	15	00	13.1	<0.001
4.		Từ 43'' - 46'': 7 điểm	15	00	13.1	<0.001
5.		Từ 47'' - 50'': 6 điểm	15	00	13.1	<0.001
6.		Từ 51'' - 54'': 5 điểm	15	00	13.1	<0.001
7.		Từ 55'' - 58'': 4 điểm	15	00	13.1	<0.001
8.		Từ 59'' - 1'02'': 3 điểm	15	00	13.1	<0.001
9.		Từ 1'03'' - 1'06'': 2 điểm	15	00	13.1	<0.001
10.		Từ 1'07'' - 1'10'': 1 điểm	15	00	13.1	<0.001
11.		Thành tích bơi > 1'10'': 0 điểm	15	00	13.1	<0.001

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả (n = 15)				
		Đồng ý	Không đồng ý	χ^2	P	
		mi	mi			
II.	Nội dung 2: Chọn 1 trong 2 nội dung bơi bao gói hoặc phương pháp cứu đuối					
	<i>Nội dung 1: Bơi bao gói</i>					
1.	Điểm kỹ thuật (tính cho cả nam và nữ): 06 điểm	Kỹ thuật bao gói (2 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 2 điểm; khá: 1,5 điểm; trung bình: 1 điểm; yếu: 0,5 điểm; sai: 0 điểm).	13	02	6.7	<0.001
2.		Kỹ thuật bơi động tác tay, chân (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	14	01	9.6	<0.005
3.		Giữ súng ổn định (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	15	00	13.1	<0.001
4.		Đảm bảo tính bí mật khi tiếp cận mục tiêu (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	14	01	9.6	<0.005
5.		Lướt nước (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	13	02	6.7	<0.001
	Điểm cự ly bơi: 04 điểm	Đối với Nam bơi cự ly: 50m				
1.		Cự ly bơi > 49m: 4 điểm	13	02	6.7	<0.001
2.		49m - 35m: 3 điểm	14	01	9.6	<0.005
3.		34m - 20m: 2 điểm	15	00	13.1	<0.001
4.		Cự ly bơi < 20m: 1 điểm	14	01	9.6	<0.005
		Đối với Nữ bơi cự ly: 35m				
1.		Cự ly bơi > 35m: 4 điểm	13	02	6.7	<0.001
2.		35m - 25m: 3 điểm	14	01	9.6	<0.005
3.		24m - 15m: 2 điểm	15	00	13.1	<0.001

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả (n = 15)				
		Đồng ý	Không đồng ý	χ^2	P	
		mi	mi			
4.	Cự ly bơi < 15m: 1 điểm	14	01	9.6	<0.005	
Nội dung 2: Phương pháp cứu đuối						
1.	Điểm kỹ thuật (tính cho cả nam và nữ): 06 điểm	Kỹ thuật tiếp cận nạn nhân (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	13	02	6.7	<0.001
2.		Kỹ thuật bơi dùi (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	14	01	9.6	<0.005
3.		Lướt nước (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	15	00	13.1	<0.001
4.		Kỹ thuật khai thông đường thở (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	14	01	9.6	<0.005
5.		Kỹ thuật hà hơi thổi ngạt, ép tim ngoài lồng ngực (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	13	02	6.7	<0.001
6.		Hiệu quả chung động tác (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	14	01	9.6	<0.005
Đối với Nam bơi cự ly: 25m						
1.	Điểm cự ly bơi: 04 điểm	Cự ly bơi > 25m: 4 điểm	15	00	13.1	<0.001
2.		25m - 20m: 3 điểm	14	01	9.6	<0.005
3.		19m - 15m: 2 điểm	13	02	6.7	<0.001
4.		Cự ly bơi < 15m: 1 điểm	14		9.6	<0.005
Đối với Nữ bơi cự ly: 20m						
1.	Điểm cự ly bơi: 04 điểm	Cự ly bơi > 20m: 4 điểm	14	01	9.6	<0.005
2.		20m - 15m: 3 điểm	15	00	13.1	<0.001
3.		14m - 10m: 2 điểm	14	01	9.6	<0.005
4.		Cự ly bơi < 10m: 1 điểm	13	02	6.7	<0.001

Qua kết quả 02 bảng 3.18 và bảng 3.19 cho thấy, các chuyên gia, nhà quản lý và giảng viên được hỏi, đều đồng ý đối với thang điểm kiểm tra điều kiện và tiêu chí kiểm tra thi kết thúc học phần của môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND, ý kiến trả lời được tập trung từ 80% đến 100% trong đó ý kiến “đồng ý” hoàn toàn hơn hẳn ý kiến “không đồng ý” với χ^2 tính từ 6.7 đến 13.1 với $P < 0.01$ đến $P < 0.001$. Như vậy luận án đã lựa chọn được các nội dung và thang điểm kiểm tra đánh giá điều kiện và kết thúc học phần cho sinh viên thứ nhất là Bơi tự do (*tính thành tích*) và thứ hai là Chặn 01 trong 02 nội dung bơi bao gói hoặc phương pháp cứu đuối.

Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Mục tiêu chương trình:

Mục tiêu chung:

Chương trình môn học bơi vũ trang cung cấp cho sinh viên những kỹ thuật bơi để hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động dưới nước, kỹ năng vừa bơi vừa sẵn sàng chiến đấu, kỹ năng trong công tác cứu đuối. Phát triển thể lực và các tố chất vận động, đồng thời phát triển nhân cách, đạo đức, rèn luyện tính kiên trì, tinh thần kỷ luật, khả năng chịu khó, chịu khổ đảm bảo yêu cầu trong công tác cũng như trong cuộc sống đặt ra.

Mục tiêu cụ thể:

Sau khi học xong chương trình môn học bơi vũ trang sinh viên có khả năng:

Về kiến thức: Trang bị, huấn luyện cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật bơi trườn sấp; kỹ thuật bơi bao gói; kỹ thuật bơi cứu đuối và kỹ năng sơ cấp cứu người khi bị đuối nước, các phương pháp tập luyện nâng cao nhằm nâng cao thể lực, phát triển các tố chất như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khéo léo và khả năng phối hợp vận động.

Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên kỹ năng bơi trườn sấp, kỹ năng bơi bao gói vừa bơi vừa sẵn sàng chiến đấu, kỹ năng bơi cứu đuối và sơ cấp cứu người khi bị đuối nước. Rèn luyện sinh viên về thể chất, sức khỏe, tính kỷ luật,

có bản lĩnh chiến đấu dũng cảm, mưu trí, tác phong nhanh nhẹn, linh hoạt trong thực tiễn công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

Về thái độ: Môn bơi vũ trang là hoạt động thực hành, cần được tổ chức chặt chẽ và đảm bảo các chế độ tập luyện, sinh viên phải được làm quen với những hoạt động vận động cao, khả năng gắng sức tối đa; Giáo dục cho sinh viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, say mê học tập, chấp hành kỷ luật, khắc phục khó khăn, mệt mỏi, đảm bảo an toàn trong tập luyện.

Môn học tiên quyết: Bơi ếch (60 tiết trong chương trình GDTC).

Thời gian học bơi vũ trang: 40 tiết theo Quyết định số 2478/QĐ-T32-QLĐT ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Học viện CSND [46].

Phân phối chương trình:

Chương trình môn học bơi vũ trang quy định đạt chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND được xây dựng theo hướng trang bị kỹ năng mềm. Được tiến hành giảng dạy trong 3 năm học, từ năm học thứ 2 trở đi. Sinh viên bắt đầu tập luyện vào bất kỳ thời điểm nào phù hợp với lịch đăng ký và sự sắp xếp của phòng Đào Tạo; Tổng số tiết: 40 tiết (trong đó Lý thuyết: 03 tiết; Thực hành: 34 tiết; Kiểm tra: 03 tiết). Khung phân phối chương trình bơi vũ trang được trình bày tại bảng 3.20.

Bảng 3.20. Chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

STT	Tên bài	Số tiết	Phân chia theo từng bài			
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Tự học
1.	Kỹ thuật bơi trườn sấp	20	01	18	01	20
2.	Kỹ thuật bơi bao gói	08	01	06	01	20
3.	Phương pháp cứu đuối	12	01	10	01	20
Tổng số		40	03	34	03	60

Nội dung chương trình:

Cấu trúc nội dung chương trình môn bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND gồm 09 mục chính.

Mục 1: Thông tin chung về môn học.

Mục 2: Thông tin về giảng viên môn học.

Mục 3: Tóm tắt nội dung môn học.

Mục 4: Mục tiêu của môn học.

Mục 5: Tài liệu học tập.

Mục 6: Nội dung chi tiết môn học.

Mục 7: Hình thức tổ chức dạy học.

Mục 8: Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học.

Mục 9: Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên.

Nội dung cụ thể chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND được trình bày chi tiết trong (Phụ lục 13).

Trước khi đưa vào thực nghiệm chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND, luận án tiến hành khảo sát tính khả thi của chương trình mới xây dựng, thông qua ý kiến của chuyên gia, nhà quản lý và giảng viên môn bơi và bơi vũ trang trong Học viện CSND và Đại học TDTT Bắc Ninh được thực hiện trong mục 3.2.5.2.

3.2.5.2. Khảo sát tính khả thi của chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng chương trình môn học bơi vũ trang, luận án đã xây dựng được chương trình môn học bơi vũ cho sinh viên Học viện CSND. Để thẩm định tính khả thi và thực tiễn của chương trình môn học đã xây dựng đảm bảo tính tập trung và khách quan, luận án tiến hành phỏng vấn trực tiếp 43 chuyên gia, nhà quản lý và giảng viên môn bơi và bơi vũ trang trong Học viện CSND và Đại học TDTT Bắc Ninh về tính khả thi của cấu trúc nội dung chương trình môn học bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND. Nội dung khảo sát tính khả thi và thực tiễn về cấu trúc nội dung chương trình bơi vũ trang được tác giả sử dụng thang đo Likert đánh giá với 05 mức độ. Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.21.

Bảng 3.21. Kết quả khảo sát tính khả thi về cấu trúc, nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

TT	Nội dung khảo sát	Kết quả (n = 43)					Tổng		Đánh giá
		Rất khả thi	Khả thi	Bình thường	Không khả thi	Rất Không khả thi	%	\bar{x}	
		mi	mi	mi	mi	mi			
1.	Thông tin chung về môn học								
	Tên môn học, mã môn học	39	03	01	00	00	97,67	4,88	Rất tốt
	Thời lượng (số tín chỉ)	30	07	05	01	00	90,70	4,53	Rất tốt
	Loại môn học (bắt buộc, tự chọn)	28	10	04	01	00	90,23	4,51	Rất tốt
	Vị trí môn học (môn học tiên quyết, môn học kế tiếp)	27	09	04	03	00	87,91	4,40	Rất tốt
	Yêu cầu đối với môn học (chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ ...)	29	07	05	02	00	89,30	4,47	Rất tốt
	Phân bổ thời gian (lý thuyết, thực hành, tự học, kiểm tra đánh giá)	33	05	02	03	00	91,63	4,58	Rất tốt
2.	Thông tin về giảng viên môn học								
	Giảng viên phụ trách môn học	40	02	01	00	00	98,14	4,91	Rất tốt
	Giảng viên trợ giảng	36	04	02	01	00	94,88	4,74	Rất tốt
	Thông tin chi tiết về giảng viên môn học (họ tên, chức danh, học vị, điện thoại, email ...)	28	09	04	02	00	89,30	4,47	Rất tốt
3.	Nội dung môn học								
	Tóm tắt nội dung môn học (giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về môn học)	30	06	06	01	00	90,23	4,51	Rất tốt
	Nội dung chi tiết môn học (giúp sinh viên biết mình phải học cái gì) chi tiết đến từng Phần/Chương, Mục và tiêu mục	34	05	02	02	00	93,02	4,65	Rất tốt
4.	Mục tiêu của môn học								
	Mục tiêu chung của môn học	29	05	04	05	00	86,98	4,35	Rất tốt
	Mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ	35	03	02	03	00	92,56	4,63	Rất tốt
	Mục tiêu theo bậc (bậc 1, bậc 2, bậc 3) của từng phần nội dung trong môn học	25	08	06	04	00	85,12	4,26	Rất tốt
5.	Tài liệu học tập (chỉ rõ tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo)								
		32	04	05	02	00	90,70	4,53	Rất tốt

TT	Nội dung khảo sát	Kết quả (n = 43)				Tổng		Đánh giá	
		Rất khả thi	Khả thi	Bình thường	Không khả thi	Rất Không khả thi	%		\bar{x}
		mi	mi	mi	mi	mi			
6.	Hình thức tổ chức giảng dạy								
	Lịch trình chung cho việc tổ chức dạy học (<i>hình thức tổ chức dạy học, số giờ của từng hình thức cho từng nội dung trong môn học</i>)	33	03	04	03	00	90,70	4,53	Rất tốt
	Lịch trình chi tiết cho từng nội dung dạy học (<i>cung cấp thông tin chi tiết từng nội dung dạy học về thời gian, nội dung dạy, hình thức dạy và số giờ dạy, giờ tự học...</i>) và hình thức, thời gian kiểm tra đánh giá từng nội dung	36	02	03	02	00	93,49	4,67	Rất tốt
7.	Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học								
	Yêu cầu, loại hình kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học	29	05	05	04	00	87,44	4,37	Rất tốt
	Mục đích, tính chất của nội dung bài kiểm tra, bài thi	25	07	08	03	00	85,12	4,26	Rất tốt
	Tiêu chí đánh giá của từng loại bài kiểm tra, thi	25	08	06	04	00	85,12	4,26	Rất tốt
	Thời gian tổ chức các bài kiểm tra đánh giá	31	05	03	04	00	89,30	4,47	Rất tốt
	Trọng số (%) của từng bài kiểm tra, thi, cách tổng hợp điểm đánh giá môn học	34	03	02	04	00	91,16	4,56	Rất tốt
8.	Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên								
	Chuyên cần	31	04	05	03	00	89,30	4,47	Rất tốt
	Ý thức tham gia học tập trên lớp	27	07	06	03	00	86,98	4,35	Rất tốt
	Tự học, tự nghiên cứu	29	08	04	02	00	89,77	4,49	Rất tốt
	Về kiểm tra đánh giá môn học	32	05	04	02	00	91,16	4,56	Rất tốt
	Quy định về bài tập, bài kiểm tra (<i>hình thức, nội dung ...</i>)	29	04	05	05	00	86,51	4,33	Rất tốt
9.	Đánh giá chung về chương trình môn học	33	05	03	02	00	92,09	4,60	Rất tốt
10.	Mức độ thích hợp với đối tượng sinh viên Học viện CSND	35	04	02	02	00	93,49	4,67	Rất tốt

Qua bảng 3.21 cho thấy: Cả 10 nội dung luận án đã xây dựng trong từng cấu trúc, nội dung chương trình nhỏ đều được các chuyên gia, các nhà quản lý và giảng viên đánh giá rất khả thi chiếm tỷ lệ 85.12% trở lên với điểm trung bình đạt từ 4.26 được đánh giá ở mức rất tốt (rất khả thi). Đánh giá chung về chương trình môn học bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND và mức độ thích hợp với đối tượng sinh viên đều ở mức rất khả thi từ 92.09% trở lên với số điểm trung bình từ 4.60 đến 4.67, ở mức rất tốt.

Như vậy, có thể thấy ý kiến đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý và giảng viên về cấu trúc nội dung chương trình môn học bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND là rất khả thi và thích hợp với đối tượng sinh viên tất cả các chuyên ngành trong chương trình đào tạo hệ đại học chính quy tại Học viện CSND.

Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND đã được hội đồng khoa học Học viện CSND thẩm định nghiệm thu, theo quyết định số 551/QĐ-T32-QLNCKH ngày 16 tháng 04 năm 2020 của Giám đốc Học viện CSND. Hội đồng thẩm định, nghiệm thu được trình tại bảng 3.22.

Bảng 3.22. Danh sách hội đồng nghiệm thu chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
1.	GS.TS Trần Minh Hưởng	Giám đốc	Học viện CSND	Chủ tịch
2.	PGS.TS Bùi Quốc Dũng	Trưởng Phòng QLNCKH	Học viện CSND	Phó chủ tịch
3.	PGS. TS Lê Đăng Xuyên	Phó trưởng Khoa Cảnh sát vũ trang	Học viện CSND	Phản biện 1
4.	TS Trần Xuân Tân	Trưởng phong 2	Cục Đào tạo Bộ Công an	Phản biện 2
5.	TS Trịnh Minh Đức	Phó Trưởng Phòng Quản lý đào tạo	Học viện CSND	Ủy viên Hội đồng
6.	TS Vũ Duy Hình	Phó trưởng Bộ môn Quân sự, võ thuật, TDTT	Học viện CSND	Ủy viên Hội đồng
7.	Th.S Lê Thị Kim Nga	Cán bộ Phòng QLNCKH	Học viện CSND	Ủy viên Thư ký Hội đồng

3.2.6. Bàn luận xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

3.2.6.1. Bàn luận về nguyên tắc thiết kế và cơ sở xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Qua nghiên cứu phân tích hệ thống cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa vũ trang Học viện CSND và các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án nhận thấy các tác giả đi trước nghiên cứu về xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng chương trình môn học như: Tác giả Trần Hữu Hoan năm 2011, luận án tiến sĩ “Quản lý xây dựng và đánh giá chương trình môn học trình độ đại học trong học chế tín chỉ”, Tác giả Nguyễn Cẩm Ninh 2012 với đề tài “nghiên cứu xây dựng nội dung giảng dạy cử nhân ngành Quản lý TDDT” đã nghiên cứu về cơ sở lý luận của việc xây dựng nội dung, chương trình giảng dạy cử nhân ngành Quản lý TDDT; Tác giả Trần Vũ Phương năm 2015, luận án tiến sĩ “nghiên cứu ứng dụng chương trình đổi mới đào tạo chuyên ngành GDTC trình độ cao đẳng ở Trường Cao đẳng Tuyên Quang”; Tác giả Đỗ Ngọc Cương năm 2016 luận án tiến sĩ “Nghiên cứu xây dựng chương trình Thể thao nâng cao cho sinh viên Đại học Thái Nguyên”; Tác giả Lê Trường Sơn Trần Hải năm 2012 ... các tác giả trên nghiên cứu trên đều có chung quan điểm để xây dựng chương trình đào tạo cần căn cứ cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng chương trình cũ và dựa vào các nguyên tắc để xây dựng như: Đảm bảo tính pháp lý, Quán triệt mục tiêu, Đảm bảo tính sư phạm, Đảm bảo tính thực tiễn, Đảm bảo tính hệ thống, Đảm bảo tính khoa học, Đảm bảo tính cập nhật, Đảm bảo tính khả thi [28],[36],[51],[60],[66].

Có hai công trình nghiên cứu trong thời gian gần đây ngoài căn cứ vào cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng chương trình hiện tại các tác giả còn phỏng vấn lựa chọn các tiêu chí là căn cứ để xây dựng chương trình như: Tác giả Mai Bích Ngọc năm 2017, luận án tiến sĩ “Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do cho học sinh Trung học cơ sở thành phố Hà Nội” đã lựa chọn được 32 tiêu chí thuộc 07 tiêu chuẩn làm căn cứ xây dựng chương trình; Tác giả Nguyễn Trường Giang năm 2019, luận án tiến sĩ “Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông cho

sinh viên Đại học khối các Trường kỹ thuật Thành phố Thái Nguyên”, đã lựa chọn được 35 tiêu chí thuộc 07 tiêu chuẩn làm căn cứ xây dựng chương trình. Luận án đã kế thừa những thành tựu nghiên cứu của các công trình nghiên cứu trên để tiến hành xây dựng chương trình bồi dưỡng quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND [33],[62].

Ngoài ra tổ chức xây dựng chương trình bồi dưỡng quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên, luận án còn dựa trên cơ sở chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo, chuẩn đầu ra của từng môn học. Đây là khâu đầu tiên quyết định chất lượng đào tạo môn học, là cơ sở cho việc xây dựng mới hoặc cấu trúc lại chương trình đào tạo của môn bồi dưỡng quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện. Để thực hiện việc này thì Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng chuẩn đầu ra cấp Học viện và chỉ đạo các tiểu ban cấp khoa xây dựng chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo. Trên cơ sở chuẩn đầu ra của Ngành đào tạo đã được Hội đồng khoa học đào tạo thông qua, các khoa xây dựng chuẩn đầu ra cho từng môn học thuộc chương trình của khoa. Để làm được điều này, ban chuyên môn của khoa, cùng đại diện các môn, giảng viên phụ trách môn học xây dựng ma trận chuẩn đầu ra của ngành, của từng môn học trong chương trình đào tạo.

Dựa trên quy trình tổ chức xây dựng chương trình môn học của Học viện. Luận án tiến hành xây dựng chương trình môn bồi dưỡng quy định chuẩn đầu ra dựa trên hệ thống văn bản pháp quy và thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước, sẵn sàng ứng cứu trong công tác phòng chống lũ lụt... Để thống nhất quy trình tổ chức xây dựng chương trình Giám đốc học viện đã ban hành, các văn bản pháp lý liên quan đến xây dựng, cấu trúc lại cho phù hợp với yêu cầu của học chế tín chỉ, đây là cơ sở để thống nhất các khoa, tổ bộ môn thực hiện và là công cụ để quản lý giám sát thực hiện các hoạt động liên quan đến chương trình đào tạo.

Điều kiện để thực thi xây dựng chương trình bồi dưỡng quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND, khi đã có chủ trương về công tác xây dựng chương trình, triển khai chủ trương tới cán bộ giảng viên, song các điều kiện đảm bảo cho việc thực thi như nguồn lực, chế độ, chính sách khen thưởng kỷ luật cũng là yếu tố thúc đẩy và nâng cao chất lượng công tác tổ

chức xây dựng chương trình của Học viện. Ngoài việc tăng cường các nguồn lực như nhân sự, học liệu giáo trình, trang thiết bị cơ sở vật chất. Giám đốc Học viện CSND ban hành văn bản về chế độ hợp lý, hình thức khen thưởng, kỷ luật rõ ràng để giúp cho việc quản lý công tác xây dựng chương trình môn học đạt hiệu quả thực sự.

Để xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND đảm bảo tính phù hợp, tính cân bằng, cân đối, tính gắn kết, tính cập nhật, tính tích hợp, tính hiệu quả và khoa học thì ngoài việc trên cơ sở lý luận và thực tiễn luận án còn tiến hành phỏng vấn các chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên về những tiêu chí cần tuân thủ nhằm xây dựng nội dung chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng mục tiêu đào tạo của Học viện CSND và đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước.

3.1.6.2. Bàn luận về khảo sát công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang trong các Trường công an nhân dân hiện nay.

Để có cái nhìn tổng quát về công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang trong các Trường công an nhân dân hiện nay, luận án tiến hành khảo sát thực trạng việc xây dựng chương trình môn bơi vũ trang tại 03 cơ sở đào tạo cán bộ chiến sĩ công an nhân dân: Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân (T09), Học viện An ninh nhân dân (T01), Học viện Cảnh sát nhân dân (T02), đối tượng khảo sát là các cán bộ quản lý, giảng viên đang công tác tại các phòng đào tạo, khoa, tổ bộ môn những người trực tiếp tham gia công tác xây dựng chương trình đào tạo cho các ngành và xây dựng chương trình môn học. Luận án tập trung khảo sát về những nội dung như: Nhận thức và năng lực của người tham gia xây dựng chương trình bơi vũ trang; Cấu trúc nội dung chương trình môn học bơi vũ trang; Về tổ chức thực hiện xây dựng chương trình môn bơi vũ trang đi đến nhận xét sau:

Nhận thức và năng lực của người tham gia xây dựng chương trình bơi vũ trang tại các cơ sở đào tạo trên cho thấy: Thứ nhất việc xây dựng chương trình môn học được biên soạn do yêu cầu của Nhà trường học viện, khoa, tổ bộ môn, song nhiều cán bộ giảng viên chỉ cho đây là công việc mang tính hình thức, có để hoàn thành công việc được giao, nên dẫn đến chương trình được sao chép,

tính cập nhật thực tiễn chưa cao; Thứ hai, đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo và giảng viên chưa được trang bị những kiến thức về phương pháp luận xây dựng chương trình môn học, cũng như thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay.

Cấu trúc nội dung chương trình môn học bơi vũ trang được thực hiện đầy đủ theo quy định của Trường và đã tổ chức theo Mẫu 2 do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành, theo Mẫu 2 này chương trình bơi vũ trang gồm các thông tin và nội dung sau: (1) Tên học phần (bơi vũ trang); (2) Số đơn vị học trình; (3) Trình độ; (4) Phân bổ thời gian (lên lớp, thực hành, thực tập); (5) Điều kiện tiên quyết; (6) Tóm tắt nội dung môn học; (7) Nhiệm vụ của sinh viên; (8) Tài liệu học tập; (9) Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên; (10) Thang điểm; (11) Mục tiêu môn học; (12) Nội dung chi tiết môn học. Tuy nhiên trong thực tiễn xây dựng chương trình môn bơi vũ trang mới chỉ đảm bảo theo mẫu quy định, còn về chất lượng chương trình, tính cập nhật thực tiễn vẫn còn là vấn đề cần xem xét nghiêm túc. Chẳng hạn phần mục tiêu môn học còn viết chung chung, chưa xác định mục tiêu cụ thể, tường minh đặc biệt là những kỹ năng cần trang bị. Phần nội dung chi tiết môn học thực chất mới chỉ dừng lại phần mục lục, chưa chỉ rõ được tính chất cốt lõi của kỹ năng cần trang bị.

Về tổ chức thực hiện xây dựng chương trình môn bơi vũ trang ở các cơ sở đào tạo trên đã được triển khai nghiêm túc theo hướng dẫn về cấu trúc, nội dung thông tin cụ thể và quy trình chặt chẽ như Học viện an ninh nhân dân, Học viện cảnh sát nhân dân. Tuy nhiên việc khảo sát các đơn vị nơi các chiến sĩ công an nhân dân về công tác; Khảo sát nhu cầu cựu sinh viên đã ra Trường công tác về môn bơi vũ trang; Khảo sát nhu cầu của sinh viên về môn bơi vũ trang trước khi xây dựng thì chưa được triển khai hơn nữa trong quá trình tổ chức thực hiện việc sửa chữa, cập nhật, hoàn thiện chương trình môn bơi vũ trang chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ.

3.2.6.3. Bàn luận về việc khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, cán bộ quản lý về nhu cầu cần trang bị các kỹ năng bơi vũ trang và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân.

Để một chương trình đào tạo đáp ứng được nhu cầu xã hội thì công tác khảo sát lấy ý kiến của người học, người sử dụng lao động, nhà quản lý có vai

trò quan trọng trong công tác xây dựng chương trình môn học nói riêng và chương trình đào tạo nói chung. Các công trình nghiên cứu đi trước như: Tác giả Đỗ Ngọc Cương năm (2016), luận án tiến sĩ với đề tài (*Nghiên cứu xây dựng chương trình thể thao nâng cao cho sinh viên Đại học Thái Nguyên*), khi xác định nhu cầu bồi dưỡng nâng cao cho những sinh viên yêu thích và có năng khiếu thể thao tác giả đã tiến hành khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động... Đây là một trong những cơ sở thực tiễn để xác định mục tiêu và nội dung bồi dưỡng của chương trình thể thao nâng cao cho sinh viên Đại học Thái Nguyên; Tác giả Nguyễn Thanh Hùng năm (2017), luận án tiến sĩ với đề tài (*Xây dựng chương trình giáo dục thể chất học phần tự chọn, ngoại khóa cho sinh viên Đại học Quy Nhơn*), khi xác định nội dung đổi mới chương trình giáo dục thể chất học phần tự chọn, ngoại khóa tác giả đã khảo sát sinh viên về nhu cầu tập luyện các môn thể thao ngoại khóa và nội khóa, khảo sát cán bộ quản lý về nội dung hoạt động thể thao ngoại khóa của Trường từ đó làm căn cứ để xây dựng chương trình; Tác giả Mai Bích Ngọc năm (2017) với luận án (*Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do cho học sinh Trung học cơ sở Thành phố Hà Nội*), tác giả đã lựa chọn được 18 tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do (gồm mức độ đáp ứng nhu cầu sinh lý căn bản; nhu cầu an toàn; nhu cầu được giao lưu tình cảm và được trực thuộc; nhu cầu được quý trọng, kính mến và nhu cầu tự thể hiện bản thân) trên cơ sở đó, xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do theo đại đẳng [28],[41],[62].

Kế thừa những công trình nghiên cứu đi trước thông qua tham khảo tài liệu có liên quan đến đề tài luận án, phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, cựu sinh viên và sinh viên đang học tập tại Học viện tác giả đã khảo sát với các nội dung như: Nhu cầu, ý kiến của sinh viên về kỹ năng cần trang bị bơi vũ trang và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra; Nhu cầu, ý kiến của cựu sinh viên về kỹ năng cần trang bị và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra; Ý kiến của cán bộ quản lý về kỹ năng bơi vũ trang cần trang bị cho sinh viên và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra. Kết quả khảo sát được trình tại các bảng 3.14 và bảng 3.15.

Trong phạm vi luận án, tác giả lựa chọn nghiên cứu về nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên hệ chính quy Học viện CSND. Việc lựa chọn nội dung cụ thể của chương trình dựa trên nguyện vọng của sinh viên và nhu cầu của xã hội là điều cần thiết. Như vậy thông qua nội dung phỏng vấn sinh viên đang học năm thứ 03, cựu sinh viên đã ra trường là cán bộ chiến tại các đơn vị cơ sở và đặc biệt là các cán bộ quản lý trong và ngoài Học viện CSND về nhu cầu cần trang bị các kỹ năng và nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho thấy các ý kiến đều thống nhất cao với những nội dung câu hỏi mà luận án xây dựng. Đây là cơ sở khoa học giúp tác giả định hướng xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho toàn bộ sinh viên Học viện CSND.

3.2.6.4. Bàn luận về tổ chức xây dựng nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân.

Trên cơ sở quyết định số 2478/QĐ-T32-QLĐT ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Học viện CSND, ban hành quy định tổ chức thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện CSND, quy định nêu rõ: Thời gian học bơi vũ trang theo quy định chuẩn đầu ra, với số lượng thời gian học tập là 40 tiết tập đối với sinh viên đào tạo đại học chính quy [46].

Căn cứ vào các Nguyên tắc khi thiết kế, xây dựng chương trình môn Bơi vũ trang; Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội và căn cứ vào kết quả Khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, cán bộ quản lý về nhu cầu cần trang bị các kỹ năng bơi vũ trang và nội dung chương trình bơi vũ trang theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, luận án đã xây dựng được chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND được trình bày tại Phụ lục 13.

Sau khi xây dựng được chương trình bơi vũ trang mới theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội. Để có cái nhìn tổng quát về chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra áp dụng cho tất cả sinh viên của Học viện CSND mới được xây dựng tác giả tiến hành so sánh chương trình bơi vũ trang sinh viên chuyên ngành Khoa vũ trang. Nội dung so sánh được trình bày cụ thể dưới bảng 3.23.

Bảng 3.23. So sánh chương trình bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang với chương trình Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra dành cho tất cả sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Nội dung	Chương trình bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang	Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho tất cả sinh viên hệ chính quy
Mục tiêu môn học	<p>Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên tri thức cơ bản của bơi vũ trang và bơi cứu hộ, cứu nạn, nguyên lý vận dụng trong các tình huống cụ thể trên môi trường sông nước.</p> <p>Về kỹ năng: Có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào quá trình công tác đấu tranh phong, chống tội phạm trong môi trường nước.</p> <p>Về thái độ: Có ý thức, trách nhiệm với công việc, thái độ tận tình phục vụ nhân dân và tư thế, tác phong đúng mức. Rèn luyện tư thế tác phong chính quy, yêu nghề, xây dựng ý chí quyết tâm. Có ý thức tu dưỡng rèn luyện phẩm chất, đạo đức.</p>	<p>Về kiến thức: Trang bị, huấn luyện cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật bơi trườn sấp; kỹ thuật bơi bao gói; kỹ thuật bơi cứu đuối và kỹ năng sơ cấp cứu người khi bị đuối nước, các phương pháp tập luyện nâng cao nhằm nâng cao thể lực, phát triển các tố chất như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khéo léo và khả năng phối hợp vận động.</p> <p>Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên kỹ năng bơi trườn sấp, kỹ năng bơi bao gói vừa bơi vừa sẵn sàng chiến đấu, kỹ năng bơi cứu đuối và sơ cấp cứu người khi bị đuối nước. Rèn luyện sinh viên về thể chất, sức khỏe, tính kỷ luật, có bản lĩnh chiến đấu dũng cảm, mưu trí, tác phong nhanh nhẹn, linh hoạt trong thực tiễn công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.</p> <p>Về thái độ: Môn bơi vũ trang là hoạt động thực hành, cần được tổ</p>

Nội dung	Chương trình bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang	Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho tất cả sinh viên hệ chính quy
		<p>chức chặt chẽ và đảm bảo các chế độ tập luyện, sinh viên phải được làm quen với những hoạt động vận động cao, khả năng gắng sức tối đa; Giáo dục cho sinh viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, say mê học tập, chấp hành kỷ luật, khắc phục khó khăn, mệt mỏi, đảm bảo an toàn trong tập luyện.</p>
Nội dung Môn học	<p>Bơi vũ trang gồm 2 bài: Bài 1. Bơi ứng dụng của lực lượng cảnh sát vũ trang (gồm 5 nội dung: Bơi mang súng sau lưng và trang bị nhẹ; Bơi bao gói; Bơi bí mật; Bơi vượt sông bằng giây; Bơi tiếp cận mục tiêu bằng phao sáu múi); Bài 2. Bơi cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát vũ trang.</p>	<p>Bài 1. Kỹ thuật bơi trườn sấp (20 tiết) Phần I. Nhận thức chung về bơi trườn sấp (trang bị những nội dung) Phần II. Kỹ thuật bơi trườn sấp (trang bị những nội dung) Phần III. Hướng dẫn tập luyện (trang bị những kỹ năng) Bài 2. Kỹ thuật bơi bao gói (08 tiết) Phần I. Cách bao gói phao ni lông Phần II. Cách bơi có phao ni lông và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ dưới nước Bài 3: Phương pháp cứu đuối (12 tiết) Phần I. Phương pháp cứu đuối Phần II. Cách diu người bị đuối nước</p>

Nội dung	Chương trình bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa Cảnh sát vũ trang	Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho tất cả sinh viên hệ chính quy
		Phần III. Phương pháp hô hấp nhận tạo và xoa ép tim ngoài lồng ngực.
Yêu cầu cần đạt được khi kết thúc môn học	Thực hành thành thạo những kỹ thuật bơi vũ trang, có thể mang theo những đồ vật, công cụ hỗ trợ vượt qua địa hình sông nước phục vụ công tác chiến đấu.	Thực hành thành thạo kỹ thuật bơi đạt tốc độ bơi nhanh nhất. Có khả năng vừa bơi vừa sẵn sàng chiến đấu trong thực tiễn công tác yêu cầu. Khi gặp nạn nhân bị đuối nước có thể phán đoán được tình huống, bơi cứu nạn nhân và biết cách sơ cấp cứu nạn nhân trên bờ.
Ưu điểm	Sử dụng trong quá trình hành quân chiến đấu, tiếp cận mục tiêu trấn áp đối tượng tội phạm trên địa bàn sông nước đảm bảo yếu tố nhanh, bí mật, bất ngờ.	Bơi nhanh tiếp cận mục tiêu Vừa bơi, vừa chiến đấu Biết cứu đuối và sơ cấp cứu người bị đuối nước.
Nhược điểm	Kỹ thuật khó, không phù hợp để áp dụng cho đối tượng là tất cả các chuyên ngành. Cần điều kiện cơ sở vật chất khác để tập luyện như sông, suối...	Thời gian học tập ít cần sự nỗ lực phấn đấu lớn để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Từ bảng 3.23, So sánh chương trình Bơi vũ trang dùng cho sinh viên chuyên ngành của Khoa Cảnh sát vũ trang với Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra dùng cho tất cả các chuyên ngành Học viện CSND có thể nhận thấy ưu điểm nổi bật của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra mới trang bị cho sinh viên nhiều những kỹ năng ứng dụng sát với thực tiễn nghề nghiệp cần cho tất cả các chiến sĩ CAND; chương trình dành cho sinh viên chuyên ngành của Khoa Cảnh sát vũ trang tập trung chuyên sâu về kỹ năng nghiệp vụ vũ trang cho đối tượng chuyên biệt.

Với mục đích xây dựng mới nội dung chương trình môn học bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND và đưa nội dung chương trình mới này vào giảng dạy đạt hiệu quả cao, luận án cần có sự phối hợp hỗ trợ từ các đơn vị chức năng từ hệ thống cơ sở vật chất để đáp ứng yêu cầu môn học. Tăng cường khai thác tối đa cơ sở vật chất phục vụ cho công tác huấn luyện bơi vũ trang. Cải tạo nâng cấp bể bơi để có thể tận dụng tối đa thời gian khai thác bể trong điều kiện thời tiết mùa đông cũng như mùa hè, ngày nắng cũng như ngày mưa tạo điều kiện phục vụ tốt nhất nhu cầu tập luyện của sinh viên. Đảm bảo mua sắm trang thiết bị, dụng cụ phục vụ như: Phao bơi; phao cứu đuối; sào cứu đuối; áo mưa; dây dù và các trang thiết bị khác cho huấn luyện và tập luyện đủ về số lượng và đảm bảo được chất lượng.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị chức năng trong Học viện về công tác huấn luyện bơi vũ trang chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND: Ban Giám đốc Học viện CSND chỉ đạo toàn diện về công tác giáo dục đào tạo, nâng cao công tác huấn luyện các môn học; Trung tâm Huấn luyện thực hành làm công tác quản lý; Bộ môn QSVT-TDĐT và Khoa Cảnh sát vũ trang có trách nhiệm tổ chức và tiến hành quá trình huấn luyện và giảng dạy. Trong quá trình giảng dạy giáo viên phải có tổng kết, rút kinh nghiệm hàng năm, từng khóa học để đánh giá xem chương trình môn học còn phù hợp không, cần bổ sung hay thay đổi lại chương trình không, phát huy những thành tích tốt đã đạt được và ngược lại để chỉnh sửa những hạn chế, thiếu sót về chương trình môn học cũng như phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Phối hợp với

phòng Quản lý sinh viên thường xuyên kiểm tra bám sát tình hình, động viên sinh viên tập luyện. Kịp thời phát hiện, biểu dương những sinh viên tích cực, điển hình trong phong trào tập luyện bơi vũ trang, đồng thời nhắc nhở những sinh viên vi phạm trong học tập; Phối hợp với phòng đào tạo sắp xếp lịch trình huấn luyện một cách phù hợp tạo điều kiện cho sinh viên tham gia tập luyện được tốt nhất; Phối hợp với phòng hậu cần dự trù mua dụng cụ, phương tiện, trang thiết bị phục vụ huấn luyện và tập luyện, chuẩn bị tốt cơ sở vật chất cho quá trình huấn luyện, học tập môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra của sinh viên Học viện CSND.

Tóm lại khi xây dựng chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND theo hướng đáp ứng thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và sẵn sàng ứng cứu khi xảy ra thiên tai lũ lụt, luận án đã dựa vào các căn cứ lý luận như các văn bản, chỉ thị của Đảng và Nhà nước Bộ GD&ĐT và Bộ Công an về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Rà soát, điều chỉnh chương trình giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu về chất lượng đào tạo và nhân lực của từng ngành, nghề, địa phương, toàn xã hội theo hướng tăng cường năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội; Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân; Ban hành danh mục chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện CSND, trong đó quy định rõ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ cũng như kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học có liên quan. Đồng thời, luận án còn căn cứ vào các căn cứ thực tiễn như kết quả nghiên cứu thực trạng chương trình môn học bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang Học viện CSND. (được trình bày cụ thể tại mục 3.1 của luận án). Ngoài ra, luận án còn lựa chọn được 31 tiêu chí thuộc 07 tiêu chuẩn làm căn cứ xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

3.3. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

Giải quyết nhiệm vụ này luận án tiến hành nghiên cứu các nội dung sau:

Một là, Tổ chức thực nghiệm chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên khóa D41 Học viện CSND.

Hai là, Đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Ba là, Đánh giá thâm định chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Bốn là, Bàn luận về hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

3.3.1. Tổ chức thực nghiệm chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

Phương pháp thực nghiệm: Luận án sử dụng phương pháp thực nghiệm so sánh tự đối chiếu.

Thời gian thực nghiệm: 10 tháng, tương đương một năm học từ tháng 8/2018 tới tháng 6/2019.

Địa điểm thực nghiệm: Thực nghiệm được tiến hành tại Học viện CSND.

Đối tượng thực nghiệm: Thực nghiệm được tiến hành trên đối tượng 131 sinh viên khóa D41 Học viện CSND. Từ chương trình bơi vũ trang (Phụ lục 13) mà luận án đã xây dựng để tổ chức giảng dạy ngoài giờ cho sinh viên và đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Được sự đồng ý của Ban giám đốc Học viện CSND, Phòng đào tạo, Phòng quản lý sinh viên. Qua nghiên cứu điều kiện thực tiễn của Học viện CSND (cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, kế hoạch đào tạo chung ...) đồng thời tiến hành tham khảo, trao đổi ý kiến với các bộ phận có liên quan, luận án xác định các nội dung cơ bản triển khai chương trình thực nghiệm như sau:

Lựa chọn 02 lớp với số lượng 131 sinh viên của khóa D41 để tiến hành thực nghiệm: Lớp Quản lý trật tự an toàn xã hội trên đường thủy nội địa với

tổng số 52 sinh viên (Nam); Lớp Điều tra tội phạm về trật tự xã hội với tổng số 79 sinh viên trong đó có 11 sinh viên (Nữ) và 68 sinh viên (Nam).

Chương trình thực nghiệm theo hình thức tập luyện ngoài giờ, được thực hiện trong vòng 02 tháng với 07 tuần cho 20 buổi, thời gian mỗi buổi tập tương đương 02 tiết học tương ứng 100 phút.

Sinh viên tham gia nhóm thực nghiệm có tinh thần tổ chức và ý thức tập luyện cao; Quá trình tổ chức tập luyện cho nhóm thực nghiệm không được làm ảnh hưởng đến việc học tập của sinh viên và kế hoạch đào tạo chung của Học viện CSND.

Hiệu quả của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra được đánh giá bước đầu qua các nội dung sau:

Một là: Đánh giá trình độ thể lực của đối tượng thực nghiệm theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe.

Hai là: Đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra theo các tiêu chí thi kết thúc môn học.

Ba là: Đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ giảng viên và đối tượng thực nghiệm khi tham gia học tập chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra.

3.3.2. Đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

Để đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND, luận án tiến hành đánh giá qua các nội dung sau: Đánh giá trình độ thể lực của đối tượng thực nghiệm theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe; Đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra thông qua kết quả học tập.

3.3.2.1. Đánh giá trình độ thể lực của sinh viên tham gia học tập chương trình bơi vũ trang theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe.

Luận án tiến hành kiểm tra trình độ thể lực của đối tượng thực nghiệm trước và sau quá trình thực nghiệm. Đánh giá trình độ thể lực theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe cho 131 sinh viên lớp Quản lý trật tự an toàn xã hội trên đường thủy nội địa với tổng số 52 sinh viên (Nam), lớp Điều tra tội phạm về trật

tự xã hội với tổng số 79 sinh viên trong đó có 11 sinh viên (Nữ) và 68 sinh viên (Nam). Căn cứ vào Thông tư 24/2013/TT-BCA quy định tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng Công an nhân dân do Bộ Công an ban hành ngày 11 tháng 4 năm 2013, luận án đánh giá được trình độ thể lực của đối tượng thực nghiệm, đối với Nam 04 Test đối với Nữ 03 Test, Kết quả kiểm tra được trình bày tại bảng 3.24 [14].

Bảng 3.24. So sánh trình độ thể lực của đối tượng thực nghiệm trước và sau thực nghiệm (n=131)

TT	Test	Trước thực nghiệm		Sau thực nghiệm		So sánh	
		\bar{X}	δ	\bar{X}	δ		
		Nam (n = 120)		Nam (n = 120)		t	P
1.	Chạy 100m (s)	14",05	0.38	14",01	0.33	1.24	>0.05
2.	Chạy 1500m (phút)	6',44"	0.56	6',18"	0.54	2.18	<0.05
3.	Bật xa tại chỗ (cm)	2,29	7.21	2,30	7.32	1.41	>0.05
4.	Chống đẩy (lần)	32,10	3.20	32,22	3.28	1.32	>0.05
TT	Test	Nữ (n = 11)		Nữ (n = 11)		t	P
1.	Chạy 100m (s)	18",43	0.31	18",46	0.34	1.35	>0.05
2.	Chạy 800m (phút)	4',31"	0.22	4',19"	0.19	2.33	<0.05
3.	Bật xa tại chỗ (cm)	1,64	5.73	1,65	5.87	1.42	>0.05

Kết quả kiểm tra được trình bày tại bảng 3.24 cho thấy đối với Nam ở cả 03 Test là Chạy 100m; Bật xa tại chỗ; Chống đẩy và đối với Nữ 02 Test Chạy 100m; Bật xa tại chỗ đều cho kết quả trình độ thể lực của đối tượng nghiên cứu trước và sau thực nghiệm đều không thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê thể hiện ở $t_{\text{tính}} < t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng $P > 0.05$. Tuy nhiên ở nội dung kiểm tra đánh giá sức bền đối với Nam là Chạy 1500m (phút) đối với Nữ là Chạy 800m (phút) đã cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, thể hiện ở $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng $P < 0.05$ ở cả đối tượng sinh viên nam và sinh viên nữ. Như vậy có thể thấy sau thời gian thực nghiệm ở nội dung sức bền đối với Nam và Nữ thành tích kiểm tra đều sự tiến bộ rõ rệt chứng tỏ thể lực của sinh viên đã được cải thiện đáng kể.

Song song với việc so sánh giá trị trung bình các test kiểm tra thể lực theo từng nhóm đối tượng, luận án tiến hành so sánh tỷ lệ sinh viên đạt tiêu chuẩn thể lực của đối tượng thực nghiệm theo Thông tư 24/2013/TT-BCA quy định tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng Công an nhân dân do Bộ Công an ban hành ngày 11/4/2013 được trình bày từ bảng 3.27 [14]. Luận án đối chiếu kết quả đánh giá thể lực của sinh viên với Bảng tiêu chuẩn rèn luyện thể lực đối với Nam và Nữ được trình bày tại bảng 3.25 và bảng 3.26. ở nhóm 1: (18-27 tuổi) đối với nam; (18-24 tuổi) đối với nữ. Phân loại chung: Nếu có từ 01 nội dung kiểm tra không đạt trở lên sẽ xếp loại không đạt nghĩa là khi đánh giá thể lực đối với các chiến sĩ công an nhân dân đó là trong tất cả các nội dung kiểm tra trên đều phải đạt thì được công nhận chiến sĩ khỏe đảm bảo thể lực phục vụ công tác. Kết quả đối chiếu được trình bày tại bảng 3.27.

Bảng 3.25. Tiêu chuẩn rèn luyện thể lực đối với nam

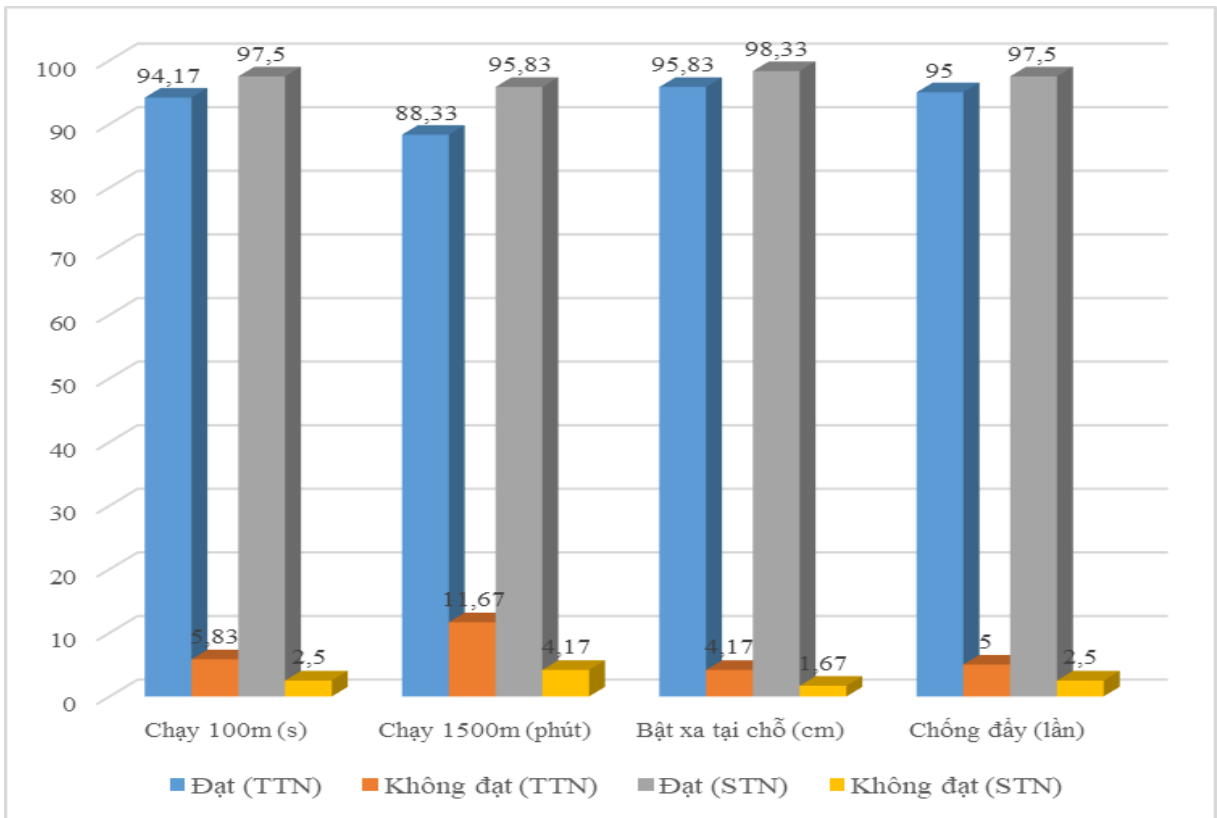
TT	Nhóm tuổi	Nội dung kiểm tra				
		Chạy 100m (giây)	Chạy 1500m (phút,giây)	Bật xa (mét)	Chống đẩy (lần)	Co tay xà đơn (lần)
1.	18-27	≤ 16",0	≤ 7',30"	≥ 2,20 m	≥ 30	≥ 12
2.	28-34	≤ 16",5	≤ 8',00"	≥ 2,15 m	≥ 25	≥ 10
3.	35-40	≤ 17",5	≤ 8',30"	≥ 2,1 m	≥ 20	≥ 8
4.	41-45	≤ 18",5	≤ 9',00"	≥ 2,0 m	≥ 15	≥ 5
5.	46-50	≤ 19",5	≤ 9',30"	≥ 1,8 m	≥ 10	≥ 3

Bảng 3.26. Tiêu chuẩn rèn luyện thể lực đối với nữ

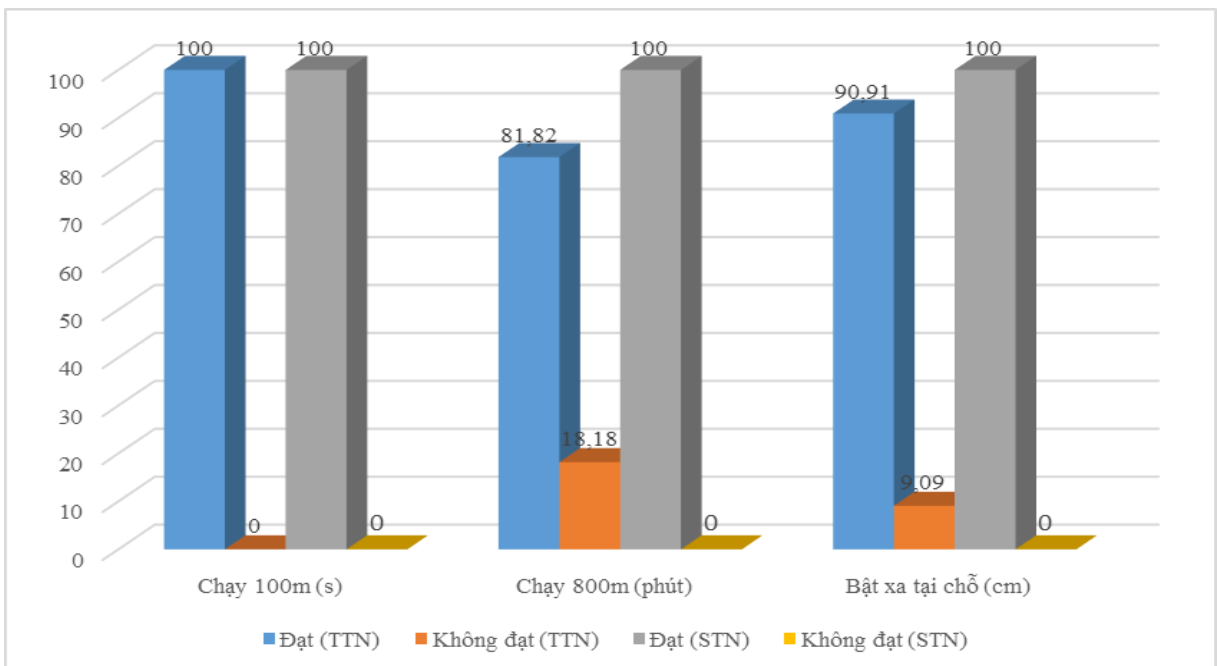
TT	Nhóm tuổi	Nội dung kiểm tra		
		Chạy 100m (giây)	Chạy 800m (phút, giây)	Bật xa (mét)
1.	18-24	≤ 20",0	≤ 5',30"	≥ 1,50 m
2.	25-30	≤ 20",5	≤ 6',10"	≥ 1,40 m
3.	31-35	≤ 21",5	≤ 6',50"	≥ 1,30 m
4.	36-40	≤ 22",5	≤ 7,30"	≥ 1,20 m
5.	41-45	≤ 23",5	≤ 8',00"	≥ 1,10 m

Bảng 3.27. So sánh tỷ lệ đạt tiêu chuẩn thể lực chiến sĩ công an khỏe của đối tượng thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

T T	Test	Kết quả kiểm tra (n=131)									
		Trước thực nghiệm Nam (n = 120)				Sau thực nghiệm Nam (n = 120)				So sánh	
		Đạt		Không đạt		Đạt		Không đạt		χ^2	P
		mi	%	mi	%	mi	%	mi	%		
1.	Chạy 100m (s)	113	94.17	07	5.83	117	97.5	03	2.5	0.43	>0.05
2.	Chạy 1500m (phút)	106	88.33	14	11.67	115	95.83	05	4.17	8.14	<0.05
3.	Bật xa tại chỗ (cm)	115	95.83	05	4.17	118	98.33	02	1.67	0.1	>0.05
4.	Chống đẩy (lần)	114	95	06	05	117	97.5	03	2.5	0.15	>0.05
Kết quả chung		105	87.5	15	12.5	115	95.83	05	4.17	17.0 1	<0.05
T T	Test	Trước thực nghiệm Nữ (n = 11)				Sau thực nghiệm Nữ (n = 11)				χ^2	P
1.	Chạy 100m (s)	11	100	00	00	11	100	00	00	0.14	>0.05
2.	Chạy 800m (phút)	09	81.82	02	18.18	11	100	00	00	9.51	<0.05
3.	Bật xa tại chỗ (cm)	10	90.91	01	9.09	11	100	00	00	0.03	>0.05
Kết quả chung		09	81.82	02	18.18	11	100	00	00	9.51	<0.05



Biểu đồ 3.4: So sánh tỷ lệ đạt tiêu chuẩn thể lực chiến sĩ công an khỏe của Nam trước và sau thực nghiệm



Biểu đồ 3.5: So sánh tỷ lệ đạt tiêu chuẩn thể lực chiến sĩ công an khỏe của Nữ trước và sau thực nghiệm

Kết quả kiểm tra tại bảng 3.27 và biểu đồ 3.4, biểu đồ 3.5 cho thấy trình độ thể lực của đối tượng thực nghiệm là tương đối tốt so với bảng tiêu chuẩn rèn luyện thân thể trong lực lượng công an nhân dân. Đối với Nam ở những nội

dung phát triển sức nhanh, sức mạnh tốc độ như: Chạy 100m (s), Bật xa tại chỗ (m), Chống đẩy (lần) đều đạt từ 94.17% trở lên; riêng nội dung đánh giá về sức bền thì đạt 88.33%; đánh giá chung cho toàn bộ các tiêu chí kiểm tra số lượng sinh viên đạt tiêu chuẩn là 87.5%, số sinh viên chưa đạt là 12.5%. Đối với nữ thì kết quả đánh giá các nội dung cũng tương đồng với nam, ở nội dung đánh giá về sức bền thì tỉ lệ đạt tiêu chuẩn của nữ là 81.82%, đánh giá chung cho toàn bộ các nội dung kiểm tra của nữ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể là 81.82%, tỉ lệ nữ không đạt là 18.18%. Như vậy thông qua kiểm tra các tiêu chí theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe thì trình độ thể lực của đối tượng nghiên cứu trước thực nghiệm là rất tốt Nam đạt từ 87.50% trở lên, Nữ đạt từ 81.82% trở lên, tuy nhiên vẫn còn tỷ lệ từ 12.50% đến 18.18% sinh viên chưa đạt được tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

Với thời gian thực nghiệm chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra là 02 tháng với 08 tuần cho 20 buổi cho đối tượng thực nghiệm, luận án tiến hành kiểm tra đánh giá trình độ thể lực của sinh viên theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe, kết quả kiểm tra đánh giá tại bảng 3.27, cho thấy kết quả có sự biến đổi, đặc biệt là nội dung đánh giá về sức bền đối với Nam tăng so với trước thực nghiệm từ 88.33% lên 96.66%, đối với Nữ tăng từ 81.81% tăng lên đến 100%. Số sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe tăng từ 114 lên 126, số lượng sinh viên không đạt tiêu chuẩn giảm từ 17 xuống còn 05. Số lượng sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể là 95.83%, số lượng không đạt là 4.17%. Đặc biệt tỷ lệ sinh viên đạt tiêu chuẩn thể lực của đối tượng nghiên cứu sau thực nghiệm đã có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi so sánh kết quả đánh giá chung bằng χ^2 tính từ 9.51 của Nữ đến 17.1 của Nam với ($P < 0.05$).

Như vậy sau thực nghiệm với chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra, luận án tiến hành kiểm tra trình độ thể lực của đối tượng nghiên cứu trước và sau thực nghiệm với kết quả đánh giá chung có sự biến đổi rõ rệt về tỷ lệ sinh viên đạt tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe.

3.3.2.2. Đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra thông qua kết quả học tập.

Để đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang thông qua kết quả môn học, luận án dựa kết quả phỏng vấn các tiêu chí kiểm tra đánh giá trong mục (3.2.5), Tổ chức xây dựng nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND, về phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra điều kiện, điểm

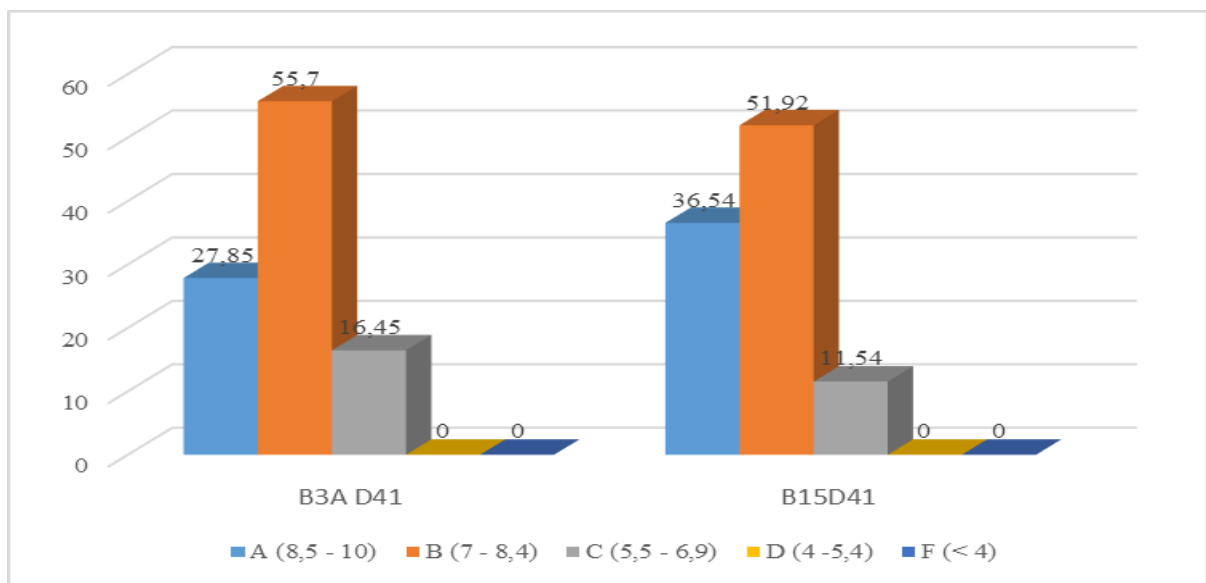
thi kết thúc học phần). Kết quả đánh giá toàn bộ quá trình học tập môn bơi vũ trang được trình bày tại bảng 3.28. và bảng 3.29.

Bảng 3.28. Bảng quy đổi điểm đánh giá theo thang điểm 10

TT	Điểm hệ số 10	Điểm hệ Chữ	Xếp loại	
1.	9.3 - 10	A+	Giỏi	Đạt
2.	8.5 - 9.2	A		
3.	7.8 - 8.4	B+	Khá	
4.	7.0 - 7.7	B		
5.	6.3 - 6.9	C+	Trung Bình	
6.	5.5 - 6.2	C		
7.	4.8 - 5.4	D+	Trung Bình Yếu	
8.	4.0 - 4.7	D		
9.	0 < 3.9	F	Kém	

Bảng 3.29. Kết quả đánh giá quá trình học tập môn bơi vũ trang của đối tượng nghiên cứu sau thực nghiệm

Điểm Lớp	Xếp loại (n=131)									
	A (8,5 - 10)		B (7 - 8,4)		C (5,5 - 6,9)		D (4 - 5,4)		F (< 4)	
	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%
B3A D41 (n=79)	22	27.85%	44	55.7%	13	16.45%	00	0%	00	0%
B15D41 (n=52)	19	36.54%	27	51.92%	06	11,54%	00	0%	00	0%
Tổng	41	31.29%	71	54.19%	19	14.50%	00	0%	00	0%



Biểu đồ 3.6: Kết quả đánh giá quá trình học tập môn bơi vũ trang của đối tượng nghiên cứu sau thực nghiệm

Kết quả đánh giá toàn bộ quá trình học tập môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra của đối tượng nghiên cứu tại bảng 3.29 và biểu đồ 3.6 cho thấy, tất cả các sinh viên tham gia học tập chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra đều có ý thức học tập tốt và hoàn thành các nội dung kiểm tra từ kiểm tra điều kiện đến thi kết thúc môn học, kết quả đánh giá đều đạt từ điểm Trung bình Khá trở lên, cụ thể điểm A (8,5 - 10) đạt tỉ lệ 31.29%, điểm B (7 - 8,4) đạt 54.19%, điểm C (5,5 - 6,9) đạt 14.50%, không có sinh viên bị điểm yếu và kém.

Như vậy, từ kết quả đánh giá quá trình học tập môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho thấy tất cả những sinh viên tham gia thực nghiệm chương trình đều tiếp thu tốt những kỹ năng, kỹ xảo được cán bộ giảng viên truyền thu thông qua các nội dung giảng dạy của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

3.3.3. Đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

3.3.3.1. Đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ quản lý, giảng viên khi tham gia quản lý, giảng dạy chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân.

Trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND gồm 35 tiêu chí: *Mục tiêu của chương trình môn học* gồm (01 tiêu chí); *Bản mô tả chương trình đào tạo* gồm (03 tiêu chí); *Cấu trúc và nội dung chương trình môn học* gồm (06 tiêu chí); *Phương pháp tiếp cận trong dạy và học* gồm (06 tiêu chí); *Đánh giá kết quả học tập của người học* gồm (07 tiêu chí); *Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy* gồm (05 tiêu chí); *Cơ sở vật chất và tài liệu học tập* gồm (03 tiêu chí); *Kết quả đầu ra* gồm (04 tiêu chí). Luận án tiến hành lấy ý kiến đánh giá của 22 cán bộ quản lý, giảng viên trực tiếp giảng dạy có nhiều năm công tác đánh giá về chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND mà tác giả đã xây dựng đưa vào thực nghiệm.

Phương pháp đánh giá bằng thang độ Likert do nhà tâm lý học người Mỹ Likert xây dựng. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên khi tham gia quản lý giảng dạy trực tiếp chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra được tổng hợp tại bảng 3.30.

**Bảng 3.30: Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ giảng viên về chương trình bơi vũ trang cho sinh viên
Học viện Cảnh sát nhân dân**

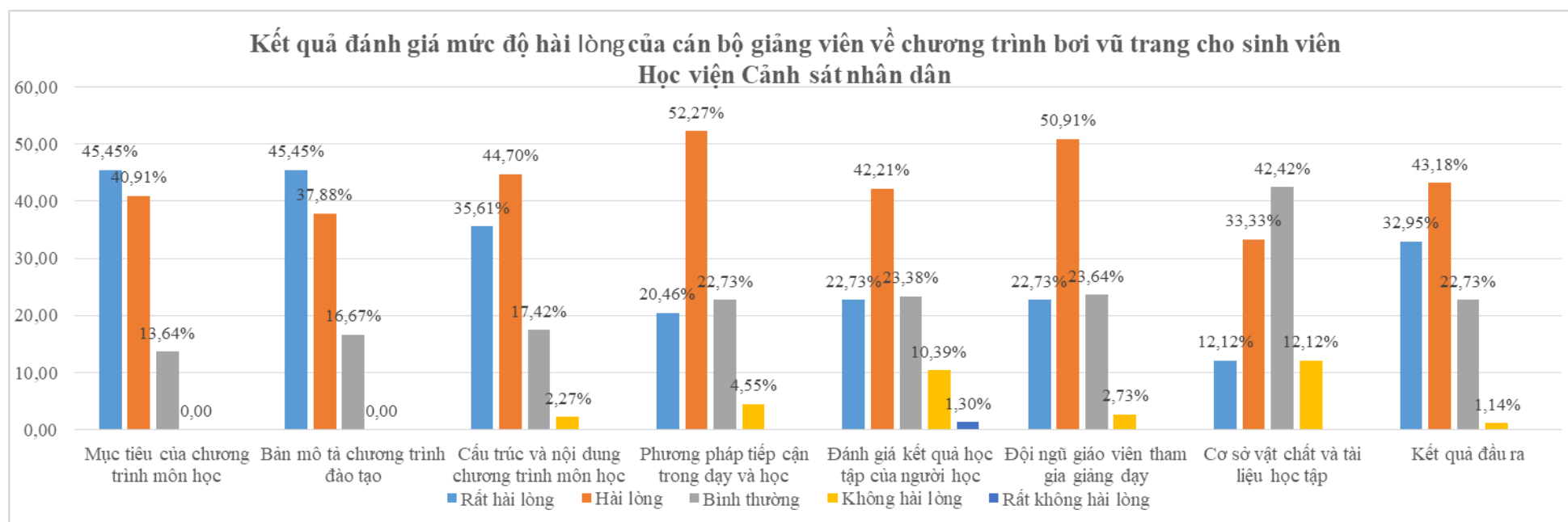
TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 22)												Đánh giá
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	\bar{X}		
1. Mục tiêu của chương trình môn học														
1.	Mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được xây dựng rõ ràng và đảm bảo tính khả thi	10	45,45	09	40,91	03	13,64	00	0,00	00	0,00	4,32	Rất tốt	
2. Bản mô tả chương trình đào tạo														
2.	Bản mô tả chương trình môn học đầy đủ thông tin	14	63,64	06	27,27	02	9,09	00	0,00	00	0,00	4,55	Rất tốt	
3.	Đề cương chi tiết môn học đầy đủ thông tin	06	27,27	11	50,00	05	22,73	00	0,00	00	0,00	4,05	Tốt	
4.	Bản mô tả chương trình môn học và đề cương các môn học được công bố công khai	10	45,45	08	36,36	04	18,18	00	0,00	00	0,00	4,27	Rất tốt	
3. Cấu trúc và nội dung chương trình môn học														
5.	Nội dung chương trình môn bơi vũ trang phù hợp với mục tiêu đã đề ra của môn học	10	45,45	10	45,45	02	9,09	00	0,00	00	0,00	4,36	Tốt	
6.	Nội dung kiến thức, kỹ năng môn bơi vũ trang phù hợp với bậc đào tạo đại học	05	22,73	09	40,91	08	36,36	00	0,00	00	0,00	3,86	Tốt	
7.	Các phần nội dung bơi vũ trang được sắp xếp theo trình tự hợp lý và đảm bảo tính logic	05	22,73	14	63,64	02	9,09	01	4,55	00	0,00	4,05	Tốt	
8.	Phân bố các nội dung giảng dạy phù hợp với thời gian cho phép	08	36,36	12	54,55	02	9,09	00	0,00	00	0,00	4,27	Rất tốt	
9.	Nội dung chương trình môn bơi vũ trang đảm bảo tính thực tiễn và khả năng ứng dụng cao	14	63,64	04	18,18	04	18,18	00	0,00	00	0,00	4,45	Rất tốt	

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 22)											Đánh giá
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	\bar{X}	
10.	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức kỹ năng mới giúp sinh viên rèn luyện nâng cao kỹ năng nghề nghiệp	05	22,73	10	45,45	05	22,73	02	9,09	00	0,00	3,82	Tốt
4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học													
11.	Thầy (cô) đã dành giờ học đầu tiên để giới thiệu về bơi vũ trang, mục tiêu, nội dung, yêu cầu của môn học - hình thức dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học	05	22,73	15	68,18	02	9,09	00	0,00	00	0,00	4,14	Tốt
12.	Thầy (cô) đã sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp và tổ chức các hoạt động khác nhau để truyền tải nội dung môn học	00	0,00	12	54,55	07	31,82	03	13,64	00	0,00	3,41	Tốt
13.	Thầy (cô) tổ chức môn học theo đúng quy định của chương trình môn bơi vũ trang	03	13,64	09	40,91	10	45,45	00	0,00	00	0,00	3,68	Tốt
14.	Phương pháp giảng của Thầy (cô) rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tập luyện nhóm, tự tin trong thực hiện kỹ thuật mới	05	22,73	10	45,45	05	22,73	02	9,09	00	0,00	3,82	Tốt
15.	Thầy (cô) đã tạo môi trường thuận lợi để sinh viên ôn luyện kỹ năng cũ tiếp thu kỹ thuật mới	04	18,18	15	68,18	02	9,09	01	4,55	00	0,00	4,00	Tốt
16.	Đánh giá chung chất lượng các giờ học, thực hành	10	45,45	08	36,36	04	18,18	00	0,00	00	0,00	4,27	Rất tốt

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 22)												Đánh giá
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	\bar{X}		
5. Đánh giá kết quả học tập của người học														
17.	Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập là phù hợp với mục tiêu môn học, mục tiêu của từng nội dung trong môn bơi vũ trang	05	22,73	07	31,82	08	36,36	02	9,09	00	0,00	3,68	Tốt	
18.	Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập khuyến khích sinh viên học tập, rèn luyện hiệu quả hơn	00	0,00	13	59,09	07	31,82	02	9,09	00	0,00	3,50	Tốt	
19.	Số lượng, nội dung, các test kiểm tra của môn học là phù hợp với năng lực trình độ kỹ năng của sinh viên	02	9,09	12	54,55	05	22,73	03	13,64	00	0,00	3,59	Tốt	
20.	Các nội dung, tiêu chí kiểm tra đánh giá được thông báo rõ ràng	14	63,64	07	31,82	01	4,55	00	0,00	00	0,00	4,59	Rất tốt	
21.	Các bài kiểm tra, test tiêu biểu cho từng phần nội dung và nội dung môn bơi vũ trang	07	31,82	05	22,73	05	22,73	04	18,18	01	4,55	3,59	Tốt	
22.	Sinh viên hài lòng về việc đánh giá kết quả học tập của môn bơi vũ trang	02	9,09	10	45,45	07	31,82	02	9,09	01	4,55	3,45	Tốt	
23.	Thầy (cô) hài lòng về kết quả học tập môn học của sinh viên	05	22,73	11	50,00	03	13,64	03	13,64	00	0,00	3,82	Tốt	
6. Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy														
24.	Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn	03	13,64	16	72,73	02	9,09	01	4,55	00	0,00	3,95	Tốt	

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 22)												Đánh giá
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	\bar{X}		
25.	Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định	06	27,27	10	45,45	06	27,27	00	0,00	00	0,00	4,00	Tốt	
26.	Giảng viên nhiệt tình trong việc giảng dạy truyền tải nội dung môn học	02	9,09	15	68,18	04	18,18	01	4,55	00	0,00	3,82	Tốt	
27.	Giảng viên luôn giao tiếp với thái độ lịch sự, tôn trọng và đảm bảo tính sư phạm	12	54,55	08	36,36	02	9,09	00	0,00	00	0,00	4,45	Rất tốt	
28.	Thầy (cô) luôn đáp ứng nhu cầu trong học tập của sinh viên, biết lắng nghe ý kiến của sinh viên	02	9,09	07	31,82	12	54,55	01	4,55	00	0,00	3,45	Tốt	
7. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập														
29.	Cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo phục vụ triển khai môn học là phù hợp đáp ứng yêu cầu môn bơi vũ trang	00	0,00	05	22,73	13	59,09	04	18,18	00	0,00	3,05	Khá	
30.	Tài liệu học tập môn bơi vũ trang được giới thiệu đầy đủ trước khi bắt đầu môn học	03	13,64	10	45,45	08	36,36	01	4,55	00	0,00	3,68	Tốt	
31.	Tài liệu học tập môn bơi vũ trang đầy đủ được cập nhật thông tin mới, phù hợp với nội dung dạy học	05	22,73	07	31,82	07	31,82	03	13,64	00	0,00	3,64	Tốt	
8. Kết quả đầu ra														
32.	Thầy (cô) hài lòng về kết quả học tập môn bơi vũ trang của sinh viên	02	9,09	08	36,36	11	50,00	01	4,55	00	0,00	3,50	Tốt	
33.	Thầy cô tỏ ra hài lòng đã trang bị được cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về môn bơi vũ trang	10	45,45	11	50,00	01	4,55	00	0,00	00	0,00	4,41	Rất tốt	

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 22)											Đánh giá
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	\bar{X}	
34.	Sinh viên tỏ ra hứng thú với môn học và trang bị được nhiều kỹ năng nghề nghiệp	04	18,18	11	50,00	07	31,82	00	0,00	00	0,00	3,86	Tốt
35.	Thầy (cô) nhận thấy sinh viên gia tăng đáng kể kiến thức, kỹ năng sau khi học môn bơi vũ trang	13	59,09	08	36,36	01	4,55	00	0,00	00	0,00	4,55	Rất tốt



Biểu đồ 3.7: Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ giảng viên về chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Kết quả bảng 3.30 và biểu đồ 3.7 đánh giá về mức độ hài lòng của cán bộ quản lý và giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy chương trình bồi dưỡng cho sinh viên Học viện CSND cho thấy:

Về nội dung, Mục tiêu của chương trình môn học, với tiêu chí: Mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được xây dựng rõ ràng và đảm bảo tính khả thi, được các cán bộ quản lý và giảng viên đánh giá ở mức rất hài lòng, có điểm trung bình đạt 4,32 điểm.

Về nội dung, Bản mô tả chương trình đào tạo gồm có các tiêu chí: Bản mô tả chương trình môn học đầy đủ thông tin; Đề cương chi tiết môn học đầy đủ thông tin; Bản mô tả chương trình môn học và đề cương các môn học được công bố công khai đều được các cán bộ quản lý đánh giá cao ở mức hài lòng và rất hài lòng có điểm trung bình đạt từ 4.05 đến 4.55 điểm.

Đánh giá về, Cấu trúc và nội dung chương trình môn học, gồm có: Nội dung chương trình môn bồi dưỡng phù hợp với mục tiêu đã đề ra của môn học; Nội dung kiến thức, kỹ năng môn bồi dưỡng phù hợp với bậc đào tạo đại học; Các phần nội dung bồi dưỡng được sắp xếp theo trình tự hợp lý và đảm bảo tính logic; Phân bố các nội dung giảng dạy phù hợp với thời gian cho phép; Nội dung chương trình môn bồi dưỡng đảm bảo tính thực tiễn và khả năng ứng dụng cao; Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức kỹ năng mới giúp sinh viên rèn luyện nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tất cả 06 tiêu chí trên đều được cán bộ, giảng viên đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng có điểm trung bình đạt từ 3.82 đến 4.45 điểm.

Về, Phương pháp tiếp cận trong dạy và học ở nội dung này có hầu hết các nhà quản lý và giảng viên đều đánh giá các tiêu chí ở mức tốt và rất tốt có điểm trung bình từ 3.59 đến 4.59 điểm.

Đánh giá kết quả học tập của người học, công tác kiểm tra đánh giá sẽ giúp nhà quản lý và giảng viên đánh giá được mức độ tiếp thu của sinh viên đối với chương trình đào tạo, ở nội dung này có các tiêu chí: Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập là phù hợp với mục tiêu môn học, mục tiêu của từng

nội dung trong môn bơi vũ trang; Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập khuyến khích sinh viên học tập, rèn luyện hiệu quả hơn; Số lượng, nội dung, các test kiểm tra của môn học là phù hợp với năng lực trình độ kỹ năng của sinh viên; Các nội dung, tiêu chí kiểm tra đánh giá được thông báo rõ ràng; Các bài kiểm tra, test tiêu biểu cho từng phần nội dung và nội dung môn bơi vũ trang; Sinh viên hài lòng về việc đánh giá kết quả học tập của môn bơi vũ trang; Thầy (cô) hài lòng về kết quả học tập môn học của sinh viên đều được các nhà quản lý và giảng viên đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng với số điểm trung bình đạt từ 3.45 đến 4.59 điểm.

Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy thông qua 05 tiêu chí Ở nội dung này các tiêu chí đều được đánh giá ở mức Hài lòng trở lên với số điểm trung bình đạt từ 3.45 điểm trở lên. Đặc biệt có tiêu chí về (Giảng viên luôn giao tiếp với thái độ lịch sự, tôn trọng và đảm bảo tính sư phạm), được đánh giá ở mức Rất hài lòng đạt đến 4.45 điểm.

Về Cơ sở vật chất và tài liệu học tập có 03 tiêu chí được các nhà quản lý và giảng viên đánh giá: Tài liệu học tập môn bơi vũ trang được giới thiệu đầy đủ trước khi bắt đầu môn học, được 3.68 điểm đạt loại tốt; Tài liệu học tập môn bơi vũ trang đầy đủ được cập nhật thông tin mới, phù hợp với nội dung dạy học, được 3.64 đạt loại tốt; Cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo phục vụ triển khai môn học là phù hợp đáp ứng yêu cầu môn bơi vũ trang, được 3.05 điểm chỉ đạt loại khá.

Kết quả đầu ra, ở nội dung này có 04 tiêu chí: Thầy (cô) hài lòng về kết quả học tập môn học của sinh viên; Thầy cô tỏ ra hài lòng đã trang bị được cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về môn bơi vũ trang; Sinh viên tỏ ra hứng thú với môn học và trang bị được nhiều kỹ năng nghề nghiệp; Thầy (cô) nhận thấy sinh viên gia tăng đáng kể kiến thức, kỹ năng sau khi học môn bơi vũ trang có số điểm trung bình đạt từ 3.45 đến 4.55 điểm đều được đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng.

Như vậy thông qua thang đo Likert đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ quản lý và giảng viên trực tiếp tham gia quản lý và giảng dạy chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND, do tác giả xây dựng bước đầu cho thấy hiệu quả của chương trình thông qua các nội dung như: Mục tiêu của chương trình môn học; Bản mô tả chương trình đào tạo; Cấu trúc và nội dung chương trình môn học; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của người học; Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy; Cơ sở vật chất và tài liệu học tập; Kết quả đầu ra, tất cả các tiêu chí đều đạt điểm trung bình rất cao từ 3.05 đến 4.59 ở mức độ từ tốt đến rất tốt. Từ kết quả đánh giá trên cho thấy cán bộ quản lý và giảng viên đánh giá cao về chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND ở mức độ hài lòng và rất hài lòng về chương trình môn học luận án xây dựng. Tiếp theo chúng tôi tiến hành lấy ý kiến trực tiếp từ người học (đối tượng được hưởng thụ chương trình) được trình bày tại nội dung dưới đây.

3.3.3.2. Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên tham gia học tập chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân.

Ngoài việc đánh giá mức độ hài lòng của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên ra luận án còn triển khai đánh giá mức độ hài lòng đối tượng được thụ hưởng chương trình (người học) về chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND mà luận án đã xây dựng thông qua thang độ Liker do nhà tâm lý học người Mỹ Likert xây dựng. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên tham gia học tập chương trình môn bơi vũ trang được tổng hợp tại bảng 3.31.

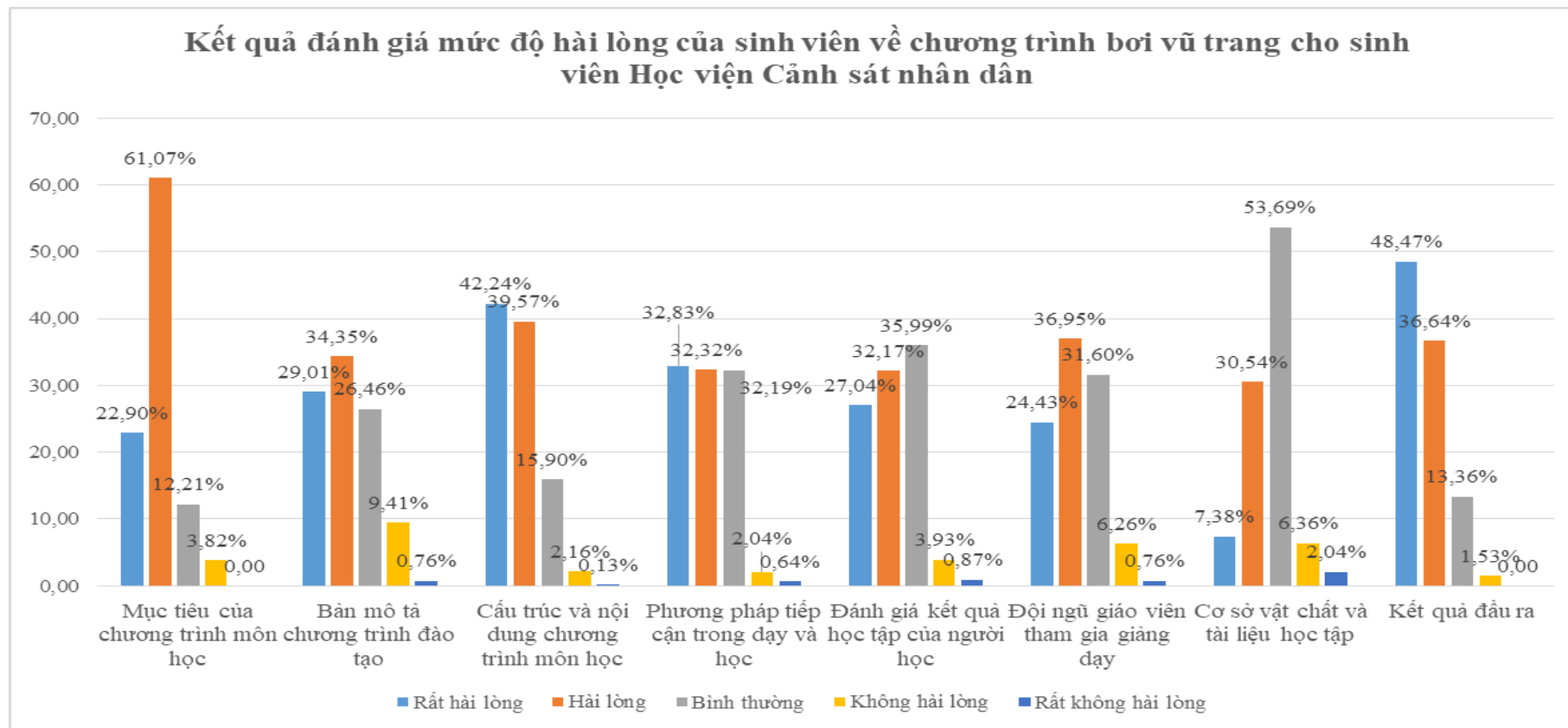
**Bảng 3.31: Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình bồi vũ trang cho sinh viên
Học viện Cảnh sát nhân dân**

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 131)												Đánh giá
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	\bar{X}		
1. Mục tiêu của chương trình môn học														
1.	Mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được xây dựng rõ ràng và đảm bảo tính khả thi	30	22,90	80	61,07	16	12,21	05	3,82	00	0,00	4,03	Tốt	
2. Bản mô tả chương trình đào tạo														
2.	Bản mô tả chương trình môn học đầy đủ thông tin	27	20,61	95	72,52	09	6,87	00	0,00	00	0,00	4,14	Tốt	
3.	Đề cương chi tiết môn học đầy đủ thông tin	83	63,36	31	23,66	10	7,63	07	5,34	00	0,00	4,45	Rất tốt	
4.	Bản mô tả chương trình môn học và đề cương các môn học được công bố công khai	04	3,05	09	6,87	85	64,89	30	22,90	03	2,29	2,85	Khá	
3. Cấu trúc và nội dung chương trình môn học														
5.	Nội dung chương trình môn bồi vũ trang phù hợp với mục tiêu đã đề ra của môn học	25	19,08	77	58,78	26	19,85	03	2,29	00	0,00	3,95	Tốt	
6.	Nội dung kiến thức, kỹ năng môn bồi vũ trang phù hợp với bậc đào tạo đại học	83	63,36	36	27,48	10	7,63	02	1,53	00	0,00	4,53	Rất tốt	
7.	Các phần nội dung bồi vũ trang được sắp xếp theo trình tự hợp lý và đảm bảo tính logic	85	64,89	29	22,14	13	9,92	03	2,29	01	0,76	4,48	Rất tốt	
8.	Phân bố các nội dung giảng dạy phù hợp với thời gian cho phép	20	15,27	88	67,18	21	16,03	02	1,53	00	0,00	3,96	Tốt	
9.	Nội dung chương trình môn bồi vũ trang đảm bảo tính thực tiễn và khả năng ứng dụng cao	36	27,48	50	38,17	45	34,35	00	0,00	00	0,00	3,93	Tốt	

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 131)												Đánh giá
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	\bar{X}		
10.	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức kỹ năng mới giúp sinh viên rèn luyện nâng cao kỹ năng nghề nghiệp	83	63,36	31	23,66	10	7,63	07	5,34	00	0,00	4,45	Rất tốt	
4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học														
11.	Thầy (cô) đã dành giờ học đầu tiên để giới thiệu về bơi vũ trang, mục tiêu, nội dung, yêu cầu của môn học - hình thức dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học	03	2,29	26	19,85	97	74,05	05	3,82	00	0,00	3,21	Khá	
12.	Thầy (cô) đã sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp và tổ chức các hoạt động khác nhau để truyền tải nội dung môn học	21	16,03	68	51,91	40	30,53	02	1,53	00	0,00	3,82	Tốt	
13.	Thầy (cô) tổ chức môn học theo đúng quy định của chương trình môn bơi vũ trang	109	83,21	10	7,63	11	8,40	01	0,76	00	0,00	4,73	Rất tốt	
14.	Phương pháp giảng của Thầy (cô) rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tập luyện nhóm, tự tin trong thực hiện kỹ thuật mới	25	19,08	93	70,99	12	9,16	01	0,76	00	0,00	4,08	Tốt	
15.	Thầy (cô) đã tạo môi trường thuận lợi để sinh viên ôn luyện kỹ năng cũ tiếp thu kỹ thuật mới	05	3,82	35	26,72	79	60,31	07	5,34	05	3,82	3,21	Khá	
16.	Đánh giá chung chất lượng các giờ học, thực hành	95	72,52	22	16,79	14	10,69	00	0,00	00	0,00	4,62	Rất tốt	

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 131)												Đánh giá
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	\bar{X}		
5. Đánh giá kết quả học tập của người học														
17.	Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập là phù hợp với mục tiêu môn học, mục tiêu của từng nội dung trong môn bơi vũ trang	05	3,82	30	22,90	86	65,65	10	7,63	00	0,00	3,23	Khá	
18.	Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập khuyến khích sinh viên học tập, rèn luyện hiệu quả hơn	36	27,48	50	38,17	45	34,35	00	0,00	00	0,00	3,93	Tốt	
19.	Số lượng, nội dung, các test kiểm tra của môn học là phù hợp với năng lực trình độ kỹ năng của sinh viên	03	2,29	37	28,24	69	52,67	20	15,27	02	1,53	3,15	Khá	
20.	Các nội dung, tiêu chí kiểm tra đánh giá được thông báo rõ ràng	96	73,28	35	26,72	00	0,00	00	0,00	00	0,00	4,73	Rất tốt	
21.	Các bài kiểm tra, test tiêu biểu cho từng phần nội dung và nội dung môn bơi vũ trang	90	68,70	34	25,95	07	5,34	00	0,00	00	0,00	4,63	Rất tốt	
22.	Sinh viên hài lòng về việc đánh giá kết quả học tập của môn bơi vũ trang	15	11,45	98	74,81	18	13,74	00	0,00	00	0,00	3,98	Tốt	
23.	Thầy (cô) hài lòng về kết quả học tập môn học của sinh viên	03	2,29	11	8,40	105	80,15	06	4,58	06	4,58	2,99	Khá	
6. Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy														
24.	Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn	25	19,08	99	75,57	04	3,05	03	2,29	00	0,00	4,11	Tốt	
25.	Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định	03	2,29	23	17,56	98	74,81	05	3,82	02	1,53	3,15	Khá	

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá (n = 131)											
		Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng		Rất không hài lòng		Điểm TB	Đánh giá
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	\bar{X}	
26.	Giảng viên nhiệt tình trong việc giảng dạy truyền tải nội dung môn học	04	3,05	09	6,87	85	64,89	30	22,90	03	2,29	2,85	Khá
27.	Giảng viên luôn giao tiếp với thái độ lịch sự, tôn trọng và đảm bảo tính sư phạm	27	20,61	95	72,52	09	6,87	00	0,00	00	0,00	4,14	Tốt
28.	Thầy (cô) luôn đáp ứng nhu cầu trong học tập của sinh viên, biết lắng nghe ý kiến của sinh viên	101	77,10	16	12,21	11	8,40	03	2,29	00	0,00	4,64	Rất tốt
7. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập													
29.	Cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo phục vụ triển khai môn học là phù hợp đáp ứng yêu cầu môn bơi vũ trang	04	3,05	26	19,85	81	61,83	17	12,98	03	2,29	3,08	Khá
30.	Tài liệu học tập môn bơi vũ trang được giới thiệu đầy đủ trước khi bắt đầu môn học	05	3,82	06	4,58	109	83,21	06	4,58	05	3,82	3,00	Khá
31.	Tài liệu học tập môn bơi vũ trang đầy đủ được cập nhật thông tin mới, phù hợp với nội dung dạy học	20	15,27	88	67,18	21	16,03	02	1,53	00	0,00	3,96	Tốt
8. Kết quả đầu ra													
32.	Sinh viên tỏ ra hài lòng về phương pháp dạy học và hình thức tổ chức giờ lên lớp của Thầy (cô)	15	11,45	98	74,81	18	13,74	00	0,00	00	0,00	3,98	Tốt
33.	Sinh viên tỏ ra hài lòng về kiến thức, kỹ năng được trang bị về môn bơi vũ trang của Thầy (cô)	104	79,39	15	11,45	07	5,34	05	3,82	00	0,00	4,66	Rất tốt
34.	Sinh viên tỏ ra hứng thú với môn học và trang bị được nhiều kỹ năng nghề nghiệp	114	87,02	11	8,40	05	3,82	01	0,76	00	0,00	4,82	Rất tốt
35.	Sinh viên nhận thấy được gia tăng đáng kể kiến thức, kỹ năng sau khi học môn bơi vũ trang	21	16,03	68	51,91	40	30,53	02	1,53	00	0,00	3,82	Tốt



Biểu đồ 3.8. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình bồi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân

Qua bảng 3.31 và biểu đồ 3.8 cho thấy: mức độ hài lòng của sinh viên được thụ hưởng chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra tại các nội dung được đánh giá như sau: Mục tiêu của chương trình môn học có 01 tiêu chí về Mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được xây dựng rõ ràng và đảm bảo tính khả thi đạt điểm trung bình cao 4.05 ở mức hài lòng.

Đánh giá về Bản mô tả chương trình đào tạo có 02 tiêu chí được các sinh viên được hưởng thụ chương trình đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng. Có 01 tiêu chí được đánh ở mức bình thường đó là: Bản mô tả chương trình môn học và đề cương các môn học được công bố công khai chỉ đạt điểm trung bình 2.85%.

Về, Cấu trúc và nội dung chương trình môn học thông qua 06 tiêu chí, thì ở nội dung này hầu hết các sinh viên tham gia học tập đều đánh giá các tiêu chí ở mức hài lòng và rất hài lòng có điểm trung bình từ 3.93 đến 4.53 điểm.

Nội dung, Phương pháp tiếp cận trong dạy và học có 02 tiêu chí chỉ được đánh giá ở mức bình thường đó là: Thầy (cô) đã dành giờ học đầu tiên để giới thiệu về bơi vũ trang, mục tiêu, nội dung, yêu cầu của môn học - hình thức dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học; Thầy (cô) đã tạo môi trường thuận lợi để sinh viên ôn luyện kỹ năng cũ tiếp thu kỹ thuật mới có điểm trung bình 3.21. Có 02 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt có điểm trung bình đạt 3.82 đến 4.08 đó là Thầy (cô) đã sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp và tổ chức các hoạt động khác nhau để truyền tải nội dung môn học; Phương pháp giảng của Thầy (cô) rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tập luyện nhóm, tự tin trong thực hiện kỹ thuật mới. Đặc biệt có 02 tiêu chí được sinh viên đánh giá ở mức rất hài lòng có điểm trung bình đạt 4.62 đến 4.76 đó là Thầy (cô) tổ chức môn học theo đúng quy định của chương trình môn bơi vũ trang; Đánh giá chung chất lượng các giờ học, thực hành.

Về, Đánh giá kết quả học tập của người học, công tác kiểm tra đánh giá sẽ đánh giá được mức độ tiếp thu kiến thức và kỹ năng của sinh viên đối với chương trình đào tạo. Ở nội dung này các tiêu chí đều được đánh giá ở mức khá trở lên với số điểm trung bình đạt từ 2.99 điểm trở lên. Đặc biệt có 02 tiêu chí

được đánh giá ở mức rất tốt đạt đến 4.63 điểm trở lên đó là: Các nội dung, tiêu chí kiểm tra đánh giá được thông báo rõ ràng; Các bài kiểm tra, test tiêu biểu cho từng phần nội dung và nội dung môn bơi vũ trang.

Nội dung, Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy có 05 tiêu chí được sinh viên đánh giá ở mức khá trở lên có điểm trung bình đạt từ 2.85 trở lên, đặc biệt có tiêu chí Thầy (cô) luôn đáp ứng nhu cầu trong học tập của sinh viên, biết lắng nghe ý kiến của sinh viên được sinh viên đánh giá ở mức rất cao với điểm trung bình đạt 4.64 điểm.

Về, Cơ sở vật chất và tài liệu học tập có 03 tiêu chí được các sinh viên đánh giá: Cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo phục vụ triển khai môn học là phù hợp đáp ứng yêu cầu môn bơi vũ trang, được 3.08 điểm đạt loại Khá; Tài liệu học tập môn bơi vũ trang đầy đủ được cập nhật thông tin mới, phù hợp với nội dung dạy học, được 3.00 đạt loại Khá; Tài liệu học tập môn bơi vũ trang đầy đủ được cập nhật thông tin mới, phù hợp với nội dung dạy học, được 3.96 điểm đạt loại Tốt.

Kết quả đầu ra, ở nội dung này tất cả các tiêu chí đều được sinh viên đánh giá ở mức hài lòng trở lên đó là: Sinh viên tỏ ra hài lòng về phương pháp dạy học và hình thức tổ chức giờ lên lớp của Thầy (cô) có điểm trung bình đạt 3.98; Sinh viên tỏ ra hài lòng về kiến thức, kỹ năng được trang bị về môn bơi vũ trang của Thầy (cô) có điểm trung bình đạt 4.66; Sinh viên tỏ ra hứng thú với môn học và trang bị được nhiều kỹ năng nghề nghiệp có điểm trung bình đạt 4.82 và Sinh viên nhận thấy được gia tăng đáng kể kiến thức, kỹ năng sau khi học môn bơi vũ trang đều được sinh viên đánh giá hài lòng có số điểm trung bình đạt từ 3.82 điểm.

Tóm lại thông qua thang đo Likert đánh giá mức độ hài lòng của đối tượng thụ hưởng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra do luận án xây dựng bước đầu cho thấy hiệu quả của chương trình thông qua các nội dung đánh giá như: Mục tiêu của chương trình môn học; Bản mô tả chương trình đào tạo; Cấu trúc và nội dung chương trình môn học; Phương pháp tiếp cận trong

dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của người học; Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy; Cơ sở vật chất và tài liệu học tập; Kết quả đầu ra tất cả các tiêu chí đều đạt ở mức độ từ Khá đến Rất tốt. Điều đó cho thấy sinh viên rất hài lòng về nội dung chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND, đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước.

3.3.4. Bàn luận về hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

3.3.4.1. Bàn luận về tổ chức thực nghiệm chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

Sau khi xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND, đề đưa vào thực nghiệm đạt hiệu quả cao, luận án tiến hành xây dựng hồ sơ giáo án bài giảng của chương trình chi tiết môn học tại (Phụ lục 13).

Với mục đích tạo thuận lợi cho các giảng viên khi tham gia giảng dạy chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra. Luận án đã căn cứ vào nội dung chương trình đã được xây dựng cho các bài, dựa vào điều kiện phương tiện dạy học và căn cứ vào thời lượng của mỗi giáo án, để xây dựng các giáo án mẫu, từ đó có thể tạo ra sự thống nhất trong cách truyền tải các nội dung chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra đến sinh viên. Về cách biên soạn giáo án cũng như nội dung và hình thức giáo án phải phù hợp với các qui định của 01 giáo án dạy học thực hành như các các môn TDTT, đồng thời nội dung giáo án đảm bảo tính khoa học và có thể làm khuôn mẫu cho các giáo án dạy học ở 03 giai đoạn hình thành kỹ năng vận động cho sinh viên khi học tập 02 môn thể thao điền kinh, bơi Éch thuộc nội dung GDTC.

Bàn luận về kết quả chọn mẫu thực nghiệm, để đảm bảo cho kết quả thực nghiệm có tính khách quan chính xác có độ tin cậy và sức thuyết phục cao thì khâu chọn mẫu thực nghiệm là hết sức quan trọng. Luận án lựa chọn ngẫu nhiên 02 lớp với số lượng 131 sinh viên của khóa D41 để tiến hành thực nghiệm: Lớp Quản lý trật tự an toàn xã hội trên đường thủy nội địa với tổng số 52 sinh viên

(Nam); Lớp Điều tra tội phạm về trật tự xã hội với tổng số 79 sinh viên trong đó có 11 sinh viên (Nữ) và 68 sinh viên (Nam).

Về phương pháp thực nghiệm: Luận án sử dụng phương pháp thực nghiệm tự đối chiếu để đánh giá hiệu quả chương trình chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra mà luận án đã xây dựng. Nếu như trong quá trình thực nghiệm, các công trình nghiên cứu khoa học trước đó đã tiến hành theo phương pháp so sánh song song giữa nhóm thực nghiệm (ứng dụng chương trình mới) và nhóm đối chứng (chương trình cũ) như: tác giả Trần Vũ Phương (2015), tác giả Mai Bích Ngọc (2017), tác giả Nguyễn Trường Giang (2019)... thì cũng có một số công trình nghiên cứu sử dụng phương pháp thực nghiệm tự đối chiếu (trình tự) như tác giả Nguyễn Cẩm Ninh (2012), tác giả Lê Trường Sơn Chấn Hải (2012), tác giả Đỗ Ngọc Cương (2016). Chương trình thực nghiệm theo hình thức tập luyện ngoại khóa, được thực hiện trong vòng 02 tháng với 08 tuần cho 20 buổi, thời gian mỗi buổi tập tương đương 02 tiết học tương đương 100 phút, đặc biệt trong quá trình thực nghiệm giáo viên thường xuyên nhắc nhở sinh viên chủ động tập luyện thêm những thời gian rảnh rỗi để thực hiện những kỹ năng bơi vũ trang thành thạo. Ngoài ra, trong quá trình tổ chức thực nghiệm, luận án cũng đã quan tâm tới các vấn đề về công tác kiểm tra - đánh giá kết quả thực nghiệm... đây là vấn đề chung thường được các tác giả quan tâm trong quá trình tổ chức thực nghiệm của mình để đảm bảo quá trình thực nghiệm thu được hiệu quả cao nhất [28],[33],[36],[60],[62],[66].

Để cho kết quả thực nghiệm đạt hiệu quả cao thì ngoài công tác tổ chức chuẩn bị cho thực nghiệm chương trình thì yếu tố chủ khách quan đến từ đối tượng nghiên cứu cũng rất quan trọng đó là Tính tích cực tự giác học tập (nhận thức) là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định chất lượng và hiệu quả học tập của người học. Chính vì vậy mà trong lý luận và phương pháp giáo dục thể chất các chuyên gia đã xếp nguyên tắc tự giác tích cực là nguyên tắc số 01 trong dạy học TDTT. Để có được tính tự giác tích cực thì trong quá trình tổ chức lên lớp giáo viên thường xuyên giáo dục về lý tưởng, động cơ mục đích cho người học trong quá trình sinh hoạt, học tập của sinh viên nhằm

trang bị cho sinh viên những kỹ năng, kỹ xảo đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp tương lai.

3.3.4.2. Đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân

Sau 02 tháng thực nghiệm theo quy trình đã xây dựng, luận án đã tiến hành đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND, thông qua công tác đánh giá trình độ thể lực của đối tượng thực nghiệm theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe và đánh giá hiệu quả chương trình thông qua kết quả học tập môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho thấy:

Một là, trong quá trình tập luyện các nội dung bơi vũ trang thì trình độ thể lực của sinh viên cũng được cải thiện đáng kể thông qua kết quả kiểm tra trình độ thể lực được thể hiện tại bảng 3.24 và bảng 3.27, cụ thể số lượng sinh viên không đạt tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe giảm từ 17 sinh viên chiếm tỉ lệ 12.97%, sau thời gian thực nghiệm xuống còn 05 sinh viên không đạt chiếm tỉ lệ 3.84%. Đặc biệt tỷ lệ sinh viên đạt tiêu chuẩn thể lực của đối tượng nghiên cứu sau thực nghiệm đã có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi so sánh kết quả đánh giá chung bằng χ^2 tính là 9.51 đối với Nữ và χ^2 tính 17.1 đối với Nam với ($P < 0.05$).

Hai là, các mặt năng lực nghiệp vụ mà sinh viên được trang bị qua các nội dung học tập của chương môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra, được đánh giá qua các test kiểm tra điều kiện và nội dung thi và kiểm tra kết thúc môn học với kết quả học tập đạt từ Trung bình khá trở lên với số điểm C (5,5 - 6,9). Như vậy có thể thấy rằng hiệu quả của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND là rất thực tiễn và ý nghĩa.

Đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND. Thông qua bộ tiêu chí đã lựa chọn được tại mục 3.1.4, luận án tiến hành đánh giá thẩm định chương trình qua hai nội dung: Đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ quản lý, giảng viên khi tham gia giảng dạy chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra; Đánh giá mức độ hài lòng

của đối tượng thực nghiệm khi tham gia học tập chương trình môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra. Việc lấy ý kiến của cán bộ quản lý và giảng viên tham giảng dạy chương trình và tiếp thu những ý kiến phản hồi từ người học là điều rất cần thiết giúp cho người xây dựng chương trình có thể điều chỉnh sao cho phù hợp với thực tiễn tại cơ sở đào tạo. Các công trình nghiên cứu đi trước của các tác giả như: Đỗ Ngọc Cương năm (2016), với đề tài “Nghiên cứu xây dựng chương trình Thể thao nâng cao cho sinh viên Đại học Thái Nguyên”, tác giả đã lấy ý kiến đánh giá về mức độ hài lòng của sinh viên tham gia học tập chương trình thể thao nâng cao, năm (2017) tác giả Mai Bích Ngọc với luận án tiến sĩ “Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do cho học sinh THCS Thành phố Hà Nội”, tác giả đã lấy ý kiến đánh giá của học sinh, và phụ huynh học sinh tham gia thực nghiệm chương trình về mức độ đáp ứng nhu cầu tập luyện ngoại khóa môn Karate-do cho học sinh THCS Thành phố Hà Nội, từ đó tác giả có những tiếp thu điều chỉnh về giáo án, hình thức tổ chức lên lớp và chú trọng giáo dục đạo đức cho học sinh. [28],[62].

Trở lại với kết quả đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang, cho thấy cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên đều hài lòng và rất hài lòng về chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND. Đối khối cán bộ quản lý và giảng viên trực tiếp giảng dạy thì trong 35 tiêu chí chỉ có duy nhất 01 tiêu chí đánh giá ở mức bình thường đó là (Cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo phục vụ triển khai môn học là phù hợp đáp ứng yêu cầu môn bơi vũ trang) còn lại có tới 34 tiêu chí được đánh giá ở mức độ hài lòng và rất hài lòng có điểm trung bình đạt từ 3.64 đến 4.59. Còn đối với khối sinh viên đối tượng trực tiếp thụ hưởng chương trình bơi vũ trang thì có 09 tiêu chí sinh viên đánh giá ở mức khá (bình thường), còn 29 tiêu chí được đánh giá rất cao ở mức hài lòng và rất hài lòng có điểm trung bình đạt từ 3.82 đến 4.82. Như vậy có thể thấy thông qua kết quả đánh giá thẩm định của cán bộ giảng viên và sinh viên tham gia học tập chương trình bơi vũ trang cho thấy sự hài lòng cao về chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra mà luận án đã xây dựng.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

A. Kết luận

Từ các kết quả nghiên cứu trên của luận án đi đến kết luận sau:

1. Kết quả đánh giá thực trạng điều kiện thực hiện chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra về cơ bản đã đảm bảo điều kiện thực hiện công tác giảng dạy môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra. Tuy nhiên để nâng cao chất lượng đào tạo thì Học viện CSND cần quan tâm đầu tư về chất lượng cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị chuyên dụng như súng, phao bơi... Đánh giá nội dung chương trình môn (bơi ếch) môn học tiên quyết, đã trang bị cho sinh viên những kỹ năng bơi ếch cơ bản làm nền tảng cho nội dung bơi vũ trang sau này; đối với môn bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang cơ bản đã trang bị cho người học những kỹ năng ứng dụng cao trong nghề nghiệp, tuy nhiên một số nội dung chưa phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất như: Bơi vượt sông bằng dây và Bơi tiếp cận mục tiêu bằng phao sáu múi chỉ được giới thiệu và thị phạm bằng động tác tại chỗ mà sinh viên không được thực hành vì không có sông ngòi để tập luyện. Luận án đã lựa chọn được 35 tiêu chí nhằm đánh giá thẩm định chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện CSND. Trên cơ sở bộ tiêu này luận án đánh giá chương trình bơi vũ trang dành cho sinh viên chuyên ngành Khoa cảnh sát vũ trang cho thấy, còn nhiều nội dung cần cải thiện để phù hợp với thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay đặc biệt là nội dung chương trình chưa phù hợp với cơ sở vật chất và đối tượng là sinh viên đại học hệ chính quy của Học viện CSND. Vì vậy chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra mà luận án xây dựng cần phù hợp với điều kiện thực tiễn của Học viện CSND.

2. Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên môi trường sông nước, sẵn sàng ứng cứu trong công tác phòng chống lũ lụt của lực lượng vũ trang. Kết hợp khảo sát sinh viên năm thứ 3, cựu sinh viên (là cán bộ đang công tác tại các đơn vị chiến đấu), cán bộ quản lý tại các đơn vị địa phương và cán bộ quản lý các phòng, khoa, ban của Học viện CSND cho thấy nhu cầu cần thiết phải trang bị cho sinh viên những kỹ năng như: Bơi đạt tốc độ nhanh nhất; Bơi ứng dụng của lực lượng vũ trang; Kỹ

năng tháo khóa dưới nước; Kỹ năng bơi diu nạn nhân dưới nước; Kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo; Kỹ năng tiếp cận cứu hộ lũ lụt và Kỹ năng phối hợp trong chiến đấu cho tất cả các sinh viên trong Học viện CSND nhằm nâng cao kỹ năng nghiệp vụ phục vụ tốt cho nghề nghiệp tương lai. Luận án đã lựa chọn được 31 tiêu chí thuộc 07 tiêu chuẩn làm căn cứ xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND. Trên cơ sở đó, luận án đã tiến hành xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND. Kết quả khảo sát tính khả thi của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra mà luận án xây dựng được các chuyên gia, nhà quản lý đánh giá ở mức rất cao có điểm trung bình đạt từ 4.26 trở lên tương ứng 85.12%, điều đó khẳng định chương trình bơi vũ trang mới luận án xây dựng sẽ đem lại hiệu quả cao trong quá trình ứng dụng.

3. Luận án ứng dụng và đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND trên các mặt: thứ nhất đánh giá trình độ thể lực của đối tượng thực nghiệm theo tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe cho thấy trước thực nghiệm số lượng sinh viên không đạt tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe là 17 sinh viên chiếm tỉ lệ 12.97%, sau thời gian thực nghiệm số sinh viên không đạt còn 05 người chiếm tỉ lệ 3.84%, kết quả sau thực nghiệm trình độ thể lực của sinh viên tăng lên đáng kể; Thứ hai đánh giá hiệu quả chương trình bơi vũ trang thông qua kết quả học tập cho thấy các tiêu chí kiểm tra điều kiện và kết thúc học phần đều đạt từ Trung bình khá trở lên với số điểm C (5,5 - 6,9) điều đó chứng tỏ sinh viên tham gia thực nghiệm chương trình đều tiếp thu tốt những kỹ năng, kỹ xảo phục vụ nghề nghiệp tương lai. Đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ quản lý, giảng viên khi tham gia giảng dạy chương trình môn bơi vũ trang và đối tượng thực nghiệm khi tham gia học tập chương trình môn bơi vũ trang cho thấy cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên đều hài lòng và rất hài lòng có điểm trung bình đạt từ 2.85 đến 4.82 ở mức độ Khá đến Rất tốt. Kết quả trên cho thấy chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra mà luận án xây dựng đã mang lại hiệu quả cao cho người học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện CSND.

B. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu trên luận án có các kiến nghị sau:

1. Kiến nghị với Học viện CSND cho phép chương trình bồi dưỡng quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND đã được xây dựng, ứng dụng giảng dạy cho toàn bộ sinh viên các khóa đại học chính quy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện CSND.

2. Các cơ sở đào tạo về ngành Công an nhân dân: có thể sử dụng kết quả nghiên cứu của luận án như một tài liệu tham khảo trong việc xây dựng các nội dung chuẩn đầu ra.

3. Kiến nghị với các nghiên cứu tiếp theo: Cần xây dựng thêm các chương trình quy định chuẩn đầu ra của các môn chuyên ngành khác của Học viện CSND.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Thị Thu Hằng, Nguyễn Mạnh Toàn (2019), “Lựa chọn tiêu chí làm căn cứ xây dựng chương trình bơi vũ trang cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân”, *Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao*, Hội thảo khoa học quốc tế, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

2. Trần Thị Thu Hằng, (2020), “Thực trạng công tác xây dựng chương trình bơi vũ trang trong các Trường đào tạo công an nhân dân”, *Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao*, Tạp chí số 3, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo tiếng Việt

1. Hà Mươi Anh (2015), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác huấn luyện bơi vũ trang cho sinh viên chuyên ngành cảnh sát vũ trang Học viện cảnh sát nhân dân*, đề tài cấp cơ sở Học viện cảnh sát nhân dân.
2. Hà Mươi Anh (2018), *Nghiên cứu ứng dụng bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật tấn công trong môn võ thuật Công an cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh, Hà Nội.
3. Vũ Thị Phương Anh (2006), *Kiểm tra đánh giá để phục vụ học tập: Xu hướng mới của thế giới và bài học cho Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Hồ Sĩ Anh (2013), *Tìm hiểu về kiểm tra đánh giá học sinh và đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực*, Tạp chí khoa học, Trường đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, (2011) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, (2016) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, (2013) *Nghị quyết số 29-NQ/TW khóa XI ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, (2018) *Nghị quyết đại hội XII của Đảng về bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Phạm Đình Bẩm (2003), *Quản lý chuyên ngành Thể dục thể thao*, tài liệu chuyên khảo dành cho hệ cao học và đại học TĐTT, Nxb TĐTT, Hà Nội.
13. Bộ công an (2010), *Hướng dẫn số 3613/X11- X14 ngày 02/6/2010 của Tổng cục III về xây dựng và công bố chuẩn đầu ra*, Bộ công an.

14. Bộ công an (2013), *Thông tư số 24/2013/TT-BCA ngày 11/4/2013 của Bộ trưởng Bộ công an, quy định tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng công an nhân dân*, Bộ công an.
15. Bộ công an (2014), *Nghị quyết số 17-NQ/ĐUCA, ngày 28-10-2014 của Đảng ủy Công an Trung ương về về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*, Bộ công an.
16. Bộ công an (2014), *Chỉ thị số 13/CT-BCA, ngày 28-10-2014 của Bộ Công an về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân*, Bộ công an.
17. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1997), *Chiến lược phát triển giáo dục đại học đến năm 2020*, Tài liệu hội thảo khoa học và đào tạo, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
18. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Tài liệu xây dựng bộ chương trình khung cho các ngành đào tạo Đại học và cao đẳng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
19. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
20. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo trình độ đại học*, Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010.
21. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011-2020, Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*, Ban hành kèm theo Quyết định số 1215/QĐ-BGDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
22. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW*, Ban hành kèm theo quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
23. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2014), *Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành tại quyết định số 17/2014/VBHN-BGD&ĐT ngày 15/5/2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.

24. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ*, theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
25. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Chương trình môn học giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*, theo Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
26. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*, theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
27. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
28. Đỗ Ngọc Cương (2016) “*Nghiên cứu xây dựng chương trình Thể thao nâng cao cho sinh viên Đại học Thái Nguyên*”, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
29. Phạm Cao Cường (2018), “*Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp*”, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
30. Đại học Quốc gia Hà Nội (2006), “*Hướng dẫn chuyển đổi chương trình đào tạo hiện hành phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ*” Tài liệu hướng dẫn dùng nội bộ, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
31. Đại học Quốc gia Hà Nội (2007), “*Hướng dẫn xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra*” Tài liệu hướng dẫn dùng nội bộ, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
32. Vũ Cao Đàm (2007), *Giáo trình phương pháp luận NCKH*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
33. Nguyễn Trường Giang (2019), “*Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông cho sinh viên Đại học khối các trường kỹ thuật Thành phố Thái Nguyên*”, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
34. Trần Hữu Hoan (2011), *Quản lý xây dựng và đánh giá chương trình môn học trình độ đại học trong học chế tín chỉ*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
35. Nguyễn Trọng Hải (2010), *Xây dựng nội dung chương trình giáo dục thể chất cho học sinh các trường dạy nghề Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.

36. Lê Trường Sơn Trần Hải (2012), *Đổi mới chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên các trường Đại học Sư phạm vùng Trung Bắc theo hướng bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức hoạt động thể dục thể thao trường học*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
37. Phạm Thanh Hải, Nguyễn Thị Hiền, Lê Trí Hùng (2002), *Giáo trình bơi lội dành cho sinh viên Cao đẳng Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
38. Nguyễn Thị Hạnh (2015), “*Phương pháp thiết kế chuẩn đầu ra môn học theo định hướng phát triển năng lực*”, Bài báo khoa học đăng trên tạp chí Khoa học Giáo dục, số 118.
39. Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng, (2000), *Y Học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
40. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên, (2003), *Sinh lý học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
41. Nguyễn Thanh Hùng (2017), *Xây dựng chương trình giáo dục thể chất học phần tự chọn, ngoại khóa cho sinh viên Đại học Quy Nhơn*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
42. Hiệp hội thể thao dưới nước (2006), *Luật bơi lội*, Nxb TDTT, Hà Nội.
43. Học viện Cảnh sát nhân dân (2009), *Đề án số 2457/ĐA-T32-QLĐT ngày 24/11/2009 của Học viện Cảnh sát nhân dân về chuẩn đầu ra đối với sinh viên Học viện CSND*.
44. Học viện Cảnh sát nhân dân (2014), *Ban hành Danh mục chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo đại học tại Học viện Cảnh sát nhân dân*, theo Quyết định số 418/QĐ-T32-QLĐT, ngày 26/03/2014.
45. Học viện Cảnh sát nhân dân (2016), *Ban hành danh mục chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện CSND*, theo Quyết định số 2477/QĐ-T32-QLĐT ngày 18 tháng 10 năm 2016, Hà Nội.
46. Học viện Cảnh sát nhân dân (2016), *Ban hành Quy định tổ chức thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học tại Học viện CSND*, theo Quyết định số 2478/QĐ-T32-QLĐT ngày 18 tháng 10 năm 2016, Hà Nội.
47. Học viện Cảnh sát nhân dân (2016), “*Tội phạm hoạt động trên lĩnh vực đường thủy nội địa hiện nay*” Tạp chí CSND, số 12/2016.
48. Học viện Cảnh sát nhân dân (2020), “*Nâng cao hiệu quả xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc phục vụ phòng, chống tội phạm trên các tuyến giao thông*” Tạp chí CSND, số 8/2020.

49. Học viện Cảnh sát nhân dân (2020), “*Đảng ủy học viện cảnh sát nhân dân lãnh đạo xây dựng phát triển học viện cảnh sát nhân dân trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, đạt chuẩn quốc gia*” Tạp chí CSND, số 8/2020
50. Trần Văn Hòe (2013), *Đào tạo và quản trị đào tạo theo chuẩn đầu ra của các trường đại học trên thế giới và Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục số 307.
51. Trần Hữu Hoan (2011) *Quản lý xây dựng và đánh giá chương trình môn học trình độ đại học trong học chế tín chỉ*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Đại học Quốc gia, Hà Nội.
52. Đỗ Thế Hưng (2015), *Dạy học theo tiếp cận CDIO trong đào tạo giáo viên kỹ thuật trình độ Đại học*, Luận án tiến sĩ.
53. Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển Giáo dục học*, Nxb Bách khoa, Hà Nội.
54. Đặng Xuân Khang và cộng sự (2018), *Đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện võ thuật trong các Trường công an nhân dân*, Đề tài khoa học cấp Bộ.
55. Kỷ yếu (2015), *Hội nghị Sơ kết 05 năm thực hiện chuẩn đầu ra*, tại Học viện Cảnh sát nhân dân.
56. Nguyễn Thị Hồng Lê (2016), *Quản lý dạy học môn tiếng anh đáp ứng chuẩn đầu ra cho sinh viên ngành hàng hải ở trường cao đẳng nghề VMU*, Đề tài luận văn Thạc sĩ.
57. Lê Văn Lắm, Phạm Quang Thành, (2008), *Giáo trình Thể dục thể thao trường học*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
58. Lê Văn Lắm, Nguyễn Xuân Sinh, Phạm Ngọc Viễn, Lưu Quang Hiệp (2012), *Giáo trình Phương pháp lý luận và nghiên cứu khoa học TĐTT*, Nxb TĐTT Hà Nội.
59. Lê Văn Long (2009), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác Giáo dục thể chất cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân*, Đề tài khoa học cấp cơ sở.
60. Nguyễn Cẩm Ninh (2012), *Nghiên cứu xây dựng nội dung giảng dạy cử nhân ngành quản lý thể dục thể thao*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TĐTT, Hà Nội.
61. Nguyễn Thành Nam (2016), *Quản lý dạy nghề theo tiếp cận chuẩn đầu ra ở Trung tâm đào tạo lái xe Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1*, Đề tài luận văn Thạc sĩ.
62. Mai Bích Ngọc (2017), “*Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate-do cho học sinh Trung học cơ sở thành phố Hà Nội*” Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

63. Lê Đức Ngọc (2000), *Xây dựng chương trình đào tạo và giảng dạy*, Đại học Quốc gia Hà Nội - Ban Đào tạo - Trung tâm đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu phát triển giáo dục, Hà Nội.
64. Nguyễn Thị Phú, *Hướng dẫn viết chuẩn đầu ra*, (nguồn: www.ceea.ier.edu.vn).
65. Phạm Thị Phú (2013), *Thiết lập thang đánh giá kỹ năng dạy bài tập của SV cuối khóa ngành cử nhân sư phạm Vật lý*, Kỉ yếu HNKH
66. Trần Vũ Phương (2015), “*nghiên cứu ứng dụng chương trình đổi mới đào tạo chuyên ngành GDTC trình độ cao đẳng ở Trường Cao đẳng Tuyên Quang*”, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
67. Hồ Tấn Nhựt, Đoàn Thị Minh Trinh (2010), *Cải cách và xây dựng CTĐT kĩ thuật theo phương pháp tiếp cận “CDIO”*, NXB ĐHQG TP Hồ Chí Minh.
68. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam (2007), *Luật giáo dục*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
69. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam (2012), *Luật giáo dục*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
70. Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Công an nhân dân*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
71. Nguyễn Xuân Sinh và cộng sự (2012), *Giáo trình Lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội
72. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lâm, Phạm Ngọc Viễn, Lưu Quang Hiệp (1999), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
73. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lâm, Phạm Ngọc Viễn, Lưu Quang Hiệp (2007), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
74. Nguyễn Văn Thành (2018), *Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện công tác giáo dục đào tạo trong công an, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới*, Tạp chí Công An nhân dân.
75. Thiều Thân Thế (2019), *Ứng dụng nhóm phương pháp dạy học các môn trong chương trình giáo dục thể chất ở Học viện An ninh nhân dân*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
76. Lâm Quang Thiệp (2001), *Đo lường và đánh giá trong giáo dục*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
77. Phan Văn Thịnh (2017), “*Giáo trình bồi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang*” Học viện CSND.

78. Thủ Tướng Chính Phủ (2010), *Điều lệ trường đại học*, ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
79. Thủ Tướng Chính Phủ (2014), *Chương trình hành động thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương khóa XI*, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ.
80. Đỗ Đình Tuấn (2016), *Tội phạm hoạt động trên lĩnh vực đường thủy nội địa hiện nay*, Chuyên đề an toàn giao thông số 12/2016.
81. Vũ Đức Thu, Nguyễn Xuân Sinh, Lưu Quang Hiệp, Trương Anh Tuấn, (1998), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
82. Phan Văn Thịnh và cộng sự (2017), *Giáo trình bơi ứng dụng của lực lượng cảnh sát vũ trang*, Khoa cảnh sát vũ trang, Học viện CSND.
83. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn, (2006), *Lý luận và phương pháp Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
84. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ, (2006), *Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất trong trường học*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
85. Nguyễn Văn Trạch và cộng sự (1999), *Giáo trình bơi lội*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
86. Nguyễn Xuân Trường và cộng sự (2019), *Giáo trình giáo dục thể chất*, Bộ môn Quân sự, Võ thuật và Thể dục thể thao, Học viện CSND.
87. Hoàng Thị Tuyết (2013), *Phát triển chương trình Đại học theo cách tiếp cận năng lực - xu thế và nhu cầu*, Tạp chí Phát triển và Hội nhập
88. Thái Duy Tuyên (1992), *Một số vấn đề hiện đại lý luận dạy học*, Viện KHGD, Hà Nội.
89. Trường Sĩ quan lục quân (2008), *Giáo trình huấn luyện bơi vũ trang* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
90. Nguyễn Đức Văn (2000), *Phương pháp thống kê trong Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
91. Ngô Xuân Viện (2015), *Bơi Thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
92. Phạm Ngọc Viễn (2007), *Giáo trình tâm lý học Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
93. Lê Văn Xem (2004), *Tâm lý học Thể dục thể thao*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
94. Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành (1997), *Từ điển Tiếng Việt thông dụng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
95. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

Một số trang Website:

96. Ajc.edu.vn/Nghien-cuu-khoa-hoc
97. <http://phongchongthientai.mard.gov.vn>
98. <http://www.hvcsnd.edu.vn/>
99. Vietnamnet.vn

Tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh

100. Driscoll, A. *Outcomes-based assessment for learner-centered education: A faculty introduction*. Sterling, VA: Stylus; 2007.
101. Edward F. Crawley, Johan Malmqvist, William A. Lucas, Doris R. Brodeur (2011), *The “CDIO” Syllabus v2.0: An Updated Statement of Goals for Engineering Education*, The 7th Intl. “C D I O” Conf., Copenhagen, Denmark

PHỤ LỤC

Phụ lục 01

BỘ CÔNG AN
HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN (Dành cho cán bộ giảng viên)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Học viện Cảnh sát nhân dân. Xin quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời những câu hỏi trong phiếu phỏng vấn dưới đây. Những thông tin quý Thầy (Cô) cung cấp sẽ là cơ sở giúp chúng tôi lựa chọn được những nội dung cần thiết để thực hiện chương trình bồi dưỡng quy định chuẩn đầu ra.

Xin Quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời những nội dung khảo sát dưới đây! (Đánh dấu ✓ vào ô tròn phù hợp).

Họ và tên Quý Thầy (Cô):.....

Trình độ chuyên môn:

Đơn vị công tác:

TT	Nội dung phỏng vấn nhu cầu trang bị kỹ năng	Rất cần thiết	Cần thiết	Phân vân	Không cần thiết	Rất Không cần thiết
1.	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy môn bồi dưỡng cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân					
2.	Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn bồi dưỡng cho sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân					
3.	Trình độ thể lực của sinh viên Học viện cảnh sát nhân dân					
4.	Môn học tiên quyết cho chương trình bồi dưỡng quy định chuẩn đầu ra (môn bồi dưỡng)					
5.	Môn bồi dưỡng dành cho sinh viên Khoa cảnh sát vũ trang Học viện cảnh sát nhân dân					

Trân trọng cảm ơn Thầy (Cô)!

Ngày ... tháng ... năm.....

Người được phỏng vấn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU PHỎNG VẤN
(Dành cho cán bộ quản lý, giảng viên)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Học viện Cảnh sát nhân dân. Xin quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời những câu hỏi trong phiếu phỏng vấn dưới đây. Những thông tin quý Thầy (Cô) cung cấp sẽ là cơ sở giúp chúng tôi lựa chọn được các tiêu chí chất lượng nhằm đánh giá thẩm định chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND

Xin Quý Thầy (Cô) vui lòng nghiên cứu kỹ những tiêu chí và cho biết ý kiến của mình cho các tiêu chí sau đây theo mức độ (Đánh dấu ✓ vào ô tròn phù hợp).
 Họ và tên Quý Thầy (Cô):.....
 Trình độ chuyên môn:
 Đơn vị công tác:

TT	Nội dung phỏng vấn	Ưu tiên 1	Ưu tiên 2	Ưu tiên 3	Ưu tiên 4	Ưu tiên 5
	<i>Mục tiêu của chương trình môn học</i>					
1.	Mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được xây dựng rõ ràng và đảm bảo tính khả thi					
	<i>Bản mô tả chương trình đào tạo</i>					
2.	Bản mô tả chương trình môn học đầy đủ thông tin					
3.	Đề cương chi tiết môn học đầy đủ thông tin					
4.	Bản mô tả chương trình môn học và đề cương các môn học được công bố công khai					
	<i>Cấu trúc và nội dung chương trình môn học</i>					
5.	Nội dung chương trình môn bồi vũ trang phù hợp với mục tiêu đã đề ra của môn học					
6.	Nội dung kiến thức, kỹ năng môn bồi vũ trang phù hợp với bậc đào tạo đại học					
7.	Các phần nội dung bồi vũ trang được sắp xếp theo trình tự hợp lý và đảm bảo tính logic					
8.	Các phần nội dung bồi vũ trang được sắp xếp đảm bảo tính gắn kết và cân đối					
9.	Phân bố các nội dung giảng dạy phù hợp với thời gian cho phép					
10.	Nội dung chương trình môn bồi vũ trang đảm bảo tính thực tiễn và khả năng ứng dụng cao					

TT	Nội dung phỏng vấn	Ưu tiên 1	Ưu tiên2	Ưu tiên3	Ưu tiên4	Ưu tiên5
11.	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức kỹ năng mới giúp sinh viên rèn luyện nâng cao kỹ năng nghề nghiệp					
	<i>Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</i>					
12.	Thầy (cô) đã dành giờ học đầu tiên để giới thiệu về bơi vũ trang, mục tiêu, nội dung, yêu cầu của môn học - hình thức dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học					
13.	Việc tổ chức giảng dạy Thầy (cô) có bám sát nội dung đã ghi trong chương trình môn bơi vũ trang					
14.	Thầy (cô) đã sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp và tổ chức các hoạt động khác nhau để truyền tải nội dung môn học					
15.	Thầy (cô) tổ chức môn học theo đúng quy định của chương trình môn bơi vũ trang					
16.	Phương pháp giảng của Thầy (cô) rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tập luyện nhóm, tự tin trong thực hiện kỹ thuật mới					
17.	Thầy (cô) đã tạo môi trường thuận lợi để sinh viên ôn luyện kỹ năng cũ tiếp thu kỹ thuật mới					
18.	Đánh giá chung chất lượng các giờ học, thực hành					
	<i>Đánh giá kết quả học tập của người học</i>					
19.	Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập là phù hợp với mục tiêu môn học, mục tiêu của từng nội dung trong môn bơi vũ trang					
20.	Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập khuyến khích sinh viên học tập, rèn luyện hiệu quả hơn					
21.	Số lượng, nội dung, các test kiểm tra của môn học là phù hợp với năng lực trình độ kỹ năng của sinh viên					
22.	Các bài tập, kiểm tra được Thầy (cô) nhận xét góp ý rõ ràng					
23.	Các nội dung, tiêu chí kiểm tra đánh giá được thông báo rõ ràng					
24.	Các bài kiểm tra, test tiêu biểu cho từng phần nội dung và nội dung môn bơi vũ trang					
25.	Sinh viên hài lòng về việc đánh giá kết quả học tập của môn bơi vũ trang					

TT	Nội dung phỏng vấn	Ưu tiên 1	Ưu tiên2	Ưu tiên3	Ưu tiên4	Ưu tiên5
26.	Thầy (cô) hài lòng về kết quả học tập môn học của sinh viên					
	<i>Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy</i>					
27.	Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn					
28.	Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định					
29.	Giảng viên nhiệt tình trong việc giảng dạy truyền tải nội dung môn học					
30.	Giảng viên luôn giao tiếp với thái độ lịch sự, tôn trọng và đảm bảo tính sư phạm					
31.	Thầy (cô) đã chuẩn bị bài rất kỹ trước khi lên lớp					
32.	Thầy (cô) luôn đáp ứng nhu cầu trong học tập của sinh viên, biết lắng nghe ý kiến của sinh viên					
33.	Thầy (cô) đã tạo mọi điều kiện cho sinh viên có cơ hội chủ động tiếp thu những kỹ năng mới trên lớp					
	<i>Cơ sở vật chất và tài liệu học tập</i>					
34.	Cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo phục vụ triển khai môn học là phù hợp đáp ứng yêu cầu môn bơi vũ trang					
35.	Tài liệu học tập môn bơi vũ trang được giới thiệu đầy đủ trước khi bắt đầu môn học					
36.	Tài liệu học tập môn bơi vũ trang đầy đủ được cập nhật thông tin mới, phù hợp với nội dung dạy học					
	<i>Kết quả đầu ra</i>					
37.	Sinh viên tỏ ra hài lòng về phương pháp dạy học và hình thức tổ chức giờ lên lớp của Thầy (cô)					
38.	Sinh viên tỏ ra hài lòng về kiến thức, kỹ năng được trang bị về môn bơi vũ trang của Thầy (cô)					
39.	Sinh viên tỏ ra hứng thú với môn học và trang bị được nhiều kỹ năng nghề nghiệp					
40.	Thầy (cô) nhận thấy sinh viên gia tăng đáng kể kiến thức, kỹ năng sau khi học môn bơi vũ trang					
41.	Thầy (cô) nhận thấy sinh viên gia tăng đáng kể trong hiểu biết nghề nghiệp tương lai					

Trân trọng cảm ơn Thầy (Cô)!

Ngày ... tháng ... năm.....

Người được phỏng vấn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU PHỎNG VẤN
(Dành cho cán bộ quản lý, giảng viên)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Học viện Cảnh sát nhân dân. Xin quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời những câu hỏi trong phiếu phỏng vấn dưới đây. Những thông tin quý Thầy (Cô) cung cấp sẽ là cơ sở giúp chúng tôi làm căn cứ xây dựng chương trình bồi vũ trang (chuẩn đầu ra) cho sinh viên Học viện CSND.

Xin Quý Thầy (Cô) vui lòng nghiên cứu nội dung phỏng vấn dưới đây và cho biết ý kiến của mình (Đánh dấu ✓ vào ô tròn phù hợp).

Họ và tên Quý Thầy (Cô):.....

Trình độ chuyên môn:

Đơn vị công tác:

TT	Nội dung phỏng vấn	Rất phù hợp	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp
1.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính phù hợp				
1.1	Chương trình phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và đặc thù Bộ công an				
1.2	Chương trình phù hợp với công tác nghiệp vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân				
1.3	Chương trình phù hợp với sinh viên trình độ đại học trong các Trường CSND				
1.4	Chương trình phù hợp với chuẩn đầu ra trong công tác đào tạo của Học viện CSND				
1.5	Nội dung chương trình phù hợp với điều kiện về thời gian, nguồn lực triển khai giảng dạy tại các Trường CSND				
1.6	Sự phù hợp giữa nội dung môn bồi vũ trang với các hình thức tổ chức triển khai thực hiện chương trình				
1.7	Sự phù hợp giữa nội dung, hình thức tổ chức giảng dạy với phương pháp kiểm tra đánh giá môn bồi vũ trang				
2.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính trình tự				
2.1	Trình tự các phần nội dung chương trình chi tiết môn bồi vũ trang đảm bảo theo cấu trúc nhất quán và phù hợp với đặc điểm công tác huấn luyện sinh viên				
2.2	Nội dung chương trình môn học bồi vũ trang theo trình tự logic từ đơn giản đến nâng cao				
2.3	Tiến trình nội dung môn học bồi vũ trang theo trình tự đơn giản đến phức tạp, từ cụ thể đến khái quát				

TT	Nội dung phỏng vấn	Rất phù hợp	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp
2.4	Nội dung chương trình môn học bơi vũ trang tích hợp các kỹ năng thực hành cần được đào tạo theo yêu cầu của nghiệp vụ đặc thù của lực lượng vũ trang				
2.5	Các hình thức tổ chức triển khai môn học bơi vũ trang (kỹ thuật căn bản, kỹ năng bơi thực dụng, kỹ năng hô hấp nhân tạo ...) phù hợp với sự bố trí các phần nội dung cần trang bị				
3.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính cân bằng, cân đối				
3.1	Cân bằng về nội dung môn bơi vũ trang với các môn chuẩn đầu ra khác về kỹ năng ứng dụng thực tiễn				
3.2	Cân bằng về thời lượng thời gian với môn giáo dục thể chất khóa khác về kỹ năng vận động				
3.3	Cân bằng về cấu trúc nội dung các kỹ năng bơi cơ bản, kỹ năng bơi thực dụng, kỹ năng phòng chống đuối nước trong môn bơi vũ trang				
3.4	Cân đối về tỷ lệ giữa nội dung lý thuyết và thực hành của môn bơi vũ trang				
3.5	Cân đối về bố trí thời lượng, thời gian cho các phần nội dung của môn bơi vũ trang				
3.6	Cân đối về hình thức tổ chức các hoạt động giảng dạy và tập luyện môn bơi vũ trang				
3.7	Cân bằng về mức độ hoàn thiện kỹ năng thực dụng và thể lực trong tập luyện môn bơi vũ trang				
4.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính gắn kết				
4.1	Sự gắn kết giữa môn bơi vũ trang với môn thực hành đã tập luyện trong chương trình đào tạo tại Học viện CSND				
4.2	Sự gắn kết, kế thừa giữa các học phần thực hành trước là cơ sở để dạy học nội dung môn bơi vũ trang				
4.3	Sự gắn kết giữa nội dung chương trình và hình thức tổ chức, phương pháp truyền tải chương trình				
4.4	Sự gắn kết giữa hình thức tổ chức, phương pháp thực thi chương trình và phương pháp kiểm tra - đánh giá				
5.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính cập nhật				
5.1	Cập nhật về mục tiêu của môn bơi vũ trang đáp ứng sự thay đổi của thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm				
5.2	Cập nhật về nội dung phù hợp với nhu cầu xã hội				
5.3	Cập nhật về hình thức tổ chức và phương pháp huấn luyện môn bơi vũ trang				
5.4	Cập nhật về hình thức tổ chức, phương pháp kiểm tra - đánh giá thể lực và kỹ năng nghiệp vụ trong môn bơi				

TT	Nội dung phỏng vấn	Rất phù hợp	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp
	vũ trang				
5.5	Cập nhật về nội dung môn học để phù hợp với mục tiêu, thực tiễn công tác đào tạo trong lực lượng vũ trang nhân dân				
5.6	Cập nhật về nguồn học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu tham khảo				
6.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính tích hợp				
6.1	Tích hợp các kỹ năng vận động dưới nước với những kỹ năng nghiệp vụ đặc thù trong chương trình môn học bơi vũ trang				
6.2	Tích hợp các nội dung chuẩn đầu ra phù hợp với môn bơi vũ trang trong thực hiện chương trình đào tạo tại Học viện CSND				
6.3	Tích hợp đào tạo kỹ năng vận động và các kỹ năng mềm, giáo dục kỹ năng sống				
6.4	Kết hợp hình thức tổ chức, phương pháp, kỹ thuật dạy học trong triển khai các nội dung môn học				
7.	Tiêu chuẩn: Đảm bảo Tính hiệu quả				
7.1	Nội dung môn bơi vũ trang đảm bảo được tính truyền thống, đặc trưng nghiệp vụ của lực lượng vũ trang nhân dân				
7.2	Nội dung, tính chất môn học đáp ứng được kỳ vọng của xã hội và của ngành lực lượng vũ trang nhân dân				
7.3	Nội dung môn học, các hoạt động triển khai môn học làm thoả mãn mong đợi của sinh viên Học viện CSND				
7.4	Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và rèn luyện trong môn bơi vũ trang dễ chuyển đổi, ứng dụng trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm				
7.5	Nội dung môn học bao hàm lượng kỹ năng đa dạng, có độ nén cao và mang tính tích hợp				
7.6	Chương trình môn bơi vũ trang được định kỳ tích hợp, cập nhật thông tin mới				

Trân trọng cảm ơn Thầy (Cô)!

Ngày ... tháng ... năm.....

Người được phỏng vấn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU PHỎNG VẤN
(Dành cho cán bộ quản lý, giảng viên)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Học viện Cảnh sát nhân dân. Xin quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời những câu hỏi trong phiếu phỏng vấn dưới đây. Những thông tin quý Thầy (Cô) cung cấp sẽ là cơ sở giúp chúng tôi khảo sát thực trạng công tác xây dựng chương trình bồi vũ trang trong các Trường đào tạo chiến sĩ công an nhân dân hiện nay.

Xin Quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời những nội dung khảo sát dưới đây! (Đánh dấu ✓ vào ô tròn phù hợp).

Họ và tên Quý Thầy (Cô):.....

Trình độ chuyên môn:

Đơn vị công tác:

TT	Nội dung khảo sát	Có	Không	Không biết
1.	Trường có xây dựng chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo của Nhà trường không?			
2.	Nhà trường đã xây dựng chương trình môn bồi vũ trang chưa?			
3.	Trường có ra quyết định thành lập ban xây dựng chương trình môn bồi vũ trang trên cơ sở đề xuất của Khoa/Bộ môn?			
3.1.	Trước khi xây dựng chương trình môn bồi vũ trang Nhà trường có triển khai khảo sát nhu cầu xã hội?			
3.2.	Trước khi xây dựng chương trình môn bồi vũ trang Nhà trường có triển khai khảo sát nhu cầu cựu sinh viên đã ra Trường công tác?			
3.3.	Trước khi xây dựng chương trình môn bồi vũ trang Nhà trường có triển khai khảo sát nhu cầu sinh viên?			
4.	Cán bộ tham gia xây dựng chương trình bồi vũ trang có được tập huấn về chuyên môn trước khi xây dựng?			
5.	Để xây dựng chương trình môn bồi vũ trang, nhóm biên soạn có tham khảo ý kiến của các giảng viên trực tiếp giảng dạy?			

TT	Nội dung khảo sát	Có	Không	Không biết
6.	Trong quá trình xây dựng chương trình môn bơi vũ trang, nhóm soạn thảo có tổ chức hội thảo lấy ý kiến về nội dung môn học, hình thức kiểm tra đánh giá, các vấn đề khác có liên quan đến môn bơi vũ trang?			
6.1.	Cấu trúc nội, dung chương trình môn học bơi vũ trang có thực hiện theo mẫu quy định của Nhà trường?			
6.2.	Chương trình môn bơi vũ trang có được thẩm định ở cấp Nhà trường?			
7.	Chương trình môn bơi vũ trang có được thẩm định ở cấp Khoa/Bộ môn trực thuộc?			
8.	Việc thẩm định, đánh giá chương trình môn bơi vũ trang có được dựa trên các tiêu chí đánh giá do Nhà trường xây dựng?			
9.	Thầy, cô giảng dạy môn bơi vũ trang có tuân thủ theo các nội dung chương trình?			

Trân trọng cảm ơn Thầy (Cô)!

Ngày ... tháng ... năm.....

Người được phỏng vấn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU PHỎNG VẤN
(Dành cho sinh viên)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Học viện Cảnh sát nhân dân. Với mong muốn ghi nhận ý kiến phản hồi từ phía người học, các Anh (chị) vui lòng trả lời những câu hỏi trong phiếu phỏng vấn dưới đây. Những thông tin của các Anh (chị) cung cấp sẽ là cơ sở giúp chúng tôi làm căn cứ xây dựng chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Các Anh (chị) vui lòng nghiên cứu nội dung phỏng vấn dưới đây và cho biết ý kiến của mình (Đánh dấu ✓ vào ô tròn phù hợp).

Họ và tên:

Lớp chuyên ngành:

Khóa học:

TT	Nội dung phỏng vấn nhu cầu trang bị kỹ năng	Rất cần thiết	Cần thiết	Phân vân	Không cần thiết	Rất Không cần thiết
1.	Mục đích, vai trò của chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra.					
2.	Chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra có cần thiết đào tạo cho tất cả các hệ đào tạo của Học viện CSND					
3.	Chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị kỹ năng bơi mang vác quân tư trang phục vụ chiến đấu.					
4.	Chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị kỹ năng chiến đấu thực dụng trong môi trường sông nước.					
5.	Chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị những kỹ năng sơ, cấp cứu nạn nhân bị tai nạn trong môi trường sông nước.					
6.	Mức độ cần thiết trang bị kỹ năng sẵn sàng chiến đấu trong phòng chống thiên tai, lũ lụt.					

2.	Nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra	Rất phù hợp	Phù hợp	Phân vân	Không phù hợp	Rất Không phù hợp
1.	Kỹ thuật bơi đạt tốc độ nhanh nhất					
2.	Bơi ứng dụng của lực lượng vũ trang					
3.	Kỹ năng tháo khóa dưới nước					
4.	Kỹ năng diu nạn nhân					
5.	Kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo					
6.	Kỹ năng tiếp cận cứu hộ lữ lượ					

Trân trọng cảm ơn!

Ngày ... tháng ... năm.....

Người được phỏng vấn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**PHIẾU PHỎNG VẤN
(Dành cho cựu sinh viên)**

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Học viện Cảnh sát nhân dân. Với mong muốn ghi nhận ý kiến phản hồi từ phía người học đã ra trường công tác tại các đơn vị, các Anh (chị) vui lòng trả lời những câu hỏi trong phiếu phỏng vấn dưới đây. Những thông tin của các Anh (chị) cung cấp sẽ là cơ sở giúp chúng tôi làm căn cứ xây dựng chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Các Anh (chị) vui lòng nghiên cứu nội dung phỏng vấn dưới đây và cho biết ý kiến của mình (Đánh dấu ✓ vào ô tròn phù hợp).

Họ và tên:

Đơn vị công tác:

Thâm niên công tác:

TT	Nội dung phỏng vấn nhu cầu cần trang bị kỹ năng	Rất cần thiết	Cần thiết	Phân vân	Không cần thiết	Rất Không cần thiết
1.	Mục đích, vai trò của chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra.					
2.	Chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra có cần thiết đào tạo cho tất cả các hệ đào tạo của Học viện CSND					
3.	Chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị kỹ năng bồi mang vác quân tư trang phục vụ chiến đấu.					
4.	Chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị kỹ năng chiến đấu thực dụng trong môi trường sông nước.					
5.	Chương trình bồi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị những kỹ năng sơ, cấp cứu nạn nhân bị tai nạn trong môi trường sông nước.					
6.	Mức độ cần thiết trang bị kỹ năng sẵn sàng chiến đấu trong phòng chống thiên tai, lũ lụt.					

2.	Nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra	Rất phù hợp	Phù hợp	Phân vân	Không phù hợp	Rất Không phù hợp
1.	Kỹ thuật bơi đạt tốc độ nhanh nhất					
2.	Bơi ứng dụng của lực lượng vũ trang					
3.	Kỹ năng tháo khóa dưới nước					
4.	Kỹ năng diu nạn nhân					
5.	Kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo					
6.	Kỹ năng tiếp cận cứu hộ lũ lụt					

Trân trọng cảm ơn!

Ngày ... tháng ... năm.....

Người được phỏng vấn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU PHỎNG VẤN
(Dành cho cán bộ quản lý, giảng viên)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Học viện Cảnh sát nhân dân. Xin quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời những câu hỏi trong phiếu phỏng vấn dưới đây. Những thông tin quý Thầy (Cô) cung cấp sẽ là cơ sở giúp chúng tôi làm căn cứ xây dựng chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Xin Quý Thầy (Cô) vui lòng nghiên cứu nội dung phỏng vấn dưới đây và cho biết ý kiến của mình (Đánh dấu ✓ vào ô tròn phù hợp).

Họ và tên Quý Thầy (Cô):.....

Trình độ chuyên môn:

Đơn vị công tác:

TT	Nội dung phỏng vấn nhu cầu cần trang bị kỹ năng	Rất cần thiết	Cần thiết	Phân vân	Không cần thiết	Rất Không cần thiết
1.	Mục đích, vai trò của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra.					
2.	Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra có cần thiết đào tạo cho tất cả các hệ đào tạo của Học viện CSND					
3.	Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị kỹ năng bơi mang vác quân tư trang phục vụ chiến đấu.					
4.	Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị kỹ năng chiến đấu thực dụng trong môi trường sông nước.					
5.	Chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cần trang bị những kỹ năng sơ, cấp cứu nạn nhân bị tai nạn trong môi trường sông nước.					
6.	Mức độ cần thiết trang bị kỹ năng sẵn sàng chiến đấu trong phòng chống thiên tai, lũ lụt.					

2.	Nội dung chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra	Rất phù hợp	Phù hợp	Phân vân	Không phù hợp	Rất Không phù hợp
1.	Kỹ thuật bơi đạt tốc độ nhanh nhất					
2.	Bơi ứng dụng của lực lượng vũ trang					
3.	Kỹ năng tháo khóa dưới nước					
4.	Kỹ năng diu nạn nhân					
5.	Kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo					
6.	Kỹ năng tiếp cận cứu hộ lữ lượ					
7.	Kỹ thuật bơi đạt tốc độ nhanh nhất					

Trân trọng cảm ơn Thầy (Cô)!

Ngày ... tháng ... năm.....

Người được phỏng vấn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho cán bộ quản lý, giảng viên)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Học viện Cảnh sát nhân dân. Xin quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời những câu hỏi trong phiếu phỏng vấn dưới đây. Những thông tin quý Thầy (Cô) cung cấp sẽ là cơ sở giúp chúng tôi làm căn cứ lựa chọn nội dung giảng dạy chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Xin Quý Thầy (Cô) vui lòng nghiên cứu nội dung phỏng vấn dưới đây và cho biết ý kiến của mình (Đánh dấu ✓ vào ô tròn phù hợp).

Họ và tên Quý Thầy (Cô):.....

Trình độ chuyên môn:

Đơn vị công tác:

TT	Nội dung phỏng vấn		Ưu tiên1	Ưu tiên2	Ưu tiên3	Ưu tiên4	Ưu tiên5
1.	Kỹ thuật bơi đạt tốc độ nhanh nhất	Bơi trườn sấp					
2.		Bơi trườn ngửa					
3.		Bơi bướm					
4.	Bơi vũ trang	Bơi mang theo súng sau lưng và trang bị nhẹ					
5.		Bơi bao gói					
6.		Bơi bí mật					
7.		Bơi vượt sông bằng dây					
8.		Bơi tiếp cận mục tiêu bằng phao sáu múi					
9.	Phương pháp cứu đuối	Kỹ năng diu nạn nhân dưới nước					
10.		Kỹ năng tháo khóa dưới nước					
11.		Kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo					
12.		Phương pháp cứu đuối trong một số tình huống cụ thể					
13.		Hoạt động tìm người bị chết đuối					

Trân trọng cảm ơn Thầy (Cô)!

Ngày ... tháng ... năm.....

Người được phỏng vấn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU PHỎNG VẤN
(Dành cho cán bộ quản lý, giảng viên)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Học viện Cảnh sát nhân dân. Xin quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời những câu hỏi trong phiếu phỏng vấn dưới đây. Những thông tin quý Thầy (Cô) cung cấp sẽ là cơ sở giúp chúng tôi lựa chọn phân phối được nội dung giảng dạy chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Xin Quý Thầy (Cô) vui lòng nghiên cứu nội dung phỏng vấn dưới đây và cho biết ý kiến của mình (Đánh dấu ✓ vào ô tròn phù hợp).

Họ và tên Quý Thầy (Cô):.....

Trình độ chuyên môn:

Đơn vị công tác:

TT	Nội dung	Số tiết	Đặc điểm	Kết quả	
				Đồng ý	Không đồng ý
I.	Chương trình Lý thuyết (3 tiết):				
	Phân tích kỹ thuật bơi trườn sấp	01	100p /2 tiết/1 buổi		
	Phân tích kỹ thuật bơi bao gói	01			
	Phương pháp cứu đuối	01			
II.	Thực hành (34 tiết):				
1.	Kỹ thuật bơi trườn sấp	Kỹ thuật động tác chân trong bơi trườn sấp	18	100p /2 tiết/1 buổi	
2.		Kỹ thuật động tác tay, tay phối hợp thở trong bơi trườn sấp		100p /2 tiết/1 buổi	
3.		Kỹ thuật phối hợp hoàn chỉnh động tác		100p /2 tiết/1 buổi	

TT	Nội dung	Số tiết	Đặc điểm	Kết quả					
				Đồng ý	Không đồng ý				
1.	Cách bao gói phao ni lông	06	100p /2 tiết/1buổi						
2.						Cách bơi có phao ni lông	100p /2 tiết/1buổi		
1.	Kỹ năng diu nạn nhân dưới nước	10	100p /2 tiết/1buổi						
2.						Kỹ năng tháo khóa dưới nước	100p /2 tiết/1buổi		
3.						Kỹ năng sơ cứu hô hấp nhân tạo	100p /2 tiết/1buổi		
III.		Nội dung thi và kiểm tra (3 tiết):							
1.	Kiểm tra điều kiện: Điều kiện 1. Bơi tự do Điều kiện 2: Bơi bao gói Điều kiện 3: Phương pháp cứu đuối	03	01 nội dung 1 tiết						
2.	Thi kết thúc học phần: Nội dung bắt buộc: Bơi tự do Nội dung tự chọn: Chọn 1 trong 2 nội dung bơi bao gói hoặc phương pháp cứu đuối	Theo lịch của phòng Đào tạo							

Trân trọng cảm ơn Thầy (Cô)!

Ngày ... tháng ... năm.....
Người được phỏng vấn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU PHỎNG VẤN
(Dành cho cán bộ quản lý, giảng viên)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Học viện Cảnh sát nhân dân. Xin quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời những câu hỏi trong phiếu phỏng vấn dưới đây. Những thông tin quý Thầy (Cô) cung cấp sẽ là cơ sở giúp chúng tôi lựa chọn tiêu chí kiểm tra điều kiện môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Xin Quý Thầy (Cô) vui lòng nghiên cứu nội dung phỏng vấn dưới đây và cho biết ý kiến của mình (Đánh dấu ✓ vào ô tròn phù hợp).

Họ và tên Quý Thầy (Cô):.....

Trình độ chuyên môn:

Đơn vị công tác:

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả		
		Đồng ý	Không đồng ý	
I.	Nội dung 1: Bơi tự do (tính thành tích)			
1.	Nam: Bơi tự do 35m	Thành tích bơi < 24'': 10 điểm;		
2.		Từ 24'' - 27'': 9 điểm		
3.		Từ 28'' - 31'': 8 điểm		
4.		Từ 32'' - 35'': 7 điểm		
5.		Từ 36'' - 39'': 6 điểm		
6.		Từ 40'' - 43'': 5 điểm		
7.		Từ 44'' - 47'': 4 điểm		
8.		Từ 48'' - 51'': 3 điểm		
9.		Từ 52'' - 55'': 2 điểm		
10.		Từ 56'' - 59'': 1 điểm		
11.		Thành tích bơi > 59'': 0 điểm		

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả		
		Đồng ý	Không đồng ý	
1.	Nữ: Bơi tự do 25m	Thành tích bơi < 25'': 10 điểm;		
2.		Từ 25'' - 28'': 9 điểm		
3.		Từ 29'' - 32'': 8 điểm		
4.		Từ 33'' - 36'': 7 điểm		
5.		Từ 37'' - 40'': 6 điểm		
6.		Từ 41'' - 44'': 5 điểm		
7.		Từ 45'' - 48'': 4 điểm		
8.		Từ 49'' - 52'': 3 điểm		
9.		Từ 53'' - 56'': 2 điểm		
10.		Từ 57'' - 60'': 1 điểm		
11.		Thành tích bơi > 60'': 0 điểm		
II. Nội dung 2: bơi bao gói				
1.	Điểm kỹ thuật (tính cho cả nam và nữ): 06 điểm	Kỹ thuật bao gói (2 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 2 điểm; khá: 1,5 điểm; trung bình: 1 điểm; yếu: 0,5 điểm; sai: 0 điểm).		
2.		Kỹ thuật bơi động tác tay, chân (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).		
3.		Giữ súng ổn định (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).		
4.		Đảm bảo tính bí mật khi tiếp cận mục tiêu (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).		
5.		Lướt nước (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).		
Đối với Nam bơi cự ly: 35m				
1.	Điểm cự ly bơi: 04 điểm	Cự ly bơi > 35m: 4 điểm		
2.		35m - 26m: 3 điểm		
3.		26m - 15m: 2 điểm		
4.		Cự ly bơi < 15m: 1 điểm		
Đối với Nữ bơi cự ly: 25m				
1.	Điểm cự ly bơi: 04 điểm	Cự ly bơi > 25m: 4 điểm		
2.		25m - 21m: 3 điểm		
3.		20 m - 15m: 2 điểm		
4.		Cự ly bơi < 15m: 1 điểm		

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả	
		Đồng ý	Không đồng ý
Nội dung 3: Phương pháp cứu đuối			
1.	Điểm kỹ thuật (tính cho cả nam và nữ): 06 điểm Kỹ thuật tiếp cận nạn nhân (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).		
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
Đối với Nam bơi cự ly: 20m			
1.	Cự ly bơi > 20m: 4 điểm		
2.	20m - 15m: 3 điểm		
3.	14m - 10m: 2 điểm		
4.	Cự ly bơi < 10m: 1 điểm		
Đối với Nữ bơi cự ly: 15m			
1.	Cự ly bơi > 15m: 4 điểm		
2.	15m - 10m: 3 điểm		
3.	09m - 5m: 2 điểm		
4.	Cự ly bơi < 5m: 1 điểm		

Trân trọng cảm ơn Thầy (Cô)!

Ngày ... tháng ... năm.....

Người được phỏng vấn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU PHÒNG VẤN
(Dành cho cán bộ quản lý, giảng viên)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Học viện Cảnh sát nhân dân. Xin quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời những câu hỏi trong phiếu phỏng vấn dưới đây. Những thông tin quý Thầy (Cô) cung cấp sẽ là cơ sở giúp chúng tôi lựa chọn tiêu chí kiểm tra kết thúc môn bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Xin Quý Thầy (Cô) vui lòng nghiên cứu nội dung phỏng vấn dưới đây và cho biết ý kiến của mình (Đánh dấu ✓ vào ô tròn phù hợp).

Họ và tên Quý Thầy (Cô):.....

Trình độ chuyên môn:

Đơn vị công tác:

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả		
		Đồng ý	Không đồng ý	
I.	Nội dung 1: Bơi tự do (tính thành tích)			
1.	Nam: Bơi tự do 50m	Thành tích bơi < 32'': 10 điểm;		
2.		Từ 33'' - 41'': 9 điểm		
3.		Từ 42'' - 46'': 8 điểm		
4.		Từ 47'' - 51'': 7 điểm		
5.		Từ 52'' - 56'': 6 điểm		
6.		Từ 57'' - 1'01'': 5 điểm		
7.		Từ 1'02'' - 1'06'': 4 điểm		
8.		Từ 1'07'' - 1'11'': 3 điểm		
9.		Từ 1'12'' - 1'16'': 2 điểm		
10.		Từ 1'17'' - 1'21'': 1 điểm		
11.		Thành tích bơi > 1'21'': 0 điểm		

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả	
		Đồng ý	Không đồng ý
1.	Nữ: Bơi tự do 35m	Thành tích bơi < 35'': 10 điểm;	
2.		Từ 35'' - 38'': 9 điểm	
3.		Từ 39'' - 42'': 8 điểm	
4.		Từ 43'' - 46'': 7 điểm	
5.		Từ 47'' - 50'': 6 điểm	
6.		Từ 51'' - 54'': 5 điểm	
7.		Từ 55'' - 58'': 4 điểm	
8.		Từ 59'' - 1'02'': 3 điểm	
9.		Từ 1'03'' - 1'06'': 2 điểm	
10.		Từ 1'07'' - 1'10'': 1 điểm	
11.		Thành tích bơi > 1'10'': 0 điểm	
II	Nội dung 2: Chọn 1 trong 2 nội dung bơi bao gói hoặc phương pháp cứu đuối		
	Nội dung 1: Bơi bao gói		
1.	Điểm kỹ thuật (tính cho cả nam và nữ): 06 điểm	Kỹ thuật bao gói (2 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 2 điểm; khá: 1,5 điểm; trung bình: 1 điểm; yếu: 0,5 điểm; sai: 0 điểm).	
2.		Kỹ thuật bơi động tác tay, chân (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	
3.		Giữ súng ổn định (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	
4.		Đảm bảo tính bí mật khi tiếp cận mục tiêu (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	
5.		Lướt nước (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).	
	Điểm cự ly bơi: 04 điểm	<i>Đối với Nam cự ly 50</i>	
1.		Cự ly bơi > 49m: 4 điểm	
2.		49m - 35m: 3 điểm	
3.		34m - 20m: 2 điểm	
4.		Cự ly bơi < 20m: 1 điểm	
		<i>Đối với Nữ cự ly 35</i>	
1.	Cự ly bơi > 35m: 4 điểm		
2.	35m - 25m: 3 điểm		

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả		
		Đồng ý	Không đồng ý	
3.	24m - 15m: 2 điểm			
4.	Cự ly bơi < 15m: 1 điểm			
1.	Điểm kỹ thuật (tính cho cả nam và nữ): 06 điểm Kỹ thuật tiếp cận nạn nhân (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).			
2.		Kỹ thuật bơi dùi (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).		
3.		Lướt nước (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).		
4.		Kỹ thuật khai thông đường thở (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).		
5.		Kỹ thuật hà hơi thổi ngạt, ép tim ngoài lồng ngực (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).		
6.		Hiệu quả chung động tác (1 điểm) đánh giá 5 mức: Tốt: 1 điểm; khá: 0,75 điểm; trung bình: 0,5 điểm; yếu: 0,25 điểm; sai: 0 điểm).		
	Đối với Nam cự ly 25			
1.	Cự ly bơi > 25m: 4 điểm			
2.	25m - 20m: 3 điểm			
3.	19m - 15m: 2 điểm			
4.	Cự ly bơi < 15m: 1 điểm			
	Đối với Nữ bơi cự ly: 20m			
1.	Cự ly bơi > 20m: 4 điểm			
2.	20m - 15m: 3 điểm			
3.	14m - 10m: 2 điểm			
4.	Cự ly bơi < 10m: 1 điểm			

Trân trọng cảm ơn Thầy (Cô)!

Ngày ... tháng ... năm.....

Người được phỏng vấn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU PHỎNG VẤN
(Dành cho cán bộ quản lý, giảng viên)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Học viện Cảnh sát nhân dân. Xin quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời những câu hỏi trong phiếu phỏng vấn dưới đây. Những thông tin quý Thầy (Cô) cung cấp sẽ là cơ sở giúp chúng tôi khảo sát được tính khả thi của chương trình bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cho sinh viên Học viện CSND.

Xin Quý Thầy (Cô) vui lòng nghiên cứu nội dung phỏng vấn dưới đây và cho biết ý kiến của mình (Đánh dấu ✓ vào ô tròn phù hợp).

Họ và tên Quý Thầy (Cô):.....

Trình độ chuyên môn:

Đơn vị công tác:

TT	Nội dung khảo sát	Kết quả				
		Rất khả thi	Khả thi	Bình thường	Không khả thi	Rất Không khả thi
1.	Thông tin chung về môn học					
	Tên môn học, mã môn học					
	Thời lượng (số tín chỉ)					
	Loại môn học (bắt buộc, tự chọn)					
	Vị trí môn học (môn học tiên quyết, môn học kế tiếp)					
	Yêu cầu đối với môn học (chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ ...)					
	Phân bổ thời gian (lý thuyết, thực hành, tự học, kiểm tra đánh giá)					
2.	Thông tin về giảng viên môn học					
	Giảng viên phụ trách môn học					
	Giảng viên trợ giảng					
	Thông tin chi tiết về giảng viên môn học (họ tên, chức danh, học vị, điện thoại, email ...)					
3.	Nội dung môn học					
	Tóm tắt nội dung môn học (giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về môn học)					
	Nội dung chi tiết môn học (giúp sinh viên biết mình phải học cái gì) chi tiết đến từng Phần/Chương, Mục và tiêu mục					

TT	Nội dung khảo sát	Kết quả				
		Rất khả thi	Khả thi	Bình thường	Không khả thi	Rất Không khả thi
4.	Mục tiêu của môn học					
	Mục tiêu chung của môn học					
	Mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ					
	Mục tiêu theo bậc (<i>bậc 1, bậc 2, bậc 3</i>) của từng phần nội dung trong môn học					
5.	Tài liệu học tập (chỉ rõ tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo)					
6.	Hình thức tổ chức giảng dạy					
	Lịch trình chung cho việc tổ chức dạy học (<i>hình thức tổ chức dạy học, số giờ của từng hình thức cho từng nội dung trong môn học</i>)					
	Lịch trình chi tiết cho từng nội dung dạy học (<i>cung cấp thông tin chi tiết từng nội dung dạy học về thời gian, nội dung dạy, hình thức dạy và số giờ dạy, giờ tự học...</i>) và hình thức, thời gian kiểm tra đánh giá từng nội dung					
7.	Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học					
	Yêu cầu, loại hình kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học					
	Mục đích, tính chất của nội dung bài kiểm tra, bài thi					
	Tiêu chí đánh giá của từng loại bài kiểm tra, thi					
	Thời gian tổ chức các bài kiểm tra đánh giá					
	Trọng số (%) của từng bài kiểm tra, thi, cách tổng hợp điểm đánh giá môn học					
8.	Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên					
	Chuyên cần					
	Ý thức tham gia học tập trên lớp					
	Tự học, tự nghiên cứu					
	Về kiểm tra đánh giá môn học					
	Quy định về bài tập, bài kiểm tra (<i>hình thức, nội dung ...</i>)					
9.	Đánh giá chung về chương trình môn học					
10.	Mức độ thích hợp với đối tượng sinh viên Học viện CSND					

Trân trọng cảm ơn Thầy (Cô)!

Ngày ... tháng ... năm.....

Người được phỏng vấn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Hà Nội, ngày tháng năm

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Môn học : Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra

Số tiết : 40 tiết

Dùng cho hệ : Đào tạo chính quy

Chuyên ngành : Tất cả các chuyên ngành

STT	Tên bài	Số tiết	Phân chia theo từng bài			
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Tự học
1.	Kỹ thuật bơi trườn sấp	20	01	18	01	
2.	Kỹ thuật bơi bao gói	08	01	06	01	
3.	Phương pháp cứu đuối	12	01	10	01	
TỔNG SỐ		40	03	34	03	60

Hà Nội, ngày tháng năm

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học : Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra
- Số tiết : 40 tiết
- Môn học : Bắt buộc
- Môn học tiên quyết: Bơi ếch
- Phân phối thời gian:
 - + Tổng số tiết : 40 tiết
 - + Phân bổ thời gian : - Lý thuyết: 03 tiết
 - Thực hành: 34 tiết
 - Kiểm tra: 03 tiết
- Tự học: 60 tiết
- Địa chỉ: Khoa Quân sự, võ thuật, TDTT - Học viện Cảnh sát nhân dân.

2. Thông tin về giảng viên môn học

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Đơn vị công tác	Điện thoại
1	Nguyễn Xuân Trường	Tiến sĩ	Khoa QSVT-TDĐT	0912.353.889
2	Phan Đức Thắng	Tiến sĩ	Khoa QSVT-TDĐT	093.567.2222
3	Trần Thị Thu Hằng	Thạc sĩ	Khoa QSVT-TDĐT	038.522.0000
4	Vũ Đông Giang	Thạc sĩ	Khoa QSVT-TDĐT	0902.923.455
5	Đoàn Trọng Tiến	Thạc sĩ	Khoa QSVT-TDĐT	0988.677.896
6	Dương Ngọc Anh	Cử nhân	Khoa QSVT-TDĐT	0984.351.097
7	Nguyễn Chí Cường	Cử nhân	Khoa QSVT-TDĐT	097.465.4643
8	Trần Thị Thủy	Cử nhân	Khoa QSVT-TDĐT	097.823.5811
9	Hà Mười Anh	Tiến sĩ	Khoa Cảnh sát vũ trang	0912112918
10	Trần Quang Hà	Tiến sĩ	Khoa Cảnh sát vũ trang	0935955678
11	Đoàn Minh Thái	Thạc sĩ	Khoa Cảnh sát vũ trang	0982668986
12	Hà Tiến Dũng	Cử nhân	Khoa Cảnh sát vũ trang	0976996466

3. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra là nội dung nâng cao trong chương trình giảng dạy môn bơi và môn bơi vũ trang của Học viện CSND, nhằm giúp cho sinh viên nắm được vị trí, tính chất môn học, yêu cầu tập luyện và nguyên tắc tập luyện, sử dụng các nội dung về kỹ thuật bơi trườn sấp, bơi bao gói và phương pháp cứu đuối để áp dụng vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và cứu nạn, cứu hộ.

4. Mục tiêu chung của môn học

Mục tiêu chung:

Chương trình môn học bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra cung cấp cho sinh viên những kỹ thuật bơi đạt tốc độ nhanh nhất, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động dưới nước, kỹ năng vừa bơi vừa sẵn sàng chiến đấu, kỹ năng trong công tác cứu đuối. Phát triển thể lực và các tố chất vận động, đồng thời phát triển nhân cách, đạo đức, rèn luyện tính kiên trì, tinh thần kỷ luật, khả năng chịu khó, chịu khổ đảm bảo yêu cầu trong công tác cũng như trong cuộc sống đặt ra.

Mục tiêu cụ thể:

Sau khi học xong chương trình môn học bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra sinh viên có khả năng:

Về kiến thức: Trang bị, huấn luyện cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về mặt lý thuyết và thực hành kỹ thuật bơi trườn sấp; kỹ thuật bơi bao gói; phương pháp cứu đuối và kỹ năng sơ cấp cứu người khi bị đuối nước, các phương pháp tập luyện nâng cao nhằm nâng cao thể lực, phát triển các tố chất như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khéo léo và khả năng phối hợp vận động.

Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên kỹ năng bơi trườn sấp, kỹ năng bơi bao gói vừa bơi vừa sẵn sàng chiến đấu, kỹ năng cứu đuối và sơ cấp cứu người khi bị đuối nước. Rèn luyện sinh viên về thể chất, sức khỏe, tính kỷ luật, có bản lĩnh chiến đấu dũng cảm, mưu trí, tác phong nhanh nhẹn, linh hoạt trong thực tiễn công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

Về thái độ: Môn học bơi vũ trang là hoạt động thực hành, cần được tổ chức chặt chẽ và đảm bảo các chế độ tập luyện, sinh viên phải được làm quen với những hoạt động vận động cao, khả năng gắng sức tối đa; Giáo dục cho sinh viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, say mê học tập, chấp hành kỷ luật, khắc phục khó khăn, mệt mỏi, đảm bảo an toàn trong tập luyện.

5. Tài liệu học tập

Mục đích ý nghĩa: Mục này chỉ rõ các tài liệu bắt buộc, tham khảo bắt buộc và tham khảo tùy ý ứng với các nội dung của môn học. Đặc biệt tài liệu bắt buộc phải nghiên cứu mới có thể hoàn thành được môn học giúp sinh viên chuẩn bị và định hướng cho việc học và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tự học.

Giáo trình chính:

Giáo trình Giáo dục thể chất, Học viện CSND, 2019.

Giáo trình bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang năm 2017.

Tài liệu tham khảo bắt buộc:

Giáo trình bơi thể thao - Đại học TDTT BN - NXB TDTT - 2015

Phương pháp huấn luyện giảng dạy kỹ thuật bơi ếch và bơi trườn sấp - Học viện CSND năm 2011.

Hỏi đáp về luật thi đấu các môn thể thao - Học viện CSND - 2003.

Kỹ thuật và phương pháp tập luyện một số môn thể thao tự chọn - Học viện CSND - năm 2013.

6. Nội dung chi tiết môn học

Mục đích ý nghĩa: Phần này cụ thể hóa, chi tiết hóa toàn bộ nội dung môn học, giúp người dạy biết cần dạy gì và người học được trang bị những kiến thức kỹ năng gì trong môn học này.

Bài 1. Kỹ thuật bơi trườn sấp (20 tiết)

Phần I. Nhận thức chung về bơi trườn sấp (trang bị những nội dung)

Khái niệm bơi trườn sấp

Sơ lược lịch sử phát triển

Các môi trường nước và dụng cụ

Phần II. Kỹ thuật bơi trườn sấp (trang bị những nội dung)

Tư thế thân người

Kỹ thuật động tác chân trong bơi trườn sấp

Kỹ thuật động tác tay, tay phối hợp thở trong bơi trườn sấp

Kỹ thuật phối hợp hoàn chỉnh động tác

Phần III. Hướng dẫn tập luyện (trang bị những kỹ năng)

Các bài tập thực hành kỹ thuật động tác chân

Các bài tập thực hành kỹ thuật động tác tay, tay phối hợp thở

Các bài tập thực hành hoàn chỉnh động tác

Bài 2. Kỹ thuật bơi bao gói (08 tiết)

Phần I. Cách bao gói phao ni lông

Phần II. Cách bơi có phao ni lông và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ dưới nước

Bài 3: Phương pháp cứu đuối (12 tiết)

Phần I. Phương pháp cứu đuối

Phương pháp cứu đuối gián tiếp

Phương pháp cứu đuối trực tiếp

Phần II. Cách dìu người bị đuối nước

Phương pháp giải thoát khi bị ôm, túm

Cách bơi dìu người bị đuối nước

Phần III. Phương pháp hô hấp nhận tạo và xoa ép tim ngoài lồng ngực.

7. Hình thức tổ chức dạy học

Mục đích ý nghĩa: Đây là mục quan trọng nhất của chương trình môn học, cung cấp thông tin quan trọng đối với giảng viên, sinh viên và nhà quản lý đào tạo, trong mục này cần cung cấp thông tin về lịch trình chung cho việc tổ chức dạy môn học và lịch trình chi tiết cho từng nội dung môn học, chỉ rõ người dạy và hình thức tổ chức dạy học, phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá từng nội dung và nội dung dạy học cho từng tuần.

7.1. Lịch trình chung:

Tuần	Nội dung	Phân phối nội dung				Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra, đánh giá	Tự học, tự nghiên cứu	
1.	Nội dung 1	01	05	00	-	
2.	Nội dung 1	00	06	00	-	
3.	Nội dung 1	00	06	00	-	
4.	Nội dung 1 + 2	01	04	01	-	
5.	Nội dung 2 + 3	01	04	01	-	
6.	Nội dung 3	00	06	00	-	
7.	Nội dung 3	00	03	01	-	
Tổng		03	34	03	60	

7.2. Lịch trình cụ thể: Tuần 1

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết	1 tiết - Nhà thi đấu đa năng	- Giới thiệu môn học bơi vũ trang chuẩn đầu ra - Phân tích kỹ thuật động tác bơi trườn sấp trên cạn.	- Nghiên cứu giáo trình GDTC, bút, vở ghi. - Tìm, đọc các tài liệu tham khảo	
Thực hành	5 tiết - Bể bơi Học viện	- Tập động tác chân trườn sấp trên cạn. - Tập động tác chân trườn sấp dưới nước có điểm tựa cố định. - Tập động tác chân trườn sấp 25m	Chuẩn bị quần áo bơi, kính bơi, mũ bơi, ván tập bơi.	

Tuần 2:

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Thực hành	6 tiết - Bể bơi Học viện	- Tập động tác tay, tay phối hợp với thở trong bơi trườn sấp trên cạn - Tập động tác tay, tay phối hợp với thở trong bơi trườn sấp dưới nước có điểm tựa cố định. - Tập động tác tay phối hợp với thở trong bơi trườn sấp 25m	Chuẩn bị quần áo bơi, kính bơi, mũ bơi, ván tập bơi.	

Tuần 3:

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Thực hành	6 tiết - Bể bơi Học viện	- Tập kỹ thuật phối hợp hoàn chỉnh bơi trườn sấp. - Bơi trườn sấp 25m, 50m - Bơi trườn sấp 25m bấm giờ	Chuẩn bị quần áo bơi, kính bơi, mũ bơi, ván tập bơi.	

Tuần 4:

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết	1 tiết - Nhà thi đấu đa năng	- Nhận thức chung về bơi bao gói - Cách bao gói phao ni lông	- Nghiên cứu giáo trình GDTC, bút, vở ghi. - Tìm, đọc các tài liệu tham khảo	

Thực hành	4 tiết - Bể bơi Học viện	- Bơi trườn sấp 25m, 50m - Bơi bao gói + Cách bao gói phao ni lông + Cách bơi có phao ni lông	Chuẩn bị quần áo bơi, kính bơi. Chuẩn bị phương tiện, vũ khí trang bị theo yêu cầu của giáo viên lên lớp	
Kiểm tra	1 tiết - Bể bơi Học viện	Bơi 50m trườn sấp	Chuẩn bị quần áo bơi, kính bơi.	

Tuần 5:

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết	1 tiết - Nhà thi đấu đa năng	- Nhận thức chung về phương pháp cứu đuối - Hô hấp nhân tạo và xoa ép tim ngoài lồng ngực.	- Nghiên cứu giáo trình GDTC, bút, vở ghi. - Tìm, đọc các tài liệu tham khảo	
Thực hành	4 tiết - Bể bơi Học viện	- Bơi bao gói + Cách bao gói phao ni lông + Bơi có phao ni lông 50m - Phương pháp cứu đuối: phương pháp giải thoát khi bị ôm, túm.	- Chuẩn bị quần áo bơi, kính bơi. - Chuẩn bị phương tiện, vũ khí trang bị theo yêu cầu của giáo viên lên lớp	
Kiểm tra	1 tiết - Bể bơi Học viện	Bơi bao gói 50m	Chuẩn bị phương tiện, vũ khí trang bị theo yêu cầu của giáo viên lên lớp	

Tuần 6:

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Thực hành	6 tiết - Bể bơi Học viện	- Phương pháp cứu đuối - Cách diu người bị đuối nước - Hô hấp nhân tạo và xoa ép tim ngoài lồng ngực.	Chuẩn bị quần áo bơi, kính bơi, mũ bơi.	

Tuần 7:

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
Thực hành	3 tiết - Bể bơi Học viện	- Phương pháp cứu đuối: phương pháp giải thoát khi bị ôm, túm. - Cách dìu người bị đuối nước - Hô hấp nhân tạo và xoa ép tim ngoài lồng ngực.	Chuẩn bị quần áo bơi, kính bơi, mũ bơi.	
Kiểm tra	1 tiết - Bể bơi Học viện	Thực hành kỹ thuật hô hấp nhân tạo và xoa ép tim ngoài lồng ngực.	Chuẩn bị quần áo bơi, kính bơi, mũ bơi.	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá.

8.1 Nội dung kiểm tra

Kiểm tra điều kiện: Hình thức: Thực hành

Nội dung: 03 nội dung (nội dung 1; 2; 3)

Thi kết thúc học phần:

Hình thức: Thực hành

Nội dung: 02 nội dung (nội dung 1 bắt buộc; tự chọn 1 trong 2 nội dung còn lại)

8.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Số lượng	Trọng số	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Ghi chú
Chuyên cần	Quá trình	40%			
Kiểm tra thường xuyên	03		Thực hành	Bảng tiêu chí đánh giá	
Thi kết thúc học phần/môn học	02	60%			
Tổng:					

9. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Người học phải chủ động liên hệ và mượn tài liệu học tập môn học, chủ động liên hệ với giảng viên giảng dạy nếu có nhu cầu trao đổi thêm về nội dung bài học, tư vấn về phương pháp học tập để lĩnh hội kiến thức.

Người học phải thực hiện các yêu cầu học tập, nghiên cứu theo kế hoạch học tập và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập. Tuân thủ tuyệt đối mệnh lệnh của giáo viên khi xuống nước. Chất lượng bài kiểm tra điều kiện đạt mới được tham gia thi kết thúc học phần.

TRƯỞNG KHOA

HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN
KHOA QUÂN SỰ, VÕ THUẬT, THỂ DỤC THỂ THAO



HỒ SƠ BÀI GIẢNG

BÀI: KỸ THUẬT BƠI TRƯỜN SẤP

Thuộc môn học: BƠI VỮ TRANG QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA
(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

HÀ NỘI - 2020

Hà Nội, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG

Bài: KỸ THUẬT BƠI TRƯỜN SẤP

Thuộc môn học: **Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra**

(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1.1. Mục tiêu

1.1.1 Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật bơi trườn sấp, kỹ thuật bơi nhanh nhất, nhằm phát triển thể lực, các tố chất vận động như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp vận động.

1.1.2. Về kỹ năng

- Sinh viên có khả năng thực hành thành thạo kỹ thuật bơi trườn sấp, thực hành thành thạo kỹ thuật bơi tốc độ.

- Trang bị cho sinh viên những kỹ năng, kỹ xảo vận động dưới nước áp dụng trong đời sống hàng ngày, phục vụ trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trên môi trường sông nước nhằm bảo vệ trật tự an toàn xã hội, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

1.1.3. Về thái độ

Giáo dục cho sinh viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, say mê học tập, chấp hành kỷ luật tốt, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong học tập.

1.2. Yêu cầu

1.2.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo phục vụ công tác lên lớp đúng thời gian quy định. Lấy các ví dụ thực tế làm cho bài học sinh động hơn.

- Hạ khoa mục, hướng dẫn, tổ chức thực hành có chất lượng tốt kỹ thuật bơi trườn sấp.

- Giải đáp các vướng mắc của sinh viên, sửa chữa những sai sót sinh viên thường mắc phải trong quá trình tập luyện, kịp thời động viên cá nhân đạt thành tích tốt trong tập luyện và chiếu cố đặc điểm cá nhân.

- Hướng dẫn sinh viên tập luyện theo các nguyên tắc và phương pháp của Giáo dục thể chất, tuần tự từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó. Ra các bài tập ngoại khóa cho sinh viên tập luyện nâng cao thành tích.

1.2.2. Đối với sinh viên

- Nắm vững kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành kỹ thuật bơi trườn sấp từ đó nghiên cứu tập luyện được chủ động.

- Khắc phục khó khăn, mệt mỏi, tránh tư tưởng ngại khó, ngại khổ, rèn luyện thường xuyên liên tục để đạt kết quả cao trong học tập.

- Chấp hành nghiêm kỷ luật tại bể bơi, khi tập luyện tuyệt đối tuân thủ mệnh lệnh của giảng viên hướng dẫn. Thực hiện tốt công tác bảo hiểm đảm bảo an toàn cao nhất trong tập luyện.

II. THỜI GIAN, NỘI DUNG BÀI GIẢNG

2.1. Thời gian

Tổng số : 20 tiết

- Lý thuyết và hạ khoa mục : 01 tiết (Tiết 01)

- Tập luyện xen lẫn sửa chữa kỹ thuật : 18 tiết (Tiết 02 đến tiết 19)

- Kiểm tra đánh giá kết quả : 01 tiết (Tiết 20)

2.2. Nội dung bài giảng

Phần I. Nhận thức chung về bơi trườn sấp (trang bị những nội dung)

Khái niệm bơi trườn sấp

Sơ lược lịch sử phát triển

Các môi trường nước và dụng cụ

Phần II. Kỹ thuật bơi trườn sấp (trang bị những nội dung)

Tư thế thân người

Kỹ thuật động tác chân trong bơi trườn sấp

Kỹ thuật động tác tay, tay phối hợp thở trong bơi trườn sấp

Kỹ thuật phối hợp hoàn chỉnh động tác

Phần III. Hướng dẫn tập luyện (trang bị những kỹ năng)

Các bài tập thực hành kỹ thuật động tác chân

Các bài tập thực hành kỹ thuật động tác tay, tay phối hợp thở

Các bài tập thực hành hoàn chỉnh động tác

Phần trọng tâm: Phần II.

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC.

3.1. Đối với giảng viên

Quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng phương pháp giới thiệu trực quan kết hợp phân tích nội dung lý thuyết và thực hành làm mẫu động tác; tổ chức cho sinh viên thực hành.

Hạ khoa mục được tiến hành theo các bước sau:

- Bước 1: Làm nhanh động tác một lần gây hưng phấn, tạo sự chú ý cho sinh viên.
- Bước 2: Làm chậm kết hợp phân tích lí thuyết động tác.
- Bước 3: Làm tổng hợp giúp sinh viên ghi nhớ hoàn chỉnh động tác.
- Bước 4: Kiểm tra nhận thức và phân đoạn động tác.

3.2. Đối với sinh viên

- Sinh viên chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo để nắm rõ thêm nội dung động tác.

- Sinh viên nghiên cứu và thực hiện các bài tập bổ trợ cho từng giai đoạn kỹ thuật của giảng viên, lắng nghe giảng viên nhận xét sau mỗi động tác kỹ thuật.

- Sinh viên tích cực tập luyện để hoàn thiện kỹ thuật động tác và nâng cao thể lực, phát triển các tố chất như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền.

- Nghiên cứu và thực hiện động tác theo từng bước:

+ Bước 1: Thực hiện nội dung động tác theo từng cử động

+ Bước 2: Thực hiện ghép hai động tác theo hiệu lệnh của giảng viên.

+ Bước 3: Thực hiện hoàn thiện kỹ thuật động tác tay, động tác chân trong bơi trườn sấp.

- Tập kỹ thuật động tác tay, động tác chân và phối hợp bơi trườn sấp với cự ly tăng dần.

IV. ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG TIỆN VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP

4.1. Địa điểm và cơ sở vật chất

- Lý thuyết học tại nhà thi đấu đa năng Học viện Cảnh sát nhân dân

- Thực hành tại bể bơi Học viện Cảnh sát nhân dân

4.2. Phương tiện dạy học

4.2.1. Đối với giảng viên

Chuẩn bị hồ sơ bài giảng bao gồm: Kế hoạch dạy học, đề cương dạy học, giáo án dạy học.

4.2.2. Đối với sinh viên

- Chuẩn bị trang phục tập luyện: Quần áo bơi, kính mũ bơi, phao tập bơi, đồng hồ bấm giờ.

- Vệ sinh khu vực tập luyện trước và sau mỗi buổi tập luyện.

4.2.3. Hệ thống tài liệu

- Giáo trình chính: Giáo trình Giáo dục thể chất, Học viện CSND xuất bản năm 2019

- Tài liệu tham khảo

- Giáo trình bơi thể thao - Trường Đại học TDTT Bắc Ninh - Nxb Thể dục thể thao - 2015.

- Hỏi đáp về luật thi đấu các môn thể thao - Học viện CSND - 2003

- Những bài tập trong Bơi lội - Học viện CSND - 2010

- Phương pháp huấn luyện giảng dạy kỹ thuật bơi ếch và bơi trườn sấp - Học viện CSND năm 2011

- Kỹ thuật và phương pháp tập luyện một số môn thể thao tự chọn - Học viện CSND năm 2013.

GIẢNG VIÊN

TRƯỞNG KHOA

Hà Nội, ngày tháng năm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT BÀI GIẢNG

Bài: KỸ THUẬT BOI TRƯỜN SẤP

Thuộc môn học: **Boi vũ trang quy định chuẩn đầu ra**
(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

TIẾT HỌC	NỘI DUNG BÀI GIẢNG	THỜI GIAN	MỤC TIÊU YÊU CẦU	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
Tiết 1,2	<p>Phổ biến khái quát kế hoạch dạy học, trong đó lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bố cục, nội dung bài học - Các tài liệu tham khảo 	5'	Sinh viên nắm được các yêu cầu về tài liệu học tập, thời gian học tập, bố cục và nội dung bài học.	Thuyết trình
	<p>I. Khái niệm boi trườn sấp</p> <p>II. Kỹ thuật boi trườn sấp</p> <p>1. Tư thế thân người</p> <p>2. Kỹ thuật động tác chân trong boi trườn sấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nội dung:</i> + Pha đập chân xuống + Pha đưa chân lên - <i>Điểm sai sót và cách khắc phục</i> <p>3. Kỹ thuật động tác tay trong boi trườn sấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nội dung:</i> + Vào nước + Tỳ nước + Quạt nước + Đẩy nước + Rút tay khỏi nước + Vung tay trên không về trước * Kỹ thuật phối hợp 2 tay - <i>Điểm sai sót và cách khắc phục</i> <p>4. Kỹ thuật thở và phối hợp tay với thở</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nội dung:</i> + Kỹ thuật thở trong boi trườn sấp + Kỹ thuật phối hợp động tác của hai tay với thở - <i>Điểm sai sót và cách khắc phục</i> <p>5. Phối hợp toàn bộ kỹ thuật boi trườn sấp</p>	5' 25'	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên hiểu và nắm được khái niệm boi trườn sấp - Nắm được tư thế thân người trong boi ếch - Nắm được từng giai đoạn kỹ thuật động tác chân; tay; thở; tay phối hợp với thở. - Nắm được toàn bộ kỹ thuật boi trườn sấp. - Sinh viên thấy rõ những sai sót thường gặp ở từng giai đoạn của kỹ thuật động tác đơn lẻ và kỹ thuật phối hợp hoàn 	<p>Thuyết trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm mẫu, kết hợp phân tích - Làm nhanh một lần động tác mẫu. - Làm chậm kết hợp phân tích nội dung động tác. - Làm tổng hợp.

TIẾT HỌC	NỘI DUNG BÀI GIẢNG	THỜI GIAN	MỤC TIÊU YÊU CẦU	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
	<p>- Khởi động các khớp: Cổ, vai, khuỷu tay, hông, đùi, gối, cổ chân cổ tay kết hợp và ép ngang, ép dọc, ép vai, ép khuỷu tay</p> <p>b. Khởi động chuyên môn 3 tổ</p> <p>+ Hai tay đuỗi nhau xuôi</p> <p>+ Hai tay đuỗi nhau ngược</p> <p>+ Hai tay cùng một lúc xuôi</p> <p>+ Động tác đứng lên ngồi xuống</p> <p>2. Nội dung</p> <p>a. Trên cạn</p> <p>- Giáo viên phổ biến danh sách các đường bơi, đợt bơi.</p> <p>- Nhắc nhở và thống nhất về phương pháp tổ chức thi cũng như kinh nghiệm trong khi kiểm tra</p> <p>b. Dưới nước</p> <p>- Khởi động dưới nước</p> <p>- Tổ chức kiểm tra (tính thành tích bằng thời gian)</p> <p>+ Bơi tự do 35m Nam</p> <p>+ Bơi tự do 25m nữ</p>	35'	- Đánh giá năng lực của mỗi sinh viên	- Thực hành

GIẢNG VIÊN

Hà Nội, ngày tháng năm
TRƯỞNG KHOA

Hà Nội, ngày tháng năm

GIÁO ÁN BÀI GIẢNG

Bài: KỸ THUẬT BƠI TRƯỜN SẤP

Thuộc môn học: **Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra**
(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

I. Khái niệm bơi trườn sấp

Bơi trườn sấp là kiểu bơi thể thao đạt tốc độ nhanh nhất có đặc điểm 2 tay và 2 chân hoạt động luân phiên liên tục với thân người ở tư thế sấp.

Đây cũng là kiểu bơi thường bị nhiều người gọi là bơi tự do, bởi vì theo luật thi đấu trong môn bơi tự do, VĐV được quyền lựa chọn bất cứ kiểu bơi nào và thông thường VĐV chọn kiểu bơi trườn sấp vì đó là kiểu bơi có tốc độ nhanh nhất.

Khi bơi trườn sấp, VĐV nằm sấp ngang bằng trên mặt nước, hai chân thay phiên nhau đập nước lên xuống, hai tay luân phiên quạt nước về sau làm cho cơ thể lướt đi trong nước. Là kiểu bơi có lịch sử rất lâu đời, bơi trườn sấp phát sinh trong lao động sản xuất, sinh hoạt của người cổ đại. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển và không ngừng cải tiến và hoàn thiện cho đến kiểu bơi có kỹ thuật hiện đại đạt tốc độ và hiệu quả cao như hiện nay.

II. Phân tích kỹ thuật

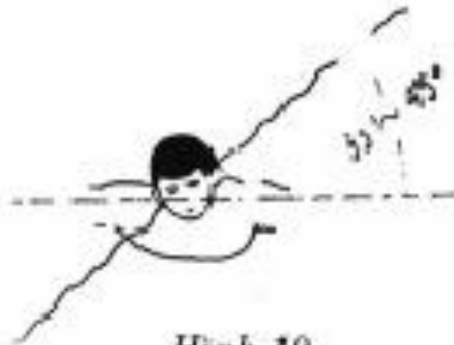
2.1. Tư thế thân người :

Tư thế thân người trong bơi trườn sấp hợp lý không những làm giảm được lực cản, mà còn tạo điều kiện phát huy tác dụng quạt nước của hai tay, đập chân và phối hợp thở nhịp nhàng đạt hiệu quả bơi cao.

Tư thế thân người khi bơi cần duy trì ở tư thế nằm sấp ngang bằng, có hình dáng lướt nước tốt (hình thoi). Trục dọc cơ thể tạo với mặt phẳng nước một góc khoảng 3-5⁰ (hình 18)



Hình 18



Hình 19

Đầu cúi tự nhiên, mắt nhìn về phía trước và xuống đáy bể, 1/3 đầu nhô lên khỏi mặt nước tạo điều kiện cho chân hơi chìm nhằm đạt hiệu quả cao trong bơi. Khi bơi thân người bơi xoay quanh trục dọc cơ thể một góc khoảng 35-45⁰ (hình 19)

Động tác xoay thân người quanh trục dọc cơ thể là động tác tự nhiên phù hợp với việc phối hợp giữa động tác tay, chân và thở. Khi bơi động tác xoay thân theo trục dọc cơ thể có lợi :

- Giúp cho động tác vung tay trên không được nhẹ nhàng (động tác chuẩn bị) rút ngắn quỹ đạo đường đi trong động tác chuẩn bị.
- Có lợi cho động tác tì nước, ôm nước, quạt nước tăng hiệu quả động tác hiệu lực.
- Do mông quay nhẹ theo thân người nên đạp chân thuận lợi hơn chống lại sự mất thăng bằng khi quay người vì vậy dễ quan sát bơi không nên chệch hướng.
- Tạo thuận lợi cho động tác thở khi bơi.

Góc độ quay người nhiều hay ít phụ thuộc vào kỹ thuật, đặc điểm cá nhân và tốc độ bơi. Thông thường quay người về phía bên thở nhiều hơn phía đối diện từ 10-15⁰. Bơi cự ly ngắn, bơi nước rút về quay người quanh trục dọc nhỏ hơn.

2.2. Kỹ thuật động tác chân :

Động tác chân có tác dụng duy trì thăng bằng cho cơ thể tạo hình dáng lướt nước tốt giảm lực cản. Đồng thời tạo một phần lực tiến phối hợp nhịp nhàng với động tác quạt tay để đẩy cơ thể tiến về trước.

Hiệu quả động tác chân phụ thuộc vào độ mềm dẻo linh hoạt của khớp cổ chân, sức mạnh các cơ bụng, lưng, đùi, cẳng chân và kỹ thuật đạp chân. Động tác đạp chân được thực hiện trên mặt phẳng trên dưới (mặt phẳng vuông góc với mặt nước). Biên

độ của 2 chân (khoảng cách 2 chân khi đập) dao động khoảng 30-40cm. Góc độ khớp gối chân trước khi đập nước xuống dưới khoảng 160^0 . Kết thúc giai đoạn chuẩn bị kết thúc đập chân xuống, bàn chân đập xuống, bàn chân không được thấp quá bộ phận thấp nhất của cơ thể.(hình 20)

Kỹ thuật động tác đập chân trườn sấp gồm 2 pha (2 giai đoạn): Pha đập xuống (động tác tạo ra lực tiến) và pha đưa chân lên là động tác chuẩn bị không tạo ra lực tiến.

- Pha đập chân xuống: Từ tư thế bàn chân sát mặt nước gót chân không nhô khỏi mặt nước, bàn chân hơi xoay vào trong ra sau tạo diện cản để tăng hiệu quả đập nước, góc khớp gối 160^0 , cổ chân thả lỏng.

Pha đập chân xuống phát lực từ hông, đến đùi, cẳng chân và cuối cùng đến mu bàn chân giống như động tác vút roi mềm (thông qua gập khớp hông, duỗi khớp gối và vẩy khớp cổ chân). Kết thúc động tác đập chân xuống cổ chân co và thả lỏng.

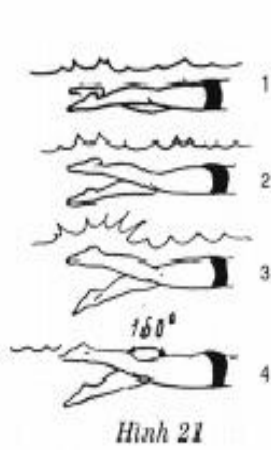
- Pha đưa chân lên: Đây là giai đoạn chuẩn bị, quá trình đưa chân lên sao cho tiết kiệm được năng lượng, giảm lực cản không cần thiết. Bắt đầu từ động tác nâng đùi lên trên. Đùi kéo theo cẳng chân đi lên, khi khớp cổ chân, khớp gối, khớp hông ngang bằng song song với mặt nước dừng chuyển động (không nâng chân lên nữa) và huy động cơ chuẩn bị đập xuống. Do lực quán tính, cẳng chân và bàn chân vẫn chuyển động lên trên sát mặt nước do vậy khớp gối tạo thành góc 160^0 .

Quỹ đạo chuyển động của động tác chân bơi khi ta quan sát thấy được (hình 21, 22 và 23). Đoạn a-b là nâng chân lên, đoạn c-d là đập chân xuống.

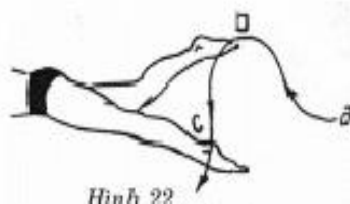
Hình 24- Động tác đập chân (chân phải) và nâng chân lên (chân trái).

Hình 25 -Quỹ đạo chuyển động của một chu kỳ động tác chân.

Tóm lại động tác chân của kiểu bơi trườn sấp là: Khi thực hiện động tác (pha) hiệu lực đập chân xuống dưới chân phải ở tư thế gập gối, khi làm động tác (pha) chuẩn bị nâng chân lên gối phải thẳng. Tác dụng chủ yếu của động tác chân trong bơi trườn sấp tạo và duy trì thăng bằng ổn định cơ thể khi bơi, đồng thời tạo ra một phần lực tiến, kỹ thuật động tác chân tốt hay xấu ảnh hưởng rất lớn đến việc duy trì độ thăng bằng ổn định cơ thể. Kỹ thuật động tác chân không tốt, mông, lưng chìm sâu cơ thể lác lư chuyển động ngang, cơ thể vắn vẹo làm tăng lực cản. Vì vậy trong giảng dạy và huấn luyện bơi trườn sấp cần chú ý huấn luyện trong động tác chân.



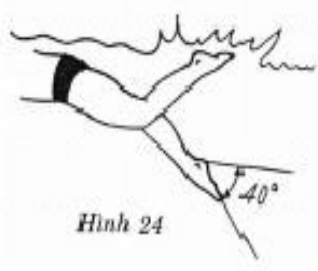
Hình 21



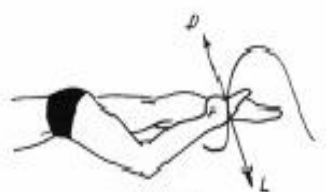
Hình 22



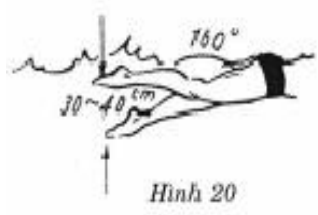
Hình 23



Hình 24



Hình 25



Hình 20

2.3. Kỹ thuật động tác tay :

Động tác tay trong bơi trườn sấp tạo ra lực đẩy chủ yếu đẩy cơ thể tiến về phía trước. Vì vậy quá trình huấn luyện cần coi trọng hiệu quả quạt nước, tăng cường huấn luyện sức mạnh của hai tay, đồng thời chú trọng tần số động tác và tính liên kết của động tác hai tay.

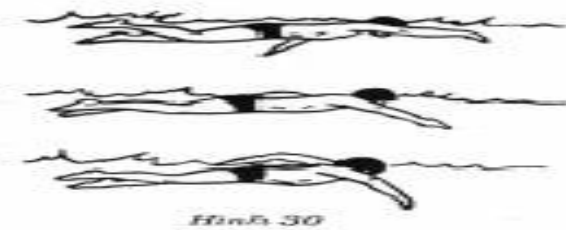
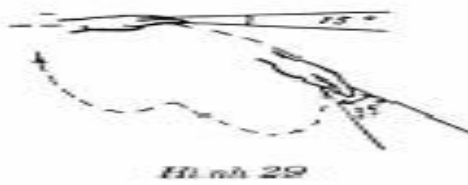
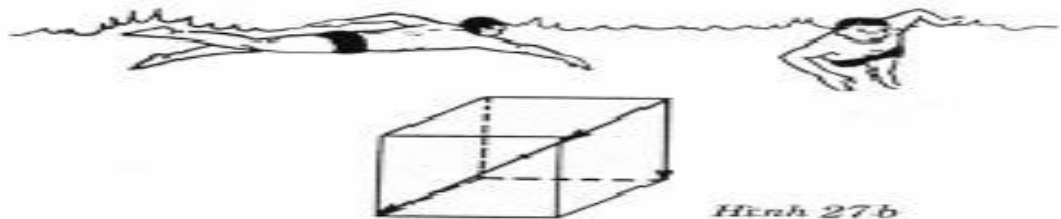
Để tiện phân tích, người ta chia kỹ thuật động tác tay thành 6 giai đoạn: Vào nước, ôm tỳ nước, quạt nước, đẩy nước, rút tay khỏi nước và vung tay trên không về trước. Song trong thực tế các động tác này liên hoàn chặt chẽ với nhau trong một chu kỳ động tác hoàn chỉnh. (hình 28, 30)

- Vào nước: Khi tay vào nước tay cong, khuỷu tay co và cao hơn bàn tay, bàn tay thả lỏng khép lại tự nhiên và duỗi thẳng, các ngón tay vào nước chéch về trước, lòng bàn tay có thể xoay ra ngoài, động tác tự nhiên, vai, cánh tay thả lỏng. Điểm vào tay nước nằm trên đường thẳng vuông góc với trục vai phía trên đầu hoặc giữa đường thẳng qua trục vai và trục dọc cơ thể (hình 27a và 27b). Điểm vào nước của tay tuyệt đối không được quá trục dọc cơ thể sang phía tay bên kia.

Vào nước như vậy cơ thể xoay nghiêng, tay vẫn nằm ở phía dưới trục dọc cơ thể nên việc quạt nước sẽ mạnh hơn.

Thứ tự vào nước là: Ngón tay, bàn tay, cẳng tay, cánh tay. Khi vào nước sao cho bàn tay vào nước bằng cạnh bàn tay để giảm lực cản và cánh tay có thể theo sau để vào nước hầu như tại một điểm. Khi tay vào nước hết cả cánh tay thì vươn dài về trước, chéch xuống dưới và vào trong. Tiếp theo động tác vào nước chuyển dần sang ba hướng: Ra trước, xuống dưới và ra ngoài, ba hướng đó cũng có 3 lực thành phần của chuyển động là 15° cuối giai đoạn vào nước góc này đạt 35°

-Tỳ nước (ôm nước): Sau khi tay vào nước, tay tiếp tục chuyển động xuống dưới, về trước và ra ngoài. Tay duỗi đến vị trí thích hợp có lợi cho ôm nước thì cẳng tay, cánh tay xoay ra ngoài sau đó hơi gập cổ tay, co dần khớp khuỷu. Đồng thời làm cho cơ vai vươn hết về trước tạo thuận lợi cho quạt nước. Đường đi của bàn tay giai đoạn tỳ nước chủ yếu là đi xuống, hơi ra ngoài. Thời điểm đó khuỷu tay của người bơi chuyển động lên cao phía trên cẳng tay, bàn tay hơi gập và khi cánh tay đang hướng ngược về sau. Động tác tỳ nước tay chuyển động ra trước xuống dưới ra ngoài, chuyển động ra ngoài bàn của tay là hậu quả tự nhiên xảy ra khi vai của người bơi vươn theo cánh tay trong lúc quạt xuống.



Giai đoạn tỳ nước không là giai đoạn tạo lực đẩy. Mục đích của nó đặt cánh tay vào vị trí thuận lợi cho giai đoạn quạt nước. Điểm tỳ nước là khi người bơi có cảm giác bám hay tỳ được vào nước, kết thúc tỳ nước vai tạo với mặt nước một góc 40^0 khớp khuỷu co lại còn 150^0 bàn tay nghiêng tạo với hướng tiến một góc 55^0 .

- *Quạt nước* (kéo nước): Quạt nước là động tác tạo ra lực đẩy chủ yếu đưa cơ thể về phía trước. Động tác quạt nước bắt đầu ngay khi kết thúc tỳ nước, lúc cánh tay ở phía trước vai và tạo với mặt nước một góc 40^0 cho đến cánh tay duỗi ra sau tạo với mặt nước một góc $15-20^0$ ở phía sau vai. Là giai đoạn kế tiếp ngay sau tỳ nước, là giai đoạn quạt hiệu lực đầu tiên trong động tác tay bơi trườn sấp. Hướng chuyển động của tay ở giai đoạn quạt nước là chuyển động vào trong, xuống dưới và ra sau. Quỹ đạo chuyển động của đường quạt vào hình vòng cung, bắt đầu từ điểm tỳ nước, bàn tay, cẳng tay chuyển động tăng dần tốc độ vào giữa trục dọc cơ thể, khớp khuỷu co dần lại, tốc độ cẳng tay đi nhanh hơn cánh tay. Bàn tay bắt đầu quạt kéo nước tạo thành góc với hướng tiến 55^0 quá trình chuyển động góc độ bàn tay luôn thay đổi do sự thay đổi vị trí của cánh tay tạo ra áp lực tối ưu cho đường quạt nước.

Khi tay quạt nước đến ngang mặt phẳng của vai, khớp khuỷu co lại còn 90^0 , bàn tay chuyển động vào sát trục dọc cơ thể. Khuỷu tay hướng ra ngoài cao hơn cẳng tay, bàn tay. Góc độ co khuỷu tay phụ thuộc vào đặc điểm cá nhân. Những Người ta còn gọi giai đoạn này là kéo nước. tay dài sức mạnh quạt kém khớp khuỷu co nhiều hơn những VĐV tay ngắn sức mạnh tốt co khớp khuỷu ít hơn.

- *Đẩy nước*: Kết thúc giai đoạn quạt nước (kéo nước) chuyển sang giai đoạn đẩy nước, đây là giai đoạn hiệu lực thứ hai của tay. Tay chuyển động tiếp tục đẩy nước ra sau, tốc độ tăng dần, khuỷu tay từ hướng ra ngoài chuyển động đi lên và sát vào phía thân, cẳng tay từ xoay ra ngoài chuyển sang xoay vào trong. Lòng bàn tay từ hướng xoay ra sau chuyển dần hướng chéch ra ngoài và bàn tay nghiêng với hướng tiến một góc là 80^0 . Độ nghiêng bàn tay thay đổi từ vào trong sang ra ngoài. Quỹ đạo đường đi của bàn tay luôn thay đổi để tạo áp lực của nước, khi bàn tay chuyển động gần với trọng tâm của cơ thể nhất ngựa dần để luôn vuông góc với hướng tiến, góc khuỷu co lại khoảng $90^0 - 120^0$, góc đẩy nước khoảng 45^0 . Động tác đẩy nước kết thúc khi bàn tay của VĐV vượt qua đùi, cánh tay duỗi thẳng.

Bàn tay trong suốt quá trình chuyển động từ khi tay vào nước đến khi kết thúc quạt nước, bàn tay phải qua một lần lật nghiêng từ phía bên này sang phía bên kia và trả lại về tư thế ban đầu. Quá trình đó là quá trình tạo ra góc tới làm tăng lực của nước với tay, tăng hiệu quả quạt nước, vì vậy quá trình quạt nước phải luôn thả lỏng khớp cổ tay để có thể gập, duỗi thích hợp khi quạt nước.

Trong suốt quá trình quạt, đẩy nước tốc độ tăng dần đều, không có giai đoạn dừng. Đặc biệt giai đoạn đẩy nước phải làm cho cánh tay, cẳng tay, bàn tay đồng thời đẩy nước ra sau để kéo dài đường đi hiệu lực của tay và tăng diện tích cản có ích. Vì vậy móm khuỷu tay phải hướng lên trên và ép sát vào sườn.

Động tác quạt nước và quỹ đạo đường quạt nước. Đường quạt nước của tay từ khi bắt đầu tay vào nước tới rút tay khỏi nước quỹ tích chuyển động hình chữ S (hình 28)

Các giai đoạn của động tác tay: (hình 28).

A - B : Rút tay khỏi nước và vung tay trên không về trước.

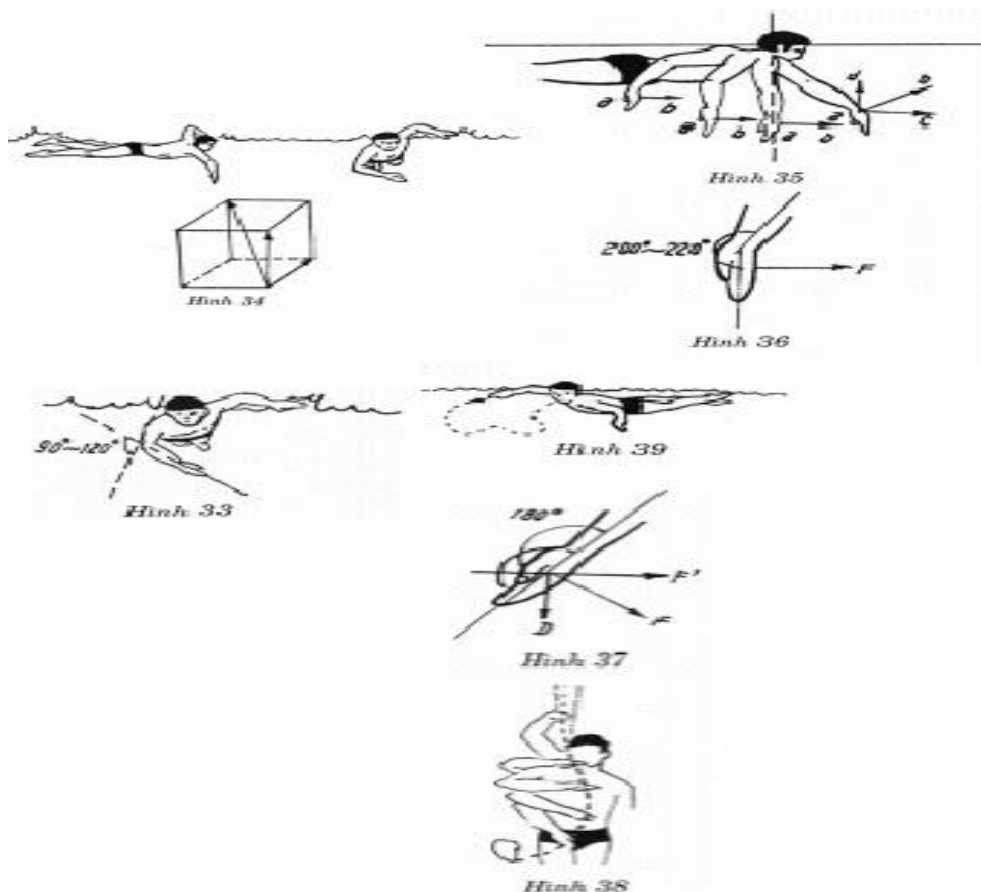
B - C : Vào nước

C - D : Tỳ nước

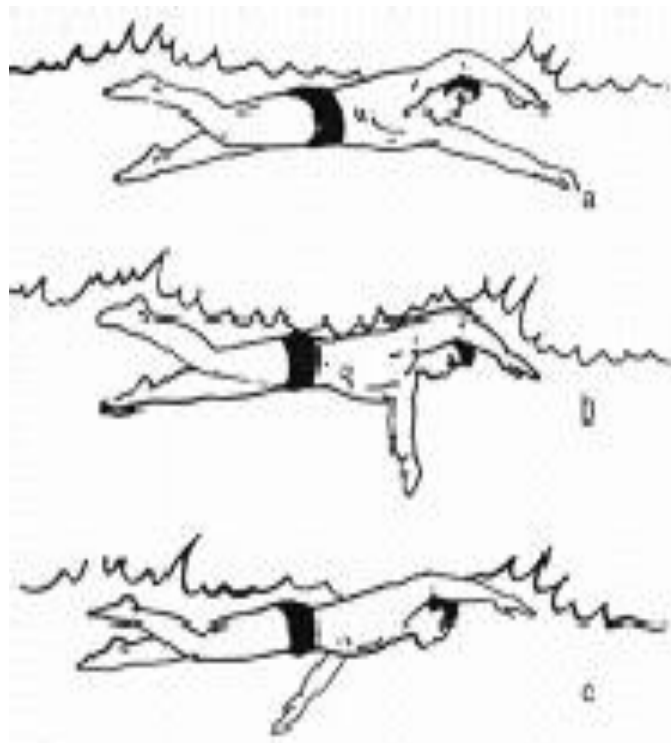
D - E : Quạt nước

E - A : Đẩy nước.

- *Rút tay khỏi nước*: Kết thúc quạt nước, theo lực quán tính ta nhanh chóng nâng lên gần mặt nước cùng với động tác quạt nước, toàn bộ cánh tay thả lỏng cơ, dùng cơ vai (cơ đen ta) nhắc cánh tay để kéo theo khuỷu tay, cẳng tay, bàn tay ra khỏi mặt nước. Động tác rút tay bắt đầu bằng việc thả lỏng toàn bộ cánh tay, hơi co khuỷu và nâng dần lên trên về trước, động tác phải nhanh, nhẹ nhàng mềm mại.



- *Vung tay trên không về trước*: Sau khi rút tay khỏi mặt nước, cánh tay được đưa về trước chuẩn bị cho giai đoạn vào nước tiếp theo, tay chuyển động trên không từ sau ra trước khuỷu tay luôn luôn cao hơn vai, cẳng tay và bàn tay. Tốc độ di chuyển của bàn tay, cẳng tay nhanh hơn cánh tay và đuôi kịp cánh tay khi cẳng tay nằm trên đường trục ngang vai. Trong suốt thời gian này các cơ của tay phải được thả lỏng, khớp khuỷu co dần sao cho bàn tay cách mặt nước 5-10cm. Không vung tay quá thấp và rộng ra ngoài, cơ thể sẽ chuyển động lắc ngang tạo lực cản lớn. Tay tiếp tục chuyển động về trước khi qua ngang vai khớp khuỷu được duỗi dần ra để vào nước, tay vào nước cánh tay còn hơi cong (khớp khuỷu còn co lại) để giảm lực cản. Trên suốt quá trình vung tay trên không từ sau ra trước các cơ tay được thả lỏng tự nhiên, tuyệt đối không xoay bàn tay.



Hình 42

Chu kỳ hoạt động của động tác tay không có giai đoạn dừng, động tác quạt nước tăng dần tốc độ từ đầu đến cuối đường quạt nước, gia tốc tăng nhanh nhất là giai đoạn đẩy nước và chậm nhất là giai đoạn ôm tỳ nước.

Kỹ thuật phối hợp giữa 2 tay :

Kỹ thuật phối hợp động tác giữa hai tay hợp lý trong bơi trườn sấp là yếu tố quan trọng để bơi nhanh, tạo ra tốc độ bơi đều. Phối hợp 2 tay hợp lý còn tạo điều kiện

cho các cơ vai căng cơ và thả lỏng hợp lý, tham gia tích cực có hiệu quả trong các động tác quạt nước đồng thời phối hợp với cơ thể cho việc xoay thân theo trục dọc dễ dàng đảm bảo hình dáng lướt nước tốt, giảm lực cản.

Trong thực tế kỹ thuật phối hợp động tác giữa hai tay bơi trườn sấp có 3 loại:

+ *Phối hợp sớm*: Đó là phối hợp khi 1 tay trong nước thực hiện giai đoạn tỳ nước, tay kia đã vung trên không từ sau ra trước quá trục vai và tạo với mặt nước một góc 30° bắt đầu vào nước. (hình 42a)

+ *Phối hợp trung bình*: Là cách phối hợp khi 1 tay chuyển động trên không về trước đang thực hiện giai đoạn vào nước, tay kia thực hiện kết thúc giai đoạn quạt nước toàn bộ tay nằm trên mặt phẳng của vai và vuông góc với mặt nước. (hình 42b)

+ *Phối hợp muộn*: Là kiểu phối hợp một tay thực hiện vào nước, tay đối diện thực hiện động tác đẩy nước và căng tay tạo mặt nước một góc 150° . (hình 42c)

Các loại phối hợp đều có những đặc điểm riêng của nó và phụ thuộc vào đặc điểm cá nhân và tốc độ bơi. Người mới học bơi, tập loại phối hợp hai tay sớm tạo điều kiện cho học động tác thở. Sử dụng hai loại phối hợp: Trung bình và muộn, thường là vận động viên. Hai loại phối hợp này phát huy được sức mạnh của hai tay, nâng cao được tần số động tác tay, tạo tốc độ nhanh đều, đảm bảo tính liên tục của động tác hiệu lực.

2.4. Kỹ thuật thở và phối hợp tay với thở :

- *Kỹ thuật thở trong bơi trườn sấp*: Thở trong bơi trườn sấp rất phức tạp, không thở được sẽ không bơi được. Trong bơi trườn sấp thở ra ở trong nước được thực hiện bằng miệng và mũi hoặc cả 2, hít vào chỉ bằng miệng ở trên không. Kỹ thuật thở là một tiêu chuẩn để đánh giá kỹ thuật bơi tốt hay xấu, đồng thời có liên quan mật thiết tới trình độ huấn luyện. Kỹ thuật thở không tốt ảnh hưởng trực tiếp tới phối hợp động tác giữa hai tay hạn chế hiệu lực động tác quạt nước, đồng thời ảnh hưởng tư thế thân người lướt nước, tăng lực cản, giảm tốc độ bơi, thậm chí chuyển động về trước lệch hướng tiến. Kỹ thuật thở tốt, thở sâu, nhịp nhàng, hợp lý sẽ nâng cao tốc độ và sức bền tốc độ bơi.

- Một chu kỳ động tác hai tay thực hiện một chu kỳ thở gồm 2 cách: Thở ra hít vào liên tục- dành cho VĐV khi bơi với tốc độ cao và thở ra- hít vào- nhịn thở dành cho người mới học và khi bơi bình thường. Thời gian nhịn thở có thể dài hay ngắn tùy thuộc khả năng phối hợp thuần thục hay chưa, mức độ hít vào sâu và nhu cầu ôxy của

cơ thể. Người mới học do chưa biết cách thở thuận thực có thể nhịn thở rất dài từ 2-5 chu kỳ của tay. Lưu ý: Chỉ được phép nhịn thở sau khi hít vào, nếu nhịn thở sau khi thở ra sẽ bị sặc nước.

+ Hít vào: Động tác hít vào được thực hiện bởi cơ hoành cách và cơ liên sườn. Khi tay phía bên thở thực hiện động tác đẩy nước tay kia thực hiện ôm tỳ nước đầu người bơi quay về phía tay đẩy nước cùng với hơi xoay thân tự nhiên của động tác tay. Tốc độ bơi tạo ra sóng nước phía trước đầu (đỉnh sóng) và hõm sóng về dưới. Như vậy người bơi không phải ngẩng đầu hoặc xoay đầu quá cao để thở. Người bơi lợi dụng hõm nước há miệng thực hiện hít vào nhanh mạnh, thời điểm hít vào là khi đầu đã xoay sang bên tay bên thở kết thúc đẩy nước chuẩn bị rút ra khỏi nước.

+ Nhịn thở: Sau khi tay phía bên thở thực hiện kết thúc đẩy nước thì động tác hít vào cũng xong và bắt đầu giai đoạn nhịn thở, thời gian nhịn thở nhanh hay chậm (có thể không nhịn thở khi bơi tốc độ cao) tùy khả năng phối hợp và đặc điểm cá nhân.

+ Thở ra: Thời điểm thở ra không cố định mà phụ thuộc thời gian nhịn thở. Với người mới học thì thời điểm thở ra bắt đầu khi kết thúc giai đoạn quạt nước và thở ra trong suốt giai đoạn đẩy nước. Đối với VĐV khi bơi với tốc độ cao nhu cầu ôxy lớn thì thời gian nhịn thở ngắn thậm chí không nhịn thở. Bình thường VĐV thở ra khi tay phía bên thở vào nước người bơi đã thực hiện thở ra. Thở ra từ chậm rồi nhanh mạnh dần bằng miệng (há nhỏ miệng) hoặc bằng mũi. Thở chậm từ từ tạo điều kiện trong thời gian khuếch tán không khí ở phế nang qua màng phổi đồng thời giảm áp suất lồng ngực một cách từ từ. Sự thở ra này kéo dài cho tới khi tay phía bên thở thực hiện đẩy nước thì quay đầu để miệng lên gần sát mặt nước thì thở mạnh nhanh tống hết không khí trong phổi ra, chuẩn bị cho chu kỳ hít vào sau đó.

Thông thường người bơi mỗi chu kỳ thở một lần bên tay thuận, đối với VĐV có thể thở 2 bên tức là ba lần quạt tay của 2 bên, một chu kỳ rưỡi thở một lần, với cách thở này thời gian nhịn thở sẽ kéo dài hơn. Thở 2 bên có lợi :

Thứ nhất: Xoay người cân đối cả hai bên phát huy hiệu lực động tác tay quạt nước tốt hơn, thân người thẳng bằng và ổn định hơn.

Thứ hai: Khuếch tán không khí qua màng phổi được cải thiện hơn vì nhờ chậm và hạn chế thở hoặc nín thở, ôxy được thu nạp nhiều hơn.

Thứ ba: Trong thi đấu các VĐV quan sát được đối thủ cả 2 bên, nhờ đó thực hiện chiến thuật thi đấu hiệu quả.

- Kỹ thuật phối hợp động tác của hai tay với thở (Hình 43)



Hình 43

Tay bên thở vào nước thực hiện ôm tỳ nước, tay kia kết thúc kéo nước, thực hiện thở ra từ từ bằng miệng và mũi, tăng dần tốc độ thở ra khi tay phía thở thực hiện quạt nước, đẩy nước; tay kia chuẩn bị vào nước thở ra mạnh nhanh hơn. Thở ra mạnh hết và kết thúc thở ra khi tay phía bên thở kết thúc đẩy nước, đầu đồng thời với thân nghiêng về bên để chuẩn bị hít vào, tay đối diện thực hiện vào nước tỳ nước, hít vào khi tay kết thúc đẩy nước chuẩn bị rút tay khỏi nước. thực hiện hít vào bằng miệng sâu, nhanh, mạnh. Tay phía bên thở tiếp tục chuyển động trên không về trước vào nước, tay kia thực hiện quạt nước, đầu, thân người quay trở về tư thế ban đầu và bắt đầu nhịn thở.

Phối hợp thở một bên (1 chu kỳ thở một lần) thường được phối hợp trong các cự ly từ trên 100m trở lên nhưng cần quan sát đối phương trong thi đấu cũng đôi khi có kết hợp thở đối bên (1 chu kỳ rưỡi thở một lần), về phương thức thở ở các thời điểm giống như phối hợp thở cùng bên nhưng khác là các thời điểm thở ra và hít vào và thời gian nhịn thở. Phương thức phối hợp thở đối bên thường được sử dụng ở các cự ly ngắn từ 100m trở xuống và trong các đoạn bơi nước rút về đích.

2.5. Phối hợp toàn bộ kỹ thuật bơi trườn sấp

Kỹ thuật phối hợp toàn bộ kỹ thuật được trình bày tại bảng 6

Bảng 6. Phối hợp toàn bộ kỹ thuật bơi trườn sấp

TT	Các giai đoạn quạt nước		Thời điểm đạp chân xuống dưới của 2 chân		Thở
	Tay phải	Tay trái	Chân phải	Chân trái	
1	Vào nước	Đẩy nước		Lần 1	Nhịn thở
2	Tỳ, ôm nước	Kết thúc đẩy nước			Nhịn thở
3	Bắt đầu quạt nước	Rút tay khỏi nước	Lần 2		Nhịn thở
4	Quạt nước	Vung tay về trước		Lần 3	Thở dần ra
5	Đẩy nước	Vào nước	Lần 4		Thở ra nhanh
6	Kết thúc đẩy nước	Tỳ, ôm nước		Lần 5	Hít vào
7	Rút tay khỏi nước	Bắt đầu quạt nước			Hít vào
8	Vung tay về trước	Quạt nước	Lần 6		Nhịn thở

Phối hợp hoàn chỉnh kiểu bơi trườn sấp là sự phối hợp toàn bộ của các động tác của chân-tay- thở của kiểu bơi theo một kết cấu, có nhịp điệu hợp lý tạo ra tốc độ bơi cao, đều, tiết kiệm được sức.

Căn cứ vào các tiết tấu hoạt động của động tác chân, động tác tay và thở người ta thấy có bốn cách phối hợp trong bơi trườn sấp.

- *Cách thứ nhất*: 6 : 2 : 1 (sáu lần đạp chân của hai bên, hai lần quạt tay của hai bên, một lần hít vào và thở ra). Đây là cách phối hợp cơ bản phổ biến nhất, cách phối hợp này được thể hiện ở bảng 2.

Qua bảng 2 ta có diễn giải một cách dễ hiểu hơn phối hợp bơi trườn sấp: Một quạt tay có ba lần đạp chân xuống.

+ Tay phải ôm tỳ nước, chân phải đạp xuống lần thứ nhất (lần 2 ở bảng 2) thở ra. Tay phải kéo nước, chân trái đạp xuống lần 2 (lần 4 ở bảng 2) thở ra hết kết thúc thở ra.

+ Tay trái cách phối hợp tương tự nhưng ngược lại.

Sự phối hợp giữa các lần quạt tay và những lần đạp chân rất chính xác, đến nỗi sự bắt đầu và kết thúc của mỗi lần đạp xuống xảy ra đồng thời một cách chính xác với sự bắt đầu và kết thúc của các giai đoạn quạt tay trong nước tương ứng (ôm tỳ nước, quạt nước, đẩy nước). Chính vì vậy mà người ta đề nghị đây là sự phối hợp tốt nhất giữa tay và chân. (hình 44)

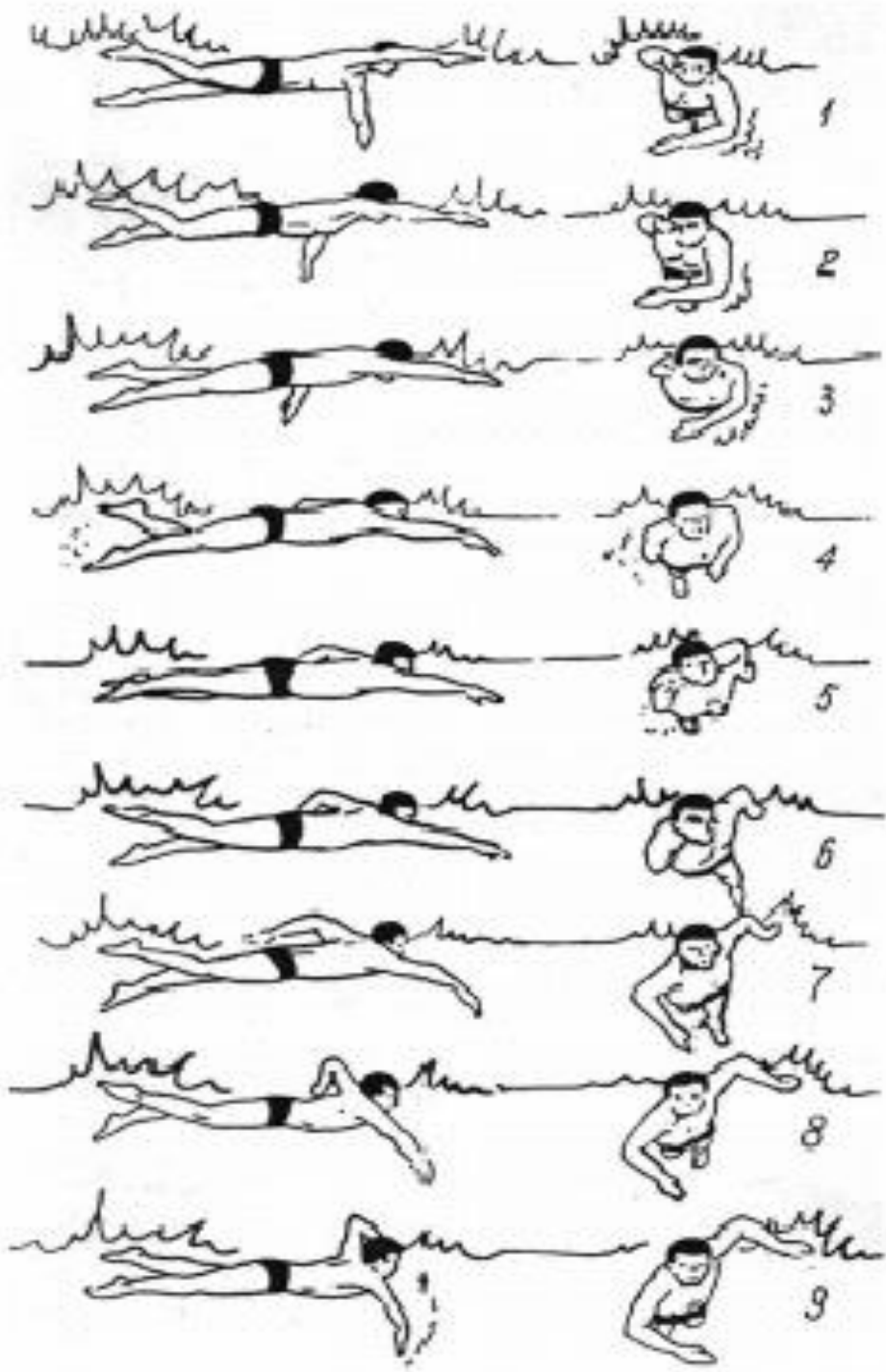
Tuy nhiên nhiều VĐV thể giới thành công tất cả cự ly thi đấu khi dùng nhịp điệu phối hợp khác

- *Cách thứ hai*: 2 : 2 : 1 (Hai lần đạp chân của hai bên, hai lần quạt tay của 2 bên, một lần hít vào và thở ra). Kiểu phối hợp này thực hiện một lần quạt nước của tay có một lần chân cùng bên đạp xuống dưới. Tay chân bên phía đối diện cũng vậy. Kiểu phối hợp này thường là những VĐV có độ nổi tốt, tay khỏe và phối hợp liên tục, nhanh, đều.

Cũng cách phối hợp này nhưng hơi khác một chút của động tác đó là chân đạp chéo (Hình 45)

Chân đạp chéo là khi chân đạp xuống kết thúc chuyển động lên và vào trong, trong khi chân kia ở trên đạp xuống về phía nó làm cho chân bắt chéo nhau khi vận động viên quạt tay xuống tỳ nước. Kế đó chân không bắt chéo khi đạp xuống trong pha quạt vào (kéo nước) và quạt lên (đẩy nước) của động tác tay, mà đạp xuống theo kiểu 2 đạp thẳng. Chân bắt chéo nằm trên luôn luôn sẽ là chân tương ứng với cánh tay

đang quạt. Ví dụ: Chân phải bắt chéo trên chân trái khi tay phải đang quạt nước. Ngược lại xảy ra khi tay trái đang quạt, chân trái bắt chéo trên chân phải, chân cùng bên với tay là chân đạp xuống cùng với tay đó thực hiện quạt nước.



Hình 44

Cách đạp chân này là sự lựa chọn của những VĐV chân bị chìm, dẻo vai kém vì thế vùng tay rộng thấp, quay đầu nhiều để thở trong kiểu phối hợp: 2:2:1.

- *Cách thứ ba:* 4:2:1 (bốn lần đạp chân của 2 bên, hai lần quạt tay của 2 bên, một lần hít vào thở ra).



Hình 45

Nhịp điệu phối hợp này thực chất là sự phối hợp của hai loại phối hợp trên. Một lần quạt tay ở dưới nước có hai lần đạp chân xuống. Nhiều VĐV sử dụng phối hợp 2 đạp chân phía bên thở có lẽ hít vào được dễ dàng hơn hoặc không quạt tay ở phía dưới cơ thể nhiều phía bên đó.

- *Cách thứ tư:* 9:3:1 Sử dụng trong bơi cự ly ngắn và thở cả 2 bên một chu kỳ rưỡi thở một lần, (nghĩa là chín đạp chân, ba quạt tay của 2 bên và một lần thở) với cách thở này thời gian nhịn thở sẽ kéo dài hơn.

GIẢNG VIÊN

Hà Nội, ngày tháng năm
TRƯỞNG KHOA

HỆ THỐNG BÀI TẬP, ĐÁP ÁN THI, KIỂM TRA

Bài: KỸ THUẬT BƠI TRÒN SẤP

Thuộc môn học: **Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra**

(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

I. BÀI TẬP:

1. Kiểm tra điều kiện: Bơi tự do tính thành tích :

- Nam: Bơi tự do 35m

- Nữ: Bơi tự do 25m

2. Kiểm tra học phần: Bơi tự do tính thành tích :

- Nam: Bơi tự do 50m

- Nữ: Bơi tự do 35m

II. THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN

1. Tiêu chuẩn đánh giá, thang điểm thi kiểm tra điều kiện: Bơi tự do

(thang điểm 10 điểm tính thành tích)

- Nam: Bơi tự do 35m

Điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời gian bơi	> 59''	56'' -	52'' -	48'' -	44'' -	40'' -	36'' -	32'' -	28'' -	24'' -	< 24''
Bơi không đủ cự ly 35m: không đạt yêu cầu											

- Nữ: Bơi tự do 25m

Điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời gian bơi	> 60''	57'' -	53'' -	49'' -	45'' -	41'' -	37'' -	33'' -	29'' -	25'' -	< 25''
Bơi không đủ cự ly 25m: không đạt yêu cầu											

2. Tiêu chuẩn đánh giá, thang điểm thi kiểm tra học phần: Bơi tự do (thang điểm 10 điểm tính thành tích)

- Nam: Bơi tự do 50m

Điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời gian bơi	> 1'21''	1'17'' - 1'21''	1'12'' - 1'16''	1'07'' - 1'11''	1'02'' - 1'06''	57'' - 1'01''	52'' - 56''	47'' - 51''	42'' - 46''	33'' - 41''	< 32''
Bơi không đủ cự ly 50m: không đạt yêu cầu											

- Nữ: Bơi tự do 35m

Điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thời gian bơi	> 1'10''	1'07'' - 1'10''	1'03'' - 1'06''	59'' - 1'02''	55'' - 58''	51'' - 54''	47'' - 50''	43'' - 46''	39'' - 42''	35'' - 38''	< 35''
Bơi không đủ cự ly 35m: không đạt yêu cầu											

GIẢNG VIÊN

Hà Nội, ngày tháng năm
TRƯỞNG KHOA

TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU HỌC TẬP

Bài: KỸ THUẬT BƠI TRƯỜN SẤP

Thuộc môn học: **Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra**
(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

1. Giáo trình chính

- Giáo trình Giáo dục thể chất, Học viện CSND, 2019.
- Giáo trình bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang năm 2017

2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình bơi thể thao - Trường Đại học TDTT Bắc Ninh - Nxb Thể dục thể thao - 2015.
- Hỏi đáp về luật thi đấu các môn thể thao - Học viện CSND - 2003
- Những bài tập trong Bơi lội - Học viện CSND - 2010.
- Phương pháp huấn luyện giảng dạy kỹ thuật bơi ếch và bơi trườn sấp - Học viện CSND năm 2011.
- Kỹ thuật và phương pháp tập luyện một số môn thể thao tự chọn - Học viện CSND năm 2013.

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẢNG VIÊN

TRƯỞNG KHOA



HỒ SƠ BÀI GIẢNG

BÀI: KỸ THUẬT BƠI BAO GÓI

**Thuộc môn học: BƠI VỮ TRANG QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA
(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)**

KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG

Bài: KỸ THUẬT BƠI BAO GÓI

Thuộc môn học: **Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra**

(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1.1. Mục tiêu

1.1.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật bơi bao gói, nhằm phát triển thể lực, các tố chất vận động như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp vận động. Ứng dụng trong thực tế chiến đấu của lực lượng vũ trang.

1.1.2. Về kỹ năng

- Sinh viên có khả năng thực hành thành thạo kỹ thuật bơi bao gói, vừa bơi vừa sẵn sàng chiến đấu trong tình huống cần thiết.

- Trang bị cho sinh viên những kỹ năng, kỹ xảo vận động dưới nước áp dụng trong đời sống hàng ngày, phục vụ trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trên môi trường sông nước nhằm bảo vệ trật tự an toàn xã hội, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

1.1.3. Về thái độ

Giáo dục cho sinh viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, say mê học tập, chấp hành kỷ luật tốt, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong học tập.

1.2. Yêu cầu

1.2.1 Đối với giảng viên

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo phục vụ công tác lên lớp đúng thời gian quy định. Lấy các ví dụ thực tế làm cho bài học sinh động hơn.

- Hạ khoa mục, hướng dẫn, tổ chức thực hành có chất lượng tốt kỹ thuật bao gói.

- Giải đáp các vướng mắc của sinh viên, sửa chữa những sai sót sinh viên thường mắc phải trong quá trình tập luyện, kịp thời động viên cá nhân đạt thành tích tốt trong tập luyện và chiếu cố đặc điểm cá nhân.

- Hướng dẫn sinh viên tập luyện theo các nguyên tắc và phương pháp của Giáo dục thể chất, tuần tự từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó. Ra các bài tập ngoại khóa cho sinh viên tập luyện nâng cao thành tích.

1.2.2. Đối với sinh viên

- Nắm vững kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành kỹ thuật bơi bao gói từ đó nghiên cứu tập luyện được chủ động.

- Khắc phục khó khăn, mệt mỏi, tránh tư tưởng ngại khó, ngại khổ, rèn luyện thường xuyên liên tục để đạt kết quả cao trong học tập.

- Chấp hành nghiêm kỷ luật tại bể bơi, khi tập luyện tuyệt đối tuân thủ mệnh lệnh của giảng viên hướng dẫn. Thực hiện tốt công tác bảo hiểm đảm bảo an toàn cao nhất trong tập luyện.

II. THỜI GIAN, NỘI DUNG BÀI GIẢNG

2.1. Thời gian

Tổng số : 08 tiết

- Lý thuyết và hạ khoa mục : 01 tiết (Tiết 21)

- Tập luyện xen lẫn sửa chữa kỹ thuật : 16 tiết (Tiết 22 đến tiết 27)

- Kiểm tra đánh giá kết quả : 01 tiết (Tiết 28)

2.2. Nội dung bài giảng

Phần I. Cách bao gói phao ni lông

Phần II. Cách bơi có phao ni lông và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ dưới nước

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC.

3.1. Đối với giảng viên

Quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng phương pháp giới thiệu trực quan kết hợp phân tích nội dung lý thuyết và thực hành làm mẫu động tác; tổ chức cho sinh viên thực hành.

Hạ khoa mục được tiến hành theo các bước sau:

- Bước 1: Làm nhanh động tác một lần gây hưng phấn, tạo sự chú ý cho sinh viên.

- Bước 2: Làm chậm kết hợp phân tích lí thuyết động tác.
- Bước 3: Làm tổng hợp giúp sinh viên ghi nhớ hoàn chỉnh động tác.
- Bước 4: Kiểm tra nhận thức và phân đoạn động tác.

3.2. Đối với sinh viên

- Sinh viên chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo để nắm rõ thêm nội dung động tác.

- Sinh viên nghiên cứu và thực hiện các bài tập bổ trợ cho từng giai đoạn kỹ thuật của giảng viên, lắng nghe giảng viên nhận xét sau mỗi động tác kỹ thuật.

- Sinh viên tích cực tập luyện để hoàn thiện kỹ thuật động tác và nâng cao thể lực, phát triển các tố chất như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền.

- Nghiên cứu và thực hiện động tác theo từng bước:

+ Bước 1: Thực hiện nội dung động tác theo từng giai đoạn

+ Bước 2: Thực hiện hoàn thiện cả kỹ thuật

IV. ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG TIỆN VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP

4.1. Địa điểm và cơ sở vật chất

- Lý thuyết học tại nhà thi đấu đa năng Học viện Cảnh sát nhân dân

- Thực hành tại bể bơi Học viện Cảnh sát nhân dân

4.2. Phương tiện dạy học

4.2.1. Đối với giảng viên

Chuẩn bị hồ sơ bài giảng bao gồm: Kế hoạch dạy học, đề cương dạy học, giáo án dạy học.

4.2.2. Đối với sinh viên

- Chuẩn bị trang phục tập luyện:

+ Quần áo bơi, kính mũ bơi, phao tập bơi, đồng hồ bấm giờ.

+ Tãng bạt, bao li nôm, quần áo, mũ, ba lô, giày dù.

+ Giáo viên cho sinh viên nhân súng tại kho súng.

- Vệ sinh súng và khu vực tập luyện trước và sau mỗi buổi tập luyện.

4.3. Hệ thống tài liệu

- Giáo trình chính: Bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang, Học viện CSND xuất bản năm 2017.

- Tài liệu tham khảo.

+ Tài liệu huấn luyện Cảnh sát cơ động - Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động, xuất bản năm 2017.

+ Giáo trình huấn luyện bơi vũ trang - Trường Sĩ quan lục quân I, xuất bản năm 2008.

+ Tập bài giảng cứu hộ, cứu nạn dưới nước - Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, xuất bản năm 2012.

GIẢNG VIÊN

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT BÀI GIẢNG**Bài: KỸ THUẬT BƠI BAO GÓI**Thuộc môn học: **Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra**
(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

TIẾT HỌC	NỘI DUNG BÀI GIẢNG	THỜI GIAN	MỤC TIÊU YÊU CẦU	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
Tiết 21,22	Phổ biến khái quát kế hoạch dạy học, trong đó lưu ý: - Thời gian bố cục, nội dung bài học - Các tài liệu tham khảo	5'	Sinh viên nắm được các yêu cầu về tài liệu học tập, thời gian học tập, bố cục và nội dung bài học.	Thuyết trình
	I. Khái niệm bơi bao gói	5'	- Sinh viên hiểu và nắm được khái niệm bơi bao gói	Thuyết trình
	II. Trường hợp vận dụng	10'	- Sinh viên hiểu và nắm được các trường hợp vận dụng của bơi bao gói	Thuyết trình
	III. Kỹ thuật động tác	25'	- Sinh viên định hình động tác và thực hiện thuận thực bơi vũ trang.	- Làm mẫu, kết hợp phân tích
	Kiểm tra nhận thức, nhận xét lớp - Kiểm tra nhận thức của sinh viên - Nhận xét	5'	- Kiểm tra nhận thức của sinh viên sau khi giảng viên hạ khoa mục. - Sinh viên thấy rõ mục đích của buổi học và sự cần thiết của tiết học lý thuyết kỹ thuật bơi bao gói	- Đặt câu hỏi và giải đáp sau khi sinh viên đã trả lời. - Giảng viên tập trung lớp nhận xét tiết học (nhận xét ưu nhược điểm).

TIẾT HỌC	NỘI DUNG BÀI GIẢNG	THỜI GIAN	MỤC TIÊU YÊU CẦU	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
	<ul style="list-style-type: none"> + Tay vai + Tay ngực + Tay lườn + Vận mình + Lung bụng + Chân lẳng + Toàn thân <p>- Khởi động các khớp: Cổ, vai, khuỷu tay, hông, đùi, gối, cổ chân cổ tay kết hợp và ép ngang, ép dọc, ép vai, ép khuỷu tay</p> <p>b. Khởi động chuyên môn 3 tổ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hai tay đuôi nhau xuôi + Hai tay đuôi nhau ngược + Hai tay cùng một lúc xuôi + Động tác đứng lên ngồi xuống <p>2. Nội dung</p> <p>a. Trên cạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên phổ biến danh sách các đường bơi, đợt bơi. - Nhắc nhở và thống nhất về phương pháp tổ chức kiểm tra cũng như kinh nghiệm trong khi kiểm tra <p>b. Dưới nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động dưới nước - Tổ chức kiểm tra (điểm được tính bằng kỹ thuật và cự ly bơi) + Bơi báo gói 35m Nam + Bơi bao gói 25m nữ 	35'	- Đánh giá năng lực của sinh viên	- Thực hành

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẢNG VIÊN

TRƯỞNG KHOA

GIÁO ÁN BÀI GIẢNG

Bài: KỸ THUẬT BƠI BAO GÓI

Thuộc môn học: Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra

(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

I. Khái niệm

Bơi bao gói là một trong những nội dung bơi ứng dụng và cũng là kỹ thuật bơi ếch vận dụng. Trong đó cán bộ chiến sĩ dùng dây buộc vào thắt lưng để kéo theo bao gói có khối lượng lớn, được gói trong bao li nông. Có thể nổi hoặc chìm trong nước tùy từng trường hợp cụ thể.

II. Trường hợp vận dụng

Bơi bao gói áp dụng trong trường hợp người chỉ huy cần tiến hành trinh sát trước địa hình, địa vật trước khi tổ chức cho đơn vị hoặc cán bộ, chiến sĩ đi trinh sát tiến hành chuẩn bị gói phao vượt địa hình sông nước.

III. Kỹ thuật động tác

- Chọn vị trí chuẩn bị gói phao

Khi chọn cần chú ý những điểm sau đây:

+ Vị trí trú quân phải đảm bảo yếu tố bí mật, có thể quan sát được khoảng rộng địa hình xung quanh hai bên bờ sông.

+ Vị trí dùng chuẩn bị gói phao cần chọn những nơi tương đối bằng phẳng, tránh nơi có cành cây khô, cây dương xỉ, gai nhọn, đá dăm nhằm hạn chế những vật này có thể đâm làm thủng hoặc rách phao gây khó khăn cho quá trình khi vận động dưới nước (nước có thể ngấm qua các lỗ thủng và rách làm ướt ba lô gây ra tình trạng lênh và ảnh hưởng quá trình bơi cũng như quan sát địa hình, địa bàn và đối tượng).

+ Vị trí bên sông, bến lèn cần chú ý chọn những vị trí không có cát sục hoặc bãi lầy gây nguy hiểm và lộ đường hướng vận động của cán bộ, chiến sĩ.

- Cách bao gói phao li nông

+ Khi bao gói phải tuân thủ các nguyên tắc sau: Vật to nặng đặt xuống dưới, vật sắc, nhọn cho vào trong, chia đều trọng lượng để khi đặt phao xuống nước được thăng bằng.

+ Cách bao gói theo các bước sau đây

* Chọn chỗ bằng phẳng, tránh nơi có gai nhọn, đá dăm... trải rộng tấm tăng li nông hoặc li nông che mưa.

* Trước hết đặt ba lô, túi lựu đạn, bi tông, giày dép và cởi bỏ quần áo đang mặc xếp trùm lên trên, sau đó đặt mũ và dùng dây buộc túm cái mép ni lông lại.

* Bên ngoài phao phía dưới buộc xêng, phía trên buộc súng tiểu liên AK hoặc súng trường, cuối cùng đặt phao nhẹ thành xuống nước để xem phao nổi có cân bằng hay không và điều chỉnh lại.

- Cách bơi có phao li nông: Có thể theo các cách sau

+ Hai tay bám phao, hai chân đạp theo kiểu chân ếch

+ Một tay bám phao, một tay quạt nước, hai chân đạp theo kiểu bơi ếch.

+ Buộc dây vào phao, một đầu dây buộc ngang hông hoặc khoác vào vai dùng động tác bơi ếch để kéo.

- Điểm chú ý

+ Quá trình bơi yêu cầu người chiến sĩ luôn quan sát địa hình, quan sát mục tiêu, sẵn sàng nổ súng trấn áp khi có tình huống hoặc được mệnh lệnh của cấp trên

+ Vận dụng động tác bơi ếch thuần thục, kết hợp chân tay nhịp nhàng không để phát ra tiếng động, không để nổi gợn sóng làm lộ hành động.

+ Giữ vững cự ly giữa các tổ, đội, đảm bảo theo đội hình chữ A, chữ V yểm trợ cho các tổ, các hướng khi vận động tiếp cận mục tiêu.

GIẢNG VIÊN

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA

BỘ CÔNG AN
HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU HỌC TẬP

Bài: KỸ THUẬT BƠI BAO GÓI

Thuộc môn học: **Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra**
(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

1. Giáo trình chính

- Giáo trình chính: Bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang, Học viện CSND xuất bản năm 2017

2. Tài liệu tham khảo

+ Tài liệu huấn luyện Cảnh sát cơ động - Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động, xuất bản năm 2017.

+ Giáo trình huấn luyện bơi vũ trang - Trường Sĩ quan lục quân I, xuất bản năm 2008.

+ Tập bài giảng cứu hộ, cứu nạn dưới nước - Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, xuất bản năm 2012.

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẢNG VIÊN

TRƯỞNG KHOA

HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN
KHOA QUÂN SỰ, VÕ THUẬT, THỂ DỤC THỂ THAO



HỒ SƠ BÀI GIẢNG

BÀI: PHƯƠNG PHÁP CỨU ĐUỔI

Thuộc môn học: BƠI VỮ TRANG QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA
(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG

Bài: PHƯƠNG PHÁP CỨU ĐUỐI

Thuộc môn học: **Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra**

(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1.1. Mục tiêu

1.1.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về các phương pháp cứu đuối, phương pháp dìu người bị đuối nước và phương pháp hà hơi thổi ngạt, ép tim ngoài lồng ngực, nhằm trang bị những kiến thức trong công tác cứu nạn, cứu hộ để giúp người dân trong công tác phòng chống thiên tai bão lũ.

1.1.2. Về kỹ năng

- Sinh viên có khả năng thực hành thành thạo phương pháp cứu đuối trực tiếp, phương pháp thoát khỏi khi bị ôm, túm, thực hành thành thạo dìu người bị đuối nước và phương pháp hà hơi thổi ngạt, ép tim ngoài lồng ngực

- Trang bị cho sinh viên những kỹ năng, kỹ xảo vận động trong công tác cứu nạn, cứu hộ áp dụng trong đời sống hàng ngày, phục vụ trong công tác hỗ trợ nhân dân phòng, chống thiên tai, bão lũ.

1.1.3. Về thái độ

Giáo dục cho sinh viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, say mê học tập, chấp hành kỷ luật tốt, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong học tập.

1.2. Yêu cầu

1.2.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo phục vụ công tác lên lớp đúng thời gian quy định. Lấy các ví dụ thực tế làm cho bài học sinh động hơn.

- Hạ khoa mục, hướng dẫn, tổ chức thực hành có chất lượng tốt kỹ thuật các phương pháp trong cứu đuối.

- Giải đáp các vướng mắc của sinh viên, sửa chữa những sai sót sinh viên thường mắc phải trong quá trình tập luyện, kịp thời động viên cá nhân đạt thành tích tốt trong tập luyện và chiếu cố đặc điểm cá nhân.

- Hướng dẫn sinh viên tập luyện theo các nguyên tắc và phương pháp của Giáo dục thể chất, tuần tự từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó. Ra các bài tập ngoại khóa cho sinh viên tập luyện nâng cao thành tích.

1.2.2. Đối với sinh viên

- Nắm vững kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành kỹ thuật phương pháp cứu đuối từ đó nghiên cứu tập luyện được chủ động.

- Khắc phục khó khăn, mệt mỏi, tránh tư tưởng ngại khó, ngại khổ, rèn luyện thường xuyên liên tục để đạt kết quả cao trong học tập.

- Chấp hành nghiêm kỷ luật tại bể bơi, khi tập luyện tuyệt đối tuân thủ mệnh lệnh của giảng viên hướng dẫn. Thực hiện tốt công tác bảo hiểm đảm bảo an toàn cao nhất trong tập luyện.

II. THỜI GIAN, NỘI DUNG BÀI GIẢNG

2.1. Thời gian

Tổng số : 12 tiết

- Lý thuyết và hạ khoa mục : 01 tiết (Tiết 29)

- Tập luyện xen lẫn sửa chữa kỹ thuật : 10 tiết (Tiết 30 đến tiết 39)

- Kiểm tra đánh giá kết quả : 01 tiết (Tiết 40)

2.2. Nội dung bài giảng

Phần I. Phương pháp cứu đuối

Phương pháp cứu đuối gián tiếp

Phương pháp cứu đuối trực tiếp

Phần II. Cách dìu người bị đuối nước

Phương pháp giải thoát khi bị ôm, túm

Cách bơi dìu người bị đuối nước

Phần III. Phương pháp hô hấp nhận tạo và xoa ép tim ngoài lồng ngực

Phần trọng tâm: Phần II. III.

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC.

3.1. Đối với giảng viên

Quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng phương pháp giới thiệu trực quan kết hợp phân tích nội dung lý thuyết và thực hành làm mẫu động tác; tổ chức cho sinh viên thực hành.

Hạ khoa mục được tiến hành theo các bước sau:

- Bước 1: Làm nhanh một lần gây hưng phấn, tạo sự chú ý cho sinh viên.

- Bước 2: Làm chậm kết hợp phân tích lý thuyết tương nội dung.

- Bước 3: Làm tổng hợp giúp sinh viên ghi nhớ hoàn chỉnh nội dung.

- Bước 4: Kiểm tra nhận thức.

3.2. Đối với sinh viên

- Sinh viên chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo để nắm rõ thêm nội dung động tác.

- Sinh viên nghiên cứu và thực hiện các bài tập bổ trợ cho từng nội dung của giảng viên, lắng nghe giảng viên nhận xét sau mỗi nội dung .

- Sinh viên tích cực tập luyện để thực hiện thành thạo các nội dung được học

IV. ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG TIỆN VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP

4.1. Địa điểm và cơ sở vật chất

- Lý thuyết học tại nhà thi đấu đa năng Học viện Cảnh sát nhân dân

- Thực hành tại bể bơi Học viện Cảnh sát nhân dân

4.2. Phương tiện dạy học

4.2.1. Đối với giảng viên

Chuẩn bị hồ sơ bài giảng bao gồm: Kế hoạch dạy học, đề cương dạy học, giáo án dạy học.

4.2.2. Đối với sinh viên

- Chuẩn bị trang phục tập luyện: Quần áo bơi, kính mũ bơi, phao cứu đuối, hình nộm,

- Vệ sinh khu vực tập luyện trước và sau mỗi buổi tập luyện.

4.3. Hệ thống tài liệu

- Giáo trình chính: Giáo trình Giáo dục thể chất, Học viện CSND xuất bản năm 2019

- Tài liệu tham khảo.

- Giáo trình chính: Bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang, Học viện CSND xuất bản năm 2017.

- Tài liệu tham khảo.

+ Tài liệu huấn luyện Cảnh sát cơ động - Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động, xuất bản năm 2017.

+ Giáo trình huấn luyện bơi vũ trang - Trường Sĩ quan lục quân I, xuất bản năm 2008.

+ Tập bài giảng cứu hộ, cứu nạn dưới nước - Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, xuất bản năm 2012.

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẢNG VIÊN

TRƯỞNG KHOA

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT BÀI GIẢNG

Bài: PHƯƠNG PHÁP CỨU ĐUỐI

Thuộc môn học: **Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra**
(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

TIẾT HỌC	NỘI DUNG BÀI GIẢNG	THỜI GIAN	MỤC TIÊU YÊU CẦU	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
Tiết 29,30	<p>Phổ biến khái quát kế hoạch dạy học, trong đó lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bố cục, nội dung bài học phương pháp cứu đuối - Các tài liệu tham khảo 	5'	Sinh viên nắm được các yêu cầu về tài liệu học tập, thời gian học tập, bố cục và nội dung bài học.	Thuyết trình
	<p>I. Khái niệm, tầm quan trọng của công tác cứu nạn, cứu hộ dưới nước.</p> <p>1.1. Khái niệm cứu nạn, cứu hộ dưới nước.</p> <p>1.2. Tầm quan trọng của công tác cứu nạn, cứu hộ dưới nước</p> <p>II. Phương pháp cứu đuối</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cứu đuối gián tiếp - Cứu đuối trực tiếp <p>III. Cách dìu người bị đuối nước</p> <p>1. Các phương pháp giải thoát khi bị ôm, túm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giải thoát khi bị túm tay - Phương pháp giải thoát khi bị ôm ghì phía sau gáy - Phương pháp giải thoát khi bị ôm cổ từ phía trước - Phương pháp giải thoát khi bị ôm ngang lưng ở phía trước - Phương pháp giải thoát khi bị ôm ngang từ phía sau - Phương pháp giải thoát khi bị ôm chặt cả thân và hai tay từ phía sau lưng. 	5' 5' 15'	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên hiểu và nắm được khái niệm, tầm quan trọng công tác cứu nạn, cứu hộ. - Nắm được các phương pháp cứu đuối. - Nắm được cách thoát khi bị người đuối nước ôm, túm và biết cách đưa nạn nhân vào bờ - Nắm được phương pháp hô hấp nhân tạo và ép tim ngoài lồng ngực. - Sinh viên thấy rõ những sai sót thường gặp ở từng phương pháp. Qua đó, sinh viên rút ra kinh nghiệm và tránh 	<p>Thuyết trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm mẫu, kết hợp phân tích - Làm nhanh một lần động tác mẫu. - Làm chậm kết hợp phân tích nội dung phương pháp

	<ul style="list-style-type: none"> + Tay vai + Tay lườn + Lưng bụng + Toàn thân <ul style="list-style-type: none"> + Tay ngực + Vặn mình + Chân lẳng <p>- Khởi động các khớp: Cổ, vai, khuỷu tay, hông, đùi, gối, cổ chân cổ tay kết hợp và ép ngang, ép dọc, ép vai, ép khuỷu tay</p> <p>b. Khởi động chuyên môn 3 tổ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hai tay đuôi nhau xuôi + Hai tay đuôi nhau ngược + Hai tay cùng một lúc xuôi + Động tác đứng lên ngồi xuống <p>2. Dưới nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên làm mẫu các tình huống bị người đuối nước ôm, túm và cách thực hiện để giải thoát. - Sinh viên thực hành kỹ thuật giải thoát khi bị ôm, túm (mỗi kỹ thuật thực hiện 3 lần) - Bài tập thể lực - Bơi ếch (3x50m) - Bơi trườn sấp (2x50m) 				<p>- Thực hiện thành thạo kỹ thuật giải thoát khi bị ôm, túm</p>	<p>- Làm mẫu các tình huống bị ôm túm và cách giải thoát.</p>
Tiết 33,34	<p>1. Tập khởi động</p> <p>a. Khởi động chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy quanh 2 vòng bể - Tập bài tập phát triển chung 3x8 nhịp <ul style="list-style-type: none"> + Tay vai + Tay lườn + Lưng bụng + Toàn thân <ul style="list-style-type: none"> + Tay ngực + Vặn mình + Chân lẳng <p>- Khởi động các khớp: Cổ, vai, khuỷu tay, hông, đùi, gối, cổ chân cổ tay kết hợp và ép ngang, ép dọc, ép vai, ép khuỷu tay</p> <p>b. Khởi động chuyên môn 3 tổ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hai tay đuôi nhau xuôi + Hai tay đuôi nhau ngược + Hai tay cùng một lúc xuôi + Động tác đứng lên ngồi xuống <p>2. Dưới nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên làm mẫu cách bơi dìu người bị đuối nước và cách đưa nạn nhân vào lên bờ. - Thực hiện kỹ thuật bơi tiếp cận nạn nhân và dìu nạn nhân vào bờ (5x25m) 			<p>- Khởi động chung và khởi động chuyên môn</p>	<p>- Thực hành</p>	
				<p>- Thực hiện đúng kỹ thuật bơi dìu người bị đuối nước</p>	<p>- Làm mẫu các kỹ thuật bơi tiếp cận nạn nhân và đưa nạn nhân</p>	

GIÁO ÁN BÀI GIẢNG

Bài: PHƯƠNG PHÁP CỨU ĐUỐI

Thuộc môn học: **Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra**

(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

Tóm tắt: Cứu hộ cứu nạn bơi ngày càng có ý nghĩa, tầm quan trọng đặc biệt đối với việc phòng chống thiên tai và tai nạn đuối nước. Nội dung chương IX trình bày những kiến thức cơ bản về nguy cơ đuối nước, nguyên nhân đuối nước, nghĩa vụ, trách nhiệm của lực lượng cứu hộ cứu nạn và các huấn luyện viên, giáo viên và VĐV bơi, các phương pháp cứu đuối và sơ cứu ban đầu. Trình bày yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách, cách xây dựng các loại bể bơi; các loại dụng cụ hỗ trợ tập luyện bơi nâng cao hiệu quả giảng dạy và huấn luyện. Hiểu rõ, nắm vững các kiến thức cần thiết về công tác quan trọng này là việc hết sức cần thiết và cấp bách đối với cán bộ, VĐV bơi thể thao.

I. PHƯƠNG PHÁP CỨU ĐUỐI

1. Khái niệm, tầm quan trọng của công tác cứu nạn, cứu hộ dưới nước.

1.1. Khái niệm cứu nạn, cứu hộ dưới nước:

- *Cứu nạn dưới nước:* Là các hoạt động cứu người bị nạn dưới nước thoát khỏi nguy hiểm đang đe dọa đến tính mạng của họ và đưa người bị nạn đến nơi an toàn.

- *Cứu hộ dưới nước:* Là các hoạt động trợ giúp phương tiện, tài sản đang ở dưới nước đang ở tình trạng không an toàn hoặc khu vực không an toàn thoát khỏi tình trạng không an toàn hoặc chuyển đến khu vực an toàn.

Hiện nay vẫn còn nhiều người nhầm lẫn về 2 khái niệm này.

- *Khái niệm cứu đuối:* Cứu đuối là biện pháp cứu những người bị đuối nước do phát sinh sự cố dưới nước.

1.2. Tầm quan trọng của công tác cứu nạn, cứu hộ dưới nước:

Các sự cố, thiên tai, tai nạn dưới nước có thể xảy ra bất cứ khi nào, bất cứ nơi đâu (không gian, thời gian, địa điểm) và kéo theo đó là thiệt hại rất lớn về người và tài sản nếu hoạt động cứu nạn, cứu hộ không kịp thời.

Hoạt động cứu hộ cứu nạn dưới nước kịp thời sẽ cứu giúp người bị nạn thoát khỏi nguy hiểm đang đe dọa đến tính mạng hay hoạt động trợ giúp phương tiện, tài sản đang ở tình trạng không an toàn để đưa đến vị trí an toàn hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản trong các sự cố, thiên tai, tai nạn dưới nước

2. Phương pháp cứu đuối.

Thông thường cứu đuối có hai phương pháp chính:

- Cứu đuối gián tiếp: Là người cứu đuối lợi dụng các dụng cụ cứu đuối sẵn có để cứu người bị đuối nước khi họ vẫn còn đang tỉnh. Ví dụ: quăng phao, dây, ván hoặc sào để kịp thời ứng cứu.(hình 216)

- Cứu đuối trực tiếp: Là khi không có dụng cụ cứu đuối hoặc người bị đuối nước đã ở vào trạng thái hôn mê thì dùng kỹ thuật cứu người bị đuối nước trực tiếp.



Hình 216

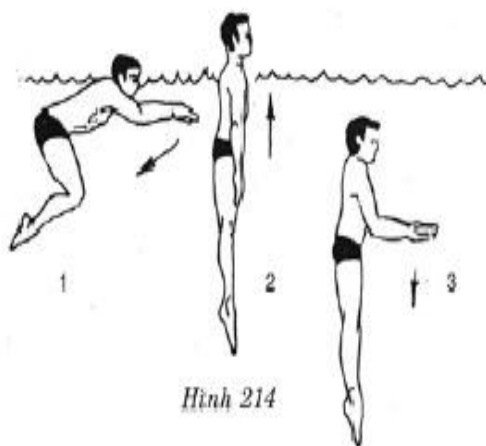


Hình 218

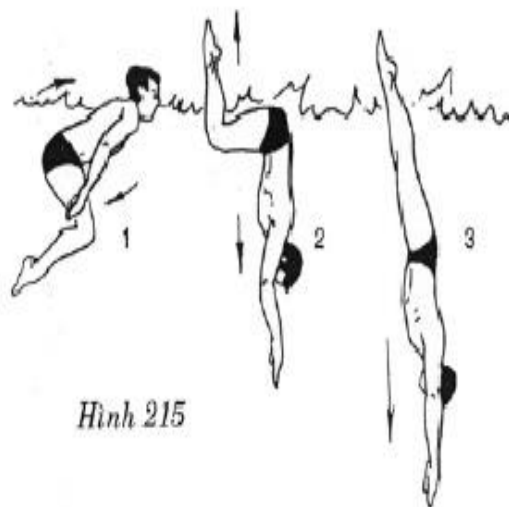
Hình 219



Hình 217



Hình 214



Hình 215

Khi cứu người trực tiếp cần chú ý các điểm sau để đưa ra cách thức cứu đuối hợp lý nhất:

- Người cứu đuối phải biết bơi, sau đó phải bình tĩnh quan sát vị trí và khoảng cách người bị đuối nước.

- Người cứu đuối quan sát địa hình khu vực cũng như dòng nước(chướng ngại vật, dòng chảy) có người bị đuối nước.

- Người cứu đuối phải thận trọng quan sát tình trạng người bị đuối nước khi tiếp cận họ để đưa ra phương pháp giải thoát khi cần thiết.

II. CÁCH DIU NGƯỜI BỊ ĐUỐI NƯỚC

1. Các phương pháp giải thoát khi bị ôm, túm.

Người cứu đuối phải biết giải thoát trong những tình huống bất ngờ và trước hết không để nạn nhân ôm, túm, giữ mình bằng cách quan sát khi tiếp cận, tránh tiếp cận từ phía trước mặt nạn nhân. Nếu nạn nhân quay mặt về phía mình thì khi đến gần lặn vòng ra sau nạn nhân để tiếp cận.

1.1. Phương pháp giải thoát khi bị túm tay.

Do tâm lý hoảng sợ, họ thường dẫy dựa, hoảng loạn tìm chỗ để bám và bám rất chặt. Vì vậy nếu người cứu đuối bị bám, ôm chặt thì phải bình tĩnh cách giải thoát bằng biện pháp lợi dụng nguyên lý đòn bẩy hoạt động trái khớp...

Nếu người bị đuối túm hai tay từ dưới hoặc phía trên, người cứu đuối phải nắm chặt hai nắm tay để xoay vào trong hoặc ngoài về phía ngón cái của người bị đuối để thoát rồi lặn vòng ra phía sau nạn nhân để khống chế và diu nạn nhân vào bờ. (Hình 222)

Nếu bị túm chặt một tay người cứu đuối, thì người cứu đuối nắm chặt nắm đấm của tay bị túm, tay kia cài vào giữa hai tay của người bị đuối, nắm lấy nắm đấm của tay bị túm kéo xuống để thoát rồi lặn vòng ra phía sau nạn nhân để khống chế và diu nạn nhân vào bờ.

1.2. Phương pháp giải thoát khi bị ôm ghì phía sau gáy.

Cầm chặt cổ tay người bị đuối nước, tay kia đưa xuống dưới đây khuỷu từ dưới lên làm cho người bị đuối phải quay người. Sau đó cúi đầu luôn qua nách và quay người lại để kéo cổ tay của họ ra rồi lặn vòng ra phía sau nạn nhân để khống chế và diu nạn nhân vào bờ (Hình 221)

1.3. Phương pháp giải thoát khi bị ôm cổ từ phía trước.

Dùng tay trái (phải) đẩy khuỷu tay bên phải (trái). Tay phải (trái) nắm chặt lấy cổ tay của người bị đuối kéo xuống dưới rồi đột ngột lặn chui xuống qua vòng tay của người bị đuối. Cầm cổ tay của người bị đuối xoay về phía dưới ra sau để tiến hành diu họ vào bờ (hình 221)

1.4. Phương pháp giải thoát khi bị ôm ngang lưng ở phía trước.

Một tay giữ chặt phía sau đầu người bị đuối, một tay đỡ cầm xoay đầu họ ra ngoài làm cho lưng người bị đuối xoay lưng vào mình rồi diu vào bờ (Hình 223)

1.5. Phương pháp giải thoát khi bị ôm ngang từ phía sau.

Dùng hai tay túm lấy một ngón tay ở cả hai bàn tay của người bị đuối, sau đó kéo dần sang hai bên buông một tay người bị đuối ra rồi lặn ra sau lưng người bị đuối nước và diu họ vào bờ (hình 223)

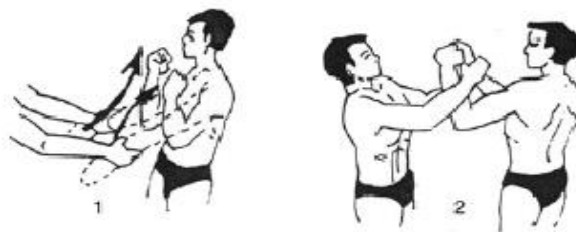
1.6. Phương pháp giải thoát khi bị ôm chặt cả thân và hai tay từ phía sau lưng.

Hai chân dùng sức đạp mạnh xuống dưới làm cho cả hai đều nổi lên cao. Khi nhô đầu lên khỏi mặt nước, hít vào một hơi thật sâu, đồng thời hai tay dùng sức khuỳnh ra ngoài đột ngột lặn xuống và thoát ra khỏi hai tay của người bị đuối. Tiếp đó quay lưng người bị đuối về phía mặt mình để dìu họ lên bờ, hoặc lặn vòng ra sau nạn nhân để tiếp cận dìu họ vào bờ.

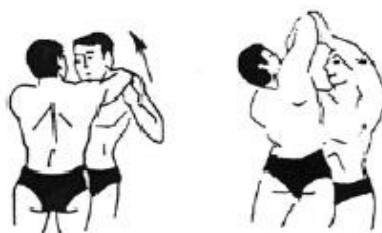
Trong những trường hợp khi người bị đuối ôm chặt cổ hoặc người quá chặt từ phía trước hoặc sau mà sức lại khỏe hơn thì người cứu đuối 2 tay cầm 2 khuỷu tay nạn nhân đưa 1 chân lên bụng nạn nhân đạp mạnh đồng thời đẩy tay nạn nhân lên trên, ngụp xuống để thoát. Nếu trường hợp không thoát ra được thì phải hít sâu, ngụp nhanh xuống đạp bật lên kêu cứu hoặc tiếp tục ngụp xuống để họ tự buông ra rồi tìm cách cứu người bị đuối.



Hình 221



Hình 220



Hình 222

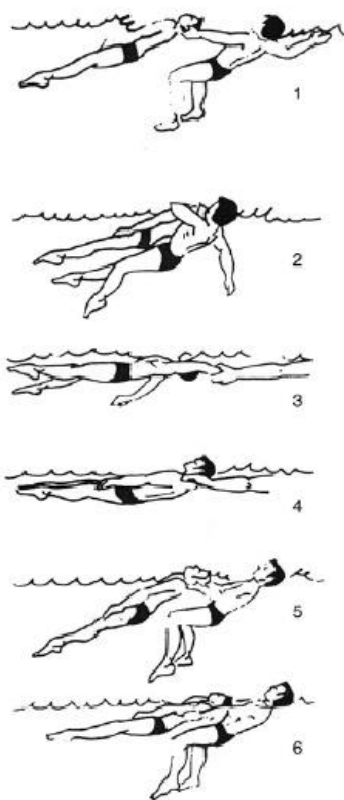


Hình 223

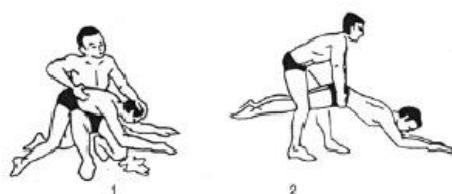
2. Cách dìu người bị đuối nước

Đây là phương pháp sử dụng bơi để kéo người bị đuối nước vào bờ. Thông thường sử dụng các kiểu bơi nghiêng hoặc bơi ngửa để nhanh chóng kéo người bị đuối nước vào nơi gần nhất. Có những cách dìu nạn nhân như sau:

- Một tay cầm phía sau gáy nâng mặt nạn nhân khỏi mặt nước bơi dìu nạn nhân vào bờ.
- Một tay cầm phía dưới cằm nâng mặt nạn nhân khỏi mặt nước bơi dìu nạn nhân vào bờ.
- Hai tay cầm 2 bên cằm nâng mặt nạn nhân khỏi mặt nước bơi dìu nạn nhân vào bờ.
- Một tay cầm tay, một tay nâng gáy nâng mặt nạn nhân khỏi mặt nước bơi dìu nạn nhân vào bờ. (Hình 224)



Hình 224



Hình 225

* Cách đưa nạn nhân lên bờ:

Sau khi dìu nạn nhân vào bờ cần nhanh chóng đưa họ lên để sơ cứu, trong trường hợp không có người trợ giúp, bờ cao cần đưa 1 tay nạn nhân lên trước, một tay đè xuống để giữ, nhảy hoặc trèo lên, quay lưng nạn nhân vào bờ, dùng 2 tay xóc nách kéo nạn nhân lên.

III. Hô hấp nhân tạo và xoa bóp tim ngoài lồng ngực

1. Hô hấp nhân tạo

Sau khi đưa nạn nhân lên bờ tiếp tục thực hiện các bước sau:

Bước 1: Dốc nước và thông đường hô hấp.

Trước tiên phải đưa nạn nhân vào nơi bằng phẳng không có gió lạnh, ít người, thoáng khí, sau đó cởi hết áo quần ra lau khô dùng ngón tay cuốn băng hoặc dùng khăn móc sạch bùn đất đờm ở miệng và mũi ra, nếu miệng ngậm chặt quá thì phải cậy miệng, dùng hai ngón tay cái đẩy từ sau ra trước, cùng lúc đó hai ngón trỏ và ngón cái đẩy cằm dưới để mở rộng hai hàm răng của người bị đuối, sau đó móc sạch bùn đất và tiến hành xóc dốc nước.

Cách 1: Người cứu đuối một chân chống, một chân quỳ để người bị đuối nằm áp bụng lên đầu gối người cứu, đầu chúc xuống, dùng tay vỗ hoặc ấn mạnh vào lưng cho nước chảy ra. Sau đó đặt lên chiếu hoặc chăn khô để hô hấp nhân tạo.

Cách 2: Để người bị đuối nằm sấp, hai tay duỗi thẳng trước đầu, mặt quay sang một bên, đứng 2 chân 2 bên, cúi người hai tay cầm vào hông, đứng lên kéo nạn nhân lên xóc để nước trào ra. (hình 225)

Bước 2: Kiểm tra mạch, kiểm tra đường hô hấp

Sau khi dốc nước (có thể ra nước hoặc không) đặt nạn nhân nằm xuống đưa tay vào cổ nạn nhân kiểm tra xem còn mạch đập không, kiểm tra lại miệng mũi xem còn dị vật, nếu còn thì tiếp tục móc ra, nếu mũi có dị vật thì người cứu lấy 1 tay giữ miệng, ngậm mồm vào mũi nạn nhân hút mạnh để các dị vật trong mũi ra hết.

Bước 3: Hô hấp nhân tạo

Người cứu sẽ theo nhịp thở của mình làm hô hấp nhân tạo cho người bị đuối (khoảng 18-20 lần/phút). Có nhiều cách hô hấp nhân tạo:

Cách 1: Đặt nạn nhân nằm sấp đầu nghiêng sang 1 bên, người cứu đứng 2 chân 2 bên nạn nhân, 2 tay đặt ngón cái vào sống lưng các ngón còn lại và bàn tay đặt vào khung sườn sau nạn nhân, dùng sức ấn từ từ xuống để ép lồng ngực nạn nhân đẩy khí trong phổi ra, thả tay ra từ từ để khung lồng ngực nở ra áp suất âm sẽ giúp khí theo vào phổi nạn nhân. Thực hiện chậm khoảng 18-29 lần/phút lặp lại cho đến khi người bị đuối thở lại được (Hình 227)



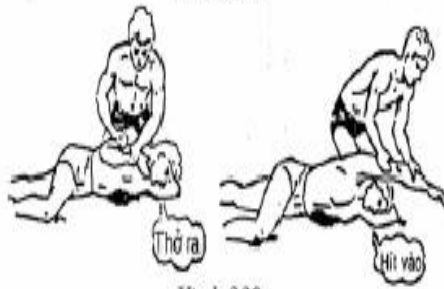
Hình 227



Hình 226



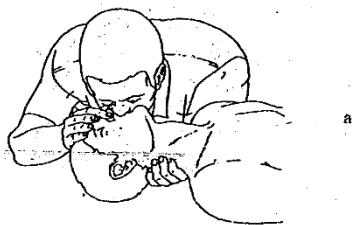
Hình 228



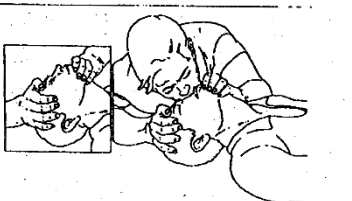
Hình 229

Cách 2: Đặt nạn nhân nằm ngửa, dưới lưng lót khăn nâng cao bụng. Chân người bị đuối hơi cong, tay duỗi thẳng trước đầu, dùng khăn quấn nửa người cho ấm. Kéo lưỡi làm cho đầu lưỡi thò ra ngoài miệng hoặc dùng miếng gỗ đặt giữa hai hàm răng cho miệng được há rộng. Người cứu quỳ bên cạnh người bị đuối, hai tay cầm tay người bị đuối đưa từ từ xuống khớp vào ngực, rồi dùng sức ấn mạnh xuống theo nhịp thở sau đó từ từ đưa về tư thế ban đầu.

Cách 3: Đặt nạn nhân nằm ngửa, dưới lưng lót khăn nâng cao bụng. Chân người bị đuối hơi cong, tay duỗi thẳng trước đầu, quỳ sau đầu nạn nhân cầm 2 tay nạn nhân đưa về phía trên đầu rồi đưa về trước ngực ấn mạnh xuống từ từ rồi thả ra, lặp lại theo nhịp thở.



Cách 4: Đặt nạn nhân nằm nghiêng đầu gối lên 1 tay, chân dưới duỗi thẳng chân trên co gối; người cứu quỳ sau lưng, cầm tay đưa lên đầu rồi đưa xuống ngực ấn mạnh từ từ sau đó thả ra đưa tay nạn nhân về trước đầu, lặp lại theo nhịp thở. (hình 229)



Hình 5: Hô hấp nhân tạo

Cách 5: Dùng phương pháp hà hơi thổi ngạt là một phương pháp tương đối hiệu quả. Dùng tay bịt mũi nạn nhân, một tay bóp cho nạn nhân há miệng, người cứu hít vào sâu rồi áp môi vào miệng người bị

đuổi thổi mạnh để đẩy không khí vào phổi người bị đuối nước. Lặp lại nhiều lần theo nhịp thở, có thể thổi vào mũi nạn nhân nếu đường mũi thông tốt (tay bịt miệng)

Nếu có 2 người cứu thì phối hợp 1 người đuổi và gấp tay hô hấp nhân tạo, một người hà hơi thổi ngạt, phải phối hợp ăn khớp với nhau, khi một người sau khi ấn thả tay thì người kia thổi khí vào.(hình 226).

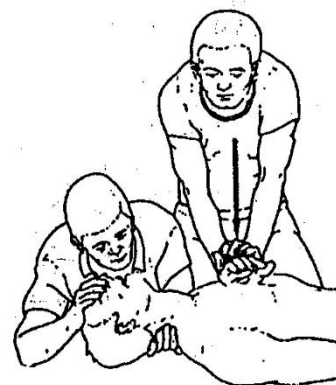
2. Xoa bóp tim ngoài lồng ngực

Nếu nạn nhân không còn mạch (tim ngừng đập) cùng với hô hấp nhân tạo phải day bóp tim ngoài lồng ngực. Người cứu đứng cúi, 2 bàn tay đặt chồng lên nhau bên trái ức (xương sườn thứ 3 từ dưới lên) nạn nhân ấn mạnh liên tục bằng cuống bàn tay theo nhịp 80-100l/p, cứ 10 lần day tim lại hô hấp nhân tạo.

Đối với trẻ em do xương còn yếu nên chỉ dùng 4 ngón tay để day bóp tim.(hình 7b)

Theo khuyến cáo của Tổ chức y tế thế giới WHO thì chỉ được phép khẳng định nạn nhân tử vong sau 120 phút hô hấp nhân tạo và day bóp tim ngoài lồng ngực và đối với nạn nhân đuối nước nên cấp cứu tại chỗ, chỉ đưa đi bệnh viện khi tim đập và đã thở lại bình thường.

Thông thường nạn nhân được cấp cứu tốt có thể sống sau 20- 30 phút hô hấp nhân tạo và day bóp tim. Không nên dừng hô hấp nhân tạo và day bóp tim trước 30 phút. Nạn nhân đuối nước thường bị hôn mê sâu, thời gian bị hôn mê có thể kéo dài từ 30 phút đến trên 10 giờ, cá biệt hôn mê ngoài 20 giờ và những trường hợp như vậy để lại di chứng rất nặng.



Hình 7b: Một người bóp tim kết hợp với một người hô hấp nhân tạo

GIẢNG VIÊN

Hà Nội, ngày tháng năm
TRƯỞNG KHOA

TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU HỌC TẬP

Bài: PHƯƠNG PHÁP CỨU ĐUỐI

Thuộc môn học: **Bơi vũ trang quy định chuẩn đầu ra**
(Dùng cho hệ đào tạo chính quy)

1. Giáo trình chính

- Giáo trình Giáo dục thể chất, Học viện CSND, 2019.
- Giáo trình bơi ứng dụng của lực lượng Cảnh sát vũ trang năm 2017

2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình bơi thể thao - Trường Đại học TDTT Bắc Ninh - Nxb Thể dục thể thao - 2015.
- Hỏi đáp về luật thi đấu các môn thể thao - Học viện CSND - 2003
- Những bài tập trong Bơi lội - Học viện CSND - 2010.
- Phương pháp huấn luyện giảng dạy kỹ thuật bơi ếch và bơi trườn sấp - Học viện CSND năm 2011
- Kỹ thuật và phương pháp tập luyện một số môn thể thao tự chọn - Học viện CSND năm 2013.

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẢNG VIÊN

TRƯỞNG KHOA